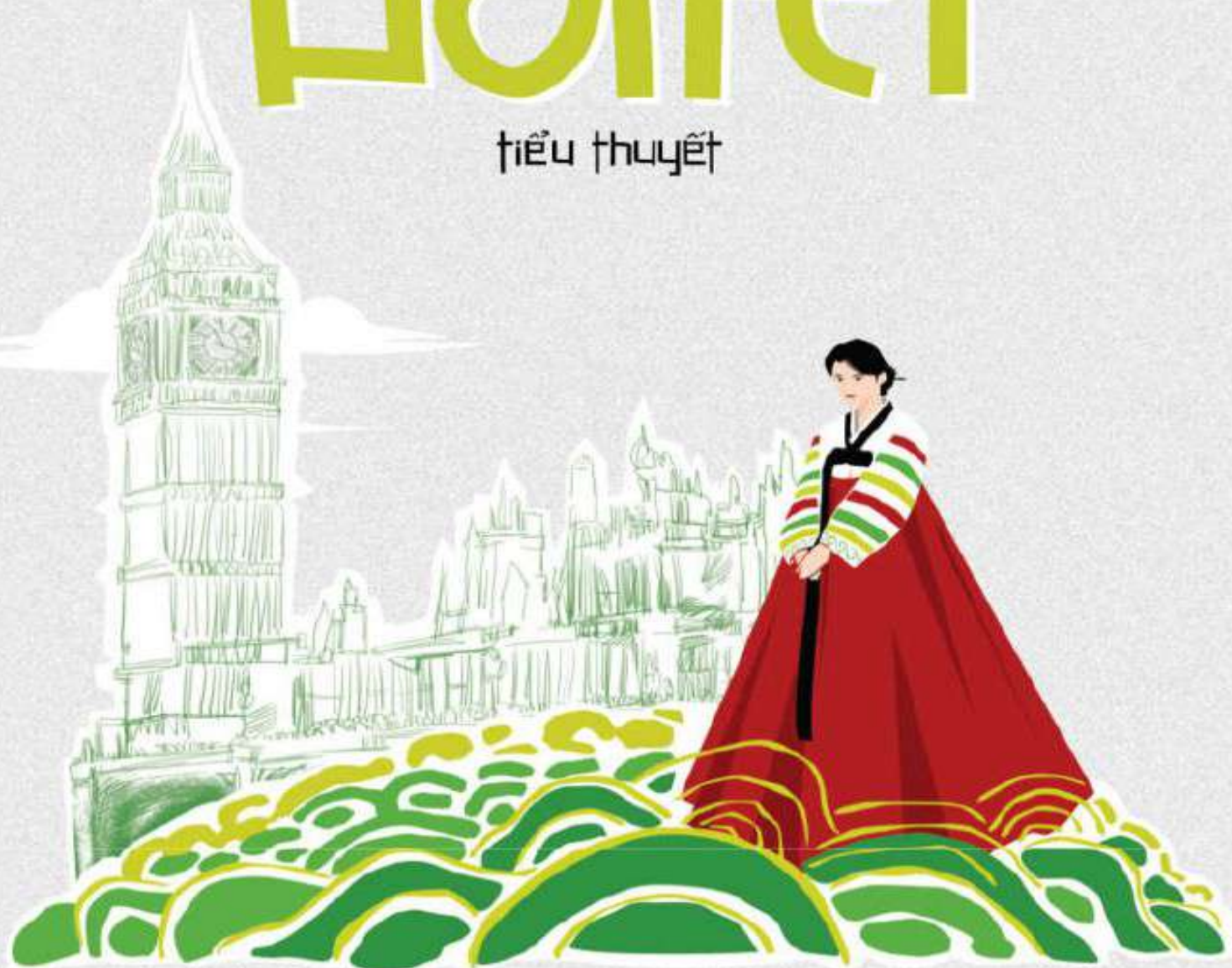


# Công chúa BARI

tiểu thuyết



HWANG SOK-YONG



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

HWANG SOK-YONG

CÔNG CHÚA  
BARI

tiểu thuyết

Đinh Thị Kiều Oanh dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

epub©vctvegroup

07-12-2017

## Vài dòng cùng bạn đọc

“Công chúa Bari” chính là tác phẩm văn học đầu tiên tôi được tiếp xúc khi bước chân sang Hàn Quốc bắt đầu cuộc sống mới của mình.

Ở một nơi không phải là nơi chôn nhau cắt rốn, không gia đình, bạn bè, người thân đồng thời là điểm tựa duy nhất của tôi trong môi trường hoàn toàn xa lạ chính là người chồng bản địa, dùng chung ngôn ngữ nhưng không cùng điểm xuất phát, phong tục tập quán. Nói rộng hơn là không cùng chung nền tảng văn hóa, đó là cả một thử thách vô cùng gian nan. Trong hoàn cảnh ấy, nếu không có lòng can đảm, ý chí tự vươn lên cùng với sự giúp đỡ của chồng, gia đình chồng và người bản địa thì tôi khó lòng vượt qua được.

Thời điểm đó, như một nhân duyên, “Công chúa Bari” đã đến với tôi và tuồng như có một sức hút rất lớn khiến tôi hồi hộp theo dõi hành trình đầy gian nan và đau thương của cô từ Jeong Jin Bắc Hàn tới Trung Quốc, từ Trung Quốc tới nước Anh với một sự đồng cảm sâu sắc. Mỗi miền đất cô neo lại đều được thể hiện rất rõ dưới nét bút tài hoa của nhà văn Hwang Sok-Yong, được miêu tả vô cùng sinh động và phong phú bằng chính trải nghiệm thực tế của tác giả.

Bạn sẽ không thể tưởng tượng được bên cạnh sự phát triển nhảy vọt bằng “Kì tích sông Hàn” của Hàn Quốc những năm 1980, 1990 với những vòng hào quang sáng chói, đem lại cho người dân Hàn Quốc một cuộc sống ấm no viên mãn sánh ngang tầm với những cường quốc, thoát khỏi nỗi ám ảnh của thời kì huynh đệ tương tàn những năm 1950 thì Bắc Hàn - người anh em ruột thịt của Hàn Quốc - lại lâm vào cảnh cháy rừng, lũ lụt và nạn đói triền miên, khiến thân người chất đầy đường và những cái xác trôi sông không còn ai đủ sức vớt lên chôn cất. Số phận người dân trở nên mong manh như

ngọn đèn trước gió, không biết tai họa ập xuống khi nào và không hề có bất kì một sự hỗ trợ, bảo hộ nào.

Lưu lạc sang Trung Quốc, số phận của Bari một lần nữa lại xoay vần với những bất an, nguy hiểm của một cuộc đời lưu vong nơi đất khách quê người. Tuy nhiên nơi đó cũng không thể bảo vệ và che chở cho cô để rồi cô lại phải vượt biển, trải qua một cuộc hành trình kinh hoàng đến bên kia bán cầu và bắt đầu những chuỗi ngày gian nan không dứt.

Tác giả đã mượn tác phẩm thần thoại “Công chúa Bari” với thủ pháp nghệ thuật đan xen giữa hiện thực và hư ảo để thể hiện hiện thực một cách sống động và vô cùng phong phú. Tác phẩm mở ra một chương sử thi mới vượt lên trên tất cả chiến tranh và ranh giới, nhân chủng và tôn giáo, thế giới hiện tại và thế giới tâm linh, văn hóa và hệ thống tư tưởng để mổ xẻ bóng tối của chủ nghĩa tân tự do, để tha thứ, cứu rỗi cho những linh hồn và con người chịu nhiều đau thương, bất hạnh.

Như đã đề cập ở phần đầu, cuốn sách đến với tôi như một nhân duyên, giúp tôi có thêm nhiều can đảm, mạnh mẽ để hòa nhập với đời sống mới, nền văn hóa mới vốn không ít những định kiến, và cái nhìn thiếu thiện cảm dành cho các cô dâu đến từ đất nước khác. Và chồng tôi chính là người đã hỗ trợ tôi một cách đặc lực trong suốt quá trình tôi dịch cuốn sách này. Anh giúp tôi hiểu thêm về văn hóa, cuộc sống của con người Hàn Quốc không chỉ trong đời sống thường ngày mà còn trong cả những trang sách tràn đầy tính nhân văn của tác giả Hwang Sok-Yong.

*ĐINH THỊ KIỀU OANH*

(Cựu Phó chủ tịch Hội người Việt Nam tại Hàn Quốc 2010-2013)

# 1.

Khi gia đình tôi tứ tán khắp nơi, tôi mới chỉ mười hai tuổi.

Hồi nhỏ tôi sống ở Jeong Jin. Chúng tôi sống trong ngôi nhà nằm trên ngọn đồi nhìn xuống biển. Vào mùa xuân, giữa những đám cỏ dại khô trên bãi trống trong làng, từng bụi đỗ quyên bắt đầu đua nhau nở, tuyết vẫn còn núp trong các đám mây trên sườn núi Gwanmo trắng xóa giữa trời và làm cho mặt trời càng rực hơn mỗi sáng và mỗi tối. Từ trên đồi nhìn xuống, mấy con tàu sắt đồ sộ và thô kệch đậu im lìm, tiếng thuyền đánh cá nhỏ phành phạch nổ máy chạy chậm chậm quanh đó. Chim hải âu sải cánh trên những ngọn sóng lấp lánh như vảy cá, hòa trong ánh mặt trời bay ngược về phía ánh sáng. Tôi hoặc đợi bố đi làm về từ văn phòng cảng hoặc đợi mẹ đi chợ về. Lí do để tôi ra tận cuối ngọn đồi và ngồi xõm ở đó nhiều khi là chờ bố mẹ về hoặc chỉ là do tôi thích ngồi ngắm biển vậy thôi.

Gia đình tôi gồm có bà nội, bố, mẹ và trên tôi còn những sáu chị nữa. Chính vì vậy mà mẹ tôi trong mười lăm năm chỉ có mỗi một việc là vác bụng bầu và vừa sinh xong thì lại có thêm em bé nữa. Chị em chúng tôi cách nhau chỉ khoảng một, hai tuổi. Chị lớn và chị thứ hai vẫn còn nhớ như in nỗi sợ hãi của mẹ trong các ngày sinh các em tiếp theo.

Mặc dù vậy, mỗi lần mẹ sinh nở thật may mắn đều có bà nội bên cạnh chăm sóc. Nghe kể thì đến đứa con thứ ba bố vẫn đứng trước cửa phòng hoặc trước sân hút thuốc lá, căng thẳng chờ đợi, nhưng rồi sau này mỗi lần thấy mẹ có dấu hiệu chuyển dạ thì ngày đó bố không về nữa mà ngủ lại văn phòng công ty. Sự phẫn nộ của bố nén lại cho tới khi sinh chị thứ năm, là chị Thực, thì bùng ra. Buổi sáng, ở phòng trong, mẹ và bà đang tắm rửa cho em bé vừa sinh trong cái chậu gỗ thì bố từ văn phòng về. Bố đẩy cửa phòng bước vào. “Đẻ những đứa như thế này nữa thì đẻ làm gì,” vừa nói bố vừa

giật phăng lấy chị Thục và dì xuống chậu nước. Bà nội hốt hoảng vớt ngay đứa bé ra nhưng đứa trẻ sơ sinh đã bị ngạt nước không thể thở được cũng không thể khóc được, chỉ khếch khếch một lúc lâu. Tới chị Hiền thứ sáu thì bố ném bay cái bàn ăn cơm sáng ra ngoài sân để nguôi giận và chị lớn vừa đi từ nhà vệ sinh vào đã hứng trọn bát kim chi chụp lên người. Vậy tới khi mẹ sinh tôi thì không biết bố như thế nào nhỉ? “Tất cả chúng tao dồn hết vào phòng trẻ con và nín thở,” chị lớn Chân kể như vậy. Sau khi nghe thấy tiếng trẻ con khóc, chị Thiện thứ hai đi nghe động tĩnh xong chạy vào mếu máo.

“Hu, hu... tao chẳng biết đâu, lại con gái nữa rồi!” Chị lớn ra lệnh cho cả bọn:

“Từ giờ trở đi không được ho he gì cả, cho đến khi bố về thì không đứa nào được ra ngoài đâu đấy.”

Bà nội đỡ tôi xong gói nguyên cục máu đỏ hỏn như vậy vào tã, không biết phải làm sao cứ ngồi ngây trong bếp, quên cả việc nấu canh rong biển cho mẹ. Còn mẹ thì ngồi khóc lặng đi rồi sau đó cứ thế bế tôi ra khỏi nhà đi tới cánh rừng không có dấu chân người. Nghe nói rằng mẹ ném tôi vào giữa bụi rậm khô trong rừng thông rồi trùm tã lên mặt tôi để cho tôi ngạt mà chết hoặc để gió sớm thổi làm tôi chết cồng.

Bố về, mở cửa phòng, không nói lời nào. Mẹ trùm chăn kín mặt không hó hé còn bà thì ngồi trong bếp thỉnh thoảng lại ho khan. Bố thấy không khí gia đình như vậy thì biết rằng vĩnh viễn không thể nào có con trai được nữa bèn bỏ ra ngoài. Mẹ và bà - người trong bếp, người trong phòng, cứ ở lì như vậy cho tới khi mặt trời lên tới đỉnh. Rồi bà bước vào hỏi:

“Đứa trẻ đâu rồi?”

“Làm sao con biết được, chắc nó tự bò đi đó thôi.”

“Giời ơi, đồ giận đánh thánh vật, sao lại mang vứt con đi hả giận!”

Bà lục lọi tìm bên trong nhà rồi bên ngoài, nhưng vẫn không thể nào tìm thấy tôi. Bà vừa sợ bị trời phạt vừa tội nghiệp con dâu và đứa cháu, bèn múc

một bát nước đầy đặt lên cái bàn thấp, ngồi sau nhà chắp tay thành tâm vái lấy vái để.

“Lạy thần thiên địa, xin đuổi cái họa ra khỏi nhà con, giúp cho con tìm được đứa cháu, giúp cho con dâu con nguôi lòng, giúp cho con trai con nguôi giận, giúp cho nhà con tất cả được yên lành.”

Bà cầu xong lại tìm khắp trong nhà, ngoài ngõ, quanh làng vẫn không thấy đâu, đành quay về ngồi thụp xuống cái chõng thần thờ. Con Trắng thò đầu ra khỏi ổ, chăm chăm nhìn bà. Bà tỉnh ra nhìn lại thì thấy lấp ló trong đó đồng tã quần em bé. Bà nghi ngờ chạy tới, thấy con Trắng nằm ủ tơi giữa hai chân của nó. Tôi nhắm tịt mắt, thở nhẹ nhàng và ngủ ngon lành. Có lẽ con Trắng đã lò dò đi theo mẹ tôi một khoảng cách xa, ngửi mùi, lượn đi lượn lại quanh đó rồi mới tha tôi về nhà.

“Trời ơi, con Trắng nhà ta giỏi quá. Con bé này chắc chắn là con trời cho chứ chẳng sai.”

Có lẽ vì vậy mà từ nhỏ thân nhất với tôi là bà nội và con Trắng. Gọi là con Trắng vì nó là loại chó Pungsan lông màu trắng. Nhưng tôi từ lúc được sinh ra làm người cho tới quá ba tháng mười ngày cũng chẳng có lấy một cái tên bởi chẳng ai có ý nghĩ là phải đặt cho tôi một cái tên cả. Cho đến sau này khi cả gia đình li tán mỗi người mỗi ngả, sau khi vượt qua sông Duman để tới sống trong một cái lều nhỏ, bà nội mới kể cho tôi nghe chuyện nàng công chúa Bari mà bà được nghe cụ nội kể hồi xa xưa. Bà kể xong thì nói như hát với tôi như thế này:

“Ném đi nào, ném đi, bỏ đi nào, bỏ đi. Vậy nên tên cháu mới là Bari.”

Dẫu sao thì tôi cũng chẳng có tên cho tới khi bà lôi chuyện này ra nói bên mâm cơm. Bọn trẻ con cùng mẹ ngồi ăn bên cái bàn tròn còn bà nội và bố thì ăn bên cái bàn vuông. Bà đột nhiên nói với bố:

“Đứa nhỏ cho tới giờ vẫn chưa có tên, vậy anh tính sao?”

Bố từ từ đưa mắt sang cái bàn tròn bên cạnh, lướt nhìn chúng tôi đang ngồi lổn ngổn bên mâm cơm, nhắm nhắm trả lời:



“Người ta nói ngay cả trẻ sinh đôi cũng có tên đến đứa thứ sáu... nhưng con đẻ thừa lại thiếu chữ nên chẳng biết làm thế nào cả<sup>[2]</sup>.”

“Anh đã học lên tới đại học, tiếng Nga tiếng Tàu anh đều biết, vậy mà có mỗi cái tên cho con gái cũng không đặt được là sao?”

Nói tới con sinh đôi, lúc đó nhà nước vẫn còn khả năng chăm lo nên dù ở thành phố hay nông thôn nếu ai sinh đôi thì phóng viên báo và truyền hình kéo đến tận nơi để viết bài đăng báo và đưa tin lên truyền hình buổi tối. Cũng nhờ phúc lợi của nhà nước tốt mà nhà trẻ nuôi con giùm cho, lại còn cấp phát sữa bột đầy đủ, cho cả quần áo và đồ chơi, nhờ có Chủ tịch mà bọn trẻ được nhận cả đồng quà cao như núi. Sinh tư tới bốn đứa con gái thì sẽ được đặt tên là Mai, Lan, Trúc, Cúc. Còn sinh tới năm hoặc sáu đứa con gái thì chắc rằng vẫn sẽ có những cái tên đẹp. Bố có vẻ chỉ chấp nhận được tới đứa con gái thứ sáu, chính vì vậy mà tên của chị em gái chúng tôi cho tới trước tôi được đặt là Chân, Thiện, Mĩ, Trinh, Thục và kết thúc bằng Hiền. Cho tới khi tôi sinh ra lại là con gái nữa thì có lẽ thấy đã quá sức chịu đựng nên bố tôi mới nghĩ rằng những cái tên đầy nữ tính được đặt cho các chị của tôi đều biến thành những chữ vô nghĩa. Bố không nói thêm lời nào nữa và đi làm, bà thấy nhân tiện đảng nào cũng lôi chuyện ra để nói rồi nên quay sang nói với mẹ về cái tên của tôi.

“Mẹ nó này, dẫu sao cũng phải đặt tên cho nó chứ.”

“Con nghĩ rằng vừa có lỗi lại vừa buồn nên cứ đặt tên cho nó là lỗi hay buồn cũng được.”

“Những cái tên đó hình như tôi cũng đã nghe qua ở đâu đó rồi, mà xem nào, chị đã đem nó vứt ra ngoài rừng kia, đúng không?”

Rồi sau đó bà đặt cho tôi cái tên là “Bari”. Mãi cho tới sau này khi đã đi khắp cùng trời cuối đất, trải qua biết bao nhiêu cực nhọc đón đau tôi mới hiểu được cái ý nghĩa của việc bà gọi tôi là Bari.

Bố tôi sống với bà nội. Ông nội thì chết trong chiến tranh trước khi tôi ra đời từ rất lâu. Theo bà tôi nói, chồng bà khi đó là một anh hùng thời chiến

và bà còn kể cả chuyện ông đã được lên đài Trung ương. Ở một thành phố biển xa xôi nào đó, ông đã một mình đẩy lùi quân thù với đoàn xe tăng đang rùng rùng kéo đến. Bà mỗi lần dọn dẹp mâm cơm tối xong hay những lúc trải chiếu ngồi trước hiên nhà mỗi đêm hè, vừa ngắm sao đêm vừa nói về chuyện ấy thì bố nghe chưa hết chuyện đã cắt ngang khiến cho ánh hào quang anh hùng của ông tắt lịm.

“Hơ hơ, mẹ đừng có mà vẽ, nói gì mà giống như phim Liên Xô vậy.”

“Anh nói giống cái gì?”

“Giống như cái phim được chiếu ở ủy ban cho mọi người xem ấy, chắc là mẹ lại lẫn chuyện ấy với chuyện của bố.”

Nội dung phim ấy như thế này. Một anh lính mới ngủ gật giữa lúc đứng canh trong một khu nhà đổ nát của thành phố. Đại đội của anh ta lùi lại phía sau, bỏ anh ta đang gà gật trong lúc trời chạng vạng tối. Quân thù tưởng rằng đối phương đã rút hết quân khỏi đô thị đã bị phá tan hoang nên thừa thắng xông lên. Anh lính tỉnh ngủ trong tiếng bánh xe tăng nghiêng ầm ỹ. Anh nhìn thấy đám lính đen thùi lùi, xe tăng và xe tải bật đèn ngay trước phía đường lớn. Anh lính hoảng sợ giương súng liên thanh lên, không biết làm sao, cứ thế nã liên hồi. Tiếng huyền náo ngừng hẳn và không gian trở nên lặng phắc. Đoàn lính thù ngừng bước trong giây lát rồi đổi hướng, bắt đầu lùi bước. Chúng tưởng rằng có quân mai phục trong bóng tối. Anh lính khi đó mới bò dưới ống đổ nát vội vã chạy đi trong đêm. Anh chạy mãi cho tới lúc rạng đông thì về đến doanh trại. Anh được tiểu đội trưởng, trung đội trưởng rồi cả tướng lĩnh gọi tới khen ngợi rồi sau đó còn nhận được cả huân chương. Anh trở thành anh hùng một mình đánh đuổi quân địch và được về phép đặc biệt.

Dẫu sao, theo như lời bố tôi nói, thì có lẽ ông tôi là liệt sĩ trong trận chiến miền Đông. Bà nội tôi được gọi tới Ủy ban nhân dân nhận thông báo rằng ông đã tử trận và nhận đồ an ủi, còn bố tôi khi tới trường đã được giáo viên chủ nhiệm gọi lên bục giảng và yêu cầu học sinh bên dưới đứng lên thực hiện nghi thức mặc niệm. Bà tôi thì biết chính xác ngày ông mất và lấy ngày

đó làm ngày giỗ. Không biết là từ khi nào bà của chúng tôi đoán biết được chuyện xảy đến trong tương lai qua giấc mơ.

Vào lúc nửa đêm, bà nghe thấy tiếng ho quen thuộc của ông liền mở cửa phòng ra. Ánh trăng rọi xuống khu vườn sáng trắng còn ông thì đứng giữa vườn với bộ quân phục lính rách bươm. Khi bà hỏi “Ông đi từ đâu về đây?”, ông đáp, “Tôi đi qua Mukho, Gangnung, vượt qua hai mươi cái núi mới về được đến đây.”. “Ông đeo cái túi gì bên cạnh sườn vậy, thôi cứ để nó ở đầu hè ấy rồi vào trong nhà để tôi dọn cơm lên.”. “Tôi phải đi xa lắm.”. Ông nói, không hề cởi giày ra mà cứ đứng nguyên như thế. Bà thấy vậy liền tháo cái túi vải của ông ra để xuống thì thấy ông từ từ biến mất chỉ còn lại cái sân trống không. Bà giật mình tỉnh dậy sờ quanh thì đụng phải cái gì đó dưới đầu. Bà thắp đèn lên quan sát, thấy cánh cửa tủ bị mở ra và quần áo bị rơi vãi ra ngoài. Đó chính là bộ quần áo bông và cái áo gi-lê dệt bằng lông thỏ ông để lại khi đi bộ đội. Đêm đó bà vội vã sắp chai rượu, cá khô và ít hoa quả làm lễ cúng ông giống như một lễ cúng tổ tiên đơn giản rồi mang quần áo của ông đi đốt.

Ngày thường thỉnh thoảng bà cũng tận mắt nhìn thấy ma, nghe thấy cả tiếng bọn chúng trêu chọc, đùa cợt và nói chuyện với nhau. Hồi bố tôi còn bé, vào sáng sớm bà còn múc nước ở cái giếng sau nhà để mang lên cúng thần thiên địa. Sau khi nhà nước cấm không cho làm chuyện đó nữa, bà không cúng bên ngoài mà ngồi xõm giữa ngăn bếp chấp hai tay lại, thành tâm khẩn vái. Bố mẹ tôi mới đầu còn ngăn bà rồi cũng chỉ vì cái việc cúng bái ấy mà hai người cãi cọ nhau.

“Sao cô không ngăn mẹ làm cái việc mê tín ấy đi hử?”

“Ồi giời, tôi ngăn mà mẹ chịu nghe à, mẹ cứ nói là nhìn thấy ma quỷ nghe đã thấy sợ rồi, giờ đây tôi cũng chẳng dám nói nữa. Mà này... có phải là di truyền của nhà anh không đấy?”

“Cô nói sao, di truyền cái gì?”

“Từ thời bà cụ cố nhà anh đã chẳng làm trò lên đồng ở Hamhung đấy thôi.”

“Cái cô này ăn nói hay nhỉ, chết mất thôi! Cô đừng ra ngoài mà điêu toa mấy chuyện linh tinh ấy đấy nhé.”

“Cả làng anh đều biết bà cố nội anh trước giải phóng là bà đồng nổi tiếng còn gì?”

“A... cô có im đi không? Nhà tôi xuất thân từ bần nông, là thành phần cơ bản đấy, cô hiểu không?”

Theo lời bà tôi nói thì bố tôi từ hồi cấp một đã học rất giỏi. Ngay trước chiến tranh khi quân Trung Quốc đóng trên phố, không biết bố tôi học lỏm tiếng Trung từ lúc nào mà đã cùng với người lớn đi tới doanh trại để giải quyết việc dân sự. Chính vì vậy mà bố tôi đã tốt nghiệp xuất sắc cấp ba và còn nhận được cả giấy giới thiệu vào nhập học đại học Bình Nhưỡng.

Việc bố mẹ tôi kết hôn với nhau chính là nhờ cái tính hay sốt ruột của bà tôi. Năm đầu tiên khi bố tôi vào đại học, sau khi kết thúc chiến dịch tình nguyện hè, bố dành một tuần để về quê. Vừa về tới nơi thì thấy một cô gái không quen đang đợi.

“Mẹ ơi, cho con bát nước uống nào.”

Vừa nói xong thì cô bé tóc ngắn, thâm thấp ấy hai tay bưng bát nước bước ra khỏi bếp.

“Cô là ai thế?”

Bố tôi quên cả uống nước cứ thế ngậy ra nhìn rồi hỏi như vậy khiến bà tôi phải trả lời thay.

“Là vợ anh chứ ai nào.”

Bố tôi sững sốt không biết làm sao, cứ thế chạy ra ga và tót lên tàu chạy trở lại Bình Nhưỡng. Khoảng hơn một tháng sau nghe báo có phòng giáo vụ gọi, bố tôi chạy lên thì thấy giáo viên chủ nhiệm, phụ trách bộ môn hướng dẫn sinh hoạt với bộ mặt đỏ gay hất hàm ra hiệu cho bố tôi ngồi xuống.

“Tôi đâu có đánh giá anh nhưng mới chân ướt chân ráo là sinh viên đã ôm đồm vợ con... chuyện này cũng có thể thông cảm được là do mẹ anh mong

có cháu nội nên mới thế, nhưng anh hãy cho tôi biết tại sao anh lại bỏ vợ mà đi như vậy?” Bố tôi đờ họng và bắt đầu luống cuống:

“Thưa thầy, không phải như vậy. Khi em vừa về tới nhà thì đột nhiên mẹ em nói đó là vợ em nên em mới quay trở lại trường...”

Cửa phòng hé mở, bà tôi chỉ thò mỗi cái đầu vào và nói:

“Này, chúng tôi tới rồi. Vào đi con.”

Bà tôi bước vào trong, đằng sau là cô gái tóc ngắn cúi gằm mặt bước vào theo, không nói gì mà cúi chào giáo viên chủ nhiệm rất cung kính. Bố tôi mặt đỏ lựng đứng im không biết ăn nói ra sao. Thầy chủ nhiệm bảo:

“Không cần phải nói nhiều. Đằng nào cũng thế, anh mua vé tàu và đưa mẹ về quê đi. Giờ anh đã lấy vợ rồi, đêm tân hôn thì phải về nhà.”

“Không, em còn phải học xong đã chứ...”

“Đã biết vậy rồi thì còn lấy vợ vào làm gì. Đi nhanh lên. Nếu anh cứ cưỡng lời là tôi báo cho các bạn đồng môn khác đấy nhé. Việc này mà đưa lên giám hiệu anh sẽ bị liệt vào thành phần xấu và bị đuổi học đấy.”

Đến nước ấy thì bố đành phải buông xuôi và bị kéo về quê. Đi trên tàu, bà tôi hăm dọa:

“Giờ thì không thể thay đổi được gì nữa đâu. Nếu anh cứ nhất định không nghe lời tôi thì anh đường anh, tôi đường tôi. Chuyện này tất cả đều là nhân duyên mà thần thánh mang lại cho đấy.”

Không biết là bà kiếm đâu ra cái yếm công trẻ con dài buộc chân bố tôi đang ngồi trên ghế tàu rồi thắt nút đầu kia lại và gí vào gót chân mẹ.

“Nâng chân lên để luồn vào.”

Khi đó mẹ tôi mới cởi giày cao su rồi kéo cao tất lên và nói:

“Mẹ buộc cho chặt vào.”

Bố quay đầu định nhìn xem hai người phụ nữ đang giở trò gì thì mẹ khi đó mới đưa mắt nhìn bố và lè lưỡi trêu người. Cách đây không lâu khi cãi

nhau với mẹ và cái chuyện cũ ấy được lôi ra thì bố lại bùng lên: “Lúc đó đáng lẽ tôi phải bẻ gãy cái chân của cô đi thì mới thay đổi được cuộc đời mình”. Bà tôi cầm cái đầu yếm đã buộc chân hai người, cuộn mấy vòng quanh cổ tay, khi đó mới yên tâm thở phào nhẹ nhõm. Khi chúng tôi hỏi tại sao lại muốn mẹ tôi là con dâu như vậy, bà liền kể chuyện giấc mơ và kể tới mấy lần chuyện đã tới nhà ngoại để tìm mẹ tôi.

“Một lần bà nằm mơ thấy một cô gái từ trên trời rơi xuống mái nhà mình và lăn xuống sân. Bà thấy vậy mới nói ‘Này, này nếu là ma quỷ thì hãy biến đi còn là người thì hãy bước ra ngoài’. Bà vừa nói xong thì cô ấy nói rằng là con gái con của ngọc hoàng thượng đế, trong lúc chăm sóc vườn hoa do tưới nhầm nước mà hoa rụng hết nên bị đày xuống hạ giới. Nhìn ra bên ngoài thấy đúng là có bảy bông hoa rơi ở đó, nàng tiên nữ nhặt từng bông lên và đưa cho bà, bà định đón lấy nhưng cô bèn mở cổng và chạy giật lùi ra ngoài, thấy cô ta chạy, bà bèn đuổi theo. Chạy mãi, chạy mãi tới hàng rào cây lúa miến của nhà nào đó thì bà tỉnh dậy. Thấy giấc mơ lạ quá, bà bèn mở cửa ra ngoài thì nhận ra con đường trong mơ chính là con đường đi tới làng bên cạnh. Bà đi trên con đường theo đúng như trong mơ đã đi. Khi tới trước nhà có hàng rào cây lúa miến, bà đã thấy lạ rồi. Lúc bước vào trong bắt gặp một cô gái đang hát. Cô ấy vừa hát vừa lau đồng chum vại đựng tương cho tới khi chúng sáng bóng lên. Nhìn từ đằng sau, cặp mộng của cô ấy, mặc dù bà không phải là đàn ông nhưng cũng thấy hấp dẫn, giống như một bông hoa mẫu đơn vậy. Bà nói ‘Đi về nhà tôi sống cùng đi’. Thế rồi bà vào gặp bố mẹ cô ấy, nói chuyện cả về con trai bà nữa.”

Bà tôi có khả năng đặc biệt, cả nhà tôi ai cũng biết chỉ có bố tôi là không công nhận. Nhưng mỗi cuối năm vào lễ tảo mộ hay mơ thấy giấc mơ bất an nào đó bố lại đánh tiếng để bà xem đó là giấc mơ tốt hay xấu.

“E hèm... tự nhiên cái vại nước lại vỡ ra làm đôi và bên trong đó có một con cá trê to bằng bắp tay trườn ra.”

Nghe bố lẩm bẩm một mình như vậy, bà không những không giải giấc mơ mà còn đánh trống lảng.

“Có con cá ấy mà nấu lẩu cay thì cả nhà ta có một bữa ra trò đấy.”

Mẹ sinh em bé xong sau mấy tháng chờ cho lại người và bận bịu với việc chăm sóc em bé rồi lại mang bầu ai đó trong số chị em chúng tôi nên không thể đi làm như các bà khác trong xóm. Sau khi sinh chị Mĩ thứ ba, bố mẹ dường như cũng giữ nên cho tới khi sinh chị Trinh thứ tư thì mấy chị em cách nhau ba năm một và mẹ tôi lần đầu tiên mới ra khỏi nhà để đi làm. Nghe nói thời kì phục hồi hậu chiến mẹ đã từng giúp việc và làm đồ ăn trong nhiều nông trường tập trung của huyện, thành phố nhưng lại được phân làm trong khu nghỉ dưỡng và học kỹ thuật cắt tóc nam. Sau sáu tháng mẹ lại phục vụ từ thiện tại bộ phận cắt tóc nam trong khu nhà tắm công cộng thành phố. Do mong muốn cháy bỏng của bố và bà nội về cậu con quý tử nên kể cả thời gian học việc thì mẹ đi làm được đúng một năm lại phải nghỉ làm. Sau sự việc bố ném chị Thục thứ năm vào chậu nước, mẹ hoàn toàn dẹp bỏ suy nghĩ muốn thay đổi cuộc sống của mình. Mọi người nói do mắc bệnh sởi mà chị Thục thành ra như vậy, nhưng cả bà và mẹ mãi sau này vẫn cứ oán trách bố đã quăng chị ấy vào trong nước khi chị vừa mới chào đời. Cho tới khi chị Thục hơn ba tuổi, ai cũng nghĩ là chị chậm nói nhưng thật ra chị đã bị điếc từ trước đó rồi. Bà cũng kể cho tôi nghe chuyện tôi vừa mới được sinh ra đã bị mang vút đi.

Tôi bắt đầu tới lớp mẫu giáo trong phường khi được khoảng năm tuổi. Hoa đỗ quỳên nở đỏ rực trên đồi, các chị tôi hái đầy giỏ rau nengi mang về, đó là thời kì đầu xuân. Tôi đang ngồi trên hiên sưởi ấm thì đột nhiên con Trắng đâm thẳng ra giữa sân chạy về phía cổng sủa lên inh ỏi. Tai con Trắng căng hết ra đằng sau, răng nhe ra và sủa rất dữ tợn. Tôi ra phía cổng mở cánh cửa gỗ xem ai tới thì thấy một đứa con gái lớn hơn tôi một chút đứng ở đó. Đứa con gái mặc bộ váy áo bằng vải thô trắng. Tôi cứ tưởng là bạn của chị Hiền tới chơi liền nói “Chị Hiền không có nhà”, nhưng đứa con gái không nói gì cứ thế chăm chú đứng nhìn tôi. Con Trắng vẫn sủa dữ dội đằng sau tôi nhưng khuôn mặt đứa con gái không hề tỏ ra sợ hãi. Hình như đứa con gái nói “không phải nhà này”. Vừa nói xong thì nó quay đầu chạy mất. Tôi cũng không phân biệt được rằng đứa con gái chạy đi hay là biến mất

nữa. Tôi liền chạy ra ngoài xem đứa con gái biến đi đằng nào thì thấy mình đã ở tận phía đằng xa nơi có con đường rộng, rất nhiều nhà có hình dáng và kích thước giống căn nhà tôi đang ở. Đứa con gái lúc lắc cái đuôi tóc buộc đằng sau tiến đến trước ngôi nhà làm bằng gỗ cây mơ, quay lại nhìn tôi chăm chăm rồi mất hút sau cổng. Lí do mà tôi nhớ rõ đuôi tóc của con bé đó là vì cái nơ kẹp tóc màu đỏ của nó cứ lúc lắc đằng sau lưng. Tối hôm đó khi cả nhà ngồi ăn cơm, mẹ tôi nói:

“Đứa cháu của trường phố mới chết, chắc phải mang tiền tới phúng.”

“Sao? Làm sao mà chết?”

Bố hỏi như vậy mẹ chưa kịp trả lời, bà tôi đã lẩm bẩm:

“Cái số của nó là vậy mà.”

“Hay là do dịch thương hàn đang lây lan nhỉ?”

Tôi nghĩ tới sự việc nhìn thấy lúc chiều bèn túm lấy gấu váy bà.

“Bà ơi, bà...”

“Ừ, ừ, ăn cơm đi cháu.”

“Lúc chiều cháu nhìn thấy một đứa con gái, mới đầu nó ghé qua nhà mình rồi đi, sau đó thì mất hút vào cái nhà làm bằng gỗ cây mơ.”

Mọi người nghe rồi chẳng ai để ý tới, đến lúc ăn cơm xong bà mới kéo tôi ra hè ngồi và từ từ hỏi:

“Cháu nói nhìn thấy ai?”

“Một đứa con gái mặc áo trắng tới nhà mình. Con Trắng sữa dữ lắm và định cắn nữa. Con nhỏ đó nhìn cháu rồi nói ‘không phải nhà này’ và bỏ đi. Cháu chạy theo xem nó đi đâu thì thấy nó chạy biến vào cái nhà làm bằng gỗ cây mơ.”

“Cháu có nhìn vào mắt nó không?”

“Ừm... trước khi vào nó nhìn cháu một lần.” Bà gật gật đầu rồi xoa đầu tôi.



“Sẽ không có chuyện gì xảy ra đâu, đâu có dễ mà đụng vào cháu của bà chứ. Nào, cháu làm theo đúng như cách bà chỉ nhé. Nhổ ba bãi nước bọt xuống đất và lấy chân trái đi đi lên đó ba lần.”

Sau ngày hôm đó tôi bị ốm, mới chỉ qua một đêm mà người tôi trở nên nóng bỏng và bắt đầu nói mê. Bố cũng tôi tới bệnh viện khu đường cảng. Người già và trẻ con sống gần khu đó nằm xếp hàng dài trên các giường bệnh. Tôi không nhớ là mình đã nằm ở đó mấy ngày, chỉ nhớ đứa con gái đó ngồi vắt vẻo trên thành cửa sổ khung chéo phía trên đầu tôi. Tôi chăm chú nhìn lên nó, không hề sợ hãi.

Khi tôi về nhà, phòng trẻ con được dọn đi chỉ có tôi ngủ cùng bà trong đó. Ngoài bà nội ra không có ai trong nhà dám tới gần tôi. Ban ngày hết sốt, nhưng đến ban đêm người tôi lại nóng rùng rục. Toàn thân nổi lên những nốt giống như hạt gạo sau đó dần dần lặn xuống. Bà lặng lẽ hỏi tôi:

“Cháu có nhìn thấy con nhỏ ấy nữa không?”

“Không ạ, chỉ nhìn thấy ở bệnh viện thôi. Mà bà ơi, đứa con gái ấy là ai thế?”

“À, à, nó là loại ma chết tiệt ấy mà, cháu sẽ không việc gì đâu. Đã có các thần che chở cho cháu rồi.”

Tôi không nhớ là đã mấy ngày mấy đêm trôi qua, nhưng ngày cũng như đêm tôi ngủ rồi lại thức và nhớ rất rõ những giấc mơ.

Tôi vào một nơi giống như cái chùa cổ. Bức tường đá đổ nát, những mảnh ngói vỡ rơi xuống từ trên mái đã hỏng mất một nửa, nằm chỏng chơ, vương vãi khắp khu vườn mọc đầy cỏ dại và ngải cứu. Tôi không bước vào trong khu tối tăm đó mà chỉ đứng bên cạnh cái cột đổ nghiêng và nhìn vào bên trong. Có cái gì đó di chuyển. Chiếc nơ đỏ uốn éo nhảy từ bên trong chùa nhảy ra. Tôi cứ thế quay đầu bỏ chạy còn chiếc nơ đỏ thì dựng thẳng lên và nhảy chồm chồm đuổi theo tôi. Qua các lùm cây, qua con suối, qua cánh đồng cho đến lúc vào tới làng, chiếc nơ đỏ vẫn cứ uốn éo nhảy và đuổi theo tôi. Khi đó, ở con đường phía trước mặt, bà tôi khác với mọi ngày mặc áo

vải trắng kiểu Chosun tóc búi lên và cài trâm đứng chắn cho tôi, miệng thét lên:

“Con kia!”

Chiếc nơ đỏ rơi phịch xuống đất và biến mất.

Tôi hét lên và mở choàng mắt. Cả mặt và toàn thân mồ hôi ướt đẫm như dầm mưa. Bà nằm bên cạnh lấy cái khăn vải lau cổ và mặt cho tôi rồi nói:

“Chỉ cần cố chịu một tí nữa thôi là khỏi hẳn cháu ạ.”

Hết sốt đợt này lại đến đợt khác, nên cả khi mở mắt người tôi cứ nhào ra. Cảm giác tay chân dài ngoẵng ra trùm lên khắp nền và tường nhà. Nếu không như vậy thì bắt đầu co lại nhỏ như gi mũi được lôi ra khỏi hai lỗ mũi, nhỏ hơn hạt đậu, trở nên mềm oặt và nổ tung. Sàn nhà nơi tôi đang nằm dường như cũng rơi tuột vào lòng đất sâu. Tôi nhìn thấy rất nhiều khuôn mặt nằm trên các hình thù của giấy dán tường, chúng mở miệng cười hi hi hô hô hoặc ồn ào gọi chuyện.

Tôi bị cảm thương hàn mà vẫn sống sót, song cho tới khi tôi đến trường mấy năm sau đó, tôi dường như vẫn chưa hoàn hồn. Nhưng sau khi ốm dậy, tôi nghe được cả những thứ tiếng mà trước đây tôi không nghe thấy, nhìn thấy cả những thứ mà trước đây tôi không thấy được. Ngay cả việc tôi nói chuyện được với chị Thục bị câm cũng là vào thời điểm đó. Chị Trinh thứ tư và chị Thục thứ năm cách nhau có một tuổi, chị Thục lại bị câm điếc nữa nên cả hai lúc nào cũng chí chóc. Tôi không coi chị Hiền - chị kế tôi - là chị nên chị Hiền nanh nọc với tôi cũng là chuyện đương nhiên. Ba chị Chân, Thiện, Mĩ vừa hơn chúng tôi nhiều tuổi và cũng đều cao vống lên. Ngay cả chị Mĩ thứ ba cũng đã hơn chị Trinh thứ tư tới ba tuổi rồi. Trong nhà có tôi và chị Hiền bị coi là trẻ con còn chị Trinh và chị Thục thì đúng là ở vị trí thật khó nói. Chính vì vậy mỗi lần người lớn muốn sai vặt là lại nhớ tới các chị ấy. Tuy nhiên chị Trinh mới là khổ bởi chị Thục bị câm điếc nên không phải lúc nào cũng sai chị ấy được. Chẳng hạn khi sai đi xuống cửa hàng rau dưới chân đồi mua đậu phụ và bó hành thì kiểu gì chị Trinh cũng tru cái miệng ra và nhìn chị Thục bằng cái nhìn dữ tợn.

“Chỉ tại cái con kia mà mỗi lần có việc gì lại đến lượt tao.”

Chị Thục do không nói được nên tính cách cũng trở nên nóng nảy. Đang chơi rất vui vẻ với nhau, nhưng nếu lên cơn giận thì chả coi chị coi em ra cái gì cứ thế xông vào mà giật tóc hoặc đạp chân lên bụng người đó là chuyện thường. Bố mẹ tôi vì thế cũng cố gắng đối xử một cách công bằng giữa chị Trinh và chị Thục. Khi mua quần áo cũng mua cùng màu cùng kiểu, ngay cả khi mua bút chì cũng mua cho mỗi chị ba cái giống nhau. Vào một buổi sáng, khi các chị theo thứ tự đi vệ sinh, rửa mặt, chải đầu Ồn ã chuẩn bị tới trường thì chị Thục bắt đầu hét lên. Chị ấy hét tới đỏ gay hết cả mặt mũi nhưng vì không nói được nên không hiểu được chị ấy nói gì. Khi chị giơ một vật lên và lắc lắc mọi người mới thấy đó là một chiếc giày thể thao đã bị cháy. Có lẽ do nó được giặt và phơi trên kệ bếp cho khô nhưng chẳng may lại bị rơi vào bếp. Giày của chị Trinh và chị Thục tất nhiên là hai đôi màu xanh giống nhau. Chị Trinh nhanh ý liền tìm ngay đôi giày nguyên vẹn đi vào và để lại chiếc giày bị cháy xém. Chị Thục bèn quăng chiếc giày bị cháy đi và lao vào ôm lấy lưng chị Trinh vật ngửa xuống rồi lột giày ở chân chị Trinh ra. Theo ý chị, đó là giày của chị ấy. Chị Trinh cũng không chịu thua bèn cắn vào tay chị Thục. Tiếng thét và tiếng khóc văng cả xóm. Bố đang chuẩn bị đi làm thấy vậy thì cơn giận dữ bùng lên, bắt hai chị đứng tại hè và đánh vào bảp chân cả hai chị.

“Chì vì mấy con ranh này mà không ngày nào được yên ổn cả.”

Cả nhà, ngay từ buổi sáng đã ủ ê mếu máo nhìn hai đứa con gái bị đánh. Nhưng lúc đó tai tôi rõ ràng nghe thấy tiếng chị Thục nói “Cái đó là đúng là giày của con Trinh rồi, nó để ngay trên kệ bếp. Còn giày của con thì để bên dưới cửa cơ. Con mèo hàng xóm sang ăn vụng cá đã làm cho nó rơi vào bếp. Đêm qua con đã nhìn thấy nó chạy qua”. Tôi tỉnh bơ lặp lại đúng tất cả những gì mình nghe được. Bố ngừng phất tay lại còn bà thì lần tìm bên trên cái chạn cạnh bếp.

“Con cá khô tao phơi định nấu canh đầu mất rồi?” Mẹ thở phào và giật lấy cái roi trong tay bố.

“Anh đi đi, tất cả là tại con mèo.”

Bố lẩm bẩm: “Chỉ toàn là mấy con vịt giời, ồn ào không làm sao sống được”, rồi vợ đóng tài liệu bỏ đi làm. Bà đỡ dành chị Trinh và chị Thục:

“Để bà bảo bố ra cửa hàng mua giày mới, thôi đi học nhanh lên.”

Các chị đi hết, ở nhà chỉ còn mình tôi, lúc đó mẹ mới hỏi:

“Đúng là lạ thật, con bé này sao lại biết được cả ý nghĩ của người câm nhỉ?”

“Tôi đã chẳng nói rồi còn gì, Bari nó được di truyền đấy.”

Mẹ ghét cay ghét đắng cái kiểu nói của bà.

“Mẹ đừng nói những chuyện ấy trước mặt bố mấy đứa đấy nhé.”

## 2.

Hình như đó là năm tôi đến trường. Khi ấy con Trắng theo như lời bà nói, nếu tính theo tuổi người phải là hơn sáu mươi rồi mà vẫn đi tư với một con chó đực nào đó và có chữa. Người lớn thì không khỏi trề môi chê bai “đúng là động đực”, nhưng con Trắng vẫn thản nhiên vác cái bụng và rung rung vú đi đi lại lại trong sân. Và trong một đêm đông mịt mù nó đã đẻ con. Chúng tôi nằm thành hàng trong chăn nghe thấy tiếng mẹ và bà nói qua nói lại.

“Được mấy con thế?”

“Một, hai, ba, bốn... ôi, chắc phải tới bảy con đấy ạ.”

“Đúng là ở đời có nhiều chuyện lạ, gỗ mộc còn nở được hoa, thành bà già rồi mà còn đẻ được tới bảy con cơ à!”

Trước khi mẹ gấp chăn, vỗ vỗ vào má giục già gọi dậy chuẩn bị đi học, chúng tôi đồng loạt bật dậy giống như đã hẹn trước vậy. Đứa thì mau chóng mặc cho xong quần áo, đứa khác vẫn mặc nguyên đồ ngủ thoãn thoắt chạy ra sân. Chúng tôi tranh nhau thò đầu trước vào cái ổ chó nhỏ như cái tổ cá tuế trên ao. Con Trắng, vốn mọi ngày rất hiền lành, vội thò đầu và nhe răng ra sủa. Mẹ nhắc chúng tôi:

“Cẩn thận kéo nó cắn, nó sợ con nó bị hại nên mới vậy đó.”

Chỉ đến khi các chị gái lùi hết ra đằng sau tôi mới có kẽ để len vào bên trong và ngồi xồm trước ổ chó. Tôi không nói gì mà chỉ nghĩ trong đầu.

“Tao là thứ bảy Bari đây. Tao muốn nhìn các em tao thôi. Đừng lo gì cả.”

Con Trắng mệt nhọc đứng lên và đi ra khỏi ổ. Trong cái ổ, mấy con chó con chỉ bé bằng nắm tay tôi đang nhắm tịt mắt, nằm cuộn lấy nhau trên mấy

cái nệm rơm. Tôi cho tay vào trong đám chó con, kéo một con ra và ôm nó trong ngực mình.

Tôi cảm nhận được nhịp tim đập nhịp nhàng của con chó nhỏ dưới lòng tay mình. Tôi lại nghĩ trong đầu “Mày cũng là con thứ bảy giống tao đây”. Tôi chăm chú vào con chó nhỏ, tưởng không có ai ở nhà nhưng khi quay ra thì thấy bà, mẹ và cả các chị tôi vây quanh im lặng nhìn tôi và con chó con. Bố từ trên hè đi ra cũng ngậy ra nhìn rồi nói lấy.

“Có khi nào toàn là chó cái không đấy?”

“Ờ... cái anh này, mới sáng ra mà đã ăn nói như thế rồi.”

Bà cầm cái cán chổi để xua bố đi, bọn trẻ lại chen chúc ồn ào trước cái ổ chó, con Trắng thì găm gù chặn trước cửa. Chị Trinh giơ tay ra giả bộ đánh con chó và tiến lại gần:

“Ờ cái con này, sao mày dám phân biệt đối xử thế?”

Con Trắng càng giận dữ hơn và lần này nó bắt đầu sủa lên dữ dội. Tôi để lại con chó con vào trong ổ và lại nghĩ trong đầu.

“Tao sẽ bảo vệ cho mày.”

Con Trắng chui vào trong ổ, thu đàn con vào trong lòng rồi nằm cuộn tròn người lại. Tôi nghe đằng sau tiếng chị Chân lẩm bẩm:

“Con này đúng là lạ thật, lại còn biết nói chuyện với cả chó nữa.”

Cả nhà tôi nghe xong cũng chẳng có ai phản ứng gì nhưng rồi dần dần mọi người đều có vẻ đoán được tôi là một con bé lạ lùng. Bố mẹ tôi không phản ứng gì với những hành động của tôi vì đã có bà lúc nào cũng có vẻ hăm dọa để bảo vệ tôi, chiều tôi hết mức. Tôi nhớ rất chính xác ngày đó vì ngoài chuyện tôi gặp gỡ với con chó thứ bảy Chinsung thì đúng vào ngày con Trắng đẻ con, buổi tối hôm đó cậu tôi xuất hiện.

Tôi và chị Hiền đang chơi gồng ghènh thì cánh cửa gỗ chốt hé mở và có ai đó thò đầu vào nhìn quanh. Khi trông thấy người đàn ông cao ngồng với mái tóc húi cua, chúng tôi vội bỏ đám đá và chạy vào trong hè. Chị Hiền

không biết sợ hãi tới mức nào mà mặc dù sau này chị ấy cứ chối phăng nhưng tôi thấy lúc đó nước tiểu của chị chảy ròn ròn xuống dưới bấp chân.

“Mấy đứa ơi, mẹ các cháu đi đâu rồi?”

“Ai thế ạ?”

Tôi không hề sợ hãi mà đứng chặn phía trước hỏi lại, nhưng ông ta vẫn lơ láo nhìn quanh và lần này thì thò hẳn người vào trong cổng.

“Nếu đúng là nhà này thì cậu là cậu của các cháu đấy.”

Mẹ tôi đang chuẩn bị bữa tối trong bếp, đúng lúc ấy bà ló ra ngoài và chạy ra cổng, hai tay giơ về phía trước:

“Trời ơi, ai thế này? Cậu làm sao mà tới được đây? Được nghỉ phép à?”

Cậu khi đó mới bước cả người vào nắm lấy hai tay mẹ.

“Chị, em ra quân rồi. Thế anh về đâu?”

“Chắc anh ấy cũng sắp về đấy, cậu vào đây đi nào.”

Cậu mặc bộ quần áo bảo hộ cũ bạc màu, đeo ba lô và tay cầm cái phong cầm. Trước khi theo mẹ bước lên hè, cậu lần lượt vò đầu chúng tôi, lúc đó cả đám còn đang e ngại. Cái điệu bộ ấy của cậu không biết là có thật lòng hay không nhưng tôi thấy thật khó chịu. Mặc dù sau này trong ba lô của cậu có nhiều quà rất đẹp, nhưng lúc ấy cậu lại rút tay vào túi và cười hèn hếch.

“Cậu bắt trên đường để cho các cháu chơi đấy.”

Cậu xòe tay ra và có cái gì đó đen ngòm nhảy về phía chúng tôi. Tôi nhanh chân lùi lại phía sau mấy bước nhưng chị Hiền thì đã ngồi phịch xuống đất ngay tại chỗ.

“Ôi mẹ ơi!”

Cái vật rơi xuống đất đó chính là con cóc chúa to bằng nắm tay người lớn, mắt nó lồi ra, cổ phùng lên và kêu oạp oạp. Tôi xốc nách chị Hiền lên nhưng mắt của chị ấy đã lộn tròng trắng dã. Mẹ tôi chạy tới ôm lấy chị Hiền.

“Trời ơi, vừa tới nhà đã gây chuyện rồi! Cậu khi nào mới lớn đây?”

Cậu cười hí hí và lại vò đầu tôi. Sau này mặc dù cậu tỏ ý xin lỗi và muốn làm hòa, lôi hết bánh mì và kẹo mút ra chia cho chúng tôi, nhưng chị Hiền không bao giờ nhận và cố gắng ngồi xa cậu ấy. Ngay cả khi cậu tỏ ý muốn gần chị em chúng tôi bằng cách lôi đàn phong cầm ra kéo nhưng chị Hiền vẫn đứng trong phòng nhìn ra ngoài với vẻ thờ ơ.

Cậu tôi ở nhà chúng tôi mấy tháng cho tới khi tìm được việc làm. Tôi và cậu trở nên khá thân nhau. Cậu chơi đàn phong cầm rất hay. Nghe nói từ thời phổ thông cậu đã rất nổi tiếng trong ban nhạc và khi vào bộ đội cậu không phải làm việc nhiều mà tham gia đội văn nghệ đi biểu diễn trong các doanh trại. Mỗi khi cậu dựa lưng vào tường rào đứng choãi một chân ra, nhịp chân theo tiếng nhạc và kéo đàn phong cầm thì trẻ con trong khu kéo đến đông như kiến. Cậu lim dim mắt, lắc lắc hai vai kéo gió vào và thả gió ra, biểu diễn rất hứng thú. Bố tôi nhìn thấy cảnh đó thì cắn nhả với mẹ:

“Không biết nghĩ gì cả. Cái loại ham chơi như vậy thì làm sao dám nhờ chỗ nào người ta nhận cho cơ chứ!”

“VẬY mà ai ai cũng nói là nó tốt tính, vui vẻ và đều muốn nhận về đây.”

Cậu được bố tôi giúp và mấy người trong ủy ban giới thiệu nên xin được việc làm trong văn phòng xuất nhập khẩu. Từ năm tôi bắt đầu đến trường thì kinh tế gia đình dần dần trở nên khó khăn. Nhưng không chỉ mỗi nhà tôi mà toàn thành phố Jeong Jin đều trong tình trạng đó, người lớn còn kháo nhau rằng ngay cả Bình Nhưỡng cũng khó khăn hơn trước. Những món mà bọn trẻ con đều thích như bánh kẹo được phát vào mỗi ngày lễ tết tất nhiên đều bị cắt, không những thế đầu tiên chúng tôi còn được phát gạo trắng trộn lẫn với ngô, dần dần gạo thì ít đi mà chỉ còn trơ lại mỗi ngô.

À, tôi còn phải kể tới cả con Trắng cùng đàn con của nó và cả con Chinsung nữa. Như tôi đã nói về chuyện con Trắng đẻ bảy con, mặc dù chúng tôi phản đối cỡ nào mẹ tôi cũng khẳng khẳng rằng không thích nhìn mấy con chó bò lổm ngổm trong nhà như vậy và cho chúng vào trong giỏ



đem ra chợ làng. Đúng lúc mẹ tôi đang chuẩn bị đi chợ thì tôi đi học về, tôi cứ túm lấy cái quai giỏ vừa lắc đầu quày quật vừa khóc.

“Không được, không được.”

“Con à, người chẳng có mà ăn thì lấy đâu ra mà nuôi tới bảy con chó?”

“Bà ơi, ngăn mẹ lại đi.”

Bà tôi chạy ra và đỡ dành chúng tôi.

“Vậy để lại đúng một con còn thì mang đi đi.”

Tôi nhận ra con Chinsung và ôm nó lên vì tôi đã biết nó ngay từ hồi đầu. Mẹ tôi định tóm lại nhưng bà đã ôm lấy vai tôi và che cho tôi. Con Trắng thấy mẹ gom hết cả đàn con mang đi vẫn nằm im trong ổ không nhúc nhích. Tất nhiên cũng đúng là lúc cai sữa cho mấy con chó và mẹ tôi biết ý của con Trắng.

Con Trắng biến mất vào đúng lúc con Chinsung lớn phổng và hai tai bắt đầu vểnh lên. Trong lúc tôi đi học, bà và mẹ tôi chắc là cho ai đó bắt nó đi chứ không đời nào nó tự bỏ đi cả. Con Trắng ngày càng già, cử động chậm chạp, từ phần thân tới phần đuôi bị ghẻ lở và lông rụng hết chỉ còn trơ thịt đỏ lôm.

Đáng lẽ phải luộc đồ đen lên để lấy nước tắm cho nó nhưng lại đúng vào thời buổi khó khăn, đồ để nấu bánh tok còn chẳng có thì kiếm đâu ra được đồ mà làm như vậy. Giờ đây tôi không còn oán trách cậu tôi nữa nhưng khi đó, biết rằng cậu đã bắt con Trắng đi, tôi không còn ăn nói tử tế với cậu ấy nữa. Không chỉ như vậy mà kể cả rất lâu sau này vì cậu tôi mà cả nhà tôi tan đàn xẻ nghé. Bà tôi kể lại cảnh con Trắng đã rời nhà chúng tôi như thế nào.

“Cậu ấy nói là sẽ mang nó đến cho mấy người trong văn phòng. Thật ra thì con Trắng cũng đã già lắm rồi. Nó đã sống với gia đình chúng ta phải tới mười, mười lăm năm, làm sao có thể nhìn nó chết trong nhà mình được. Vậy là bà nói cậu ấy mang nó đi. Đã buộc dây vào cổ nó rồi, mới đầu nó cứ giương cổ lên không chịu đi, thấy thế bà mới vuốt đầu nó đỡ dành ‘mày bị

ghè lở đây thân nên để cậu ấy mang đi chữa cho'. Nghe thế nó mới lò dò bước đi trước cậu. Nó vừa đi vừa ngoái đầu lại, vừa đi vừa ngoái đầu lại nhìn.”

Nghe bà tôi kể con Trăng nghe lời bà nói là đi chữa bệnh nên đi theo cậu tôi, mặc dù vậy nó vẫn không tin và liên tục ngoái nhìn lại và rồi bị kéo đi, chị em tôi ngồi bên nước mắt rơm rớm. Bọn trẻ chúng tôi đều biết những người trong văn phòng mang con chó già đi đâu, làm gì. Chắc là họ sẽ ngồi bên bờ sông, mang mấy chai rượu rẻ tiền đến, đốt lửa, đổ nước vào nồi rồi vừa nấu vừa cười hí hớ.

Nhưng cũng thật may là còn lại con Chinsung. Nó chính là con chó út ít mà tôi đã tìm thấy trong đàn chó bảy con từ hồi chúng mới sinh ra. Bà tôi nói nó cũng là đứa thứ bảy giống như tôi nên đặt tên cho nó là Chinsung. Con Chinsung lại thay mẹ nó nằm cuộn tròn trong cái ổ cũ và cũng từ khi có nó nhà tôi bắt đầu có nhiều điều tốt lành. Thật ra thì có cả những chuyện không tốt như việc cậu tôi xuất ngũ và trở về, nhưng bố tôi lại được lên chức và nhà tôi chuyển nhà, đó là điều mà chúng tôi thấy tuyệt nhất. Và trong chị em chúng tôi, chị Chân lớn nhất lấy chồng và theo chồng đi Wonsan, còn chị Thiện thứ hai thì vào bộ đội và xa nhà. Không biết bà và mẹ tôi thích thú đến mức nào mà trong lúc đóng đồ để chuyển nhà không hề tỏ ra bực dọc gì cả, liên tục “vâng, vâng” với bố tôi và cũng không quát nạt chúng tôi một lần nào.

Nghe nói trước đây Jeong Jin là một đô thị có cuộc sống tốt hơn những nơi khác. Trước tiên là do có các ngọn núi cao quây lại như một tấm bình phong ngăn luồng gió bắc, có nhiều củi để sưởi ấm, có nhiều rau để ăn và trái cây thì phong phú. Ngay cả vào thời kì hạn hán nhất con suối Susung vẫn không hề cạn và cánh đồng Susung vẫn cho các loại gạo ngon, biển đầy hải sản, cho nên mỗi khi chúng tôi nói với người Bình Nhưỡng rằng mình từ Jeong Jin tới thì người ta lại bảo “đúng là nơi thiên đường”. Ngoài ra ở đây gần biên giới, nơi hàng hóa luôn được lưu thông nên ngay cả người bình thường vẫn có thể dễ dàng tiếp cận được với hàng hóa bên ngoài. Chính vì vậy mà con trai hay con gái có đi lấy chồng lấy vợ xa cũng vẫn nhờ người

nhà ở Jeong Jin tìm mua cho các loại hàng ngoại. Nhưng mấy năm trước khi có tin đồn là Liên Xô tan rã thì người lớn bắt đầu khao nhau rằng cuộc sống của người dân đã trở nên khó khăn. Mặc dù không bằng Bình Nhưỡng nhưng Jeong Jin so với các đô thị khác vẫn còn khá hơn, tuy nhiên có những lúc hai ba tháng trôi qua mà hàng hóa không được cấp, rồi đến thời kì nhìn thấy trên đường những đoàn người mặc quần áo rách rưới từ nông thôn ra ăn xin.

Bố tôi trở thành phó bí thư thành phố Musan. Tại Musan có nhiều mỏ sắt mỏ than và các loại khoáng sản khác. Mẹ tôi luôn tự hào nói rằng để đảm nhận việc buôn bán giao dịch các loại hải sản và khoáng sản rồi mua lương thực giữa Jeong Jin với Trung Quốc thì không có ai bằng bố tôi. Cũng bởi vì từ thời trẻ bố tôi đã làm trong lĩnh vực thương mại và, như bà tôi thường tự hào, bố tôi là người nói trôi chảy cả hai thứ tiếng Trung và Nga.

Ủy ban cử xe tải tới để chở đồ đạc và nhà tôi ra tận ga Jeong Jin. Gọi là đồ đạc vậy chứ chỉ có người là nhiều, còn đồ gói ghém lại cũng chỉ gồm chăn gối, quần áo, xoong nồi thôi, ngoài ra chẳng có thêm gì cả. Tủ bếp và tủ quần áo đã có sẵn nên chúng tôi đem chia đồ nhà mình cho hàng xóm, các loại đồ điện như quạt điện, tủ lạnh, tivi đen trắng thì giao cho cậu tôi mang đi bán. Theo lời cậu tôi nói, người làm việc nhà nước có thể mua rẻ các loại hàng đời mới bất cứ lúc nào. Khi tôi cho con Chinsung lên thùng xe tải thì xảy ra một chuyện nhỏ. Chú phụ tá ngồi với bố ở buồng lái lên tiếng:

“Con chó kia thì để cho người ta làm mỗi năm đi chứ mang theo làm gì ạ?”

“Khổ thế, nó là con chó mà mấy đứa con gái tôi chăm bẵm mãi...”

Tôi ngồi xồm ở thùng xe ôm chặt lấy con Chinsung nên nghe thấy hết. Các chị em tôi cũng nhìn nhau vẻ lo lắng khi nghe mấy người đàn ông nói chuyện. Mẹ gí tay vào trán tôi còn bà thì lôi cái váy trong gói quần áo ra đưa cho tôi ý bảo giấu con Chinsung đi.

“Thời buổi có bao nhiêu là người chết đói. Đồng chí phó bí thư cũng phải nghĩ tới các đồng chí khác chứ.”

“Tôi biết rồi, để tới Musan rồi tính xem có nuôi không hay là cho đi.”

Tôi không hề quên lời hứa với con Chinsung vào buổi sáng đàn chó ra đời. Tôi đã thì thầm với nó rằng sẽ bảo vệ nó.

Chiếc xe tải đi vào ga, trong lúc người ta chất đồ lên toa chở hàng hóa không mui phía trước thì chúng tôi được nhân viên nhà ga hướng dẫn và lên toa trống trước tất cả những hành khách khác. Sau này thì bát nháo hết cả, chứ lúc đó vẫn là thời kì kiểm soát rất nghiêm ngặt chuyện đi lại nên vẫn còn trật tự. Về sau, người bị lèn chặt cả trên các lối đi, đến cửa kính cũng biến sạch, còn khi đó khách không nhiều lắm nên vẫn có các chỗ trống.

Cả nhà vừa ngồi xuống ghế, tôi bèn ấn ngay con Chinsung xuống dưới gầm ghế. “Người ta không thích mày đâu nên chịu khó nằm yên dưới ấy nhé” tôi nghĩ trong đầu mấy lần như vậy để cho nó biết. Tất nhiên con Chinsung từ hồi nhỏ đã thường nói chuyện với tôi theo kiểu như vậy nên rất hiểu ý tôi, nó nằm yên dưới sàn giống như nằm dưới hiên, ghéch cằm lên và duỗi bốn chân ra. Thỉnh thoảng tôi lại ngó xuống xem nó thế nào thì thấy nó ve vẩy cái đuôi.

Musan nằm giữa cánh đồng khá rộng, được bao quanh bởi các dãy núi. Phía Bắc sông Duman là Trung Quốc với các dãy núi nhọn hoắt, sừng sững. Gia đình chúng tôi đi vào khu cơ quan ở phía Bắc và dỡ hành lí ở khu nhà nằm trong cơ quan.

Năm Chủ tịch từ trần đó là khoảng đầu mùa hè. Chúng tôi học xong trở về nhà và theo chị Mĩ tới sông Duman để giặt quần áo. Từng đoàn xe tải từ hải quan đi qua cánh đồng, nối đuôi nhau tiến về phía trung tâm. Chị Mĩ hét lên:

“Này, này, xe Trung Quốc vào đây, chuẩn bị quần áo nhanh lên.”

Chúng tôi vắt qua đồng quần áo đang ngâm trong nước và cho vào giỏ. Chị em chúng tôi bắt đầu cắm đầu cắm cổ chạy.

“Chú Mikuri tới rồi!”

Chị Trinh vừa vỗ tay vừa nhảy cẫng lên. Chị Thục mặc dù không nói được nhưng cũng thể hiện sự hào hứng và chạy lên trước nhất. Tôi vừa phải đỡ vừa phải đứng lại đợi chị Hiền đang thở không ra hơi cứ liên tục ngồi thụp xuống nên bị tụt lại phía sau.

“Sao không chạy được vậy?”

“Ngực cứ như vỡ ra nên mới thế chứ.”

Tới đoạn đường nhìn thấy nhà tôi ở đằng xa thì cả bọn mới đi chậm lại và thở hốt hển. Chú Mikuri là phó giám đốc một công ty Trung Quốc ở Yeongin. Người chú béo và bụng dưới lồi ra nhưng mắt chú thì tròn như mắt thỏ nên chỉ cần nhìn mặt chú thôi người ta đã không nín được cười. Tên chú là Bắc Tiểu Long, chú quen với cậu tôi khi giao dịch tại Jeong Jin. Các công ty to nhỏ tại Trung Quốc chất đầy trên xe tải các loại bột ngô, bột mì và đôi lúc có cả các loại hàng như gạo hay quần áo tạp hóa, mang sang để đổi lấy hải sản, khoáng sản. Tên chú Bắc Tiểu Long biến thành Mikuri chính là do câu nói đùa của bố tôi. Lần đầu tiên lúc chú đòi tới để gặp đồng chí phó bí thư khi đó vừa chuyển nhà xong được mấy ngày. Chú xách một thùng rượu Began và hai hộp sườn lợn mang tới, không biết nghe ở đâu được là nhà tôi lắm trẻ con nên chú chắt thêm hai thùng quà tổng hợp chứa đầy các loại kẹo bánh đủ hình dạng. Cũng nhờ chuyến thăm giống như mơ của chú Bắc Tiểu Long mà bà và mẹ tôi càng tự hào về bố tôi hơn nữa, cho rằng biên giới quả là nơi sống tốt và chúng tôi đã chuyển tới đây thật đúng lúc. Người trong hải quan và ủy ban nhân dân cũng tới, chất đầy than củi vào cái phuy rỗng được cắt làm đôi để nướng sườn lợn. Uống được mấy chén, chú Tiểu Long lúc đầu nói rằng hợp với bố tôi và gọi bố tôi là đồng chí phó bí thư, sau đó lại gọi là bố phó bí thư. Sau khi thêm mấy lời nữa thì bố tôi trở thành ông anh của chú. Nói chung, đúng như mọi người nói, chú Tiểu Long có biệt tài dễ dàng làm quen với người lạ.

“Anh đừng lo. Trông em thế này thôi vậy mà đã từng là sĩ quan trong quân đội Trung Quốc đấy. Tụi em đi qua Côn Minh và làm việc tại biên giới Việt Nam. Ở Trung Quốc không có chỗ nào mà em chưa đi qua cả. Nếu anh

cần mua hàng gì thì cứ nói với em. Trừ mỗi sừng khi và hòn dái con gái là em không tìm được thôi chứ ngay cả những cái mà ở Chosun này chưa nghe, chưa thấy em cũng dâng lên cho anh ngay.”

Bố tôi nâng chén rượu, lắc lắc đầu rồi nói:

“Tên cậu là... Tiểu Long, có nghĩa là rồng nhỏ mà. Nhưng tôi thì thấy rằng với dáng người như vậy thì cậu không phải là rồng mà là trăn thì đúng hơn.”

“Anh cứ nói vậy. Do không gặp thời mà em phải đi qua đi lại con suối của sông Duman này, chứ trước đây em mà thanh mảnh cân đối chút nữa là thành diễn viên điện ảnh rồi đấy.”

“Ô, ô, giờ thì tôi nhớ ra rồi. Rồng nhỏ thì có nghĩa là Mikuri.<sup>[3]</sup>”

Tiếng cười vỡ ra và cái từ Mikuri cứ thế được nhắc đi nhắc lại. Từ ngày đó, tên thật của chú Tiểu Long không còn ai gọi nữa và tất cả mọi người từ nhân viên hải quan cho tới bọn trẻ con chúng tôi đều gọi chú là Mikuri. Và chúng tôi, mỗi khi thấy chú chắt hàng lên xuống lia mắt sẫm soi, hay cả ở những nơi phải giữ thể diện cũng bật cười hi hi.

Trong lúc chúng tôi sắp xếp đồ vào cái kho sau nhà thì chú Mikuri lại mang quà riêng cho nhà chúng tôi như thường lệ. Từ bột mì, gạo cho tới các loại đồ ăn vặt như bánh nướng, kẹo, bánh mì sôcôla. Mẹ tôi xé con cá khô và mang chén rượu lên, chú cùng uống rượu với bố tôi và chia bánh mì sôcôla cho chúng tôi.

“Các cháu có biết cái này ngon đến mức nào không? Cái này mang từ Namsun<sup>[4]</sup> tới đấy. Bà cũng ăn thử một miếng đi.”

Bà tôi bóc vỏ nilon ra, cầm cái bánh đen chứa đầy loại nhân dẻo và trắng ở giữa cho lên miệng cắn một miếng, mắt tròn mắt dẹt:

“Cậu nói là mang nó từ đâu tới?”

“Từ Namsun. Các cháu cũng thấy ngon đúng không?”

Chúng tôi không rảnh để trả lời nữa. Cảm giác như có luồng điện truyền từ lưỡi xuống bụng, nghẹn lại, rồi tỏa ra khắp người. Trước khi chú Mikuri tới vài ngày, mấy tuần liền ngoài ngô ra chúng tôi không nhận được gì cả. Ở trường đa phần là những đứa không có cơm trưa để ăn, ngay cả mỏ khoáng sản Musan cũng đã bắt đầu hai tháng mới phát đồ một lần. Xe tải chở lương thực từ bên kia sông đến rồi cứ thế đi thẳng tới Jeong Jin. Nghe nói ở các vùng sâu vùng xa, nhiều nơi không có người sống nữa. Tuy nhiên, dầu sao thì Musan vẫn là nơi chở cái ăn đi qua lại, nên tình hình có thể nào chẳng nữa thì vẫn có bữa rau bữa cháo qua ngày. Đột nhiên chú Mikuri hạ giọng xuống thì thào với bố.

“Giờ thì tình hình nước cộng hòa cũng dần dần đỡ hơn đấy anh.”

“Ừ thì mấy năm rồi mất mùa hết cả, khí hậu thay đổi nên gay go lắm. À nghe nói là vùng cao nguyên tỉnh Yang Gang chẳng có rau để ăn nhưng dạo này còn mọc cả rau xà lách đấy.”

“Nhưng chỉ ăn xà lách không làm sao mà sống nổi. Khoai tây cũng phải đến mùa mới thu hoạch được. Năm nào cũng thế, mưa như thác đổ như vậy thì ngô nào, khoai tây nào chả chết.”

“Bảo người ta cày ruộng nhưng chẳng có ai cày cuốc tử tế thì làm gì có đất tốt cho cây cối mọc lên cơ chứ.”

“Mẹ kiếp, chỉ làm nông theo kiểu chủ thể<sup>[5]</sup> thì làm sao được. Phải vãi đạm cả mấy năm mà chả biết đất có màu mỡ lên không nữa là. Nhưng bây giờ bên ngoài các công ty đều đang hy vọng tình hình kinh tế sẽ khả quan hơn.”

“Chẳng biết có chuyện gì tốt hay không?”

“Bắc Hàn và Nam Hàn...”

Nói đến đó, chú Mikuri giơ hai ngón cái lên và cụng vào nhau.

“Như thế này, như thế này... Gặp nhau rồi như thế này này anh.”

“Ở đây mà nói chuyện này có khi còn xa vời hơn cả nói chuyện trên trời ấy chứ.”

“Ồ, nó còn chiếu cả trên tivi Trung Quốc cơ mà.”

“Bọn Tây nó có để cho yên không?”

“Không chiến tranh mà giúp nhau sống thì người Chosun ở Trung Quốc bọn em cũng mở mày mở mặt. Nếu buôn bán làm ăn được có phải cuộc sống đỡ hơn không?”

“Cậu nói đúng đấy.”

Sau đó thì chú Mikuri liên tục nói tiếng Trung, bố tôi cũng hỏi và trả lời bằng tiếng Trung nên chúng tôi không thể nào hiểu được.

Sau khi chú Mikuri đến được mấy ngày thì toàn Musan đảo lộn hết cả lên. Binh sĩ đeo súng và đứng gác ở các ngõ hẻm. Bàn thờ được lập nên ở hội trường ủy ban. Nghe nói là Chủ tịch đột nhiên qua đời. Ở trường, bọn trẻ cũng hái hết hoa dại trắng ở cánh đồng mang về làm vòng hoa. Chúng tôi kéo nhau tới hội trường ủy ban để mặc niệm trước ảnh Chủ tịch. Tất cả các bà, các chị con gái gặp ở ngoài đường ai nấy đều khóc.

“Thủ lĩnh ơi, làm sao chúng tôi sống được đây...”

Các bà với khuôn mặt bi thương ngồi trên cầu thang xi măng, tiếng khóc ai oán vang khắp phố. Bọn trẻ tuyệt nhiên không hiểu chuyện gì cũng nước mắt lãnh với mồ hôi, ngồi túm tụm nhau trên đường hay sân nhà và khóc.

Mùa hè năm đó cũng là mùa hè oi bức nhất trong vòng mấy chục năm, không hề có giọt mưa nào. Nhưng đến lúc chuẩn bị vào thu thì trời đổ mưa xuống ròn rã trong mấy chục ngày, đến mức cánh đồng và núi non tưởng chừng như bị lật lên hết. Năm nào cũng vậy, người lớn đều than vãn về chuyện mất mùa nhưng năm đó là sự mở đầu của nạn đói khủng khiếp. Cho tới mùa đông, cả thành phố lẫn tỉnh đều ngưng phát hàng hóa. Cậu tôi làm ở Jeong Jin tìm tới nhà tôi với khuôn mặt hốc hác cũng vào thời gian đó. Chúng tôi nghe thấy cậu thì thầm với bố mẹ ở hè phòng đối diện rồi đột nhiên cậu khóc rống lên.

“Cậu làm ăn làm sao mà để lỗ vốn hả?”



Bố tôi gầm lên át đi cả tiếng khóc của cậu. Mẹ cũng hét lên:

“Cậu lại đâm đầu vào bài bạc phải không?”

“Không, không phải. Họ giao hẹn là sau khi nhận bạc tuộc sẽ gửi cho đậu và bột ngô nên em mới đề nghị với công ty thủy sản giao hàng cho họ trước. Nhưng qua ba tháng rồi vẫn không thấy hàng đâu nên người ta mới thúc giục em. Trời ơi, gọi điện thoại nó cũng không bắt máy, không biết là công ty có bị phá sản hay không nữa. Mẹ kiếp!”

“Sao không nói với Tiểu Long để cậu ta tìm hiểu xem sao?”

Nghe mẹ tôi nói vậy cậu mới hỉ mũi và bảo:

“Nó cũng nói giờ chẳng khá hơn. Phải làm mới có hàng mà giao cho chứ.” Bố tôi thở dài nã nuột.

“Mà... lần trước bên tôi cũng đâu có giao đủ hàng theo đúng hẹn đâu. Có dào được sắt mang bán thì mới có ngô gạo chứ.”

Không có hàng cũng không có lương, công nhân khai khoáng cũng bỏ việc và bắt đầu đi chỗ nọ chỗ kia để kiếm lương thực. Không còn là chuyện hiếm khi các nhà máy lớn nhỏ ở địa phương đều đóng cửa không làm việc. Đêm đó cậu vượt sông Duman. Bố mẹ tôi cũng không thể ngăn cản cậu. Cậu tôi nói sẽ trực tiếp đến thẳng Yeongin để hỏi cho rõ mọi chuyện. Bởi nếu cậu không bù lỗ được sẽ bị truy cứu trách nhiệm và bị vào tù. Thời kì khó khăn nên những người làm tổn hại tới nhà nước đều bị phạt rất nặng nề. Cậu sau khi vượt sông thì không thấy quay lại nữa. Năm đó có lẽ là mùa đông năm chín tư, tôi mười một tuổi.

### 3.

Gia đình chúng tôi không biết thế giới bên ngoài đang xoay chuyển ra sao nhưng chỉ cần nhìn mấy cảnh xung quanh đang thay đổi thì có thể đoán được phần nào. Ở trường, lớp học không còn được đến nửa số học sinh. Không có giáo viên chủ nhiệm, trong vòng mấy tháng mà giáo viên của trường cũng giảm đi bốn, năm người.

Gia đình chúng tôi có vẻ vẫn chống chọi được. Chắc là bố tôi biết nhìn xa trông rộng nên khi giao dịch với chú Mikuri, mỗi lần có các loại hàng như hải sâm hay bạch tuộc khô lấy được ở cảng Jeong Jin bố tôi đều mang về rồi đem đổi lấy lương thực để cất đi. Cái đó người ta gọi là biển thủ thì phải. Vào một đêm, tôi tỉnh giấc vì nghe thấy tiếng thì thào, tiếng cửa mở ra đóng vào. Bố mẹ tôi không biết có chuyện gì mà đêm rồi còn hỗn hển hì hục đi lại. Tôi nhón chân và nhẹ nhàng đứng dậy ra mở cửa, thấy bố mẹ tôi vác bao tải lương thực nhanh chóng chuyển đi đâu đó. Chị em chúng tôi đoán ra được chỗ bí mật nằm trong cái kho sau nhà chất đầy các đồ vật vô giá trị hay đồ nông cụ. Khi dọn các vật dụng ấy đi sẽ thấy một cái cửa và dưới đó là một cái hầm, nền được trải nilon và chất đầy lương thực. Đó chính là cái kho mà mỗi buổi sáng trước khi mẹ tôi nấu nướng đều cầm cái nôi đi vào trong đó. Khi biết chúng tôi đã phát hiện ra bí mật, bà và mẹ tôi từng người một gọi chúng tôi vào để giảng giải rất lâu:

“Các con nhớ đấy. Dưới gầm trời này chỉ có người trong gia đình mới tin tưởng được thôi, nhớ chưa.”

“Nhớ lấy lời bà. Đừng ra ngoài mà toang toác lên rằng nhà mình có cái ăn hay nhịn đói đấy nhé. Ở làng dưới kia một nửa làng toàn là nhà trống đấy.”

Nhà chúng tôi không thể nổi lửa cả ngày mà chỉ thổi vào sáng sớm rồi chia một ngày ăn hai bữa. Mặc dù vậy, do bố tôi là hải quan, lại là phó bí thư đảm nhận công việc thương mại nên may mắn còn có than sọ trong kho để đốt trong mùa mưa bão. Nhà bí thư sống phía đối diện kết cục cũng phải nhờ vào tài cán của bố tôi để dự trữ lương thực sống qua ngày.

“Nếu vẫn ở Jeong Jin có lẽ đã chẳng có cái mà ăn.”

Mẹ tôi vừa dọn mâm cơm vừa nói như vậy và lại nhớ tới chị Chân đã lấy chồng và chị Thiện đã vào bộ đội.

“Khổ thân, con Chân nghe nói đã có thai mà không biết có cái gì để ăn không. Còn con Thiện chắc là trong quân đội người ta sẽ phải cho ăn thôi.”

Một hôm, con Chinsung biến mất cho đến tận tối mịt cũng không thấy quay trở về. Tôi ra tận ngoài bức tường đá sốt ruột chờ. Bà tôi đi theo và nói:

“Không có chuyện gì đâu, nó không chết đâu. Lát nữa nó sẽ quay về thôi. Đừng nói gì với bố cháu mà chỉ cần lần sau đừng thả nó ra là được.”

Tôi ngồi xồm trên bệ tường và nhắm tịt mắt tập trung nghĩ tới con Chinsung. Trong bóng tối, có ánh sáng dần dần rực lên, tôi thấy xuất hiện đường đi và cánh đồng, luống cày, ruộng ngô bị gió thổi dạt xuống, bên trong là một con vật màu trắng.

Con Chinsung đang nằm soài bốn chân ra. Tôi mở choàng mắt, nhìn vào bóng tối và nói:

“Bà ơi, cháu biết con Chinsung ở đâu rồi. Nó ở trong ruộng ngô đằng kia kia.”

Tôi không hề sợ hãi và bắt đầu chạy. Bà tôi cũng bước thấp bước cao theo tôi, lúc thì chạy lúc thì đi. Ngoài cánh đồng sương giăng dày đặc.

“Này cháu ơi, đi từ từ thôi cũng được mà, con Chinsung không có vấn đề gì đâu.”

Tôi chạy qua ga tàu, qua con đường phía bên kia đường ray và leo lên một ngọn đồi thấp. Tôi nhìn thấy ruộng ngô, nghe cả thấy tiếng đung đưa của tàu lá và thân cây trong gió. Tôi bắc loa tay lên miệng hướng về phía bóng tối và hét lên:

“Chinsung ơi, Chinsung!”

Bà tôi thở hổn hển và leo lên ngọn đồi. Tôi không nghe thấy động tĩnh gì giữa đám lá ngô xào xạc bèn dỏng tai lên. Hình như có tiếng “ăng” vang lên rất khẽ. Tôi gạt lá ngô và chạy vào giữa ruộng thì nhìn thấy đám lông trắng và bốn chân duỗi ra của con Chinsung. Tôi ôm lấy đầu con Chinsung thì đột nhiên nó rên lên tuột khỏi tay tôi.

“Có lẽ nó bị thương ở đâu rồi, đừng động vào nó.”

“Vậy làm sao đưa nó về nhà được?” Bà tôi nói:

“Để bà về nhà gọi chị và lấy cái xe kéo trong kho ra, còn cháu cứ ở đây.”

Bà tôi khuất trong bóng tối giữa ruộng ngô chỉ còn lại mỗi tôi và con Chinsung.

Tiếng “Bari à, Bari à” làm tôi giật mình quay ra nhìn đằng sau. “Tớ suýt nữa thì chết. Có bọn đàn ông lạ mặt bắt lấy tớ và kéo lên núi”. Con Chinsung thở khò khè những hơi dài. Từ ngày hôm đó tôi không chỉ truyền đạt những suy nghĩ của mình và cũng giống như nghe được suy nghĩ của chị Thực, tôi nghe được cả suy nghĩ của con Chinsung. Tôi nhắm mắt lại và nghĩ “Không sao đâu, tớ sẽ bảo vệ cậu. Chỉ cần nghỉ mấy ngày thôi là sẽ khỏe ngay”.

Bà tôi và chị Mĩ kéo cái xe kéo tới, chúng tôi chất con Chinsung lên xe và chở về nhà. Về tới nhà, xem xét con chó thì thấy tai nó bị rách, trên lưng cũng có vết chém và ở cổ vẫn còn cái móc bằng dây điện thoại cắm sâu dưới cằm. Bà tôi chặc chặc lưỡi nói:

“Bọn mất dạy, định bắt con chó để thịt nhưng lại bị sảy đây.”

“Con này đối với gia đình mình thì như người thân nhưng với người ngoài nó là thịt dấy.”

Bố tôi lấy kìm kéo cái móc ra, bôi dầu vào vết thương ở lưng và vết rách ở tai con Chinsung rồi bọc nó bằng tấm vải. Cái ổ chó mà con Trăng đã nằm từ hồi ở Jeong Jin bị chẻ ra để làm môi nhóm lửa và con Chinsung được làm cho cái ổ rơm trong nhà kho. Phải mất mười lăm ngày sau con Chinsung mới trở lại bình thường.

Suốt cả mùa hè mưa như thế bị lũng trời. Đợt mưa rào dữ dội bắt đầu từ cuối tháng bảy kéo dài cho đến tận giữa tháng tám. Ngô được trồng trên sườn núi hay ruộng rau đều bị cuốn trôi hết. Các ruộng bậc thang được bố trí theo sườn núi bị tróc hết do núi lở, chỉ còn trơ đất, sụp xuống khắp nơi hoặc chìm trong đất bùn. Nước sông Duman dâng lên tràn qua đê và các vùng trũng của Musan đều biến thành ao bùn. Đường đi và đường sắt bị sập, gãy khắp nơi. Đài phát thanh báo cả nước đã bị chìm trong bể nước.

Khu nhà phía Bắc nơi gia đình tôi đang sống do là vùng cao nên chỉ bị ngập ở giữa đoạn đường đi tới hải quan, còn lại thì không bị sao cả. Sau khi nước rút, phải đến mười ngày sau, khoảng cuối tháng tám đội quân cứu hộ trên thành phố mới được cử xuống. Bộ đội vùng biên và các binh sĩ sống sót trong trận đói và nước lũ cần mẫn nối lại đường sắt và đường bộ. Mùa thu tới nhưng trên cánh đồng không còn gì để gặt hái. Những người sống sót xung quanh cũng giống như gia đình chúng tôi, dè dặt cầm hơi với số lương thực đã giấu được. Chị em chúng tôi theo bà ra cánh đồng nhổ các loại rau núi như mã đề, gomchuy, jinkyong để nấu với ngô thành cháo ăn vào bữa sáng kiêm bữa trưa, chỉ bữa tối mới nấu cơm ăn. Chị Hiền vốn yếu ớt, không ít lần ngồi trước bát cháo mệt mỏi cầm thìa lên rên rĩ.

“Mẹ, thôi giờ mình nấu cơm ăn đi. Miệng đắng lắm không thể ăn nổi”.

“Đành vậy, nếu muốn sống thì phải ăn. Gắng vượt qua cho tới mùa đông này thôi.”

Trải qua một đợt nóng, cho đến lúc ngoài đồng để bắt đầu gáy thì nghe thấy tiếng động cơ xe rùng rùng chạy tới. Đã từ lâu rồi, ngay cả trong doanh

trại quân đội và ủy ban nhân dân cũng không có xăng để chạy xe tải Seungri hay xe com-măng-ca của Liên Xô. Chúng tôi chớp mắt nhìn nhau nghi hoặc, không biết có phải là xe của các thương nhân quen thuộc đến từ Trung Quốc hay không. Chị Mĩ đi trước dẫn đầu, chúng tôi theo sau ra ngoài sân đứng đã thấy trên phía đường đồi một cái xe tải màu trắng đang leo lên dốc. Tôi vốn tinh mắt nên đã nhận ra ngay chú Mikuri đang ngồi ghế phía trước. A, theo lời bà tôi nói thì đó là vị thần từ trên trời xuống. Vừa dừng xe trước cửa nhà chú bèn nhảy xuống và nhìn khắp lượt chúng tôi.

“A, vậy là các cháu vẫn sống!”

“Ôi trời ơi, đúng là không khác gì thần cả.”

Bà nắm lấy hai tay chú hét lên, mẹ tôi chạy ra, bố tôi cũng khác hẳn với thường ngày không nghĩ tới việc giữ thể diện, chẳng kịp đi dép mà chạy thẳng ra ngoài sân.

“Vậy là Tiểu Long đã tới rồi!”

“Anh, em cũng lo lắng lắm. Giờ đường sống đã được mở rồi... Anh nhìn đây. Sau em là xe chở lương thực đang đi vào hải quan đấy.”

Chú vào trong phòng, việc đầu tiên là mở thùng bánh nướng cho bọn tôi ăn, sau đó đưa một bao gạo, ba bao bột ngô, hai chai dầu ăn cùng bột mì cho gia đình tôi. Chúng tôi không cần phải ai nhắc mà mở thùng bánh, bỏ bọc nilon ra và mỗi tay đưa hai cái lên miệng cắn nhồm nhoàm. Nhân bánh ngọt đến mức lười như chảy ra. Sau này khi tới London, ăn miếng bánh nướng trong lò vi sóng, không ít lần tôi đã nghĩ rằng trên đời này sẽ không được ăn thứ bánh nào ngon như cái bánh nướng thời ấy nữa. Bà và mẹ tôi ngồi vòng tròn, mắt ngân ngấn nước. Chú Mikuri cũng rít một hơi thuốc, phả khói rồi lắc đầu. “Ôi, đất nước khó thì chỉ bọn trẻ con là khổ thôi.”

Chú lại nói về vấn đề kinh doanh với bố như trước đây.

“Hình như trong nước cũng nghĩ rằng tình hình Chosun có vẻ căng thẳng lắm. Những thương nhân buôn bán như chúng em đây đã gửi công văn xin

hỗ trợ tới hội liên hiệp rồi. Trước tiên là lương thực cứu trợ và sau đó là cho mượn. Người sống thì phải làm việc thôi.”

“Ừ, không biết là có còn lại được một nửa không. Anh em khai mỏ cũng tởa đi hết rồi.”

“Trên phía trước đồi khu sông Duman kia chẳng phải là mỏ sắt chất lên như đất đá đó sao. Đã có công ty muốn đứng ra mua cái đó về để luyện rồi. Họ lấy về, nếu mình muốn tiền họ sẽ đưa tiền, muốn lương thực họ sẽ đưa lương thực.”

“Đó là mấy cái còn thừa ra sau khi lựa rồi, đâu còn được bao nhiêu sắt nữa đâu.”

“Ý em nói đằng nào cũng bỏ thì mang bán rẻ đi.” Chúng tôi ăn bánh nướng nghẹn cổ thì uống nước, nghỉ một lát rồi lại vừa ăn vừa nghe người lớn nói chuyện. Không hiểu đó là chuyện gì nhưng chúng tôi cũng mang máng hiểu được là đường sống đã mở.

“Thôi mình lên trên kia đi, tới chỗ đồng chí bí thư để bàn chuyện xem nào”.

Bố nói xong, chú Tiểu Long liền hăng giọng, đảo mắt xung quanh rồi khẽ khàng nói:

“Mà anh có nghe tin về cậu mấy đứa ở Jeong Jin không?”

“Cái gì? Thằng ấy cuống lên vì làm thâm hụt công quỹ và biến mất từ lúc nào rồi còn gì...”. Vừa nói bố vừa ngoái đầu nhìn mẹ, mẹ lết gối ngồi lại gần và hỏi lại chú Mikuri.

“Chú có nghe tin gì của cậu ấy không?”

Đôi mắt tròn của chú Mikuri càng trở nên to hơn nữa và giọng chú thì thào.

“Hình như... cậu ấy tới Namsun rồi. Ở Shonyang đang âm ỉ lên, nghe nói cậu ta còn xông thẳng vào đại sứ quán nước ngoài đấy.”

“Ôi giờ ời!”

“Sao ở đây thấy im hơi lặng tiếng quá... chuyện đó có thật không chú?”

Chú Mikuri tỏ vẻ ngán ngẩm với câu hỏi ngây ngô của bố và nói:

“Nước cộng hòa còn đang chóng mặt với nước lũ, người tứ phương đang đói thì còn ai để ý tới? Nếu không thấy tăm hơi thì có nghĩa cậu ấy đi kiếm ăn và chết ở đâu đó rồi.”

Bố nửa oán trách, nửa lo lắng nhìn lên trần nhà nói như hết hơi:

“Biết ngay là thằng ấy đang phá nhà phá cửa đây mà.”

“Anh, em khuyên một câu chân tình thế này, đừng hó hé gì về cậu ấy đấy. Nếu sau người ta biết được thì lúc đó tùy cơ ứng biến... Nhưng cũng giống như đá gà ấy, mình phải tránh trước khi người ta biết được miếng và giờ trò. Anh nhớ kĩ lời em đấy.”

“Tôi hiểu rồi. Trời ời, thằng điên.”

Vào thu, bên sông Duman người đói tứ phương ùn ùn kéo tới. Những người có họ hàng ở Trung Quốc thì đi ra với mục đích kiếm tiền và lương thực, những người còn sống sót bị mất hết cả gia đình hay những người lao động trong các nhà xưởng đã ngưng hoạt động thì tụ tập ở đây để sang Trung Quốc kiếm tiền cứu gia đình. Vào ban ngày không thể công khai vượt sông được nên đêm đến người ta họp nhau lại và vượt qua đoạn suối nhỏ giống như sông. Binh lính bảo vệ, vừa thiếu tới một nửa lại cũng rơi vào cảnh đói khát nên nhắm mắt làm ngơ cho những người qua sông khi nhận từ họ tiền hay hàng hóa. Phải mấy năm sau, khi nạn đói bớt hoành hành thì binh lính được tăng viện thêm và người bị bắt sẽ phải chịu phạt. Ngay cả trong làng của người dân tộc Hán hay dân tộc Chosun bên ven sông Duman, thời kì đầu người ta thấy tình cảnh đáng thương bèn đem lương thực ra giúp đỡ, người nông thôn ven sông không chịu nổi đói nữa, tìm đến được cho ăn cơm mới nấu trong nồi. Chúng tôi vẫn không biết được bên ngoài kia người ta đang sống như thế nào. Thỉnh thoảng chỉ nghe được tin đồn từ những



người làm việc trong bộ phận thương mại tới thăm nhà tôi kể rằng nước cộng hòa toàn những người đang lâm vào tình trạng chết đói.

Chú Mikuri lại quay lại và bắt đầu chỉ huy những người lao động chở quặng sắt, xe lương thực cũng đã vào. Musan lại từ từ được thổi một luồng sinh khí mới. Số lượng người lao động tứ phương cũng ngày một đông hơn. Tình hình lương thực mặc dù đỡ hơn trước rất nhiều nhưng đa phần được chuyển tới Jeong Jin bằng đường sắt. Đúng thời điểm đó, vào một buổi trưa khi gia đình chúng tôi đang ngồi trong phòng, đã lâu rồi cả nhà mới được ăn món bánh canh sujebi được nhào từ bột khoai tây, thì nghe thấy tiếng ho khan bên ngoài, hai cái đầu của hai người đàn ông nào đó thò qua cửa sổ. Bà tôi giật bắn mình suýt nữa đánh rơi bát đũa.

“Ai thế nhỉ? Người nào thế?”

Đầu của những người đó lại biến mất phía sân. Bố tôi ngó quanh rồi đứng bên cửa sổ hỏi vọng ra.

“Các đồng chí là ai thế?”

Nghe bên ngoài có tiếng đáp vọng lại.

“Chúng tôi đến từ Jeong Jin. Có phải đồng chí phó bí thư đấy không?”

“Vâng, là tôi đây.”

“Đồng chí có việc phải đi với chúng tôi... Mời đồng chí ra đây.”

Bố tôi quắc mắt lên tỏ vẻ không hiểu có chuyện gì, không nói câu nào trước vẻ ngơ ngác của mẹ tôi, đi ra ngoài. Lúc này chúng tôi mới dồn nhau đến cửa sổ và ra hè nhìn cái dáng lêu đêu của bố tôi đang đi cùng với hai người đàn ông. Một người đang cầm cuốn sổ như sổ ghi chép, chấp tay sau lưng, mặc cái áo tatkin<sup>[6]</sup> màu xám ngắn tay giống kiểu âu phục. Với phong cách như vậy mà cài thêm biểu tượng lá cờ vuông có nghĩa là cấp trên. Người đàn ông còn lại đội mũ lao động mặc áo khoác xéc giống kiểu áo lãnh đạo. Phải đến đêm bố tôi mới trở về với vẻ mệt mỏi, tả tơi. Cả nhà chúng tôi không thể ăn cơm tối mà ngồi nhìn nhau buồn bã rồi kéo nhau hết ra nhà

ngoài. Cả bà và mẹ tôi không thể cất nổi lời trước để hỏi bố xem có chuyện gì. Bố chăm chú nhìn chúng tôi rồi mệt mỏi lên tiếng:

“Cho mấy đứa ăn cơm chưa?”

“Cơm nước gì... Có chuyện gì vậy anh?”

Nghe mẹ hỏi, bố ngồi phịch xuống và nói:

“Thôi ăn cơm đã.”

Bà tôi không nén được, cũng cất tiếng hỏi:

“Này, mấy người đó là ai thế?”

“Họ từ bộ mật vụ. Con cũng đang nghĩ chưa biết khi nào họ tới.”

Ngay cả chúng tôi cũng biết điều đó có nghĩa là gì. Chúng tôi lặng lẽ ăn cơm nấu bằng gạo độn ngô. Vừa dọn mâm cơm xong, bà tôi lại vắn hỏi bố:

“Anh nói cho tôi rõ xem nào. Bọn họ đến vì chuyện của cậu mấy đứa đúng không?”

“Vâng, có ai đó báo về vụ thâm hụt vốn. Con cũng khẳng khẳng là mình không biết. Đúng là không biết thật mà.” Mẹ tôi thì thào:

“Nếu có tin đồn cậu ấy đã sang Namsun thì làm sao?”

“Suýt, cô đừng có nói linh tinh. Chắc chắn là nó đã chết trên đường đi kiếm ăn ở đâu đó rồi.”

“Vậy là xong hết rồi chứ?”

Bố tôi không trả lời thêm nữa. Đêm đó nghe thấy tiếng bố mẹ tôi thì thào nói chuyện trong phòng, thỉnh thoảng lại nghe thấy cả tiếng cãi cọ, có vẻ như suốt đêm bố mẹ đều không ngủ được. Thấy bọn tôi nhấp nhồm, bà tôi cũng có vẻ như còn thao thức, nhồm dậy giục chúng tôi ngủ và đắp lại chăn cho chúng tôi. Hai ngày sau, vào sáng sớm, bố lại đi tới Jeong Jin cùng với những người đàn ông đó. Đó là khởi đầu của chuỗi hoạn nạn đổ xuống gia đình chúng tôi. Bốn ngày trôi qua mà bố tôi vẫn không trở về. Ngày nào mẹ tôi cũng ra ga tàu để chờ bố. Vào một ngày, có thêm cả chú phụ tá chúng tôi

quen mặt cùng binh lính kéo đến. Chú ấy chìa ra trước mắt mẹ tôi một mảnh giấy.

“Đây là giấy triệu tập, mời chị xem.”

“Đây có nghĩa là gì thế ạ?”

“Nhà chị phải dọn đi, sẽ có người mới đến đây ở. Chị đến văn phòng ngay đi.”

Mẹ tôi vội chạy đường tắt tới văn phòng ủy ban, mấy chú lính đi giày leo cả lên hè rồi bắt đầu mở cửa từng phòng. Sau đó họ nhanh chóng bê tủ lạnh và tivi đi. Bà tôi chặn trước họ và thét lên:

“Các anh làm trò gì thế? Bỏ ngay các thứ đồ đạc này xuống.”

“Bà tránh ra.”

Chú phụ tá đỡ dành bà tôi:

“Bà ơi, bà nói với chúng cháu cũng không được ích lợi gì đâu. Tất cả những tài sản này đều bị tịch thu, nhà bà bị triệu tập và sẽ phải bị điều đi nơi khác.”

Sau này khi nghe nói lại mới biết mẹ tôi cùng chị Mĩ đang học cấp ba và hai chị Trinh, Thục đang học cấp hai đều bị điều đi Buryong làm thợ dệt. Nếu vậy thì tôi, bà và chị Hiền phải làm sao đây? Không có mảnh giấy nào gửi đến cho chúng tôi và cũng chẳng thấy ai đến gọi tên gì cả. Sau đó chúng tôi không còn biết ngày tháng và thời gian trôi đi thế nào nữa. Ngày hôm đó chúng tôi chỉ còn biết ôm chặt lấy nhau thức trắng đêm trong căn nhà trống rỗng với quần áo chần màn vương vãi lung tung. Buổi sáng tỉnh dậy thì không nhìn thấy chị Mĩ đâu cả. Mẹ tôi ngay cả trong tình cảnh ấy vẫn không hề tỏ ra lúng túng.

“Con ranh, mới to giọng rằng sẽ đi Trung Quốc vậy mà... to đầu rồi đi đâu chắc cũng tìm đường sống được thôi.”

Mẹ tôi trấn an bà rằng đã nói với cả đồng chí bí thư. Bố tôi sẽ trở về trong một hai tháng nữa. Là người có nhiều công lao với đất nước nên chắc chắn

sẽ được giải oan thôi. Mẹ cũng không quên nói bà có tên trong danh sách nhân viên của nông trường gần đó nên tới đó giúp họ làm việc để nhận phần. Nhưng mẹ tôi biết rõ hơn ai hết rằng tất cả những điều đó chỉ là nói để mà nói thôi. Khi mẹ cùng các chị tôi rời khỏi nhà, tôi chỉ biết đứng nhìn theo trên trời chứ không hề nhỏ một giọt nước mắt nào. Họ đeo bên mình những cái bọc nhỏ đựng đồ ăn riêng của mình. Mẹ tôi cùng các chị vừa đi vừa liên tục ngoái đầu nhìn lại. Vừa để nhìn chúng tôi đồng thời cũng như muốn khắc ghi trong tâm trí về một gia đình đã sống đầm ấm những ngày tháng qua. Khi đó tôi không biết được rằng chúng tôi không thể gặp lại nhau được nữa. Đôi lúc tôi cũng nhìn thấy họ trong mơ nhưng mẹ tôi cùng chị Thục, chị Hiền không nói gì chỉ đứng cạnh nhau khẽ mỉm cười từ xa nhìn về phía tôi. Có lẽ đó là hình ảnh của người đã chết chăng?

Bà tôi định cứ ở lại nhà cho đến khi có người mới đến ở. Vì biết đâu chỉ trong mấy ngày đó thôi bố tôi sẽ quay trở lại. Bà tôi đang hâm lại khoai tây cho bữa tối trong bóng tối mà không dám thắp đèn, đúng lúc đó thì nghe thấy tiếng bước chân, tiếng ho khan cùng tiếng lẩm bẫm:

“Trong nhà không có ai sao?”

Nhận ra giọng chú Mikuri chị Hiền liền hét lên trước tiên:

“Chú Mikuri, có chúng cháu đây.”

Bà tôi vội vã chạy ra nắm lấy chân chú Mikuri và ngồi thụp xuống.

“Ôi giờ ơi, vậy là nhà chúng tôi tan nát hết rồi.”

“Bà, bà ngồi dậy đi, tôi biết hết rồi.”

Chú rít thuốc không nói câu nào, chỉ biết thở dài thườn thượt. Bà tôi rầu rĩ ai oán kể lại cho chú nghe tường tận những chuyện đã xảy ra trong thời gian qua.

“Chết, vậy là tôi chậm mất một bước rồi!”

Chú ngồi trầm ngâm bên hè suy nghĩ rồi nói với bà tôi:

“Thôi bà gói ghém đồ đạc đi, mặc quần áo thật ấm cho bọn trẻ nữa.”

“Đi đâu trong đêm hôm thế này vậy chú?”

“Vượt sông thôi bà. Rồi cũng có đường để sống thôi.”

“Vậy còn những người khác trong nhà thì sao?”

“Nhà này có anh ấy là người rất mạnh mẽ. Anh ấy nhất định sẽ quay về nên bà đưa bọn trẻ sang bên kia và đợi anh ấy. Nếu về, anh ấy còn đến Buryong để đón những người khác về nữa chứ.”

Bà không còn lí do để suy nghĩ chuyện khác nữa. Với bà, chú Mikuri là hy vọng duy nhất. Khi chú xuất hiện chúng tôi còn cảm thấy vui và yên tâm hơn là có bố. Bà tôi vào trong đây tấm cửa ra và vét đến tận đáy chỗ lương thực mẹ để lại, gói vào ba cái bọc chia cho từng người. Chú Mikuri nhẹ nhàng xách bằng một tay bọc của tôi và chị Hiền.

Chúng tôi tránh đường lớn, đi theo đường nhỏ tới bờ sông. Con Chinsung kiên trì đi theo chúng tôi. Chú Mikuri và chúng tôi đều biết rõ vị trí của bảo vệ, biết rõ cả bờ sông hẹp và chỗ nông nên lên vùng thượng lưu chọn những nơi có bãi đá nhỏ vòng quanh sông để đi. Đó là nơi vào mùa đông chị em chúng tôi thường đi lấy đá lạnh. Nước sông lạnh nhưng chú Mikuri gần như xốc nách hai chúng tôi để bước đi nên cả hai không thấy vất vả gì cả. Ngược lại, bà tôi bị hụt chân và ngã hai lần.

Chúng tôi tới đất Trung Quốc phía bên kia sông. Luồng gió lạnh thổi từ thung lũng núi như ăn sâu vào trong da thịt. Chúng tôi đi bộ khoảng 30 ri<sup>[2]</sup> đến tận khuya thì tới một ngôi làng nhỏ hơn Sungsun. Le lói một vài ánh đèn sáng trong đêm tối.

“Để chú ra trước xem thế nào, các cháu cùng với bà đứng đây nhé.”

Rồi sau đó chú lại dặn bà không được ra ngoài đường lớn mà ngồi trong rừng đợi. Một lúc lâu sau chú quay lại và đưa chúng tôi qua khu vườn trái cây tới một gia đình nông dân. Nhà đó có vợ chồng chú chủ nhà cùng mẹ và một đứa con gái tầm tuổi chị Trinh. Chúng tôi tỉnh hẳn người khi ngồi trong căn nhà với nền sưởi ấm áp. Nhà chỉ có hai phòng, một phòng là phòng của vợ chồng nên chúng tôi không thể nói rằng sẽ dùng phòng đó. Chủ nhà gọi

chú Mikuri là anh, có vẻ như hai người biết rõ nhau từ trước. Sau này nghe kể lại mới biết chú chủ nhà hồi còn thanh niên đã từng làm trong nhà hàng phía trước văn phòng mà chú Mikuri làm việc.

Chúng tôi quyết định dọn căn nhà kho nhỏ của họ ở cuối vườn để tá túc. Trong kho chứa đầy các thùng đựng trái cây, nông cụ như cày cuốc, nhưng chú Mikuri và chủ nhà đã đẩy chúng vào một xó, trải nilon và chặn phía trước làm phòng cho chúng tôi.

“Anh ấy chắc chắn sẽ tìm đến đây. Tôi đã nói với người quen đáng tin cậy ở Musan rồi nên bà không phải lo lắng gì cả. Còn có tin cháu Mĩ đã vượt sông nên tôi nhất định sẽ tìm ra. Hy vọng nó sẽ không phải khổ cực mấy.”

Chú Mikuri dặn dò như vậy rồi ra đi. Đứa con gái nhà chủ nhìn thấy con Chinsung thì vô cùng thích thú. Nhìn thấy nó ôm cổ con Chinsung không rời khiến tôi phát ghen lên. Không biết có phải vì sự có mặt của Chinsung giúp canh chừng các loài động vật hoang dã như thỏ hay lợn lòi xuống phá cây hay không mà cứ mỗi sáng cả nhà họ đều gióng giả gọi “Chinsung à, Chinsung ơi”, y như chúng tôi từng gọi nó.

Cho tới đầu đông, chúng tôi sống tạm bằng lương thực mang theo cùng ít tiền Trung Quốc chú Mikuri để lại. Bà và tôi giúp việc thu hoạch vụ thu cho chủ nhà, nhận công bằng gạo trợn. Vào một buổi trời sâm sẩm tối có tuyết rơi đầu mùa, một người nông dân dân tộc Chosun đang sống ở làng bên cạnh tìm đến. Ông ta ghi lại tên và địa chỉ của chủ nhà rồi nói rằng có người đàn ông Bắc Hàn nào đó tìm tới nhà ông ta. Bà tôi khóc toáng lên và vỗ vỗ hai tay.

“Ôi giờ ơi, rõ ràng là con trai tôi rồi.”

Do đêm đã muộn nên sáng sớm hôm sau đích thân chú chủ nhà tìm tới làng bên cạnh. Làm thế nào diễn tả được hết cảm xúc của tôi khi nhìn thấy bố tôi xuất hiện với cái dáng hơi gù lêu đêu quen thuộc đi tắt qua giữa các lùm cây của khu vườn phủ đầy bông tuyết? Bà, tôi và chị Hiền dắt díu nhau chạy ào đến bên bố tôi. Ông đã yếu đi nhiều so với trước đây, tựa như cánh cửa dán giấy có thể đổ nhào về phía sau bất cứ lúc nào. Bố tôi không cười

hơ hơ, cũng chẳng rên rỉ mà tạo ra một âm thanh rất lạ. Bố lấy ở đâu được cái áo trấn thủ mùa đông có mấy chỗ rách lòi cả bông ra, cùng đôi giày há hết mồm như mồm chó. Bà tôi vội vàng đi ra ngăn bếp được đậy tạm bằng tấm gỗ, nấu cơm rồi bưng vào nồi canh tương nấu với khoai tây và món rau trộn sẵn. Không biết bao lâu rồi gia đình chúng tôi mới được quây quần ăn sáng bên nhau như thế này. Mặc dù chỉ có bố tôi trở lại nhưng dường như chúng tôi đã tìm lại được nhà. Giờ đây chắc chắn bố sẽ bảo vệ cho chúng tôi một cách an toàn.

“Ôi, ôi, cơm đây mà.”

Bố tôi cắm đũa vào bát cơm đầy cảm kích, tôi vội vàng khoe:

“Ở đây ngày nào chúng con cũng ăn cơm này.”

Lúc đó bà, tôi cùng chị Hiền có phần sửng sốt. Bố không hề nói một câu hay tỏ thái độ bảo chúng tôi ăn cơm mà đặt bát cơm gần nồi canh tương rồi đổ khoảng một nửa nồi vào bát cơm và bắt đầu và lấy và để. Mái đầu cắm găm xuống bát cơm của bố chỉ còn mấy cọng tóc lơ thơ nhìn thấy rõ cả sọ, giờ đây màu tóc xám hầu như đã chuyển sang trắng. Bà tôi cầm đũa, ngồi ngây người ra rồi nói với chúng tôi:

“Các cháu cũng ăn đi, mình ăn cơm đi nào.”

Tôi cảm thấy bố đã thay đổi rất nhiều. Ông hầu như không nói năng gì, sau này bà tôi nói bằng giọng đẫm nước mắt rằng nơi lao động cách mạng hóa đã làm thay đổi bố tôi. Bố tôi ngày nào cũng chỉ ngủ và ngủ say như chết. Đêm cũng như ngày, ông nằm quay lưng lại ở tận góc trong của cái kho và ngủ, đến bữa thì dậy ăn cơm và lại lăn ra ngủ tiếp. Sự việc tiếp diễn như vậy đến nửa tháng thì hình như ông mới tỉnh người và đi lại quanh kho giúp bà tôi nấu nướng hay ra ngoài vườn kiếm củi mang về. Có lần tôi cùng bố đi qua đường lớn tới tận khu rừng nhìn xuống sông Duman, bố nhìn rất lâu về phía ngôi làng ven cánh đồng lè tè như những cụm nấm xám và khu đồi trọc phía bên kia sông.

“Bọn chó chết!”

Bố thốt lên một câu rồi quay về phía khu vườn trái cây, lặng lẽ bỏ đi. Chúng tôi đã đứng cạnh nhau nhìn qua các lùm cây, chẳng trông thấy bất cứ bóng người nào ở bất cứ đâu trên sườn núi hay cánh đồng phía dân tộc Chosun bên kia sông. Không biết bố mắng ai nhỉ?

Vào cuối năm tuyết phủ trắng xóa trên ngọn núi phía xa và đóng băng cứng ngắc, mỗi đêm con Chinsung lại sửa dài hơi hơn. Chẳng hiểu do đứa con gái cứ nhõng nhẽo đòi hay thỉnh thoảng có thú hoang trên núi xuống mà cô chủ nhà nói với bà tôi để cho Chinsung sống ở cái ỗ trong một góc sân của nhà đó. Chinsung cũng muốn về với chúng tôi nhưng bị xích lại nên không biết làm thế nào. Chúng tôi cũng không tiếc lắm vì lúc nào nhớ nó cũng có thể băng qua vườn trái cây tới sân nhà đó để gặp, Chinsung với cái tai vĩnh hết ra đằng sau vẩy đuôi rồi rít mừng.

“Không hiểu sao dạo này nó lại sửa ghê như vậy khiến nhà cháu không thể ngủ được.”

Đứa cháu gái nhà đó nói vậy và bà nội nó cũng chêm vào:

“Những người Chosun bỏ trốn tùm năm tụ ba đi với nhau, còn trộm cả lương thực và tương nữa đấy.”

Tôi và chị Hiền cứ đến đêm là ngủ say đến mức ma có công đi cũng chẳng biết, nhưng có lẽ bà tôi cũng biết cả chuyện đó thì phải.

“Tôi cũng thấy rồi. Trong hai ngày liền tôi thấy một đôi vợ chồng vác con trên cổ, lưng công con phía dưới rừng kia. Nghe thấy cả tiếng bước chân người lao xao trong đêm nữa.”

Chuyện những người Chosun đói khát đi kiếm cái ăn lạc lối nơi biên giới ngày nào cũng có trong các làng ven sông, nghe tin có cả người chết ở Nampyong nữa. Chúng tôi còn nghe thấy cả chuyện phát hiện thấy những người Chosun chết đói, chết rét trong các nhà kho của nông dân hay khu rừng ven sông. Nhưng việc cả gia đình bị giết trong nhà ven làng người Trung Quốc thì đây là lần đầu tiên. Công an Trung Quốc truy tìm khắp các vùng núi quanh đó và bắt đầu điều tra từng hộ. Nhiều người Chosun đang ở



nhà họ hàng khi đó cũng bị bắt đi và bị trả về bên kia sông hoặc thấy không khí đẫm máu như vậy cũng tự động vượt sông. Trước đây những người trong làng ở phía Bắc và phía Nam cách nhau con sông Duman quãng hẹp chỉ giống một con suối còn đi lại gặp gỡ nhau hoặc trao đổi nông sản, nhưng từ khi xảy ra nạn đói bên Chosun thì chính quyền bắt đầu đi kiểm tra. Chủ nhà cũng nói họ rất tội nghiệp cho hoàn cảnh của chúng tôi nhưng nếu chúng tôi bị công an Trung Quốc phát hiện thì họ sẽ bị phạt, nên đề nghị chúng tôi ra khỏi nhà họ. Đổi lại, nếu chúng tôi tìm được chỗ lánh tạm trong núi thì họ sẽ thuê chúng tôi làm và trả công bằng lương thực.

Bố cùng chú chủ nhà đi tới cái núi sau nhà tìm chỗ trú ẩn rồi trở về, sáng sớm ngày hôm sau sắp xếp đồ đạc đưa bà, chị Hiền và tôi lên núi. Thung lũng khá bằng phẳng có một ngọn đồi hơi cao mọc đầy cỏ dại, nước chảy trong thung lũng biến thành một cái ao nhỏ và đóng băng lại bên cạnh bãi đất trống. Bố cùng chú chủ nhà đào đất đóng băng bằng cuốc chim và xẻng. Giống như làm hố để chôn vại kim chi, cái hố được đào sâu quá chiều cao của chúng tôi, rồi hai người chặt cành cây xung quanh để làm mái, phía trên được lợp bằng những bao phân đạm đã xé ra, đặt lên đó các cành thông và cành linh sam rậm rạp. Trong mấy ngày chúng tôi đã chung sức lại dựng cái lều làm nơi trú ngụ. Trong lúc bố tôi chọn những phiến đá to bản làm nền sưởi với đất và đá dăm thì bà và chị em tôi dựng một cái bếp trước cửa để nấu nướng. Chúng tôi dựng cột lên lợp mái để che mưa và tuyết rồi gom đá lại làm thành một cái kiềng để nấu nướng rất thô sơ. Dưới nền đất chúng tôi lót những tấm nilon do chú chủ nhà mang tới và trải những miếng bìa giấy lên trên cùng. Khi nổi lửa trong bếp, khói bếp luồn vào phòng chúng tôi và thoát ra ống khói phía sau lều. Không biết bố đã làm cách nào mà chẳng có tí khói nào lọt vào trong phòng.

Trong thời gian qua gia đình chúng tôi có quá nhiều biến cố khiến tôi, một đứa bé chỉ biết chui vào ngủ trong nách bà, cảm thấy vô cùng hạnh phúc với tiếng ngáy rền của bố nằm chặn phía trước cửa lều. À, chúng tôi đã có một cái nhà. Chỉ tiếc một điều là không mang được con Chinsung cùng đi. Chú chủ nhà nói rằng con gái chú vô cùng thích nó, nếu chúng tôi bán nó thì chú

sẽ trả tiền. Bố tôi không nói lời nào về chuyện đó nhưng tôi đoán có lẽ bố đã nhận tiền rồi. Tôi cũng thấy rằng con Chinsung ở trong nhà được yêu thương như vậy sẽ đỡ hơn việc lên núi sống cùng với chúng tôi với cái bụng trống rỗng.

## 4.

Mùa đông, dãy núi Bekdu đẹp và rất đáng sợ.

Ngay cả ngọn núi mà chúng tôi sống dựa ở đó có lẽ cũng là một trong vô số đứa con của dãy Bekdu. Chỉ mới mấy ngày thôi mà tuyết rơi nhiều vô kể, cả đêm lẫn ngày chỉ nhìn thấy toàn một màu trắng toát. Chúng tôi ở im trong căn lều không động cựa, giống y như loài động vật ngủ đông. Tuyết rơi trên cây vân sam, cây Ipgan, cây thông, làm cho cành cây trĩu xuống gãy rãng rắc. Lợi dụng lúc tuyết ngừng rơi trong chốc lát, nếu thò cổ nhìn ra bên ngoài qua khe cửa sẽ thấy từng bông tuyết đã đóng băng nhọn hoắt trên các cành cây sáng chói lợi dưới ánh nắng mặt trời. Tôi thấy những bông tuyết ấy không đẹp mà đáng sợ như một thứ hung khí nào đó.

Chị Hiền hơn tôi một tuổi nhưng chỉ nhỏ như thể em tôi, đã chết trong mùa đông năm đó. Vào một đêm bão tuyết, tiếng gió sắc nhọn liên tục dội vào nghe như tiếng còi thổi.

“Bà ơi cháu lạnh lắm không ngủ được...”

Giọng nói yếu ớt của chị Hiền đang nằm vùi trong đống chăn. Nghe vậy, bà lại kéo chăn đắp lên đầu chị Hiền và dỗ dành:

“Ôi, ôi, trời sắp sáng rồi. Trời sáng thì sẽ ấm lên cháu à.”

Tiếng gió lọt qua các cành cây mỗi lúc mỗi mạnh hơn. Đột nhiên nghe “huých” một cái như có lớp sóng khổng lồ úp lên mái lều, rồi thì cơ man nào là tuyết xối xả đổ ụp xuống chúng tôi. Mái lều được lợp tạm bằng cành cây đã bị gió thổi bay đi mất. Tuyết xối xả tuôn xuống, vùi lấp chúng tôi và chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi tuyết đã chất đầy lên chăn và như lấp kín cả căn lều. Bố tôi ngồi bật dậy cố tìm lại cành cây lợp trên mái lều và các vỏ bao phân đạm trong bóng tối, nhưng có lẽ chúng đã bay đi rất xa rồi. Bố bới

tuyết bằng đôi tay trần để đẩy chúng ra ngoài, nhưng chỉ được một lát thì không thể làm được nữa. Bởi tay bố không thể nào đọ nổi với sức mạnh khủng khiếp của bão tuyết. Tôi cố thoát khỏi cái chần dằn dằn đè lên ngực thở đến mức không thể chịu được, cùng bà lấy nôi niêu xúc tuyết đổ ra ngoài. Sau đó tôi chui vào chần, đút hai tay vào nách, xoa đi xoa lại cho ấm người. Nghe thấy cả tiếng hai hàm răng tự động va vào nhau lập cập.

Phải đến gần sáng tuyết mới ngớt và tới sáng thì tạnh hẳn. Hình ảnh cái lều của chúng tôi hiện ra thật thảm hại. Mặc dù trận cuồng phong đã qua nhưng gió vẫn còn đủ mạnh để biến những bông tuyết trắng xóa đậu trên các cành cây thành bột rơi lả rả. Bố tôi chạy chỗ nọ chỗ kia để chặt cành cây về, tôi và bà cũng lui cui gom lại các cành cây mà bố chặt quăng xuống dưới. Mặc dù đã sửa tạm lại, song mấy ngày sau cái mái lại bị cuốn bay đi mất, bố rơi vào tuyết vọng. Bố chỉ xuống chỗ chú chủ nhà xin các bao nilon nhà chú để dành dùng cho vụ mùa xuân về làm một mái lều chắc chắn có thể trụ được mấy năm, chứ không năn nỉ chú cho trú tạm ít lâu trong nhà. Bố tôi nói lòng người cũng như cơm vậy, để lâu sẽ bị thiu, nếu liên tục làm phiền thì sau này khi thật sự cần sự giúp đỡ người ta sẽ lạnh lùng ngoảnh mặt. Bà tôi cũng gật gật đầu.

Ngày hôm đó khi mãi dọn tuyết, rũ chần, lợp lại cành cây, ba chúng tôi quên mất chị Hiền. Bố buộc cành cây bằng các sợi nilon rồi lợp các cành có nhiều lá lên trên, bà rũ tuyết trên các cành củi khô và mỗi nhóm lửa chất bên cửa ra vào bị lấp đầy tuyết rồi nhen lửa. Chỉ cần ngửi mùi khói thoi cũng cảm thấy ấm áp. Chúng tôi hà hơi và vào ngò trong lều, khi đó bà mới nhớ ra chị Hiền.

“Cái Hiền đi đâu rồi nhỉ?”

Bà lật tìm trong chần, bố tôi tìm trong góc tường rồi tất cả chạy hết ra ngoài lều. Bố đang tìm bên ngoài thì phát hiện ra chị Hiền trong vạt rừng có mấy cây to chần phía sau lều. Chị nằm cong queo như con cá cơm phơi khô. Bố ôm chị lên và bà tôi vừa chạy theo vừa lắc lắc đầu chị.

“Cháu ơi, tỉnh lại đi.”

Chị Hiền nằm cứng đờ với dáng vẻ như thể bị đóng băng. Mang chị vào trong lều, ba chúng tôi xúm vào xoa tay và chân cho chị. Một lúc lâu sau như tỉnh khỏi cơn ngủ say, chị mở mắt và tìm chúng tôi. Bà tôi gắng hỏi:

“Trời lạnh như vậy, ra ngoài làm gì?”

“Cháu buồn đái...”

“Đái xong thì vào chứ ở đó làm gì, suýt nữa thì chết cóng.”

Chị Hiền lại nhắm mắt rồi không biết có ngủ lại không mà chẳng thấy động đậy gì cả. Bố đang xoa tay và má cho chị Hiền vội vàng nói:

“Mẹ, người nó vẫn chưa ấm lại được, chắc phải nấu nước cho nó uống thôi.”

Bà ra ngoài vại nước lấy nước vào cái nồi và cho lên bếp nấu. Đoạn bà đổ nước vào đầy bát rồi mang tới cho chị, nhưng chị chỉ nhấp môi mấy cái rồi lại nằm thượt ra. Cả nhà lại giở hết túi hành lí lôi những bộ quần áo lúc nào cũng ẩm ướt đông cứng, áp vào ngực chị Hiền hoặc ngồi lên một chốc cho nó ấm lên rồi dùng làm chăn đắp cho chị. Có lẽ do lửa đốt trong lò đã cháy nên tẩm lót trên những phiến đá bắt đầu ấm lên. Nhưng tôi không hiểu có cái gì đó giống như làn khói đen bám quanh người chị ấy mà tôi không sao đến gần để lôi nó ra khỏi người chị được. Tôi nhủ thầm trong đầu:

“Chị ơi, em biết chị định rời bỏ nhà mình.”

Chúng tôi vùi nửa người dưới vào chăn, ngồi gà gật rồi ngủ thiếp đi. Đêm đó chị Hiền chết. Người chị quá yếu nên khí lạnh không thể thoát ra được. Thế nhưng bố tôi, bà và cả tôi nữa, không người nào nhỏ một giọt nước mắt. Bố bọc chị cùng quần áo bằng mấy vỏ bao phân đạm rồi ôm chị bước ra khỏi lều, mắt quắc lên dữ dội: “Đừng đi theo!”

Mùa đông qua đi, cỏ dại bắt đầu nhú mầm xanh giữa những đám tuyết còn sót lại. Bà và tôi xuống núi để nhổ các loại rau đang bắt đầu mọc trên cánh đồng hay trong các vạt ruộng chưa cày. Thứ chúng tôi xin được từ nhà chủ chỉ là muối và tương, nhưng luộc rau lên rồi trộn với tương hay nấu canh

vẫn có thể đánh hết cả bát cơm với vị tương ngầy ngậy và mùi rau thơm ngát. Thêm nữa cơm lại rất dẻo. Bố tôi đi làm cho nhà chủ nhận về không phải thứ bột mì màu đất vàng mà là bột mì trắng như tuyết. Bà lấy bột đó trộn cùng rau ngải cứu đem hấp lên thành món bánh gopchangtok có màu xanh mịn màng.

Vào một ngày bố sửa soạn như mỗi khi đi làm, với áo cánh dày khoác bên ngoài cái áo không cúc đã bạc màu, thắt chặt dây đôi giày vải rồi ra khỏi nhà. Theo bản năng mách bảo, tôi biết bố sẽ lên đường đi rất xa. Bố xoa đầu tôi rồi vội vàng bỏ ngay tay ra, hăng giọng nói:

“Bari à, bố đi mấy ngày sẽ về ngay thôi, con ở lại chăm sóc bà cẩn thận nhé.”

“Bố đi đâu thế?”

Bố không trả lời mà dặn dò bà:

“Mẹ, con đi chắc cũng phải mất năm ngày, lương thực gom lại chắc cũng đủ ăn mấy tháng, mẹ đừng tiết kiệm, cứ nấu ăn uống cho thoải mái nhé.”

Bà và tôi đứng ngầy ra trong lều. Tôi muốn theo bố qua núi đến tận đường chỗ vườn trái cây, nhưng bố vừa nói “Lớn rồi đấy”, và mắt quắc lên làm tôi chỉ còn biết đứng im bên cạnh bà. Bố nhanh chóng biến mất giữa các lùm cây. Hai bà cháu vẫn đứng ngầy trong lều. Bà thấy tôi đứng lặng như thế thì hình như muốn lảng sang chuyện khác nên lặng lẽ vỗ lưng tôi và thì thầm:

“Bari à, con nhìn xuống cái cây dưới kia đi. Công đấy!”

Đúng là một con công đực có màu lông ánh vàng với khoang cổ xanh đậm đang xòe rộng chiếc đuôi đẹp tuyệt trần và nghiêng ngó xung quanh.

Bên cạnh đó là con công cái mập mạp với cái bụng xám đang rẽ lá khô tìm mồi. Vốn dĩ nếu không nhìn thấy người thân thường xuyên thì hình ảnh người đó cũng sẽ nhanh chóng phai nhạt. Với tôi, những ngày mùa đông có bố bên cạnh hình như đã trở thành dĩ vãng. Giống như cái ngày mẹ tôi cùng

hai chị tôi đột ngột rời tới Buryong, hình bóng của họ cũng như đám mây trôi trên trời xa và thỉnh thoảng lại hiện về trong giấc mơ của tôi.

Vào những đêm hấp khoai tây hay nấu cơm ăn xong, nghe thấy tiếng cú rúc từ một nơi xa, tôi lại năn nỉ bà kể chuyện cổ tích. Mỗi lần nghe bà kể chuyện tôi lại như quay trở về ngôi nhà rộng có sân trên ngọn đồi thấp ở Jeong Jin. Và rồi ở phòng bên cạnh các chị tôi cùng ngồi chơi tết chỉ hoặc chơi vỗ tay, nghe cả tiếng mẹ trong bếp vừa hấp xong gopchangtok hay bánh mì rượu phồng, cho vào cái rổ rồi đưa ra réo lên với giọng điệu vui vẻ “mang cái này vào ăn đi”. Hình như còn nghe cả tiếng các chị tôi cười như nắc nẻ và tiếng chạy huỳnh huých ra nhà ngang.

“Cháu à, có đang nghe không đấy?”

“Không... mà nghe tới đoạn công chúa Bari là con gái thứ bảy rồi.”

“Ừ, sáu đứa con gái lần lượt đi ra và khóc lóc thảm thiết ‘Phận bố ơi, phận mẹ ơi’. Lúc đó hoàng hậu mới quay lưng lại ‘Là phận gái nên đành phải vậy thôi. Bố các con - thái hoàng lâm bệnh nằm liệt rồi, vậy hãy gọi thợ đẽo đá về để làm cái hòm đá’. Hoàng hậu lại nói tiếp ‘Làm xong hòm đá rồi thì cứ làm như lời bố các con nói. Cho đứa bé vào hòm đá đi. Tháng Ba, Tháng Tư à, các con mang cái hòm đựng đứa trẻ ném xuống đầm ấy’. Mấy đứa cung nữ đại đột vừa khiêng cái hòm vừa hò vang ‘Dô ta nào, dô ta nào’. Khi đi tới đầm thì đột nhiên nghe thấy tiếng sáo Mudong từ trên trời dội xuống và thiên địa dính sát vào nhau. ‘Ông trời ơi, có giết chúng tôi thì giết. Chúng tôi không có tội gì cả, làm người hầu kẻ hạ cho người khác nên họ sai gì thì làm nấy thôi.’ Họ vừa dứt lời thì trời đất liền tách rời ra. Khi đó bọn họ ném cái hòm xuống đầm. ‘Ôi, giờ đây chúng ta không thể về cung được nữa rồi’.”

“Bà ơi, vậy là công chúa bị ném vào rừng giống như cháu à?”

“Có những lời kể nàng bị ném xuống sông, xuống biển và ném vào rừng. Rồi thì có hạc, quạ, rùa vàng hiện lên cứu sống nữa.”

“Sau đó có ông bà đem nuôi giấu đi đúng không?”

“Có cả việc Long vương dưới thủy cung cứu sống nữa. Rồi đến khi công chúa lớn thì vua và hoàng hậu lâm trọng bệnh, con người sống trên cõi đời này ai cũng đều bị bệnh hết. Biết làm thế nào đây? Cho rước thầy bói đến, thầy phán rằng phải tìm được công chúa thứ bảy về mới qua khỏi. Người ta không biết đưa trẻ mà họ tìm được ở rừng về là quý tử hay thần thánh nên tìm cách thử. Đứa trẻ ấy liền lẫm chẫm bước ra nói: ‘Tôi có chứng cứ là con của mẹ’. ‘Chứng cứ nào, đưa ra đây’. ‘Hãy chặt ngón tay giữa và ngón tay áp út của tôi ra xem có phải là máu đang chảy không. Rồi sau đó ghép lại, nếu vừa khít thì có nghĩa tôi là con gái của mẹ.’ Nghe thấy vậy họ liền chặt lấy ngón tay nàng rồi lấp trở lại. ‘Ôi, ôi con lớn lên đẹp như trăng rằm, như chúa tể của muôn loài. Không biết con lớn lên bằng nước, bằng ánh nắng hay bằng sương sớm mà phổng phao quá’.”

“Cháu cũng biết rồi. Để cứu sống bố mẹ và người trên thế gian này thì phải lấy nước trường sinh bất tử về đúng không ạ?”

“Bari của bà thật thông minh sáng dạ. Chỉ kể một lần là có thể nhớ được ngay. Người ta nói đi về hướng mặt trời lặn, tận cuối trời phía tây là có nước trường sinh bất tử. Lúc nàng đi qua đất nước có dịch bệnh, vượt qua sông, qua núi thì đều có các thần giúp đỡ. Công chúa vừa đi vừa giặt giũ giúp đỡ tất cả mọi người, nhổ cỏ trên cánh đồng, làm tất cả các công việc nặng nhẹ, diệt trừ ma quỷ, còn đi xuống cả địa ngục nữa. Xuống địa ngục, nàng giúp đỡ cả các tội nhân bị nhốt dưới đó. Khi tới cuối trời phía tây đã thấy Changseong<sup>[8]</sup> đang đứng đợi. Công chúa chơi trò thách đố với Changseong nhưng bị thua nên ông ta nói nàng phải sống cùng, đẻ con cho ông, làm đủ mọi việc trong ba năm mới được lấy nước trường sinh. Trải qua tất cả nỗi thống khổ trên đời và trên đường quay về công chúa đã nhìn thấy những con thuyền đang đi về cõi chết, trên thuyền là các linh hồn đeo các loại nghiệp báo về với suối vàng.”

“Bà ơi, bà quên chuyện lấy nước trường sinh rồi.”

“Ừ, đúng rồi, bà quên mất. Khi đòi nước trường sinh thì tên Changseong đó mới nói thế này: Thứ nước mà chúng ta nấu nướng, giặt giũ hằng ngày là



nước trường sinh đấy.”

“Vậy là mất trắng công của công chúa à?”

“Bari à, không phải vậy đâu. Có nghĩa là nàng đã nhận được tấm lòng biết nhìn ra nước trường sinh bất tử đấy cháu.”

“Nghĩa là gì thế bà?”

“Sau này cháu lớn lên sẽ hiểu thôi. Khi vấy nước trường sinh lên bố mẹ nàng thì họ đều sống dậy, thế giới bị dịch bệnh cũng thay đổi, mọi người trở nên khỏe khoắn. Và từ đó Bari mới sống trong lòng chúng ta như vậy đấy. Sống trong lòng cháu, trong lòng bà nữa.”

Tôi nằm bên cạnh bà trong bóng tối và nghe đi nghe lại câu chuyện này. Thời điểm đó, thỉnh thoảng tôi cũng mơ nhưng như tôi đã nói ngoài giấc mơ về mẹ và các chị rời đi Buryong đứng đăm đăm nhìn tôi ra thì không có giấc mơ nào rõ ràng cả, tuy nhiên tôi vẫn nhớ như in giấc mơ về Bari. Có điều là tôi không nhớ chính xác rằng đó là lúc tôi sống cùng bà trong túp lều trên núi hay mơ sau khi bà tôi mất đi.

Ngay cả trong giấc mơ tôi vẫn nghĩ rằng ‘mình đang mơ đây mà’, nhưng đôi khi tôi vẫn bị cuốn theo dòng chảy của mộng mị. Khoảnh khắc người ấy xuất hiện, tôi đang dạo bước trên bờ biển rộng không có dấu chân người. Bãi cát trắng xóa không hề có một bụi cây, bầu trời xanh ngắt không một gợn mây, và có một ngôi nhà trên bờ biển. Mái ngói lợp rất cao, những cánh cửa có các thanh gỗ đan chéo nhau<sup>[9]</sup>. Không biết từ lúc nào tôi bước vào trong nhà, thấy những hàng cột sừng sững. Sau đó, khi ra bên ngoài nhìn, tôi thấy ánh sáng mờ đục trải trên một hành lang rộng vừa giống như nhà thờ lại vừa giống như cung điện, tuy nhiên tường bên trong lại rất tối tăm. Phía đó tối quá khiến tôi không dám bước chân vào, nhưng đồng thời như có ai đó bật một cái đèn nhỏ làm cho không gian dần dần sáng lên và ánh lửa bập bùng lan tới tận nóc nhà cao, vươn xa tới tận mé tường. Tôi bước từng bước về phía đó. Trong ánh sáng có một người hiện ra. Ánh sáng không phải màu vàng mà là sáng trắng, chói lóa như nắng hè. Cái bóng người trắng ấy không động đậy mà lơ lửng trong ánh sáng. Tôi thấy một mái tóc bạc cài

trâm kiêu ngày xưa - không rõ là tóc bạc thật hay chỉ là hình ảnh phản xạ của ánh sáng - và nhân vật đó mặc áo xô trắng. Vạt váy cứ đung đưa, các nếp gấp li trên váy không ngừng phất phơ qua lại. Khuôn mặt người đó cũng trắng toát, không đoán được là già hay trẻ, chỉ có thể cảm nhận được nụ cười hiền hậu. Hình ảnh chỉ hiện lên lãng đãng như vậy, tôi lùi bước thì nó biến mất nhưng lúc định bước chân vào bên trong thì hình ảnh đó lại xuất hiện. Tôi bước thêm một bước nữa thì nơi bức tường tối đen không xuất hiện một cái gì nữa. Tôi ghi nhớ hình bóng ấy. Sau này người đó không xuất hiện nữa, ngay cả khi tôi tới một đất nước xa xôi, khi bà tôi và Chinsung thỉnh thoảng hiện về kể cho tôi nghe những câu chuyện có thể giúp ích được cho tôi.

Bố tôi đi, năm ngày, rồi cả mấy tháng trời cũng không thấy quay trở lại. Mấy ngày sau bà tôi bảo “Bố cháu tới Buryong tìm cả nhà cháu rồi”. Nhưng đó là việc tôi có thể đoán được. Bố tôi đi chịu phạt vì tội của cậu tôi và gặp không ít nguy hiểm, song ai cũng biết việc đi tìm gia đình là điều ngu ngốc. Nhưng biết làm sao được. Nếu tôi là bố chắc chắn tôi cũng sẽ đi tìm mẹ và các chị của mình.

Thời điểm sắp sửa vào hè, tôi và bà đi vào trong núi sâu tìm thảo dược và nấm để đổi lương thực với chủ nhà. Thứ đáng giá nhất được gọi là thảo dược phải kể đến nấm vạn niên, dorachi trắng hay gosari có rất nhiều, nên bà cháu tôi mỗi người hái hay đào được đầy bao. Khi lên núi, không thứ gì là bà tôi không biết cả. Bà vừa chỉ cho tôi cách phân biệt nấm độc, cỏ độc, vừa giải thích cho tôi. Vào một ngày nào đó nếu tìm được khu nấm vạn niên trong bãi cỏ dại mọc giữa những cây sồi và cây tổng quán sủi, đem bán đi lấy tiền thì chúng tôi cứ gọi là sống như đế vương. Nhưng thỉnh thoảng chỉ cần mấy cụm gosari hay dorachi đào được nhà chủ cũng cho chúng tôi đầy gạo và đồ ăn. Một hôm, sau khi đào gosari xong thì chúng tôi vớ được nấm vạn niên. Tôi đào phía bên trên còn bà tôi do nhức chân nên ngồi nghỉ phơi nắng tại một bãi bằng phẳng nhiều cây bên dưới. Khi phát hiện ra hoàng kì mọc trên một gốc cây, tôi liền nhớ tới lời bà đã nói rằng đó là thuốc bổ làm tăng lực cho người già, liền hét toáng lên:

“Bà ơi, ở đây có hoàng kì này!”

Tôi hét vọng tới chỗ bà đang ngồi quay lưng lại ở dưới, nhưng bà cứ ngồi im như thể không hề nhúc nhích. Bà đang cầm liềm, nên tôi thận trọng trượt dốc xuống chỗ bà.

“Bà ơi, đưa liềm cho cháu nào”, tôi nói rồi nắm tay bà nhưng bà ngã gục sang bên cạnh. Cánh tay và vai bà cứng đờ. Mắt bà nhắm nghiền, và dòng máu trên mũi chảy xuống đọng lại trên những nếp nhăn xung quanh mép. Tôi ghé tai vào ngực bà, để cả tay lên mũi, nhưng rõ ràng là bà đã chết. Tôi ngồi xuống bên cạnh và khóc òa rất lâu. Cho đến khi nghe tiếng khóc của mình vọng lại trong rừng vắng tôi mới ngừng khóc. Tôi cứ ngồi ngây ra như thế suốt mấy tiếng đồng hồ rồi sau đó bắt đầu đào đất bằng cái liềm. Với sức lực của tôi thì không thể đào được một cái hố sâu. Chỉ đủ để có thể vùi được xác của bà. Tôi kéo bà đặt xuống hố rồi đắp đất cao lên. Không đành lấp đất lên mặt trần của bà tôi liền lấy cái bao đựng phân đạm lúc nào cũng kè kè bên cạnh chúng tôi để đắp mặt cho bà.

“Nếu bố về thì chúng cháu sẽ chuyển bà tới nơi khác, nơi có ánh nắng mặt trời.”

Tôi thất thểu xuống núi. Lúc này đây chỉ còn lại mình tôi trong căn lều trống rỗng.

Tôi cứ nằm trong lều như thế suốt mấy ngày. Vào một đêm tôi chợt tỉnh giấc. Nghe tiếng cú kêu như tiếng gió vọng lại từ phía núi xa. Không biết đó là gì nhưng có vẻ là tiếng gọi tôi. Âm thanh đó cũng không phải là thứ hữu hình, nhưng giống như sợi chỉ vô hình chạm vào tóc tôi và từ từ kéo đi. Cảm giác khó chịu như vướng phải tơ nhện trong bóng tối nhưng tôi không xua đi mà cứ để yên như vậy. Rồi cứ thế tôi đăm đăm nhìn hừng đông đang rạng dần bên ngoài căn lều phía trời xa.

Tôi tất tả chuẩn bị lên đường. Thay quần áo bên trong, mặc quần thể thao cùng cái áo paca vải tổng hợp màu xanh có mũ mà con gái chủ nhà đã nhường cho và kéo khóa lên tới tận cằm. Sau đó tôi cho tất cả lương thực đã chuẩn bị suốt cả ngày hôm qua vào cái ba lô mà gia đình tôi đã làm và dùng từ hồi còn ở Musan. Tôi làm gopchangtok từ chỗ bột mì còn lại và gói vào

túi nilon, gạo rang lên giã thật nhỏ làm bột. Tôi rửa sạch đậu bà làm giá còn thừa trong nồi và chia vào các túi nilon. Có mấy vỏ chai nước ngọt mà chúng tôi lấy về từ nhà chủ để làm bình đựng nước, đựng tương và đựng dầu, tôi chỉ lấy một cái chai rỗng để đựng nước mang đi.

Tôi xuống núi và đi rẽ vào góc vườn trái cây thì nghe thấy tiếng sủa quen thuộc của con Chinsung. Tôi muốn gặp Chinsung lần cuối trước khi lên đường liền quay lại, rón rén tới chỗ nó để không đánh thức chủ nhà, Chinsung liền vẫy đuôi rồi rít. Tôi áp đầu Chinsung vào ngực và thủ thủ với nó trong suy nghĩ.

“Giờ tớ đi tìm bố mẹ đây. Khi gặp cả nhà rồi thì chúng ta sống vui vầy cùng nhau nhé.”

Vừa nói xong thì nghe tiếng con Chinsung rên ư ử trong ngực.

“Bari à, cho tớ đi với, tớ sẽ giúp cậu. Cởi dây cho tớ đi.”

“Không được đâu, cậu đợi ở đây đi. Chỉ bốn ngày thôi là tớ sẽ trở lại mà.”

Tôi dỡ dành Chinsung như vậy rồi băng qua vườn trái cây, qua rừng và khi ra tới đường lớn thì nhìn thấy ngay sông Duman phía dưới.

Tôi cởi áo buộc lên đầu, cúi người xuống đảo cánh tay trong nước như hồi còn nhỏ làm động tác bơi giả và bước đi. Chân chạm nước thì bơi kiểu bơi chó, chạm đất thì lại bước đi. Khi tôi đi gần qua hết con sông cũng là lúc ánh sáng buổi sớm tỏa ra cánh đồng trên đỉnh Gunhan bằng phẳng. Có tiếng nước chảy phía sau và tiếng rữ nước nghe rất gần. Quay lại thì thấy con Chinsung đã theo tôi vượt sông từ lúc nào. Tôi không trách mắng nó mà tháo cái dây buộc đã bị đứt trên cổ nó và quăng đi thật xa.

Chúng tôi đi men theo sườn núi. Để tránh qua làng, chúng tôi nhắm hướng phía cánh đồng và chọn hướng đông để đi. Người Chosun chặt hết cây cối trên núi để làm củi đốt hay làm ruộng bậc thang nên chỉ còn trơ lại đồi trọc mọc những đám cỏ xanh rì. Tôi không biết Buryong ở đâu nhưng có nghe rằng nó nằm trên đường tới Jeong Jin nơi tôi đã lớn lên. Biết đâu đang

trên đường có thể gặp tàu chở quặng đá để xin quá giang. Tôi và Chinsung cứ thế bước mãi miết trong ánh nắng chói chang.

Mọi chuyện sau đó giống hệt những giấc mơ. Đang đi, nếu có bóng người xuất hiện chúng tôi lại trốn trong đám rừng hay tảng đá ven đường chờ người đó đi qua. Một lần đang đi thì gặp hai mẹ con nọ nhưng chúng tôi không tránh mà cứ đi cùng, thấy họ chẳng những không nói gì, mà còn không ngoái đầu sang bên, trông họ có vẻ suy kiệt. Trên một con dốc nhìn xuống làng, chúng tôi thấy xác một người đàn ông đang nằm ngửa mặt lên trời. Miệng ông ta há ra và mắt nhắm nghiền, bọt mép sùi lên, má hóp lại sâu hoắm. Tôi nhìn thấy linh hồn ông ta đang ngồi trên một cành thông cách đó không xa. Linh hồn trông giống như cuộn khói đang tỏa ra từ ống khói trong một ngày âm u.

“Mày đi đâu đấy?” Linh hồn đó bắt chuyện với tôi.

“Đi tìm bố mẹ cháu.” Linh hồn lẩm bẫm.

“Có đi cũng chẳng ích lợi gì đâu. Bọn họ chết hết cả rồi.”

Tôi không đối đáp thêm lời nào nữa. “Ôi, đói bụng quá. Đưa cơm đây, đưa đồ ăn đây”. Linh hồn giống như cuộn khói liên tục quanh quẩn trong hư không và lẩm bẫm. Khi thấy con Chinsung gừ gừ và nhe răng ra, linh hồn theo gió biến mất.

Tôi thấy mỗi khi tiến gần tới làng hay khu lao động đều phải tránh nên việc đi lại ban ngày không có lợi mấy. Tôi đưa Chinsung tới khu núi hoang gần đó. Khi leo lên tới đỉnh mới nhìn thấy đường tàu ngoằn ngoèo và vươn dài ra ở phía sau. Tôi nhủ thầm ‘chỉ theo đường tàu mới có thể tìm được đường tới Buryong’. Tôi quyết định ngày sẽ ngủ và đêm sẽ đi, nên trải áo paca lên cỏ và nằm xuống. Con Chinsung nằm sát bên người tôi, tì mõm lên chân trước và canh cho tôi. Khi thấy hơi lạnh ủa tới, tôi mở mắt thấy ánh sao lấp lánh đầy trời giống như những ngôi nhà thấp đèn bên cửa sổ. Cảm giác như chỉ cần vươn tay ra là có thể với được vì sao to ở ngay trước mắt.

Tôi xuống núi tìm đường tàu theo hướng ban ngày mình đã định sẵn. Trong bóng tối, chúng tôi giẫm chân lên lớp đá ba lát đắp cao bên đường ray, vượt qua đường ray và đứng lên tà vẹt. Tôi và Chinsung men theo đường tàu đi bộ hết đêm. Chẳng nhớ nổi là chúng tôi có ngủ lúc đang đi hay không mà chỉ qua một ngày nữa thì chúng tôi đã đi tới gần ga Gomusan, quanh đó là những ngôi nhà vắng tanh vắng ngắt. Khi ngoặt vào ngõ hẻm với những căn nhà nối liền nhau dài ngoẵng, tôi cảm thấy trong đó có rất nhiều người.

“Con bé này là ai thế?”

Nghe có tiếng lao xao trong gió rồi thấy xuất hiện một hai cái bóng mờ mờ, tỏ tỏ như quần áo giặt sẫm màu trong đêm trăng khuyết nổi lên. Trong đó có một cái bóng sượt qua tôi và hỏi bằng một âm thanh rất rõ ràng.

“Mày đi đâu?”

Tôi không sợ chút nào. Khi chỉ có hai bà cháu trong lều trên núi, nghe tiếng hổ quanh quẩn lại tôi cũng không hề sợ hãi. Cả sau này khi còn một mình tôi cũng đã sống trong khu rừng đó.

“Mặc kệ người khác đi đâu thì đi. Mày tưởng tao sợ sao?”

Những cái bóng đen ngòm bắt đầu lao xao xung quanh. “Nó nói nó không sợ, không hề sợ”. Tôi và Chinsung không chút ngập ngừng, cứ thế bước đi và dừng lại trước một căn nhà nào đó đang mở toang cửa. Căn nhà có sân rộng giống như nhà chúng tôi ở Musan và có cả sàn trống giữa các phòng. Khi tôi bước vào sân, Chinsung ghì chân sau lại và sửa khế.

“Không sao đâu, mình nghỉ ở đây một chút đợi trời sáng rồi ra ga.”

Khi bước hẳn vào trong thì thấy gió thổi ù ù quanh sân rồi biến mất. Bước lên hè, tôi nghe ngay đằng sau giọng một người phụ nữ bị khàn tiếng.

“Con kia, sao dám tự ý vào nhà người khác hả?”

Ngoảnh lại, tôi thấy một người phụ nữ với mái tóc lá lượt đang đứng trước cửa bếp. Tôi biết đó là chủ nhân của nhà này và không phải là người

còn sống. Con Chinsung lại gằm ghè.

“Cô ơi, cháu xin lỗi. Cháu cũng đang đi tìm mẹ, mệt mỏi quá nên định ghé vào đây nghỉ một lát rồi đi.”

“Đẹp nó đi, mấy đứa con tao đang sợ hãi đó.”

“Đây là em cháu, nó không hại gì đâu. Làm sao mà cô chết vậy?”

Lần này lại nghe bên trong hè có tiếng cười rúc rích.

“Nó nói đó là em của nó, hic hic.”

Trong phòng có hai đứa trẻ con đang đứng cạnh nhau. Đứa có vẻ cao hơn một chút là con gái và đứa thấp hơn là con trai. Chị em nhà nó khoảng bảy tuổi và bốn tuổi. Tôi ngồi trên hè, người phụ nữ và hai đứa trẻ con đứng cách một khoảng xa bên trong.

“Chúng tao không thể rời đây được. Vì đang phải chờ bố bọn trẻ. Chúng tao cùng đi tới Hwe Ryong và Jeong Jin để kiếm lương thực cho bọn trẻ, lúc về không bắt được xe nên phải đi bộ về. Bốn ngày sau về tới nhà thì bọn trẻ đã chết vì đói và rét. Tao sốc đến nỗi ngã ngay tại chỗ và cũng chết luôn. Bố bọn trẻ không biết đi đâu mà không thấy về. Hãy nhìn cái sân kia. Toàn người trong làng cả đấy. Tất cả đã rời đi chỉ còn chúng tao ở lại.”

Tôi nhìn thấy những linh hồn vàng vắt cuộn lại chỗ nọ chỗ kia như những cụm khói đen trong sân và ngoài cổng. Tôi nhớ tới bà và lôi bọc gopchangtok gói trong nilon, bứt từng chút một và bắt đầu quăng ra vườn. Ném cả vào phòng cho người phụ nữ và hai đứa trẻ.

“Mọi người hãy ăn và đi đi. Cậu cũng ăn đi, cả cậu nữa...”

Các hình bóng biến mất trong nháy mắt. Tôi cho Chinsung một cái bánh gopchangtok và bản thân cũng đưa lên miệng cắn một miếng nhai rồi ngủ thiếp đi.

Sáng, chúng tôi ra vùng gần ga thì chẳng thấy nhân viên nhà ga và hoàn toàn không có dấu chân người. Tôi ngồi thụp xuống trước ga thì một bà già liêu xiêu bước tới nói:

“Sao lại có đứa trẻ ta chưa nhìn thấy bao giờ ở đây nhỉ? Mà sống ở đâu thế?”

“Cháu sống ở Musan.”

“Sao? Từ nơi xa như vậy mà tới đây làm gì? Cứ vượt sông quách đi có phải đỡ không. Con dâu và con trai ta đi tìm đường sống cũng đã lâu lắm rồi.”

“Bà ơi, muốn đi Buryong thì phải lên tàu ở đây à?”

“Tàu hỏa ấy à? Nó vẫn đang chạy à? Nó ngưng chạy từ lâu rồi cơ mà. Người sống ở đây cũng tứ tán đi khắp nơi rồi. Nếu là người lớn chỉ cần một ngày là có thể tới Buryong được.”

Cái giỏ bà già đeo bên người rơi phịch xuống đất, bên trong chỉ chông chơ toàn vỏ thông và dorachi.

“Chỉ toàn ăn những cái này thôi nên chẳng dễ chết. Mà đi về nhà nhanh lên. Không thì tới ga Joeng Jin mà móc túi cũng được. Phải vậy mới sống nổi.”

Tôi đưa tay ra đằng sau định lấy túi nilon đựng gopchangtok nhưng bà già đã nhanh như cắt cướp lấy bọc nilon. Không thể tả được bà nhanh tới mức nào, trái ngược hẳn với bước chân và giọng nói của bà. Bà già nhét hai cái bánh liền một lúc vào miệng và bắt đầu nhai. Không biết có phải rằng hàm đã rụng hết hay không mà bà già chỉ trệu trạo nhai bằng răng cửa rồi cứ thế nuốt chửng cái bánh khiến tôi đứng cạnh nhìn cũng thấy muốn ghen cổ. Khi tôi vừa lôi bình nước ra bà già vội vàng giấu túi nilon ra phía sau, đón lấy bình nước và tu một hơi thật dài. Sau đó có vẻ như đã hoàn hồn, bà già thở một hơi thật sâu, ngồi ngậy ra rồi đưa lại cho tôi bọc nilon và bình nước.

“Mày cũng ăn đi.”

“Bà ăn hết đi.”



Bà già lại bắt đầu ăn từng cái bánh một. Cho đến khi chỉ còn lại cái túi nilon trống trơn, bà già lại chìa túi nilon ra trước tôi. Tôi đứng lên định đi, con Chinsung cũng hiểu ý liền đứng ngay dậy và đi xuống phía đường tàu.

“Đi nhanh lên, ở đây người ta đi hết rồi chẳng còn ai cả.”

Trên đường tới Buryong, hăng đêm tôi gặp không biết bao nhiêu hồn ma vất vưởng khắp các cánh đồng và làng mạc. Mỗi lần chúng khệnh khạng và lướt qua con đường làng vắng ngắt lại nghe rít lên âm thanh ù ù ù ù như gió lùa qua những hàng cây cao. Sau này, khi tới thế giới khác, nhìn thấy vô vàn những đô thị cùng không khí náo nhiệt của con người và ánh sáng rực rỡ, tôi lại chạnh lòng nghĩ rằng họ đã bỏ và ngoảnh mặt đi với chúng tôi.

À, à, giờ đây là lúc bắt đầu những chuỗi ngày đáng sợ của địa ngục lửa. Tôi và Chinsung trong lúc đang lạc đường ở một sườn núi nào đó nối liền đỉnh Chayu và núi Goseong bao quanh Buryong thì ngửi thấy mùi khói rất cay ở đâu đó. Chinsung bắt đầu sửa lên dữ dội. Khi xuống được con đường mòn bên dưới, đột nhiên thấy gió nổi rất mạnh và khói bắt đầu bao phủ khắp sườn núi. Vừa qua khỏi một khúc quanh thì thấy lửa đang từ phía dưới lan dần lên. Mà không, khắp nơi chỉ toàn là khói và lửa. Những cuộn khói bốc lên từ những rặng cây phủ khắp bầu trời, nghe sát bên tai tiếng lửa bén vào các cành cây nổ lách tách lách tách. Lửa đang cháy ở dưới thung lũng kia và lan đi rất nhanh.

Tôi quay lại con đường vừa xuống và leo ngược lên. Lúc xuống thì trơn trượt nên không mệt mỏi gì nhưng khi leo ngược lên mệt không thở được và chân không còn tí sức lực nào. Khi quay nhìn xuống dưới mới thấy ngọn lửa bùng lên theo gió lan nhanh tới ngọn đồi thấp phía đối diện. Những cuộn khói vô phương hướng trùm lấy chúng tôi. Tôi hỗn hển leo lên núi nhưng lửa cũng lan nhanh không kém. Con Chinsung lười thè ra, chạy đằng trước và liên tục ngoái lại nhìn tôi. Vất vả lắm mới leo được lên sườn núi thoai thoải hướng lên đỉnh..

Tới sườn núi, tôi nhìn xuống phía dưới thung lũng và cánh đồng nơi mình vừa leo xuống lúc nãy. Không biết có phải lửa bắt đầu từ chân núi hay

không mà nó chạy một vòng qua sườn núi và đang lan sang hai cánh thung lũng, tiếp đó khói trắng bốc lên từ giữa cánh đồng nối dài với hẻm núi. Giữa rừng có gì đó đang rùng rùng chạy, thì ra là nai sừng tấm và hươu đang lao qua sườn núi. Chúng dừng lại, khẽ nhìn chúng tôi rồi lại thoăn thoắt chạy đi và vượt qua sườn núi. Lửa đổ bộ trước tiên vào phía tây sườn núi và bắt đầu cháy hướng lên trên. Thật may vùng này không có nhiều cây nên lửa chỉ cháy từ từ và thiêu trụi cỏ cùng cây bụi. Nhưng ngọn lửa cháy qua khu đó cùng ngọn lửa cháy lên từ phía dưới nếu gặp nhau chắc chắn sẽ lan từ sườn núi tới đỉnh trong nháy mắt.

Tôi cùng Chinsung vượt qua sườn núi. Rồi tôi ngồi bệt xuống, trượt trên cỏ và lá rụng như lao cầu trượt xuống dưới. Đột nhiên người tôi lửng lơ trên không, va phải cành cây và ngã lăn lông lốc. Toàn thân tôi ướt đầm mồ hôi, bên hông nơi bị ngã đau nhói đến tức thở. Nhưng bên dưới khói lại đang bùng lên. Chinsung vánh tai ra sau, nhe răng và bắt đầu sủa. Một gia đình lợn lòi chạy ra khỏi con dốc mà chúng tôi vừa trượt xuống, ngấp ngừng trước mắt chúng tôi rồi đổi hướng biến mất phía dưới. Lũ con của chúng cũng hoảng hốt chạy theo. Chinsung gầm ghè và cứ thế chạy theo bọn lợn lòi. Tôi hướng về phía Chinsung, vội vã hét lên.

“Ngõ ời, bọn nó không hại mình đâu. Chúng chạy thoát thân đấy!”

Tôi nhóm người dậy định đi theo nó nhưng không thể nào thở nổi. Không biết là bị dập lưng hay bị gãy xương sườn nữa. Phải mất mấy ngày sau tôi mới thấy đỡ nhưng vẫn còn âm ỉ đau mỗi lần bước và cái đau kéo dài cả tháng, đến tận khi tôi đã vượt sông Duman. Lúc đó tôi chỉ còn nước bò như thú vật rẽ cỏ để đi. Rồi trước mắt tôi hiện ra tảng đá và một con suối đang chảy róc rách giữa tảng đá lớn.

Hơi khói nồng nặc theo gió dồn tới tận con suối. Đằng kia, ngọn lửa bắt đầu ăn tới dốc núi ngay phía trên con suối. Trong nháy mắt đã nghe thấy tiếng các cành cây bén lửa cháy dữ dội. Tôi ngồi thụp xuống bên tảng đá trước một vũng nước đọng chỉ to gấp đôi quả hồ lô.

Ngọn lửa lan dần từ dưới lên trên, tỏa rộng ra theo địa hình và rừng cây. Gió từ thung lũng như cái ống khói thoát ra nên khói và lửa vây lại cả hai bên và tiến đến mỗi lúc một gần. Thoáng một cái hơi nóng đã hầm hập bốc lên đến nghẹn cả họng.

Không cần ai dạy tôi cũng biết cách nhúng cho quần áo thật ướt và đội lên đầu, nằm bẹp xuống đằng sau tảng đá. Những cái cây ngay trên đầu tôi oằn xuống và toàn bộ cây cối bắt đầu bén lửa. Tôi đã nhúng ướt đầm áo và đập lên trên nhưng cảm thấy lưng nóng như ở ngay bên đống lửa. Khói và mùi cháy cùng tiếng nổ lách tách của vỏ và nhựa cây; đáng sợ hơn cả là luồng gió mạnh cùng tiếng lửa cháy rừng rục không ngừng dội lên suốt. Tôi đã nhắm chặt mắt nhưng nước mắt nước mũi nhòe nhoẹt trên mặt và ho liên tục.

Khi ngẩng đầu lên mới thấy ngọn lửa rừng rục đã đi qua chỉ còn lại những tia lửa nhỏ đang bay phất phơ và khói cay xè không ngừng phủ ra trên các cành cây cháy dở. Xung quanh trời bắt đầu tối, thêm nữa nơi tôi vượt qua là phía Bắc núi nên mặt trời càng trở nên nhanh tối hơn. Bốn phía vẫn còn nhìn thấy các tàn lửa đang cháy âm ỉ, những gốc cây đang cháy dở làm đỏ rực xung quanh như nồi trên bếp. Khói bốc lên khắp nơi và khi trời vừa sẫm tối thì quang cảnh trông giống như giữa địa ngục. Vẫn còn nghe thấy đây đó tiếng cây đang cháy. Những cây thông cao trụi lá đứng bên dốc núi, vươn đám cành đang cháy dở ra bốn phía như bó đuốc. Tôi bước thấp bước cao chạy xuống thung lũng và hét lên:

“Chinsung ơi, Chinsung!”

Tiếng hét vọng lại vang khắp xung quanh. Tôi tập trung để nghĩ xem Chinsung đang ở chỗ nào, giống như ngày xưa. Con Chinsung đang ở một nơi rất gần. Tôi đi quanh các tảng đá để tìm Chinsung. Nhìn thấy nó nằm sóng soài trên cỏ cách dòng nước không xa. Khi tôi tiến lại gần Chinsung yếu ớt vẫy đuôi mấy lần. Tôi lo lắng “Bị thương ở đâu, dậy đi”, nhưng có vẻ như Chinsung không còn đủ sức để đáp lại lời tôi. Tro dính lấm lem lên bộ lông trắng của nó, dưới bụng lộ ra vết thương đỏ lôm, máu chảy ướt đầm

thấm đở cả đất. Sao lại ngu ngốc tấn công bọn lợn rừng đang mang con chạy tránh nạn cơ chứ. Có lẽ Chinsung tấn công bọn thú hoang cũng chỉ là muốn bảo vệ sự an toàn cho chủ. Vợ chồng con lợn lòi có lẽ đã dùng tất cả sức lực để chống chọi lại kẻ tấn công. Chinsung bị con lợn lòi làm rách bụng, rồi lại chạy xuyên qua tầng tầng lớp lớp các ngọn lửa. Tôi ôm đầu Chinsung khóc không thành tiếng. Nó là người thân cuối cùng của tôi trên đời, giờ thì chỉ còn lại mình tôi giữa thế giới rộng lớn này.

Từ đó cho tới khi tôi tới biên giới Musan trong khoảng ba, bốn ngày, những ngọn núi xung quanh tiếp tục cháy và bốc khói. Sau này khi ra tới Yeongin tôi mới nghe tường tận về vụ cháy rừng ở Chosun. Năm đó ở khắp nơi trên thế giới cũng xảy ra nhiều vụ cháy rừng. Ở Chosun cây cối khô nên đôi khi gây ra cháy rừng tự nhiên, nhưng lần này là do người dân tự làm cháy. Sau khi thu hoạch tất cả trên cánh đồng tập thể mà vẫn không được cung cấp lương thực, người ta lên núi định khai khẩn phần đất của mình. Họ thủ trong túi một bao diêm, đi vào hẻm núi hay thung lũng để không ai nhìn thấy rồi châm lửa, tránh đi.

Ngay cả lúc lửa bùng lên thì ở làng gần đó cũng không đủ người để dập lửa. Cháy rừng, nếu lửa đã bùng lên thì phải cháy tới ba, bốn, năm ngày cho tới khi thiêu rụi tất cả các ngọn núi gần đó. Khi những cánh rừng rậm trở thành các bãi tro, người ta tranh nhau lên núi trước, đóng cọc đánh dấu phần đất của mình, dựng những phần cây chưa cháy hết lên để làm phần ruộng của mình, rồi trồng đậu trắng, khoai tây hay đậu đen lên đó. Những người đốt lửa như vậy bắt đầu sống sót từ năm đó.

Cho đến khi qua sông Duman quay trở về nơi mình đã ra đi, mỗi khi leo lên cao tôi lại quay nhìn về phía sau, thấy những ngọn núi xa gần vẫn còn những đám cháy tỏa khói mù mịt, trông giống như những đám lửa cầu cứu của những người bị kẹt ở hoang đảo trên vùng biển mênh mông. Khói im lặng tỏa lên trên bầu trời tĩnh mịch đây về bất an như những hồn ma đồn lại trong đêm khuya với những tiếng ù ù ù mà tôi đã từng nghe vang vọng khắp mặt đất.

## 5.

Tôi đi tìm bố mẹ, không những chẳng tới được Buryong mà còn bị mất cả Chinsung, đành lặng lẽ quay về lại căn lều cũ. Khi về tới nơi thấy một con lửng ục ịch gớm ghiếc đang sống trong đó. Tôi nhặt một thanh gỗ dài giằng co rất lâu mới đuổi được nó ra ngoài. Nó giận dữ chặn cây gậy bằng cả hai chân, xông thẳng vào tôi, trông thật khủng khiếp. Tiếng rít chói tai của nó cũng vô cùng dữ tợn nhưng tôi chẳng phải là nữ anh hùng đã cận kề cái chết không biết bao nhiêu lần đó sao. Đuổi được con lửng đi, tôi dọn qua loa căn lều, đào lương thực đã cất giấu trong núi sống qua ngày. Sống như vậy chừng hơn một tháng thì nghe thấy tiếng người, chú chủ nhà đang cầm cái bao nilon đứng trước cửa nhìn vào.

“Ôi, ôi, ai đây!... Cháu... cháu vẫn còn sống đấy à?”

Chú chủ nhà mắt đỏ hoe nắm tay tôi lắc mãi. Rồi tôi xuống dưới nhà chú tá túc. Họ biết cả việc chị Hiền chết, chuyện bố tôi rời đi. Tôi kể lại cận kề về cái chết của bà tôi cùng việc mình đi tới Chosun để tìm gia đình và cả cái chết của con Chinsung. Bà già nhà đó cùng cô chủ nhà ngồi quanh không cầm được nước mắt. Bà già nói:

“Cháu thấy chưa, vì gia đình, cháu càng phải sống mới được. Phải sống mới có người kể lại chuyện cũ chứ.”

Sống được gần một tháng ở nhà đó thì má tôi bắt đầu phúng phính và tóc trở nên mượt mà. Chú chủ nhà liên lạc với chú Mikuri để tìm việc làm cho tôi. Chú đưa tôi qua Hwa Ryong và tới trung tâm Yeongin. Chúng tôi đang đợi tại một quán trà thì chú Mikuri xuất hiện. Bụng chú phệ hơn trước đây, chú mặc một cái áo khoác rộng. Chú nói do nạn đói ở Chosun mà tất cả việc

buôn bán giao dịch bị ngưng lại hết cả. Chú cùng với ai đó đã thành lập một văn phòng du lịch nhỏ để đón khách Hàn Quốc.

Chú chủ nhà cùng chú Mikuri tới quán Gukbap, gọi đồ cho tôi ăn rồi ngồi cạnh tôi, kể về tất cả những chuyện đã xảy ra trong gia đình tôi thời gian qua. Chú Mikuri tợp xong mấy chén rượu rồi bảo tôi:

“Nói chung người ta sống đều như vậy cả, có nghĩa là muốn đi đâu đó nhưng mọi chuyện chẳng dễ như mình nghĩ. Ở đây cứ coi chú là chú ruột của cháu, có chuyện gì khó khăn hãy đến với chú.”

Tôi ăn cơm xong, đợi các chú uống rượu xong thì nói:

“Chị Mĩ đã vượt sông trước cả cháu, nếu chị ấy còn sống ở đâu đó thì có thể tìm được.”

“Ừ, chú nhớ ra rồi. Chú có mấy người quen làm trong lĩnh vực đó nên sẽ tìm ra thôi.”

Thoạt đầu, chú Mikuri Tiểu Long giới thiệu tôi đi giúp việc nhà, trông con cho cặp vợ chồng giáo viên trung học người dân tộc Chosun, khoảng sáu tháng sau thì chuyển sang làm tại tiệm mát-xa Thiên Đường. Trong thời gian ở nhà vợ chồng giáo viên, tôi có học được chút ít tiếng Trung. Cô chủ nhà đưa cho tôi sách cấp một và dạy tôi học đọc, học viết. Cho đến lúc tôi gần đi, cô chủ nhà vỗ vỗ lưng tôi và nói:

“Bari rất thông minh nên đi đâu cũng sẽ sống tốt thôi. Cô chưa từng gặp học sinh nào học nhanh như cháu.”

Người giới thiệu tôi tới làm việc ở Thiên Đường cũng là chú Mikuri, à không, chú Tiểu Long. Tôi vẫn quen miệng gọi chú là chú Mikuri nhưng chú gõ nhẹ lên đầu tôi và nói:

“Sao cứ gọi biệt danh của chú ở bất cứ chỗ nào vậy? Ngoài bố cháu ra giờ chẳng có ai gọi chú bằng cái tên đó nữa.”

Tôi cũng trở nên buồn bã. Chú nói rằng nếu tôi muốn vừa kiếm được nhiều tiền vừa an toàn thì phải tới quán của người quen của chú để học việc.

Theo tôi biết thì những người Chosun cùng hoàn cảnh như tôi không nhận được tiền công, chỉ cần có chỗ ngủ cũng đã là may mắn lắm rồi. Cho tới thời điểm đó, công an vẫn chưa tổ chức các cuộc truy bắt nhưng nếu có ai khai báo thì họ sẽ đi kiểm tra. Ở bất cứ chỗ nào cũng vậy, những người như chúng tôi chỉ nhận được một phần ba tiền công so với những người có hộ khẩu Trung Quốc nhưng tôi nhận được tới một nửa, mặc dù đó chỉ là tiền trả học việc, phụ giúp những việc vặt. Tiệm Mát-xa Thiên Đường nằm trên con phố có nhiều quán karaoke và quán nhậu, nhưng đó là một tiệm chuyên về mát-xa chân. Gần đó có chỗ kiêm luôn cả sauna và mát-xa toàn thân nhưng phí lại đắt hơn tiệm chúng tôi và cũng có nhiều tin đồn là tiệm có gì đó không bình thường. Tiệm chúng tôi khách hàng chủ yếu là những người đi công tác hoặc khách du lịch. Hoặc cũng có cả những cặp vợ chồng cùng đến để mát-xa.

Tôi gặp chị Syang trong tiệm Thiên Đường. Các chị người dân tộc Chosun và dân tộc Hán cùng làm trong đó. Có hai mươi chị làm công việc mát-xa thì mười bốn chị là thiếu nữ và còn lại sáu chị đã kết hôn. Nói là đã lấy chồng nhưng chỉ hai người có chồng bên cạnh. Đa phần những chị đã kết hôn đều từ quê ra, sống một mình hoặc sống cùng con cái. Những nhân viên mát-xa đa phần là thiếu nữ nông thôn vùng sâu vùng xa, tụ tập ở đây để kiếm tiền. Chị Syang là một trong hai chị đã lấy chồng và cùng sống với chồng ở đó. Chị cỡ hai mươi lăm tuổi. Chị Chinchin là người nhiều tuổi nhất, đang sống cùng con, nghe chị nói là mình ba mươi tuổi nhưng theo lời cô Kim người dân tộc Chosun cùng làm công việc nấu cơm và dọn dẹp với tôi thì chị đã ba mươi tư tuổi rồi. Chú giám đốc chỉ xuất hiện khi gần hết giờ để tính tiền công cho các chị, người trông quán chủ yếu là vợ chú.

Thời gian khách đến đông nhất thường là vừa sau giờ ăn trưa, buổi chiều hoặc đêm. Những nhân viên mát-xa ngồi tụ tập với nhau trong phòng đợi mỗi khi vắng khách vào lúc chập choạng tối hay chiều muộn, cùng xem tivi, ăn cái gì đó lót dạ. Những lúc như vậy thỉnh thoảng tôi và cô Kim làm món ăn mang ra cho các chị. Chúng tôi cũng phải dè chừng ánh mắt chủ và đối

xử tốt với nhân viên mát-xa. Bởi họ khi nhận được tiền tip cũng chia cho chúng tôi một khoản.

Một ngày nọ, trong lúc tôi đang dọn phòng tắm, phun nước xà phòng lên tường ốp gạch men rồi chà sạch và phun nước lên thì nhìn thấy một vật lấp lánh trên miếng lưới sắt đáy nắp cống. Tôi cúi xuống nhìn, thì ra đó là một chiếc nhẫn vàng khá to. Mặt nhẫn khắc hình một đóa hoa sen. Tôi đeo thử vào tay thì chiếc nhẫn lọt thỏm và còn xoay được vòng vòng. Không biết ai đã làm rơi nó nhỉ? Dầu sao, với chiếc nhẫn này nếu đem ra chợ trời bán cũng kiếm được một món tiền lớn. Tôi nhét nó vào trong áo lao động. Mười giờ sáng ngày hôm sau khi tất cả đã tới làm và tụ tập để ăn trưa, tôi để đồ ăn lên cái khay mang ra và hỏi mọi người:

“Có ai bị mất gì không?”

Các chị người dân tộc Chosun dịch lại lời tôi nói sang cho các chị người dân tộc Hán. Các chị đang ngồi nhìn nhau ngơ ngác thì chị Syang giơ một tay ra và nói:

“Hay là em nhặt được chiếc nhẫn vàng của chị?”

Tôi cũng nói bằng tiếng Trung:

“Cái nhẫn có hình thế nào?”

“Sao? Nhẫn vàng... phía trước có khắc hoa sen.”

Tôi cười và lấy trong túi ra chiếc nhẫn đưa cho chị. Mấy ngày sau chị Syang tới làm, vào phòng mát-xa, khi ra chị khẽ khàng dúi vào tay tôi một tập tiền gấp đôi phẳng phiu. Tôi vào bếp mở ra thì đó là hai mươi won. Tôi đã từng nhận tiền một won, năm won nhưng đối với tôi đây thật sự là một món tiền lớn. Chị Syang đang rũ người ra sau khi vừa làm xong công việc mát-xa vất vả, tôi liền pha cho chị một cốc trà táo tàu nóng hổi.

Chị Syang xin phép chú giám đốc vào ngày chủ nhật không làm việc để đưa tôi về nhà chị. Nhà chị Syang là một căn nhà tập thể nhỏ gần chợ Đông có một phòng khách kiêm bếp và một phòng ngủ. Trước khi bước vào trong



nhà đã ngửi thấy mùi thức ăn tỏa ra khắp cầu thang. Vừa tới cửa tôi nhìn thấy một người đàn ông đang đứng trước bếp phía đối diện, quay lưng ra ngoài. Anh mặc áo ba lỗ, đang xào thịt và rau trong một cái chảo tròn.

“Em về rồi!”

Chị hét lên nhưng chồng chị vẫn không quay ra mà nhấc cái chảo lên lắc lắc để lật đồ ăn và nói:

“Ừ, Bari cũng tới rồi hả?”

Chúng tôi ngồi bên bàn ăn có bốn cái ghế được gọi là đồ đặc của phòng khách, anh bắt đầu đặt thức ăn đã chuẩn bị lên đó. Tôi nhấp nhúm đứng dậy chào anh, rồi định ra giúp anh mang đồ ăn tới thì chị Syang lại kéo áo tôi lại nói, cả vợ lẫn chồng chị nếu ai là người làm thì sẽ làm từ đầu đến cuối. Họ là người dân tộc Hán nên đồ ăn cũng làm theo kiểu Trung Quốc. Bữa cơm có hai món rau xào cùng thịt heo và cá rán. Họ nói với nhau chuyện nọ chuyện kia, còn tôi chỉ bập bõm được vài từ dễ nói.

Chồng chị nghe hoàn cảnh của tôi thì kể cho tôi nghe chuyện họ đã cùng rời quê hương ở vùng nông thôn Hyerung Changsyong như thế nào. Chồng chị ở quê có làm phụ việc cho một trung tâm Đông y và học được cách châm cứu, hiện tại đang đi học châm cứu ở trung tâm dạy nghề. Anh nói rằng nếu học và lấy được bằng châm cứu thì có thể tới thành phố lớn và kiếm được nhiều tiền. Chồng chị Syang với râu cằm thưa, khi cười thì nhìn cái miệng rất to. Nhưng ngược lại, mắt anh quá nhỏ, trông giống như một đường kẻ được vẽ bằng nét bút chì mảnh. Chị Syang nói:

“Chị đã học về huyết bàn chân từ anh ấy.”

“Huyết là gì ạ?”

“Ừm, mặc dù không thể nhìn thấy được nhưng ở bàn chân có rất nhiều điểm kết nối với thân thể mình.”

Chị Syang đập đập vào chồng và nói anh đưa bàn chân ra. Khi anh bối rối chìa bàn chân bẩn thỉu ra thì chị lấy cây bút chấm chỗ nọ chỗ kia trên bàn

chân và giải thích đây là tim, dạ dày, đây là gan; nhưng đối với tôi thật khó để hiểu hết được.

“Nếu Bari biết về bàn chân rồi học mát-xa cũng sẽ kiếm được nhiều tiền.”

“Em cũng muốn biết lắm.”

Không biết vợ chồng nhà chị đã nói với nhau những gì mà chị Syang bảo tôi:

“VẬY em nói với giám đốc chủ nhật hằng tuần cho em tới nhà chị đi. Có nhiều cái để học về bàn chân lắm. Còn cách mát-xa thì trong lúc nào rảnh rồi chị dạy cho.”

Tôi không nói cho ai khác ngoài gia đình mình biết bản thân có khả năng đặc biệt. Ngay cả chuyện tôi đi tìm bố mẹ gần tới Buryong và gặp nhiều hồn ma, tôi cũng chưa hề nói cho chú Mikuri - người không khác nào là người bảo hộ của tôi. Tôi thật sự mong muốn mình chỉ là một con bé bình thường trong mắt bất cứ ai. Tất nhiên tôi cũng chưa bao giờ tự nói ra chuyện tôi đến từ Chosun, ở trong Thiên Đường nếu có ai đó hỏi thế nào cô chủ cũng mắng té tát.

“Con nhỏ đó nếu bị bắt mang đi thì đã đành, nhưng quán chúng ta sẽ bị đóng cửa và bị phạt tiền nữa. Nếu vậy thì những đứa như chúng mày sẽ phải nghỉ việc ngay lập tức.”

Chủ nhật hằng tuần tôi tới nhà chị Syang và học về huyệt bàn chân từ anh Châu chồng chị. Chị đưa chân ra trước và ngồi xuống, anh nhấn nhấn chỗ nọ chỗ kia bằng một cái que gỗ dài chừng một gang tay rồi giải thích cho tôi. Đầu của que gỗ được gọt tròn, phần cuối được đẽo theo hình tam giác tù và một đầu được vót hơi nhọn, nhưng tôi chủ yếu học cách làm bằng tay chứ không thường xuyên dùng mấy cái que gỗ đó. Cách để áp xuống và dựng đầu ngón trỏ, sử dụng toàn bộ các ngón tay, nắm tay thành nắm đấm và giờ đầu gấp ngón tay nhấn xuống, đấm bằng nắm đấm, đấm bằng lòng bàn tay, bóp bằng cả bàn tay, vuốt đầu gấp ngón chân và gót chân, bóp rồi xoa. Anh

Châu nói rằng khi mát-xa chân mà dùng dụng cụ thì đỡ mệt nhưng nếu làm bằng tay không sẽ hiệu quả hơn nhiều.

“Em nhìn đây nhé, bàn chân chia thành ba phần. Bàn chân, mu bàn chân, phần cổ chân và gót chân cũng được chia thành nhiều phần khác nhau như cơ thể chúng ta. Nó cũng giống như tay vậy, nên trước khi mát-xa chân nên xoa nhẹ tay thì sẽ càng hiệu quả hơn nữa. Phần nội tạng, chủ yếu tập trung ở vùng bàn chân và gót chân, phần đầu tập trung ở vùng ngón chân. Phần giữa lõm vào là thận đấy. Phần lồi lên giữa ngón chân út trái và ngón áp út là tim, phần cũng giống như vậy bên phải là gan.”

Anh Châu lấy bàn chân của chị Syang để giảng giải, sau đó khi vừa mát-xa chân cho tôi anh lại giải thích thêm lần nữa. Rồi anh để cho tôi mát-xa chân cho anh. Nếu thao tác của tôi sai anh co chân mình lại và giải thích, đoạn bảo tôi làm tiếp. Chủ nhật hằng tuần tôi học đi học lại như vậy và học về những điểm tương ứng của chân. Trước tiên học mười bước bóp tay và kết thúc mười lăm thao tác cơ bản của mát-xa chân, sau đó chủ yếu học lại các điểm trị liệu. Chẳng hạn như trong lúc ứng dụng, anh Châu ra câu hỏi dạng thế này:

“Khi có người khách say rượu bước vào thì phải mát-xa cho họ thế nào?”

Phần đầu chủ yếu liên quan tới các ngón chân nên lần lượt nhấn các ngón chân trước để giúp họ bớt đau đầu. Sau đó bóp phần gót chân là phần phản xạ của nội tạng, gan và điểm tương ứng của dạ dày là bàn chân.

Tôi làm trong Thiên Đường được khoảng tám tháng thì trở thành nhân viên mát-xa. Tôi không có hộ khẩu Trung Quốc nên không được cấp chứng chỉ hành nghề chính thức, nhưng với khả năng kỹ thuật tôi vẫn có thể được nhận khách. Vì vậy tôi không được nhận mấy phần trăm tiền vào cửa như các chị nhân viên mát-xa khác nhưng vẫn có thể nhận tiền tip khách cho. Chỉ cần như vậy thôi cũng đỡ hơn rất nhiều so với làm việc vất vả giúp nấu cơm nước.

Từ ngày nhỏ tôi đã là một đứa trẻ lạ lùng. Ngay từ những buổi đầu mát-xa chân cho khách, chỉ quan sát khuôn mặt và nhìn chân họ là tôi có thể biết

ngay được cơ thể người đó không khỏe ở chỗ nào. Khi mát-xa cho người khách đầu tiên, tôi đã nhận ra sự thật đó. Một người đàn ông Trung Quốc bước vào, trông cơ thể rất khỏe mạnh, da thịt hồng hào. Ông ta cởi bỏ bộ Âu phục, chỉ mặc mỗi bộ đồ lót và nằm duỗi chân xuống dưới. Trước tiên tôi rửa sạch chân cho ông ta bằng nước ấm pha muối và giấm, sau đó ngâm chân ông ta vào nước ngải cứu khá nóng và từ từ bóp chân cho ông ta từ dưới lên trên, giúp làm lỏng cơ bắp. Sau đó tôi lau chân bằng khăn khô và bắt đầu mát-xa từ chân trái trước. Tôi tìm huyết theo cách đã được học và bắt đầu nhấn lần lượt các ngón chân, và nhìn thấy các chấm đỏ ở gót chân của ông. Tôi có thể đoán ngay được rằng gan của người này không tốt.

Lần sau, khách là một bà khách du lịch. Lần này tôi không chỉ nhìn thấy các phần đỏ và xanh trên bàn chân mà trong lúc bóp và đấm chân, khi nhắm mắt lại tôi bắt đầu thấy hiện lên trong đầu những hình ảnh nào đó. Một cái xe hơi đang chạy qua cầu. Đột nhiên một chiếc xe tải chạy đằng sau và ụp lên chiếc xe con. Chiếc xe con gần như bẹp dúm và lăn lóc trên đường. Tôi không tìm được liên hệ thâm với chị người dân tộc Chosun đang cùng làm bên cạnh.

“Hình như cô này bị tai nạn giao thông.”

“Sao? Có vết sẹo ở đâu à?”

“Không, em đoán vậy thôi...”

Sau khi tôi bắt đầu làm việc, trong số những người khách tới có người đã phát hiện ra tôi bấm huyết tốt và họ trở thành khách quen của tôi. Chị Syang đã biết tôi có khả năng lạ lùng nhưng chị chỉ biết đó là tài vật của tôi mà thôi.

Tôi làm ở Thiên Đường được hai năm, tới năm mười sáu tuổi tôi theo chị Syang và anh Châu chuyển tới Talen. Trong thời gian đó anh Châu đã nhận được chứng chỉ châm cứu và cùng mở tiệm với một người bạn của anh. Trước khi rời đi, tôi nghĩ phải cho chú Tiểu Long biết mới đúng đạo lí. Tôi gọi điện thoại và mời chú ăn cơm tối. Chú Tiểu Long cười khanh khách:

“Ừ, ừ, giờ Bari đã trở thành người lớn rồi.”

Chú không phải là người rảnh rỗi. Chú vừa quản lý công ty du lịch vừa kiêm cả việc hướng dẫn khách nên ngày nào cũng phải tới sân bay hay đứng đợi trước khách sạn, hoặc tự lái xe bus nhỏ đưa khách tới tận núi Becdu.

Tôi tới quán thịt cừu xiên nướng nơi chú hẹn. Đó là một quán của chuỗi quán được mở do ý tưởng của một anh bộ đội giải ngũ, giờ đã phát triển ra khắp cả nước. Thịt cừu được xiên trong các que giống như que sắt, quay vòng vòng trên bếp lửa. Chú đặt một chỗ riêng bên trong quán, vừa lau mồ hôi trên mặt bằng khăn ướt chú vừa ra hiệu cho tôi:

“Cháu vẫn bình thường chứ, dạo này có đông khách không?”

“Vâng, do thiếu người nên tiệm đã tuyển thêm nhân viên mát-xa.”

“Tốt rồi, để chú kê chai rượu.”

Tôi lấy thịt cừu đã chín bỏ lên đĩa cho chú, chú rót rượu ra chén và làm một hợp hết chén rượu.

“Năm nay cháu bao nhiêu tuổi ấy nhỉ?”

“Mười sáu tuổi ạ.”

“Ôi, thời gian trôi nhanh thật. Mới đó mà đã mười sáu tuổi rồi.”

“Cháu có chuyện này muốn nói với chú.”

Tôi kể về vợ chồng chị Syang, họ là những người thân thiết với tôi không khác gì chú. Họ sẽ tới Talen để mở tiệm mát-xa và tôi chỉ nói tới đoạn tôi sẽ theo họ tới đó. Chú Tiểu Long gật gật đầu.

“Cháu nói họ là người tốt nên chú cũng tin. Cháu không nợ hay cho ai mượn gì ở Thiên Đường chứ?” Tôi lắc đầu, chú lại nói tiếp:

“Cháu nói chuyện với giám đốc chưa?”

“Cháu chưa nói, cháu nghĩ là phải bàn với chú trước.”

Chú Tiểu Long vội vàng xua tay và đặt ngón tay lên miệng.

“Đừng nói gì cả. Cứ lặng lẽ ra đi là được. Hoàn cảnh cháu như vậy rồi làm sao tin ai được. Sau này cháu cũng đừng tin ai cả. Khu này lương tâm con người dần dần cũng trở nên đáng sợ lắm. Cháu biết vì cái gì mà trở nên như thế không? Vì tiền đấy, cháu hiểu chưa? Cuộc đời ấy mà, điện sáng lên, đồng tiền xoay chuyển thì tình người sẽ mất đi. Những đứa trước đây đi qua đi lại giao dịch buôn bán với Chosun giờ toàn sống bằng nghề trung gian dặt mồi đấy.”

Chú nói xong lại hớp hết chén rượu rồi ngả đầu ra sau.

“Chúng sống bằng nghề bán những đứa trẻ như Bari đấy. Chú đã tìm được tung tích của chị cháu rồi.”

“Sao ạ? Chú tìm thấy chị Mĩ à?... Ở đâu ạ?”

Chú Tiểu Long nói là chuyện đã từ lâu rồi, chú nghe được tin từ một người bạn làm chủ quán rượu ở Yong Jeong.

“Chú đưa chức vụ của bố cháu ra và nói muốn tìm một cô gái đến từ Musan, sau đó họ báo tin cho chú.”

Tôi bỏ đĩa xuống rồi đứng dậy khỏi ghế.

“Đi tìm chị ấy đi chú!”

“Cháu nghe hết đi đã. Chẳng lẽ chú nghe tin xong mà cứ ngồi yên sao?”

Chị Mĩ vừa vượt sông Duman xong thì hình như gặp phải bọn buôn người. Chị bị bán cho một người đàn ông dân tộc Hán ở vùng nông thôn cách Yong Jeong 60 ri. Chú Tiểu Long bận công việc nên cho tới khi có việc tới Gasanthul chú liền ghi tên làng lại và mang theo.

Con đường ngoằn ngoèo không được trải nhựa, bụi bay mù mịt. Nơi chú tìm đến là một xóm núi nhỏ vùng sâu vùng xa. Có khoảng vài chục nóc nhà của người dân tộc Hán và dân tộc Chosun. Chú xuống làng và hỏi về chị Mĩ thì một bà người dân tộc Chosun khẽ khàng chỉ tay về một ngôi nhà. Đó là một căn nhà hai gian xiêu vẹo, cạnh sân để một cái chuồng gà, nhìn thấy cả

chuồng đang nuôi lợn, ngay sau nhà là một khu ruộng rộng trồng đậu đen và ngô, trông cũng có vẻ đủ ăn.

“Chú thấy cái đáng tiền trong nhà đó chỉ là mấy con lợn thôi. Có lẽ họ bán đi một con để mua chị Mĩ về. Ngoài sân có một người già đang đi qua đi lại, còn trong nhà đứa trẻ con cứ ngẩn ngật khóc.”

Chú Tiểu Long lúc đi chải đầu gọn gàng, mặc cái áo khoác màu xanh cỏ, giống như một người từ trên cử xuống vậy. Chú hăng to giọng rồi hỏi người già rằng nghe nói trong nhà này có cô gái từ Chosun tới, vậy cô ấy đi đâu rồi. Người già lập tức giận dữ vặc lại “Đã bỏ số tiền lớn ra mua nó về mà nó trốn rồi. Con trai tôi đi khắp nơi tìm nó về mà mấy đứa giới thiệu nói nó không còn ở Trung Quốc nữa.”

“Chú định không nói cho cháu biết, chị cháu đã sinh con cho nhà đó. Nó phải bỏ con để thoát thân thì biết đến mức nào rồi. Chú có tìm gần vùng Yeongin nhưng không thấy. Biết đâu được. Có khi nó lại tới Namsun rồi cũng nên. Như vậy trong cái rủi cũng có cái may.”

Tôi không hề có cảm xúc nào và lần đầu tiên kể từ khi tới đây, tôi ngồi khóc, nước mắt lã chã rơi trước mặt người khác. Đúng vậy, có nghĩa là cảm xúc về gia đình tan đàn xẻ nghé giờ đây đã bình lặng trở lại. Việc tôi khóc cũng có thể chỉ là sự tủi thân của tôi mà thôi.

Tôi đã không nói với giám đốc, theo đúng lời khuyên của chú Tiểu Long. Và mỗi khi chị Syang đi làm về tôi lại gửi chị mang một ít đồ đạc theo. Ngày chủ nhật tôi xin phép ra ngoài tới chỗ chị Syang rồi hôm sau theo vợ chồng chị lên tàu.

Ở Talen, chúng tôi đã thỏa được ước nguyện của mình. Thành phố với bãi biển sạch đẹp tuyệt vời, công viên được xây dựng đẹp không sao tả xiết. Bạn của anh Châu tên là Chen, là người Talen nhưng lại làm quản lý phòng sauna ở Yeongin. Anh lập tiệm trong một con hẻm cách xa đường lớn trung tâm Ansanro và đã sửa sang xong phần nội thất. Là một tòa nhà ba tầng cũ nhưng có cây thường xuân leo bám lên bức tường màu xám trông rất thanh thoát.

Tầng một là nhà hàng, tầng hai dùng làm tiệm mát-xa chân. Chúng tôi ở trên tầng ba có hai phòng.

Chúng tôi dán thông báo tuyển người trên báo ngày, báo tuần của vùng và các cô gái đến dự tuyển đông nghịt. Chị Syang, anh Châu và anh Chen ngồi cạnh nhau trước một cái bàn trong phòng, tôi để chiếc ghế trước cửa, ngồi đó gọi tên các cô gái đã để sơ yếu lí lịch dưới cầu thang và mời họ vào bên trong. Họ tuyển năm cô có kinh nghiệm trước và chọn ra khoảng hai mươi cô trông mạnh khỏe xinh đẹp. Anh Chen nói rằng thật ra chỉ là để tuyển mười người trong đó. Đúng như suy nghĩ của họ, trong tuần đầu chị Syang và anh Châu dạy, có khoảng năm người tự động rút lui. Đến lúc khai trương, chị Syang lại loại thêm năm người không có khả năng mấy.

Anh Chen và Châu làm tờ rơi và đi bỏ ở các quán nhậu, nhà hàng, quán trà. Tiệm vừa có sauna lớn theo kiểu khách sạn, kiêm cả mát-xa chân và mát-xa toàn thân và trên hết là giá vào cổng lại rất rẻ. Anh Chen có kinh nghiệm làm quản lý nên kí hợp đồng đánh giày với mấy đứa nhỏ đánh giày dạo gần đó rồi bảo nếu dẫn khách đến sẽ chia cho mấy phần trăm phí vào cổng. Anh Châu làm phòng riêng bên cạnh phòng mát-xa để châm cứu và giác hơi. Không có khách cao cấp lui tới, nhưng những tiểu thương gần đó hay khách du lịch, công tác cũng tìm đến. Anh Chen lại đứng trước các nhà nghỉ và quán trọ để đón khách du lịch đoàn tới. Mặc dù là tiệm mới mở nhưng làm ăn rất tốt. Anh Chen trở thành người có tiếng tăm trong khu đó từ lúc nào.

Việc tôi vượt qua biển xa thăm thẳm để trôi dạt tới Anh quốc, giờ nghĩ lại cũng có thể là do cái tên của tôi. Trong căn lều cô tịch ấy, mỗi đêm bà đều kể cho tôi nghe chuyện nàng công chúa Bari. Đến khi lên tàu rồi tôi mới nhớ ra nội dung câu chuyện về nàng công chúa đi tới tận vùng trời phía Tây nơi mặt trời lặn để tìm nước trường sinh bất tử.

Vào một ngày tôi và chị Syang ngủ trể chưa dậy, đột nhiên nghe thấy ở tầng dưới có tiếng đàn ông quát tháo âm ỉ và tiếng đổ vỡ loảng xoảng. Chúng tôi hốt hoảng mở choàng mắt ngồi dậy, lại thấy có tiếng đàn ông hét



lên, nghe rõ ràng là tiếng anh Châu. Tôi và chị nhìn nhau rồi bật dậy khỏi giường chạy chân đất xuống cầu thang. Cửa phòng mát-xa mở toang. Vật đầu tiên tôi nhìn thấy là những con cá vàng đang giãy đành đạch giữa nền xi măng cùng mảnh thủy tinh vỡ. Chiếc bể cá nằm chổng gọng trên bàn. Bốn người đàn ông đứng đó, anh Châu đang ôm cái đầu dính máu ngồi bệt xuống sàn. Chị Syang ôm lấy chồng và hét lên với bọn đàn ông.

“Các anh là ai? Sao lại đánh người?”

Một người đàn ông thấp béo khoảng năm mươi tuổi giơ tờ giấy huơ huơ trong không khí.

“Chúng mày có biết đây là gì không? Là giấy nợ đấy. Mượn tiền của người khác rồi phải trả chứ?”

Chị Syang lắc lắc anh Châu tỏ ý hỏi, nhưng mặt anh cắt không còn giọt máu, anh đáp:

“Anh cũng không biết, bọn chúng nói là Chen đã mượn tiền.”

“Chen mượn thì liên quan gì tới anh?”

Người đàn ông trung niên lùn tịt cười khùng khục trước câu hỏi đanh thép của chị Syang.

“Nó mượn tiền với danh nghĩa quán này. Mày không phải là người cùng hợp tác sao?”

Người đàn ông đầu cạo trọc lóc cầm cổ cái chai đã vỡ giơ lên trước mặt chúng tôi.

“Muốn trả vốn cho chúng tao thì số tiền đặt cọc quán này mang ra cũng chẳng đủ.”

Ông ta vừa dứt lời liền ném cái chai vỡ đi. Anh Châu đã bị đánh bằng cái chai đó, co rúm người lại trong vòng tay chị Syang. Bọn đàn ông mở cửa phòng châm cứu, lục lọi hết các ngăn kéo, lên cả tầng ba tìm hết các hộp tủ hay đồ đạc trong phòng. Bọn họ là những người cho vay nặng lãi ở con hẻm

phía sau. Người đàn ông đứng tuổi cởi phăng chiếc áo Âu phục, cởi cúc áo sơ mi và nói với anh Châu:

“Cậu ra đây ngồi. Chúng mày biến đi.”

Ông ta nói, trợn mắt nhìn chúng tôi, nhưng chị Syang lại kéo chồng đến ngồi trước mặt ông ta rồi ngồi phệt bên cạnh chồng.

“Tiệm này là thứ sống còn của chúng tôi, tôi phải hiểu rõ ngọn ngành mới được.”

“Được thôi, để tôi đưa ra hai điều kiện thế này. Trong một tháng phải trả hết nợ, hoặc không thì trả cả vốn lẫn lãi theo từng tháng.”

Anh Châu không nói thêm được lời nào, chị Syang vặc lại:

“VẬY TẤT CẢ LÀ BAO NHIÊU?”

“Một triệu năm trăm.”

Tôi không thể biết được số tiền đó lớn như thế nào. Một bọc ba cái bánh bao là một won. Hồi còn thiếu thốn thì đó cũng thành một bữa ăn của tôi. Chị Syang ngửa mặt lên trời cười sừng sốt.

“Nếu không trả được thì sao?”

“Thì chúng mày phải trả bằng mạng sống của mình chứ sao.”

Tất cả không ai nói được câu nào, ngồi lặng phắc. Anh Châu lặng lẽ nói:

“Cho chúng tôi thêm thời gian.”

“Mày đùa đấy à? Đòi thêm thời gian là sao?”

“Tôi có ít đất ở quê, vì thế tôi cần thời gian để thế chấp đất đó vay tiền.”

Gã đàn ông suy nghĩ trong chốc lát rồi mặc áo vào, cài cúc và đứng dậy.

“Được thôi, cho chúng mày ba ngày.”

“Quê tôi ở Heirung Changsyong. Vừa đi tàu, đi xe bus qua lại cũng đã mất ba ngày rồi.”

“VẬY sao, cho thêm hai ngày nữa. Năm ngày sau quay lại mà không tìm được cách giải quyết thì tao sẽ móc mắt mày ra.”

Sau khi bọn đàn ông bỏ đi, chúng tôi ngồi trên ghế khóc đến khản giọng. Tôi khóc vì sợ hãi, vợ chồng anh chị khóc vì tan vỡ ước mơ. Nhưng lại nghe thấy tiếng bước chân ai đó đang đi lên cầu thang và gã đàn ông trọc đầu vung cái chai vỡ lúc nãy bước vào. Gã ta giơ hai vé tàu trước mặt anh Châu và nói:

“Ghế thường đấy. Vì mày mà tao cũng khổ lây.”

Sau khi gã đàn ông và anh Châu đi ra bến xe, tôi và chị không còn đủ sức lực để dọn dẹp mà như mất hồn leo lên tầng ba, các cô nhân viên mát xa chuẩn bị đến làm ca chiều ngơ ngác đi lên. Chị Syang khẽ khàng nói với họ rằng quán sẽ nghỉ mấy ngày và để cho họ về.

Khuya hôm ấy, chúng tôi nghe thấy tiếng gọi cửa ở tầng dưới. Anh Châu về và theo anh là gã đàn ông cạo trọc đầu lúc trước. Gã đàn ông vẻ mặt khó chịu nhưng vẫn tỉnh táo còn anh Châu đã say bí tỉ. Hai người đàn ông hầu như không nói lời nào. Chúng tôi không thể biết họ đã thương lượng với nhau ra sao. Anh Châu không hề giải thích cho chúng tôi lời nào mà chỉ thì thào rằng chúng tôi hãy chuẩn bị thu dọn quần áo để đi du lịch. Chúng tôi thu dọn ít quần áo và đồ dùng cá nhân cho vào ba lô rồi đi theo họ. Chúng tôi tránh sự để ý của người khác, đi nép vào một phía qua đường Jangkangro rồi lên taxi. Chúng tôi đi vòng vòng lên phía Bắc vịnh tới hướng công viên Kangchingchu và đến gần bến xe. Gã đàn ông đầu trọc đi trước, qua một ngõ hẻm tối tăm, ẩm ướt và vào một quán trọ rẻ tiền. Đó là căn phòng chật hẹp, tối tăm với giấy dán tường đen ngòm bẩn thỉu. Những người sử dụng nơi này chủ yếu là dân lao động chân tay đến từ nơi khác. Gã đàn ông lại biến mất không nói lời nào. Chị Syang vội vàng hỏi:

“Lại có mưu mô gì đấy anh?”

“Không thể sống ở đây được, mình phải ra nước ngoài thôi.”

Trong lúc đợi tàu ở ga Talen cùng với người đàn ông đi theo ở ga Gamsi, anh Châu đã van vì gã ta cứu giúp. Gã đàn ông im lặng, nghe xong liền hỏi anh xem tiền đặt cọc căn nhà là bao nhiêu và có thể lấy số tiền đó được hay không. Việc gã giúp anh Châu không phải vì thương hại, chỉ vì gã không muốn làm mấy việc linh tinh và nhận mấy đồng bạc từ chủ mà quyết tâm sẽ đứng ra làm riêng. Gã đàn ông hỏi anh Châu có biết Bemdan là gì không. Anh Châu nói hồi ở Yeongin trong lúc uống rượu Chen có nói về chuyện những người vượt biên ở cảng Talen. Và anh nhớ tới chuyện người ta gọi những người vượt biên là rần. Gã đàn ông đầu trọc nói, tiền đặt cọc cho mỗi con rần ít nhất cũng là năm ngàn đô. Nếu thiếu tiền thì số còn lại lấy của người thân ở quê làm tiền đặt cọc rồi khi sang tới nơi sẽ kiếm tiền gửi về gia đình để họ trả số tiền đó. Nhưng tiền lãi phải gần tới ba mươi phần trăm. Song cũng có tin đồn rằng nếu không trả đầy đủ tiền nợ, họ sẽ chặt ngón tay người thân gửi qua để cảnh cáo. Chị Syang nghe xong chuyện sững sờ hỏi:

“Kiếm số tiền như thế ở đâu ra?”

“Lấy lại tiền đặt cọc nhà và gom số tiền trong thời gian qua mình kiếm được cũng đủ tiền đặt cọc cho họ.”

Tôi và chị Syang không thể ra ngoài mà ở gí trong quán trọ, anh Châu và gã đầu trọc lại cùng với một gã đàn ông khác đi ra phố cả ngày.

Sớm tinh mơ ngày cuối cùng trước khi rời Talen, gã đàn ông đầu trọc không tham gia mà chỉ có gã đi cùng hướng dẫn cho chúng tôi. Gã ta đưa chúng tôi qua đường tàu tới cảng phía Bắc. Có tiếng sóng vỗ vào bờ kè, tiếng gió thổi xung quanh và không khí ướt đẫm mùi muối. Có tiếng máy khởi động và ánh đèn của tàu đánh cá nhấp nháy trong bóng tối. Nhìn thấy cả những dáng người đen mờ, nhấp nháy. Khi tiến tới gần con tàu, mới thấy ai đó chìa tay ra và nói.

“Năm lấy nhanh lên.”

Tôi leo lên tàu đầu tiên. Khi người ấy kéo, tôi lăn thẳng vào trong tàu như trượt ngã. Chị Syang leo lên theo sau tôi và tiếp đó anh Châu định leo lên thì người đàn ông trên tàu đẩy thật mạnh.

“Tiền chúng tôi nhận được chỉ có hai con thôi.”

Tiếng anh Châu gào thét “Syang, Syang” trong gió. Gã hướng dẫn đang cố đẩy anh, tiếng động cơ càng rền rĩ hơn nữa rồi tàu xuất phát. Chị Syang bám vào tàu và gào thét. Thấy vậy gã đàn ông không ngừng đập lên người chị. Chị lăn lóc trên boong tàu ướt át như một con ếch. Gã đàn ông khác bổ vào chị trong lúc chị đang định lồm cồm bò dậy.

“Còn ăm ỉ nữa thì tao ném xuống biển ngay lập tức. Ngồi im đi.”

Con tàu đánh cá nhỏ lắc lư đi qua vịnh và tiến tới vùng cảng nơi những con tàu lớn đang đậu. Con tàu nhỏ ép sát bên sườn con tàu chở hàng lớn chặn phía trước như bức tường sừng sững, đèn pin nhấp nháy chiếu tới boong tàu đen ngòm phía trên. Một bóng đen xuất hiện, sau đó nghe thấy tiếng bọn họ xì xào rồi dây thừng được thả xuống. Gã đàn ông đứng trên con tàu đánh cá nắm lấy cái dây, không giải thích lời nào cứ thế thắt vào lưng tôi. Gã giật giật mấy lần và bên trên bắt đầu kéo lên. Tôi không thể hét được, lừng lờ giữa không trung rồi được kéo lên cao. Vừa quay quay mấy lần, gió thổi người tôi đập cả vào thành sắt. Khi tôi tiến tới lan can thì hai gã đàn ông nắm lấy tôi kéo lên. Tôi xây xẩm mặt mày muốn ói.

Họ lại thả dây xuống và một lúc sau chị Syang sững sờ cũng được kéo lên. Hai gã đàn ông không nói lời nào. Họ đập vào người hoặc nắm tay và kéo chúng tôi đi. Chị Syang gần như bị lôi xềnh xệch đi. Chúng tôi xuống chiếc cầu thang có lan can bằng sắt, đi qua cả hành lang có trần thấp và nhiều cửa. Tôi bị ngã mấy lần. Đầu gối bị đập vào cục sắt và máu chảy ướt đẫm. Mãi sau này mới biết nơi đó là hầm cuối con tàu. Hàng hóa được sắp xếp rất ngăn nắp, trong một góc có đủ không gian để chúng tôi dựa lưng vào tường và duỗi chân ra. Tôi có thể cảm nhận được có rất nhiều người đang ngồi dựa vào tường trong bóng tối. Chị Syang nắm úp mặt vào gối tôi, vai run lẩy bẩy và bắt đầu nức nở.

“Chị, chị bị đau ở đâu? Có sao không?”

Có ai đó trong bóng tối khẽ nói:

“Suyt! Đừng nói.”

Tôi vội vàng ngậm miệng. Nghe tiếng sắt va vào nhau và tiếng máy liên tục dội tới. Một lúc lâu sau mới thấy sàn tàu lúc lắc và bắt đầu chuyển động. Có lẽ là tàu đã rời bến. Chị Syang và tôi ghé đầu vào nhau, dựa lưng vào thành và bắt đầu gà gật. Sự mệt mỏi khủng khiếp của mấy ngày qua đồng loạt ùa đến.

“Bari à, tớ đây, tớ đây.”

Có tiếng gì đó trong bóng tối gọi tôi. Đó là hai luồng sáng đang tỏa ra ánh sáng màu xanh. Tôi nhận ra ngay đó là Chinsung. Trong mấy năm rồi, thỉnh thoảng tôi cũng hay mơ thấy Chinsung. Nhưng đây là lần đầu tiên Chinsung nói với tôi một cách rành rọt như vậy. Trong bóng tối đen ngòm xuất hiện luồng ánh sáng nhợt nhạt giống như ánh trăng, ngoằn ngoèo rồi bắt đầu tỏa ra. Chinsung với bộ lông trắng vẩy đuôi đang đứng đợi tôi phía cuối con đường ánh sáng.

“Đừng chạy mà hãy dừng lại đi.”

“Có người đang đợi cậu.”

Chinsung liên tục ngoái nhìn đằng sau, nhảy chồm lên và ngừng lại. Gần một bờ sông, gió thổi không thành tiếng, bụi cát bay lên và phía mặt sông trông đen ngòm. Một chiếc cầu dài bắc ngang. Phía đầu cầu có một người mặc áo trắng đang đứng. Khi tôi tiến tới gần thì ánh sáng làm tan đi lớp màn tối và một khuôn mặt quen thuộc hiện ra.

“Bari của bà tới rồi!”

“Bà ơi, bà tới từ đâu thế?”

Tôi tiến ra phía trước định ôm lấy bà nhưng bước chân của bà nhẹ như túi nilon đầy gió lùi lại đúng một bước. Tôi bước lên một bước thì bà lại lùi lại.

“Cháu nhớ bà vậy mà bà không ôm cháu sao.”

Bà nhoèn cười và gật gật đầu:

“Ừ, ừ. Đây và đó khác nhau nên không thể được. Bà lo cho cháu nên gọi cháu tới đây. Từ bây giờ hãy nghe kỹ lời bà dặn nhé. Cháu sẽ đi qua hàng mấy ngàn vạn lí biển trời, con đường đó là con đường địa ngục đầy ma rêu quỷ đói và phùng ác ôn man rợ, có khi còn bị rách nát thân thể tứ chi. Nhưng cháu đừng đi theo con đường xanh vàng, mà chỉ cần đi theo đường trắng là được. Khi chuyển đi kết thúc cháu sẽ không còn là cô bé Bari trước kia mà sẽ trở thành phù thủy Bari lớn. Bà sẽ giúp, nên lúc nào khó khăn cháu hãy theo Chinsung tới tìm bà nhé.”

Đột nhiên bà và Chinsung cùng cảnh ven bờ sông mờ tối biển mất và trước mắt tôi trở nên sáng lên. Có ai đó đang soi đèn pin trên đầu chúng tôi.

“Từ bây giờ giơ tay lên đọc số. Bắt đầu từ mà.”

Người đàn ông ngồi phía cuối tường giơ tay lên và đọc “một”. Sau đó là người phụ nữ chậm chạp lẩm bẩm nói “ba”, lập tức có ai đó ra đứng trước gã đàn ông đang soi đèn pin và đập liên tục vào gáy bà.

“Đọc lại số đi.”

Tiếp sau lời của gã đàn ông là lần lượt các số “hai”, “ba”, “bốn”, “năm”. Tất cả có mười hai người.

“Chúng mà nhớ số của mình hết rồi chứ? Từ giờ đó là tên bọn răn chúng mà đấy.”

Tôi là số mười một và chị Syang số mười hai. Tổng cộng là bốn người phụ nữ và tám người đàn ông. Gã đàn ông nói:

“Tao là người chịu trách nhiệm đưa chúng mà tới điểm đến một cách an toàn. Hãy nhớ là mạng sống của chúng mà đang ở trong tay chúng tao. Nếu không làm theo chúng tao sai bảo thì ngay lập tức sẽ bị ném xuống biển. Tàu này mấy ngày nữa sẽ ghé qua Syamon tỉnh Phuchen. Cho tới lúc đó chúng mà phải ở đây không được nhúc nhích. Mỗi ngày sẽ được ăn một bữa cơm vào buổi sáng. Nước cũng chỉ được một can thôi. Tất cả phải tiết kiệm mà giữ cái mạng của mình. Phải mất một tháng để tới được Anh quốc. Chịu

đựng được trong mười ngày trước khi tới thì chúng mày có thể thoải mái kiếm tiền trên miền đất mới. Đây là tao dạy cho trước khi tới Syamon đấy.”

Bọn họ chia cho chúng tôi mỗi người một nắm cơm và một li nước. Họ cũng chỉ cho nơi để đi vệ sinh nhưng đó chỉ là chiếc thùng phuy được cắt làm đôi, bên trên để hai thanh chéo đặt trước lối vào kho hàng. Mới đầu chỉ là ngồi dựa lưng vào tường ngủ rồi đứng dậy, nhưng người trong đoàn tự thỏa thuận với nhau nên có thể gác chân lên nhau ngả lưng nằm xuống trong không gian chứa hàng chật hẹp. Mấy ngày đầu do bóng tối không thể nhìn thấy nhau nhưng khi quen có thể nhìn mặt nhau nhờ ánh sáng le lói từ trên rọi xuống.

Đến Syamon, có thêm khoảng hơn hai mươi người nữa lên tàu. Họ cũng giống như chúng tôi, chỉ lên tàu trước khi tàu rời bến, nhưng trong hai ngày chất hàng chúng tôi gần như những cái xác không hồn. Mấy người đàn ông trong Bemdan chia chúng tôi ra và nhét vào trong container chất đầy hàng hóa. Chúng tôi quả thật giống như rắn chen chúc len lỏi trong không gian hẹp giữa các dãy hàng hóa. Chúng tôi tiêu tiêu ngay tại chỗ, không những không có cơm mà nước cũng chẳng được một ngụm.

Cho đến trước khi tàu rời cảng, họ bố trí những người vượt biên mới vào rồi mới lôi chúng tôi ra khỏi container, chúng tôi không thể bước nổi mà gần như bò về chỗ của mình và nằm vật ra. Người đàn bà đọc sai số và bị đánh ngay đầu khi ra khỏi container đã không thể đứng lên nổi và chết trên đường đi qua biển. Những người Bemdan cầm đầu và chân xác chết lôi ra ngoài. Rồi người đàn bà số tám cơ thể suy nhược tới mức mỗi lần đi vệ sinh phải có người bên cạnh dìu đi. Tôi và chị Syang vẫn còn trẻ nên may mắn còn đủ sức lực chống chọi. Những người lên tàu ở Syamon được cho vào container sau, đa phần họ là những người trẻ. Có tới bảy, tám người con gái. Khi tàu qua xích đạo cũng là lúc địa ngục bắt đầu, cái đói cái khát dần dần biến con người trở thành súc vật.



## 6.

Những ngày dài trong bóng tối, tôi hầu như thoát khỏi cái vỏ là cơ thể mình. Theo sự hướng dẫn của Chinsung tôi đi theo con đường trắng như ánh trăng để tới gặp bà, nhưng sau đó thỉnh thoảng khi linh hồn trở lại, quan sát mới biết được địa ngục là một nơi không khác gì nơi này. Tôi đi trên tàu và trải qua rất nhiều tầng địa ngục.

Tôi nằm trên sàn tàu không ngừng vang lên tiếng máy âm ỉ và tiếng sóng dội vào, nhắm mắt và để linh hồn lơ lửng trên không. Giống như cởi áo hoặc bóc vỏ cây vậ. Không hề phát ra tiếng động mà chỉ có cảm giác có gì đó giống như tấm vải mềm bị xé rách, thoát ra khỏi cơ thể tôi và lơ lửng trong bóng tối.

Sau đó là Chinsung với bộ lông sáng chói xuất hiện, vẫy đuôi trước mặt tôi. Chúng tôi cứ thế trôi theo con đường với luồng ánh sáng giống như dải ánh trăng ở giữa, xung quanh là bóng đêm đen ngòm. Đi mãi sẽ thấy một bờ sông dịu dịu gió và một cây cầu. Phía dòng sông vẫn là một màu đen kịt. Chỉ cây cầu là sáng lên giống như được rọi đèn và đứng sau đó là bà tôi với vạt váy trắng dịu dàng bước tới.

“Bari à, theo bà đi.”

Bà tôi đi trước và khi bước lên cầu, cây cầu bị vẫy bởi ánh sáng cầu vồng vô cùng rực rỡ. Chinsung cũng bước đằng trước tôi. Tôi đi sau và bắt đầu bước trên chiếc cầu vồng. Khi đó trong dòng nước sông đen ngòm vọng lên tiếng la hét của nhiều người. Tiếng thét như muốn rách ra của người phụ nữ xin được cứu mạng, tiếng khóc lóc thảm thiết và thốn thức, tiếng rên rỉ vì ốm đau, tiếng trẻ con gào khóc, tiếng thét lên đau đớn vì bị đánh “ôi giờ ơi, ôi giờ ơi”, tiếng nấc lên ằng ặc, tiếng quai hàm không ngớt run rẩy vì lạnh,

tiếng la hét náo loạn liên tiếp, tiếng cười trống rỗng hi hô không dứt như mất hồn. Tôi không thể bước qua cầu được nữa.

“Đừng nhìn sang bên cạnh cũng đừng nghe gì cả. Nếu cháu đi chệch con đường này thì mọi công đức của cháu sẽ đổ xuống sông xuống bể hết.”

Vừa qua cầu, ánh nắng chiếu rực rỡ và không gian bốn bề vô cùng tĩnh lặng. Đồng cỏ xanh rì trải rộng ngút ngàn, hoa cỏ đang rập rờn trong làn gió nhẹ. Bà chỉ tay về phía cây quy mộc phía cuối cánh đồng và nói:

“Cháu đi tới gần cái cây đằng kia thì sẽ gặp được người hướng dẫn. Cháu đi nhanh tới đó đi.”

“Bà không đi cùng cháu à?”

“Bà không đi được, tới đây là thế giới của chúng ta rồi.”

“Cả Chinsung cũng vậy ạ?”

Tôi cúi xuống hỏi Chinsung, nó cũng không nói gì, chỉ vẫy đuôi nhè nhẹ. Bà đưa vật gì đó về phía tôi.

“Cháu cầm cái này đi, nó sẽ giúp cháu.”

Bà thả vào tay tôi ba bông hoa. Tôi cất ba bông hoa vào trong túi rồi hướng về phía cái cây, như thể bị trôi tuột đi. Cái cây vô cùng lớn. Có lẽ phải cao như cái nhà ba, bốn tầng. Nơi này không phải là mùa đông nhưng không hề nhìn thấy trên cây có cái lá nào. Trên thân cây đồ sộ chỉ có vô số các cành cây vươn rộng ra bốn phía, càng đến gần trông lại càng đáng sợ. Trên một cành cây phía bên dưới, một con ác là đang đậu với cái đuôi vênh lên, thấy tôi đến gần nó dụi dụi mỏ xuống cành cây và nói:

“Định đi đâu. Phải bị ăn chửi mới đáng. Đồ đàn độn.”

“Tao sai ở chỗ nào nào?”

Tôi hỏi giọng giận dữ. Nghĩ tới những chuyện tôi đã trải qua cho tới bây giờ - không buồn tủi, không rùng mình, cũng không hề oán trách hay bất

mãn, chỉ thăm chịu đựng - tự nhiên tôi cảm thấy rất oan ức. Con ác là há mở ra cười khanh khách rồi lại nói:

“Muốn lấy được nước trường sinh về thì còn lâu lắm. Sống trên đời cũng rất khổ cực, rất khổ cực.”

Tôi cố nén giận và hỏi con ác là:

“Chỉ cho tao đường tới trời phía Tây.”

“Đi theo tao, theo tao.”

Con ác là vẫy cánh bay lên rồi liệng trên đầu tôi mấy vòng, sau đó hướng đến thân cây khổng lồ và bay lên như cắm đầu vào cây. “Sao lại chẳng cẩn thận thế kia chứ”, tôi nhủ thầm. Nhưng giữa thân cây bị đâm thủng thành một cái lỗ và xuất hiện lối vào giống như cửa hang. Không biết có phải con ác là bay vào đó không mà chẳng nhìn thấy nó đâu cả. Khi đặt chân vào miệng lỗ đen ngòm, tôi lập tức bị trượt xuống dưới, giống như bị hút xuống vậy. Khi xuống tới đáy, tôi nhìn thấy trần cao tít trên trời và có con đường chia theo năm hướng đông, tây, nam, bắc, trung. Giữa đường là một con sư tử đội mũ gat<sup>[10]</sup> đen, mặc áo dopo<sup>[11]</sup> đen, hai tay nắm chặt chiếc quạt gấp, cất tiếng hỏi.

“Đi đâu?”

Đó chính là điều tôi muốn hỏi, nhưng nó đã hỏi trước; tôi không biết trả lời thế nào nên nói bừa:

“Bảo tôi tới ăn cơm nên tôi đến.”

Con sư tử có vẻ ngẫm nghĩ rồi lại hỏi:

“Có phải các đại vương mời không?”

Tôi không biết nói sao đành gật gật đầu, khi đó con sư tử bèn cầm quạt chỉ đường cho tôi. Tôi luồn qua hướng đó và trôi đi một lúc lâu. Đột nhiên xuất hiện một khu rộng như quảng trường và bốn bên là ánh đuốc bập bùng cháy. Con sư tử lúc nãy lại xuất hiện, lôi xềnh xệch tôi ra tới giữa quảng trường. Trên bức tường đối diện xuất hiện một cái đài vô cùng cao và to.

Trên đài là mười đại vương đội trên đầu các loại vương miện muôn hình muôn vẻ, nào là vương miện gắn sừng, vương miện dát đầy vật trang trí phình rộng ra hai bên và vươn lên trời như ống khói, vương miện tròn, vương miện rộng, vương miện bè. Đột nhiên bọn chúng tỏ ra xôn xao rồi đại vương có đôi mắt dữ tợn với bộ râu đen, đội vương miện gắn sừng ngồi giữa hét lên:

“Ồ lão xược! Người chưa chết mà dám gọi chúng ta trong giấc mơ à?”

Đại vương đội vương miện sừng hình tam giác với bộ râu trắng lại hét lên:

“Người dám nói dối rằng chúng ta đã mời người tới!”

Đại vương đội vương miện rộng lại hét:

“Không thể cho người trở lại thế xác mà người đã bỏ đi được!”

“Cái loại bé như mắt muỗi thế này mà dám nghênh ngang muốn đi tới cuối trời để tìm nước trường sinh bất tử!”

Các đại vương lần lượt thét tội của tôi rồi đại vương cuối cùng, người đội trên đầu chiếc vương miện tròn, cũng hét lên:

“Tội bỏ đồng bào ra đi, cả đời người sẽ không thể rửa tội được!”

Mười đại vương đồng thanh thét đưa ra phán quyết.

“Bảy bảy bốn chín, nếu người qua được khổ hạnh trong bốn mươi chín ngày thì người sẽ quay trở lại được.”

Vừa phán quyết xong con sư tử liền túm gáy tôi kéo xềnh xệch tới cuối ngọn đồi rồi ném phịch xuống. Dưới chân đồi thăm thẳm là ngọn lửa cháy rừng rực. Tôi hét lên *a a a* rồi rơi tự do. Vừa rơi xuống vùng lửa như thể bị nuốt vào miệng của một con vật to lớn, tôi vừa nhớ tới món bà đã cho. Tôi lôi một bông hoa trong túi ra và ném, đột nhiên ngọn lửa biến mất. Cảm giác như có tấm đệm ấm áp, lại vừa như đám mây từ từ bao bọc lấy tôi giữa không trung.

Tôi hạ xuống mặt đất, xung quanh tôi phủ đầy ánh sáng màu xanh nhạt nhưng lại có gì đó giống như khói xám từ tứ phương dồn lại. Từng cuộn khói bay tới phía tôi, sượt qua rồi rên rì.

“Đưa cơm đây, một thìa thôi cũng được.”

Lại một cụm khói khác vây lấy tôi rồi lướt qua.

“Cho một cái bánh gopchang đi, một bát cháo, hay bột cũng được.”

Khói bắt đầu đầy ứ trong hang rộng, chúng đều mang khuôn mặt của những hồn ma. Tôi nhìn thấy cả người đàn bà và bọn trẻ đã gặp ở làng Gomusan, bà già gặp ở ga cũng đã tới đây từ lúc nào. Vô số những khuôn mặt mà tôi không biết, chưa từng gặp, cũng dồn về. Có cả ba, bốn đứa trẻ Chosun móc túi từng nắm ngũ gạ gặt dưới gầm cầu thang chợ đêm Yeongin, bọn trẻ nhỏ cũng cùng dồn lại lẫn vào trong đám khói mẹ. Tất cả tròn mắt đều đen ngòm, má hõm sâu, cổ dài ngoẵng một cách kì dị. Họ đều phát ra tiếng lầm bầm của riêng mình nghe như tiếng đọc câu thần chú nào đó. “Đói, đói, đói, đưa cơm đây, đưa cơm đây”. Tôi không thở được, tim nghẹn lại, tai như muốn nổ tung, bèn lấy tay bịt chặt hai tai và ngồi phịch tại chỗ. Rồi tôi lôi trong túi ra một bông hoa rụng và ném lên trên đầu. Những cái bát chứa đầy cơm bốc khói nghi ngút, những tấm bánh tok vừa hấp xong rắc đầy bột đỗ đen, các loại thịt tấm bột rán cùng rất nhiều rau và canh đầy màu sắc tỏa mùi thơm phức, các loại bát đĩa đầy ắp trong không trung, vọng lại tứ phương tiếng nhai rào rào, rau ráu. Miệng tôi cũng tự động cất lên tiếng hát.

*“A, a những linh hồn chết*

*Mở cánh cửa thế giới khác và xin cầu*

*Mượn suối núi để sinh ra, sinh ra thế giới này*

*Cơ thể sống ngày hôm qua*

*Ôi, những hồn ma chết đói*

*Thành hồn thành vía*

*Hãy đi tới cực lạc để được hồi sinh*

*Tất cả đều không có tội*

*Cầu xin hãy giải hận cho.”*

Bài hát vừa kết thúc thì các cuộn khói tản ra tứ phương và biến mất. Đột nhiên đáy hang tách ra và xuất hiện một cái ao đầy sương. Sương tản ra theo gió, mặt ao trở nên phẳng lặng như gương. Nước xanh như màu rêu và trong đó có thứ gì chuyển động giống như một bức tranh. Và hình ảnh bắt đầu hiện lên rõ nét trên một tấm màn toàn màu xanh.

Mặt biển nổi cơn thịnh nộ của mưa gió. Một con tàu rung lắc dữ dội như chiếc lá trong dòng nước lũ, sóng tiếp sóng hết lớp này đến lớp khác. Buồng lái con tàu đánh cá nhô lên như một căn nhà nhỏ trên tàu. Dưới đáy tàu là nơi chứa cá đã bắt được. Trần tàu thấp đến nỗi không thể ngồi duỗi thẳng lưng, dưới sàn nước bắt đầu dòn lên. Ở đó có những con người đang ị ạch di chuyển. Đó là mười, hai mươi, ba mươi đàn ông đàn bà và trẻ nhỏ. Con tàu rung lên, sóng ào lên phủ kín boong tàu và đổ xuống kho cá. Bọn trẻ và đàn bà loạng choạng bò ra. Các thuyền viên lấy chân đá lên người họ, đẩy họ vào, đập nắp lại và khóa chặt kho. Trận cuồng phong qua đi và mặt trời lại tỏa sáng trên biển. Phía xa xa là ngọn núi của một đất nước xa lạ. Thuyền viên ném các xác chết sòng sượt xuống biển. Những xác chết trôi đi, chìm nổi nhấp nhô theo sóng.

Bờ biển của đất nước xa lạ. Con tàu gần như bị nghiêng hẳn về một bên, đang lắc lư theo nhịp sóng. Xung quanh nổi bập bênh các thùng đựng rau xanh. Một con tàu lớn tiến đến. Những người mặc đồng phục leo xuống một tàu chở hàng nhỏ. Họ mở thùng ra. Trong các thùng đựng cà chua và rau xanh là những xác người chết ngạt.

Những con người ngạt thở khổ sở trong container tăm tối, khuôn mặt người đàn bà đang cào lên tường trông rất to, những con người dòn về phía cửa ra vào, hoang mang tìm một kẽ hở rồi rũ ra giữa đồng hàng hóa.

Đám người bị gọi vào căn phòng chật chội của thuyền viên. Bị đòi tiền, nhưng họ lắc đầu nói không có. Người ta bắt đầu đánh những người đó. Những quả đấm giáng lên mặt, chân đạp lên bụng, cả đám người cùng lúc xông vào. Những khuôn mặt chứa đầy sự phẫn nộ, người đàn ông không có tiền khuôn mặt vấy máu nằm sững sượng. Đàn bà bị cởi áo. Bọn đàn ông thay nhau làm cái việc đòi bại kia. Người đàn bà lắc đầu quây quây khóc lóc, thân thể quằn quại.

Ngõ hẻm chật hẹp, những người đàn bà theo nhau xuống từ chiếc xe bảy chỗ nhỏ, những người đàn bà trang điểm lòe loẹt nhìn xuống từ các cửa sổ và ngõ phố. Những gã chủ đang đếm đầu người, trao tiền cho những người đưa họ tới. Những người đàn bà bị đẩy vào căn phòng chằng rèm, gã chủ đang ngắm soi các cơ thể trần truồng.

Người đàn bà túm váy áo che cơ thể trần truồng ngồi thụp xuống bịt miệng cố nén khóc, sau đó lắc đầu nguầy nguậy rồi cười ngật nghẻo. Đờ đẫn.

Bước trên đường xiêu vẹo như một kẻ say rượu, gã đàn ông trẻ tuổi chạy ra và tát liên tục vào má người đàn bà. Kéo tóc lôi xềnh xệch rồi biến mất trong ngõ hẻm bẩn thỉu.

Căn phòng tầng hầm tăm tối, trên nóc trần thấp là một bóng đèn huỳnh quang, những người đàn bà đang ngồi trước máy may may đồng quần áo chất cao như núi, một người đàn ông khệnh khạng đi qua đi lại giữa họ.

Căn nhà kho bên trong nhà hàng chõng chất rau và hải sản. Những người đàn ông đang nhặt rau cải và làm cá, nước lống bông dưới chân.

Lại là biển với gió và mưa, trên bãi cát nhỏ, những gã trai trần truồng trong áo mưa đang bắt sò. Chụm hai tay lên miệng, hướng đi đâu đó và hét lên. Vụn vạt như bị dồn lại. Bãi cát dần dần biến mất và sóng từ tàu dồn lên ngược. Những con người đang ngoi ngóp biến mất trong làn sóng đen ngòm và mặt biển lại dồn lên những đợt sóng mới.

Bề mặt ao cho tôi thấy nhiều cảnh hiện ra rồi biến mất và bóng tối lại bao trùm tất cả. Ai đó túm gáy tôi kéo ngược ra đằng sau. Tôi lừng lơ trong không trung tối đen như một cuộn khói.

Kho hàng dưới đáy tàu mù mịt. Tôi sững sờ bên chị Syang, nhìn thấy cả người đàn bà trung niên đã mất toàn bộ sức lực không dậy được nữa. Lần lượt thấy cả những người đàn ông, cả những người khác bị lèn chặt đầu đó giữa container ở lối đi bên cạnh. Lại có mấy người lấy đồ ăn ra ăn giữa đông hàng hóa. Người đàn ông đẩy dúi dụi kẻ đang lơ láo nhìn trộm. Ba người đàn ông xì xào rồi tiếp cận một người đàn bà. Người đàn bà xua tay mấy lần rồi thông người ra. Những người đàn ông cùng lúc lột hết quần áo ra rồi leo lên cơ thể trần truồng của chị.

Chị Syang bò ra tìm nước. Chị nâng cái can lên đầu, há miệng ra nhưng không còn lấy một giọt. Trong bóng tối có ai đó vươn tay về phía tôi. Chị Syang thét lên. Họ giã ra và hai thuyền viên chạy từ lối đi phía bên ngoài vào. Họ đập liên tục lên người chị Syang. Vừa ngó nghiêng rồi kéo những người đàn ông trẻ ra. Một thuyền viên cầm cây gậy ngăn đập liên tiếp lên đầu và lưng những người đàn ông. Cho đến khi họ rũ ra, những cú gậy giáng vẫn không dừng lại.

Những thuyền viên chia nhau mỗi người điều thuốc lá, hút xong rồi kéo chị Syang ra phía lối đi và cởi quần áo chị. Chị Syang giãy đạp kháng cự, những người đàn ông lạnh lùng đấm mấy cú lên mặt chị khiến chị rũ ra. Những thuyền viên khác cũng xuống. Họ vừa đùa cợt vừa dựng chị lên rồi đặt nằm cơ thể trần truồng của chị, thay nhau làm trò đồi bại. Những thuyền nhân bỏ chị Syang đã hoàn toàn như một xác chết và biến mất.

Người phụ nữ trung niên số tám không biết đã chết hay chưa mà ngã xuống không thấy động đậy. Những thuyền nhân lăm bằm kéo tay chân cô trên lối đi, lên hàng loạt các bậc cầu thang sắt, họ vừa chửi rủa giữa chiếu nghỉ một lúc lâu rồi kéo cô lên khu boong tối thui. Tới cuối tàu, hai người đưa qua đưa lại xác chết mấy lần, cùng đếm rồi quẳng ra ngoài. Biển vẫn tung những đợt sóng đen thỉnh thoảng xen lẫn những ngọn sóng trắng.



Không biết khi nào con ác là sẽ xuất hiện?

Nó cắp lấy linh hồn tôi bằng mỏ, linh hồn lúc xoải ra như cái bóng, lúc thì co rúm lại, bay lên và mắc lên lan can sắt trong bóng tối.

Nhìn thấy bên dưới thân thể tôi nằm thẳng đơ trong cái váy áo đen và áo trắng như một cảnh trong vở kịch tôi đã xem hồi nhỏ. Bọn quỷ dữ trong bộ quần áo đen mang bộ mặt tối tăm đang cởi quần áo tôi. Nhìn ở đó da thịt tôi không được một năm, chúng lấy dao và chém một nhát. “A a”, linh hồn của tôi hoảng sợ thét lên. Chúng chặt hai tay, chặt hai chân, chặt cả đầu và ném đi. Những linh hồn đen đằng sau chúng túm tụm lại. Chúng ném cho những linh hồn phần thi thể tôi đã bị chặt ra. Những linh hồn đen cất tiếng cười sảng sặc và bắt đầu ăn thịt tôi. Những linh hồn nhận phần thân thể tôi vạch bụng tôi, móc tất cả nội tạng gan ruột của tôi ra ăn.

Nỗi thống khổ bủa vây như bão tố qua đi, bốn bề trở nên lặng phắc. Linh hồn đứng nhìn dấu vết của thân thể giờ chỉ còn trơ lại bộ xương. Những linh hồn đen ngòm túm lấy xương tôi và bắt đầu nhảy nhót. Các khúc xương chạm vào nhau lạo xạo, lạo xạo, tạo nên âm điệu. Trống rỗng!

Tôi lơ lửng bám vào cành cây quy mộc khổng lồ thỉnh thoảng lại đung đưa vì gió. Không biết con ác là có cắp tôi bay tới lối ra hay không? Con ác là lại cắp thứ gì đó, ném từng cái một xuống dưới gốc cây. Xương chân, xương tay tôi, rồi cả đến các khớp ngón chân, ngón tay tất cả đều dồn về. Cuối cùng là một cái gì đó lăn lông lốc tới đâm sầm vào đồng xương. Đó là cái sọ của tôi.

Con ác là bay tới đậu cuối cành cây nơi hồn tôi đang lơ lửng, gại gại mỏ vào cây rồi rú lên:

“Sống hay chết, cái đó, cái đó sống hay chết?”

Bà tôi hiện ra đuổi con ác là rồi ngồi trước đồng xương tôi. Bà sắp xếp lại xương và Chinsung bên cạnh cũng ngoạm các mẩu xương vương vãi xung quanh mang lại. Bà vừa sắp xếp từng mẩu xương của tôi vừa chậm rãi hát:

*“Ném đi nào ném đi, bỏ đi nào bỏ đi*

*Địa ngục núi gươm, địa ngục núi lửa, địa ngục độc xà, địa ngục hạn băng, địa ngục nước, địa ngục đất*

*Qua tám mươi tư ngàn địa ngục vô gian đạo*

*Tới được phía cuối trời tây mặt trời lặn*

*Ở đây lại là địa ngục nào đây*

*Linh hồn đau đớn, nhức nhối, chết cả hồn lẫn xác Không giới hạn không kết thúc, không thể đo đếm được*

*Hãy sinh ra và tái sinh đi, hươ hươ.”*

Linh hồn tôi mắc trên cành cây vôi vĩa như bị hút vào bọc xương tôi, lượn mấy vòng như nụng nịu rồi hòa thành một thật là hoàn hảo. Thịt mới mọc lên, tôi sờ nắn thân thể mình như người vừa mới ốm dậy, sờ nắn cả hai chân và hai tay mình.

“Ô, ô, giờ các cháu hãy đi đi.”

Bà tôi chỉ tay về phía mặt sông đen ngòm nói với tôi và Chinsung.

“VẬY bà đi đâu?”

“Giờ đây bà phải về cõi âm thôi. Thỉnh thoảng bà sẽ về với cháu trong giấc mơ.”

“Bà ơi, bà ơi, đừng bỏ cháu mà đi.”

Bà tôi biến mất như bọt nước tan ra không còn dấu vết. Chỉ còn lại tôi và Chinsung đứng trước dòng sông. Tôi đi qua đi lại trên đồng cỏ tìm cây cầu đã biến mất, rồi chợt nhớ ra và lấy trong túi bông hoa còn lại. Tôi ném mạnh bông hoa xuống dòng nước. Sắc màu cầu vồng tỏa sáng và trên mặt sông xuất hiện chiếc cầu. Chinsung vẫy đuôi và chạy lên cầu trước, chúng tôi cùng bước qua cầu. Dòng sông phẳng lặng không hề nghe thấy tiếng thét ầm ĩ như lúc đầu. Khi bước qua hết cây cầu và quay đầu nhìn chỉ còn lại bóng tối đen ngòm. Nhưng dưới chân tôi lại xuất hiện con đường nhỏ có nhiều lối. Chợt nhớ tới lời bà dặn không nên đi con đường vàng, con đường xanh mà

hãy đi theo con đường trắng. Tôi bước chân lên con đường trắng hiện ra như dải ánh trắng, lúc này Chinsung chạy lên đằng trước. Khi đi hết con đường và đứng trước bức tường tối thì Chinsung lùi lại nhìn tôi và ve vẩy đuôi. Tôi biết đã đến lúc chúng tôi phải chia tay nhau. Chinsung bày tỏ lòng mình:

“Tôi sẽ tìm cậu cho dù cậu sống ở bất cứ nơi nào.”

Tôi giơ tay ra định ôm lấy Chinsung nhưng nó đã biến mất không còn dấu vết.

## 7.

Tôi tới đất nước xa xôi lạ lẫm ấy vào mùa thu, khi mới mười sáu tuổi.

Tôi không thể nhớ được mình đã tới nơi đó như thế nào. Chắc là nhờ tôi sở hữu khả năng kì lạ, có thể tách rời được linh hồn và thể xác. Ngay cả chuyện chúng tôi chịu đựng hơn mười ngày trong *container* ở cảng, khi chị Syang bình tĩnh kể lại thì kí ức đó cũng chỉ hiện lên trong tôi như một giấc mơ không rõ ràng.

Lúc này, con đường đời của tôi và chị đều chuyển hướng. Phải trải qua gần một năm, tôi mới biết chị Syang đang sống trong căn nhà mà chúng tôi đã từng tới. Chị ít nói hơn xưa. Chị nói với tôi thế này:

“Tội mình suýt nữa là bị mất mạng đấy.”

“Là thế nào?”

“Vì ngạt thở.”

Chị kể rằng chúng tôi đã rất khó khăn mới bò được vào giữa hai lớp sắt của sàn *container*. Ai nấy đều áp môi vào một lỗ tròn nhỏ như đồng tiền xu được đục trên sàn. Còn chuyện sau đó thế nào thì tôi có thể nhớ được. Xe chạy chùng chình mấy tiếng đồng hồ thì chúng tôi được thả xuống một cái kho trên đường phố London trong một đêm tối trời. Những người đàn ông được người ta dẫn đi trước. Ngày hôm sau tôi và chị Syang được đưa tới một ngõ hẻm trên phố Tàu cách đó không xa. Đó là một khu nhà cao tầng chật hẹp, ở hai bên hành lang có các dãy phòng nối liền nhau. Cửa phòng mở ra, có mấy người phụ nữ cao to tóc nâu vàng ngó ra. Chúng tôi được đưa vào phòng khách có đặt bộ *sofa*, một người phụ nữ da trắng, to béo, thở phì phò đi vào, nói gì đó và rồi người đàn ông đưa chúng tôi tới bảo chúng tôi cởi hết quần áo ra. Tôi, chị Syang và một chị khác cùng đi tàu chung ngập ngừng cởi

quần áo. Người đàn ông vừa giục vừa chửi rửa chúng tôi. Tôi đứng khúm rúm, lấy hai tay che ngực lại. Bà béo kéo tay tôi ra, nhìn bộ ngực phẳng lì của tôi rồi cười rinh rích. Hai người chị ở lại căn nhà đó, riêng mình tôi bị chuyển sang nơi khác.

Tôi được đưa đến một nhà hàng trong một ngõ hẻm nằm khuất sau một con đường lớn có các dãy nhà hàng Trung Quốc, người đợi chúng tôi ở sau cửa tên là Rhu. Ông ta là bếp trưởng của nhà hàng Thượng Hải. Rhu nhìn lướt qua tôi rồi ra hiệu cho tôi vào bên trong. Ông ta gọi ai đó đưa tôi lên lầu hai để tắm và thay quần áo.

Phải hơn mười ngày tôi không nói chuyện với bất cứ ai trong căn nhà đó. Ngay cả lúc ăn cơm, tôi cũng chỉ ăn một mình trong phòng sơ chế thực phẩm nằm ở góc nhà bếp. Khi tất cả mọi người đóng cửa ra về lúc một giờ đêm thì tôi mới bắt đầu dọn dẹp bếp núc và nhà hàng cho tới hơn hai giờ. Tôi trải tấm nilon lên ghế trong phòng sơ chế, đắp chăn lại và vùi mình vào giấc ngủ.

Hồi đó quả là quãng thời gian cực kỳ vất vả. Tôi chỉ được ngủ khoảng bốn đến năm tiếng đồng hồ mỗi ngày, những lúc khác thì phải đứng làm. Những việc mà tôi phải làm trong phòng sơ chế thường là lật rau rồi rửa rau, rửa những chõng bát đĩa cao ngất. Tôi trút thức ăn thừa, rửa ráy các thứ rồi đặt gọn gàng lên trên kệ, vừa xong chõng bát đĩa này thì chõng bát đĩa khác dồn tới. Công việc cứ diễn ra như vậy cho tới hết giờ ăn trưa, dọn dẹp một chập nữa rồi chuẩn bị cho bữa tối.

Phải mấy tháng sau đó tôi mới biết mặt chủ nhà hàng và nói chuyện qua loa với mấy người phục vụ trẻ bên ngoài. Ông Rhu vốn là người ít nói nhưng lại đột nhiên xuất hiện trước nhà hàng khi ấy đang đóng cửa để nghỉ bốn ngày lễ Giáng sinh.

Ông nói có hẹn với ai đó và chìa ra trước mắt tôi chiếc bánh sandwich panini được ép dẹp, nướng giòn, bảo tôi ăn và lần đầu tiên hỏi tôi từ đâu tới. Tôi đã trả lời rằng mình là người Chosun ở Trung Quốc, dù tôi có nói mình tới từ vùng Đông Bắc xa xôi thì những người xuất thân từ miền Nam sống

trong khu này cũng chẳng lấy gì làm lạ vì ngôn ngữ của họ tôi chỉ nói được một cách bập bẹ. Chú Rhu nói rằng hai mươi năm trước chú đã nhập cảnh trái phép từ Hongkong vào Dansin. Ở đó chú cũng vượt biên giống như chúng tôi. Chú thở dài, lắc đầu nói:

“Nếu bảo quay lại như lúc trước thì chú chẳng thể làm được. Vì phải mất mười năm chú mới lấy được visa cư trú.”

Chú cũng hỏi về nợ nần của tôi. Tôi không biết trước khi đi mình đã trả bao nhiêu và còn phải trả thêm bao nhiêu nữa.

“Cháu làm gì ở đó?”

“Cháu làm mát-xa chân, mặc dù không có giấy phép.”

“Việc đó chẳng có ích gì ở đây cả.”

Chú Rhu cho tôi biết trong vùng này cũng có những người quản lí những người chưa trả hết nợ phí vượt biên như tôi. Chú bảo chủ nhà hàng có thiện cảm với tôi. Chỉ cần nhìn thôi cũng biết rằng đũa chằm chỉ như tôi cực khổ khoảng hai năm là có thể trả được hết nợ. Chú lại nói thế này:

“Nếu chú là cháu, chú sẽ tới làm việc ở tiệm mát-xa chân, chắc chắn tiền *tip* và tiền công sẽ cao hơn rất nhiều.”

Tôi ừ ừ ngồi nghe rồi lẩm bẩm:

“Chắc là cháu không thể tự ý chuyển đi được đúng không ạ?”

Lúc này chú Rhu mới nghiêm mặt nói:

“Tất nhiên là không thể được. Vì chủ nhà hàng đang trả tiền công thuê cháu cho những chủ nợ.”

Thời điểm đó là năm kết thúc thế kỉ hai mươi nên pháo hoa được bắn không ngừng ở London cả tuần liền. Phố Tàu nghỉ Tết âm lịch nên có vẻ im ắng nhưng khách du lịch và khách vãng lai tới nhà hàng đông hơn ngày thường. Đầu năm mới qua đi lại bắt đầu những ngày thường rảnh rỗi. Chú

Rhu thỉnh thoảng đi vào phòng sơ chế nơi tôi làm việc để hút thuốc. Một ngày kia, chú nói với tôi:

“Nếu may mắn thì cháu có thể đổi được chỗ làm đấy.”

Hàng xóm của chú Rhu là một người Việt Nam và người ấy có tiệm chăm sóc móng và vẽ móng. Chú nói rằng sẽ viết giấy bảo lãnh cho tôi. Chú bảo tôi cùng đi với chú tới đó vào thứ hai - ngày nhà hàng nghỉ.

“Cháu chăm chỉ lại trẻ tuổi nên sẽ có cơ may. Với khoản nợ ấy, nếu cháu làm ở nơi có thu nhập tốt thì không tới một năm có thể trả được hết.”

Tôi cúi gập người xuống bày tỏ lòng biết ơn đối với chú Rhu. Lần đầu tiên tôi mới nhớ tới chú Mikuri và nghĩ rằng có lẽ chú tới tận đây để bảo vệ cho tôi. Không biết đã bao lâu rồi tôi mới có lại cảm xúc và nước mắt chứa chan như thế này. Tôi cứ tưởng mình sẽ không còn khóc được nữa. Chú Rhu đưa cho tôi miếng khăn ướt bảo tôi lau nước mắt.

“Hai mươi năm trước chú cũng rời bỏ quê hương mà đi, bỏ lại một cô con gái. Nếu còn chắc nó cũng tầm tuổi cháu đấy.”

Ngày thứ hai, tôi theo chú Rhu lần đầu tiên ra khỏi phố Tàu và lên tàu điện ngầm. Không biết là người đông tới mức nào mà mỗi lần lên xuống tôi cứ phải bám lấy đuôi áo chú vì sợ bị lạc. Sau này mới biết nơi tôi và chú Rhu tìm tới là ga Elephant and Castle. Ra khỏi ga tàu điện ngầm, nơi có rất nhiều cửa ra vào, tới trước quảng trường, qua mấy con đường nữa là tới Nail salon Tonkin<sup>[12]</sup>. Ở đây cũng giống như nhà hàng tôi đang làm, làm việc suốt tuần, ngày thứ hai thì được nghỉ. Do không mấy khi được ra khỏi khu phố Tàu nên tôi cứ quen nếp nghĩ ai ai cũng là người Á Đông, chỉ có một vài khách du lịch da trắng đi qua đi lại và họ cũng chỉ là những người qua đường. Song, khi ra tới ga Elephant and Castle này mới thấy có rất nhiều chủng người với đủ các màu da. Những khuôn mặt da vàng xám, hoặc đen, thỉnh thoảng cũng nhìn thấy một số gương mặt da trắng nhưng hầu như họ không phải là người Anh. Trong số những người sống ở đây, mấy người xem ra có của ăn của để đều là dân lao động làm ngành xây dựng đến từ Ba Lan hay Séc.

Chú Rhu gõ nhẹ lên cánh cửa kính đóng kín, một người đang ngồi đọc báo trên cái ghế thảm mỹ trong tiệm ngẩng đầu nhìn lên, cười rồi gạt khóa mở cửa cho chúng tôi. Người đó đúng là giống như người Việt Nam với dáng người gầy và nhỏ, khoác trên người chiếc áo đồng phục trắng. Cả hai nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh, chú Rhu chỉ tay về phía tôi và nói gì đó, tôi đoán là chú đang nói về mình bèn cúi gập người chào. Người đó tên Thanh và là chủ tiệm này.

“Chắc là cháu phải cho chú ấy biết khả năng của cháu. Cháu làm được chứ?”

Chú Rhu nói với tôi và chú Thanh lấy một chiếc ghế đẩu thấp đặt trước chiếc ghế thảm mỹ rồi đặt hai chân lên đó. Tôi bảo chú Rhu rằng phải rửa chân trước khi mát-xa nhưng chú nói chỉ cần tôi cho xem cách mát-xa chân như thế nào là được.

Tôi ngồi trước bàn chân khăng khiu của chú Thanh, nhắm mắt trong giây lát thì nhìn thấy quãng đường chú đã đi, đầu tiên còn lờ mờ nhưng rồi những hình ảnh ấy rõ nét dần và bắt đầu lướt qua. Bức tường xi-măng sụp đổ, dòng người ào ạt tràn qua. Tôi nhìn thấy chú mặc áo da màu đen lẫn trong dòng người ấy, rồi chú vượt qua dãy núi ở một đất nước nào đó, băng qua cánh đồng, lên tàu rồi vượt qua kênh đào.

“Này cháu, không bắt đầu đi còn làm gì đó?” Nghe chú Rhu nhắc tôi liền mở mắt ra.

“Chú ấy đến từ nơi có tường đổ. Sau đó vượt qua núi và lên tàu.”

Chú Thanh và chú Rhu trợn tròn mắt. Chú Rhu thốt lên:

“Làm sao cháu biết được? Chú Thanh đã bỏ đi từ hồi bức tường Berlin sụp đổ. Sau đó chú qua Hà Lan và sống ở Amsterdam mấy năm.”

Tôi gật đầu.

“Ai cũng vậy, chỉ cần nhìn chân người ta là cháu biết quãng đường người ấy đã đi qua.”



Tôi còn nói rằng nhờ đó có thể biết được sức khỏe của người ta tốt và không tốt ở chỗ nào. Tôi bắt đầu bóp chân cho chú Thanh. Tôi nhìn thấy giữa lòng bàn chân có một chấm đỏ trên huyết dưỡng tuyền. Tôi nhấn vào đó thì chú Thanh khẽ kêu lên. Tôi lặp đi lặp lại tám lần những thao tác cơ bản của mát-xa chân và bấm một nửa số huyết trong số một trăm hai mươi huyết của chân.

“Tim của chú không tốt lắm.”

Tôi chấm khăn lên cái trán lấm tấm mồ hôi của chú và nói như vậy. Chú Rhu dịch lại lời của tôi thì chú Thanh gật gật đầu và huýt sáo. Chú đứng dậy móc trong túi quần ra tờ tiền mười bảng Anh và đưa về phía tôi.

“Cháu cầm lấy đi, tiền công cho cháu đấy.”

Chú Rhu nói, tôi liền cúi đầu bày tỏ sự cảm ơn và nhận tiền. Rồi họ nói chuyện với nhau một lúc thật lâu. Trên đường về chú Rhu giải thích cho tôi:

“Chú ấy nói sẽ nhận cháu vào làm. Chẳng phải chú là người đã nhận ra khả năng của cháu sao?”

Tuần sau đó, tôi đi làm tại Tonkin và chú Thanh đưa tôi ra ở cùng với một chị người Bangladesh cũng đang làm trong cửa hàng của chú. Chị Luna hơn tôi ba tuổi, dù chỉ mới hai mươi tuổi thôi nhưng chị đã là mẹ của hai đứa con rồi. Chị lấy chồng năm mười sáu tuổi rồi đẻ con, sống ở một thành phố khác nhưng sau khi chia tay với chồng thì chuyển tới London. Khi tôi với chị dần trở nên thân thiết, chị chỉ cho tôi xem những vết thương ở lưng và ở đùi do bị chồng đánh.

Lúc nào cũng vậy, tôi luôn gặp may mắn. Ở gần đó có vài khu chung cư cao tầng của quận nhằm hỗ trợ người nghèo, tuy nhiên môi trường sống rất hạn chế. Đa phần những căn hộ này là dạng một phòng hoặc mỗi căn có một phòng ngủ, một phòng khách kiêm luôn nhà bếp. Trên hành lang bọn trẻ chạy chơi qua lại, nhà nào cũng đông đúc lên tới gần mười người. Những người sống ở đó phần lớn là người có nước da đen, da xanh, da vàng.

Nơi chị Luna ở nằm trong một ngõ hẻm có các dãy nhà liên kế nối nhau của vùng Rambus, tuy nghèo như nhau nhưng lại là một nơi rất yên tĩnh và an toàn. Không rõ nhà được xây từ bao giờ nhưng bên ngoài sơn trắng nhìn rất sạch sẽ. Các tòa nhà đều cao ba tầng và lại có bán tầng hầm nữa. Tôi và chị Luna cùng sống trong căn phòng bán tầng hầm đó. Cửa vào có cầu thang bộ đi xuống, nhưng khi đứng ở bếp thì thấy bếp được nối liền với sân trong không khác gì nhà trên mặt đất.

Nơi đây đã trở thành thế giới của tôi và tôi sẽ giới thiệu những người hàng xóm sống trong căn nhà này. Vừa xuống hết cầu thang, thuận theo hành lang hẹp, cửa nhà tôi và cửa nhà hàng xóm đối diện nhau, căn phòng hình chữ nhật được chúng tôi chia thành phòng ngủ kiêm luôn phòng khách và nhà bếp. Hàng xóm sống dưới tầng hầm là vợ chồng người da đen đến từ Nigeria. Người chồng làm việc ở cây xăng và người vợ thì đi giúp việc theo giờ.

Căn hộ bên phải tầng một là nơi ở của một đầu bếp người Trung Quốc và một công nhân vệ sinh người Philippines, họ cũng chia phòng giống như chúng tôi vậy. Căn bên trái là của gia đình người Sri Lanka, họ quản lí một cửa hàng Ấn Độ nhỏ gần đó.

Bên phải tầng hai là gia đình người Ba Lan đang sống, người chồng đưa những người lao động theo thời vụ ở đất nước mình tới, ghép thành nhóm làm công việc sửa nhà. Vợ và con gái cùng là nhân viên bán hàng trong một siêu thị. Tầng hai bên trái là nhà của ông già Abdull người Pakistan, lúc tôi mới tới, chị Luna đã đưa tôi đến chào ông vì vậy mà tôi nhớ tên ông.

Ông Abdull là người quản lí tòa nhà này. Ông mặc chiếc áo truyền thống, cúc cài lên tận cổ và vạt dài phủ xuống quần. Khuôn mặt ông Abdull đầy râu trắng, nước da xỉn màu như bị cháy nắng. Khi chị Luna dẫn tôi tới chào, ông pha trà bạc hà cho chúng tôi uống. Lúc nào ông cũng để chiếc kính lão trễ xuống tận mũi và đọc một cuốn sách dày. Mãi sau này khi vốn tiếng Anh của mình đã khá khá, tôi mới nói chuyện với ông và biết rằng cuốn sách ông thường đọc là cuốn kinh Koran của đạo Hồi.

Thỉnh thoảng chủ nhân của tòa nhà này lại tới gặp ông Abdull, đó là một người đàn ông Ấn Độ tuổi trạc bốn mươi, luôn mặc một bộ Âu phục phẳng phiu và thắt cà vạt. Ông ta chưa bao giờ nói một lời nào dù là lời chào với chúng tôi. Vì thế, tôi đồn rằng ông ta làm trong Chính phủ nên lần đầu tiên chạm mặt ông ta ở trước cửa, tôi đã quay đầu chực bỏ chạy. Ông Abdull lúc nào cũng gọi người chủ nhà đáng tuổi con trai mình là Mister Achad.

À, suýt chút nữa thì tôi quên kể về những người đang sống trên tầng ba. Ngoài đầu bếp người Trung Quốc, nhân viên vệ sinh người Philippines và tôi ra, tôi cứ tưởng sẽ không còn người da vàng nào nữa, nhưng thực tế thì trên tầng ba bên phải có đôi vợ chồng sinh viên người Thái Lan, phòng bên trái là đôi vợ chồng già người Bulgaria đang sống. Vậy là đã xong phần giới thiệu đại khái về nhà tôi ở và thế giới của tôi.

Cuộc sống thường ngày của tôi thường như thế này. Sáng bảy giờ dậy, nấu bữa ăn sáng đơn giản xong, cùng ăn với chị Luna, rồi tới lớp học tiếng Anh. Lớp bắt đầu từ chín giờ và kéo dài trong vòng ba tiếng. Học xong, tôi ăn qua loa miếng bánh *sandwich* ở cửa hàng trong trung tâm hoặc gần đó thay bữa trưa rồi tới tiệm Nail salon Tonkin. Ở đây tôi làm từ một giờ chiều cho tới chín giờ tối.

Trung tâm tiếng Anh nơi tôi đến học đại thể gọi là trung tâm Visa, chỉ phải trả học phí bằng một nửa những nơi khác, học lấy lệ để nhận visa cư trú mà thôi. Tuy cũng có một số người học hành đàng hoàng, chăm chỉ không bỏ buổi nào nhưng giáo viên cũng chỉ dạy qua loa đại khái. Khi phân lớp vào đầu tuần thì học sinh đột nhiên đông lên, họ là những người phụ nữ làm việc trong các hộp đêm hay đại loại như vậy đến học.

Trong tiệm của chúng tôi có chú Thanh chủ tiệm cùng với bốn người con gái học vẽ móng, sửa móng chân, móng tay. Công việc của tôi là mát-xa chân cho khách trước lúc vẽ hoặc sau khi vẽ móng xong. Ngoài những người khách không có thời gian nên từ chối mát-xa ra, đa phần những người mà tôi từng mát-xa chân lại tìm đến ngày một đông hơn. Theo lời khuyên của chú Thanh, tôi đã dạy cách mát-xa chân cho chị Luna. Chị giúp tôi luyện

tiếng Anh nên đó là điều hiển nhiên tôi cần làm. Do chị Luna sống ở Anh từ nhỏ nên tôi học ngoại ngữ từ chị nhanh hơn so với hồi ở Trung Quốc. Thêm vào đó, vì suốt cả buổi chiều vừa làm việc vừa tiếp chuyện với khách hàng tôi đã nâng khả năng tiếng Anh lên đáng kể.

Vào một ngày kết thúc việc sớm, tôi về tới nhà mới nhận ra là đã không lấy chìa khóa nhà từ chị Luna. Đứng trước cửa lục lọi túi xách một lúc lâu vẫn không thấy, tôi đành nhấn chuông nhà ông Abdull. Nghe tiếng ông hỏi “ai đó” qua điện thoại nội bộ, tôi trả lời mình là Bari ở dưới tầng hầm quên không mang chìa khóa phòng về. Cửa mở, tôi lên cầu thang tầng hai, ông nhìn tôi qua cặp kính lão và ra đứng trước cửa.

“Vào đây cháu.”

Tôi bước vào phòng, một người con trai đang ngồi trong góc phòng khách đứng lên. Người này cao đến mức khi đứng, đầu anh ta gần chạm vào chiếc đèn chiếu sáng trên trần nhà. Không những cao mà cặp vai cũng rất rộng, đôi tay trông rất dài. Mái tóc quăn tự nhiên của anh ta được cắt ngắn, da mặt xám, mắt mở to, tròng trắng đưa ra ngoài, mới đầu trông sợ đến mức tôi không dám nhìn thẳng. Sau này mới biết hồi trung học anh ta đã từng là cầu thủ bóng cricket. Ông Abdull nói:

“Cháu cứ nghỉ ở đây, đợi tí nữa Luna về cũng được.”

“Cảm ơn ông.”

“Cháu vẫn chưa ăn tối đúng không? Để ông nướng cho miếng bánh nhé?”

Việc phải ngồi trước người khổng lồ kia khiến tôi e ngại, miệng trở nên lúng búng.

“Cháu không sao đâu ông.”

“À, đây là Ali, cháu nội của ông.”

Lúc đó Ali lòng khòng cúi xuống chìa bàn tay giống như tay gấu ra.

“Rất vui được gặp em.”

Giọng nói ồm ồm. Tôi cũng đưa tay ra nhưng

Ali chỉ khẽ chạm vào ngón tay tôi rồi buông khiến tôi thấy thoải mái. Tôi ngồi gần như đối diện với Ali, mỗi lần ánh mắt Ali giao với mắt tôi, anh ta lại nhoẻn miệng cười. Nụ cười thân thiện với hàm răng to đều khiến tôi thấy nhẹ nhàng và cười theo.

“Em đang làm công việc gì vậy?”

“Tôi đang làm ở tiệm nail, còn anh?”

Ông Abdull gấp miếng bánh trong lò nướng ra, bỏ vào đĩa rồi đặt lên trên bàn, cất tiếng.

“Nó lái xe mini cab.”

Mới đầu tôi không hiểu cho lắm nhưng được giải thích là lái xe taxi. Tuy nhiên việc lái xe không được cấp phép chính thức mà chỉ là tạm thời.

Theo như tính chất công việc này thì xe taxi không phải là sở hữu của tài xế, tài xế cũng không chính thức được thuê mà chủ sở hữu thực sự của mấy chiếc xe taxi đó thuê người lái theo giờ. Ali chủ yếu lái xe vào ban đêm. Tôi chỉ biết có vậy, cũng chẳng biết nói gì thêm nên đành hỏi Ali: “Hôm nay anh không đi làm à?”

Ali liếc qua ông già rồi nói.

“Ngày mai là sinh nhật của ông tôi.”

Ông Abdull đứng trước bếp cười sáng khoái.

“Ông không thể nhớ mình sinh ra khi nào vì đã quá lâu rồi nhưng nó lúc nào cũng nhớ và nhắc ông.”

“Cháu cũng quên khuấy đi mất đó chứ nhưng mà mẹ cháu điện thoại nhắc.”

Ali cũng cười và nói theo. Tôi ăn miếng bánh một cách ngon lành rồi còn được mời uống trà nữa. Ông Abdull bảo:

“Gia đình nó sống ở Leeds. Bảo về nhà ông ở nhưng nó cứng đầu cứng cổ chẳng thềm nghe.”

Ali chỉ cười.

“Tối mai cháu cùng Luna tới đây ăn tối đi. Cháu đã từng ăn món Pakistan chưa?”

“Dạ chưa. Để cháu nói với chị Luna.”

“Cũng còn mấy nhà khác nữa nhưng họ đều có gia đình cả.”

Không biết có phải ông Abdull áy náy khi chỉ mời hai chúng tôi không mà nói vớt vát như vậy. Từ lâu tôi cũng đã muốn thân thiện với ông Abdull tốt bụng, nay lại tình cờ còn được gặp cả cháu nội của ông nữa.

Đến ngày hẹn, tôi và chị Luna về sớm hơn mọi ngày một tiếng. Cũng may là ngày hôm sau cửa hàng nghỉ nên chú Thanh cũng chẳng phản đối việc chúng tôi về sớm. Tôi và chị Luna ghé vào quán bán đồ ăn sẵn gần đó mua mấy món Trung Quốc chế biến theo kiểu Malaysia. Chị Luna cho biết những người theo đạo Hồi và đạo Hindu không ăn thịt lợn vì vậy chúng tôi đã chọn món thịt gà, tôm, nấm và măng xào. Hai chị em tôi vừa về tới cầu thang nhà thôi đã ngửi thấy mùi thức ăn lan tỏa trong làn khói bếp. Trong tòa nhà có nhiều người nước ngoài sinh sống nên vào những buổi tối ngày nghỉ, họ hay nấu những món ăn đặc trưng của dân tộc mình và cũng chẳng có ai phàn nàn cả.

Chúng tôi nhấn chuông, ông Abdull mở cửa với trang phục áo trắng dài trùm lên quần sarouel<sup>[13]</sup>. Tôi và chị Luna lần lượt nói “Chúc mừng sinh nhật ông”. Ali đứng trước bếp đang nấu nướng, nở nụ cười thay cho lời chào. Trên bàn ăn, những chiếc đĩa đã được múc đầy món cari thịt gà, ớt xanh và *kebab* thịt cừu. Chúng tôi cũng trút những món ăn mà mình mua ra đĩa, vậy là chiếc bàn ăn nhỏ của ông Abdull đã đầy ắp thức ăn. Món ăn mà Ali đang chuẩn bị là bánh mì *chapati*. Bất cứ cửa hàng thực phẩm nào ở London cũng bán đầy bánh *naan*, *chapati* và Ali đang làm nóng chúng trên chảo ráo. Anh cho bánh vào giỏ và mang ra, bốn người chúng tôi bắt đầu ngồi vào bàn.

Ông Abdull rót trà Chai cho mọi người. Người đạo Hồi không uống rượu nên rượu không bao giờ nằm trong nghi lễ chúc tụng. Trước khi ăn ông Abdull nói ‘Bismillad’ và Ali cũng làm theo ông. Vì đói bụng nên chúng tôi ăn nhiều thật nhiều.

Bố mẹ và em gái Ali đang sinh sống ở thành phố Leeds, phía Bắc London. Nghe nói họ cũng đã từng sống với ông Abdull ở đây. Khi bố Ali phải đi làm ở Leeds thì gia đình bắt đầu sống riêng từ đó. Ông Abdull nói rằng ở quê hương ông tất cả mọi người từ ông bà, bố mẹ, vợ chồng, con cái đều sống chung với nhau trong một gia đình, do đó họ duy trì được tình cảm gia đình ấm áp. Sau khi ăn xong chúng tôi cùng uống cà phê và nhấm nháp bánh hạnh nhân, bụng tôi no căng cũng vì thế. Ali nháy mắt với tôi, đôi lông mày nhướn nhướn lên, rồi nói với ông Abdull.

“Ông, cháu xin phép sang nhà Bari ạ.”

Ông Abdull chỉ cười chứ không nói gì cả, chị Luna hướng về phía tôi và dang hai tay ra, ngầm bảo rằng không biết phải làm thế nào cả. Ali lôi nhanh gói giấy nilon màu vàng trong hộp tủ bếp giấu vào trong áo. Chúng tôi chào ông Abdull và đi xuống tầng hầm, Ali vừa vào phòng liền đặt tay phải lên ngực, gập đầu tỏ ý xin lỗi.

“Tôi không thể hút thuốc, uống rượu trước mặt ông tôi được.”

Chị Luna hỏi tôi.

“Nếu em thấy không sao thì chị thế nào cũng được.”

“Em không sao đâu.”

Ali rót một ít rượu Scotch whisky mang theo vào ly thủy tinh, rồi hút điếu thuốc lá rất dài theo kiểu Pakistan. Anh nốc một hơi hết ly rượu và biểu hiện rõ là vô cùng hạnh phúc. Chị Luna cũng nhắm mắt uống, tôi chỉ nhấp một ngụm thôi đã ho sặc sụa. Vừa rời khỏi ông, Ali đã nhanh chóng thay đổi hình ảnh của mình.

“Ôi, khổ lắm, ông không cho tôi uống dù chỉ một giọt bia.”

Chị Luna vừa nhấp từng chút whisky vừa nói ra vẻ đùa cợt.

“Tôi thích người Anh, các cậu là người đạo Hồi nên có rất nhiều điều cấm kị đúng không nào?”

“Tôi cũng là người Anh cơ mà.”

Chị Luna lại nói bằng giọng mỉa.

“Hừm, cái thằng ngày nào cũng đánh tôi trước đây cũng sinh ra ở Anh đấy. Đạo Hindu hay đạo Hồi, tôi chẳng tin vào bất cứ thứ gì cả.”

Ali không tỏ vẻ tự ái trước lời lẽ của chị Luna. Anh rót một ly khác nhưng lần này không uống hết một hơi mà nhấp từng chút một.

“Mối quan hệ giữa bố và ông tôi không tốt lắm. Nhưng mẹ tôi vẫn rất lo lắng cho ông tôi.”

“Bình thường anh không đến thăm ông à?”

Nghe tôi hỏi, Ali nghiêng nghiêng đầu.

“Ừ thì, một tháng cũng đến một hai lần. Nếu lúc nào cũng ở bên ông thì có đôi chút bất tiện nhưng thỉnh thoảng gặp ông xong, tôi lại thấy tâm trạng rất thoải mái.”

Chị Luna lấy bộ bài ra và chúng tôi bắt đầu chơi bài bên bàn ăn. Không biết có phải do cố tình hay cái vận đen đui mà Ali thua tới ba mươi bảng, tôi và chị Luna lấy làm sung sướng vì đã kiếm được tiền tiêu vặt đủ cho cuối tuần. Đêm về khuya, khi Ali ra về, tôi đi ra định khóa cửa thì anh thì thào với tôi.

“Ngày mai bọn em nghỉ đúng không?”

“Vâng.”

“Em không muốn đi dạo bên ngoài sao?”

Tôi không hiểu được hết ý của Ali liền quay lại hỏi chị Luna.

“Chị, ngày mai Ali rủ mình đi chơi.”



Ali lắc đầu còn chị Luna cười hô hô.

“Ngõ thế, cậu ta rủ em đấy. Chị đi theo làm gì?”

Lúc này tôi mới hiểu bèn đóng sập cửa lại. Nhìn qua lỗ nhòm, tôi thấy Ali đứng đó một lúc rồi đi về phía cầu thang. Chị Luna nói với tôi bằng giọng trêu chọc.

“VẬY là có lời mời hẹn hò rồi đúng không? Phụ nữ từ lúc này là phải cẩn thận.”

“Nghĩa là sao chị?”

“Thì cái thằng giống như con voi ấy muốn tán tỉnh em chứ sao.”

Từ sau khi mơ thấy linh hồn và thể xác mình tách rời nhau cho tới giờ, tôi không còn sợ một người đàn ông nào nữa. Chuyện đó có thể chú Rhu trong nhà hàng Thượng Hải đã đoán biết, nhưng chú Thanh và các nhân viên trong tiệm Tonkin không ai biết về điều này. Tôi vẫn còn chưa qua nổi mốc tuổi của một đứa bé con với thân hình khăng khiu gầy đét. Tôi có kinh nguyệt, lần đầu tiên là hồi còn làm ở nhà hàng nhưng điều đó không làm cho tôi hoảng sợ. Vì tôi đã được nghe chị Syang giảng giải nhiều lần. Tôi luôn cho rằng mình đã thành đàn bà từ trước đó lâu rồi.

Tôi không cùng Ali tới khu rừng ở ngoại thành chơi nhưng lại bắt đầu nghĩ tới hình bóng và đôi mắt to của anh. Nếu phác họa hình ảnh ông Abdull trong đầu, dù biết là có sự khác nhau về giới tính nhưng tôi có cảm giác ông giống như bà tôi hoàn sinh trở lại. Có thể do tình cảm ấm áp của ông Abdull dành cho tôi. Tôi nhìn Ali chỉ như một đứa trẻ chưa trưởng thành với dáng hình khệnh khạng. Vì thế mà ngay từ đầu tôi đã đối xử rất hòa nhã với anh.

## 8.

Cô Sara - khách quen của quán Tonkin - muốn mát-xa chân khi tôi làm việc ở đó được mấy tháng. Cô luôn quan sát người khác nằm trên ghế thăm mĩ để tôi mát-xa chân, ngay khi tôi vừa làm xong thì cô hất cằm và vẫy tay ra hiệu cho tôi.

“Cháu làm thử cho cô đi.”

Tuy da mặt cô có phần ngăm đen nhưng lại là một người phụ nữ cuốn hút với sống mũi cao và mắt to. Có lẽ thời trẻ cô cũng có nhan sắc. Sau này tôi được biết cô là người Sri Lanka nhưng cô không theo đạo Phật mà theo đạo Tin lành. Bố cô là người da trắng, điều này có nghĩa cô Sara là con lai.

Tôi nắm lấy bàn chân khô gầy của cô và nhắm mắt lại, việc bình thường mà tôi vẫn làm với những khách hàng khác. Chuyện không có gì ghê gớm nhưng tôi vẫn cảm nhận được một số biến cố mà cô đã gặp phải. Người đàn ông da trắng rời khỏi nhà, người phụ nữ ôm con dựa vào cánh cửa đóng kín và khóc. Tôi lại nhìn thấy một người đàn ông khác nhưng đây là người da đen. Người phụ nữ ở lại một mình và làm trong bệnh viện. Đứa con gái đang lớn bò giữa đám con nít trong nhà trẻ.

“Cháu còn làm gì thế, sao không bắt đầu đi?”

Cô Sara giục và tôi bắt đầu mát-xa chân cho cô. Toàn thân cô có vẻ mệt mỏi. Tôi dồn hết sức bóp, đấm chân, vắn khớp và bấm huyết cho cô. Cô Sara dần dần chìm vào giấc ngủ. Tôi lại nhắm mắt và nhìn thấy cảnh cô Sara gặp gỡ và chia tay với mấy người đàn ông. Trong tiệm chúng tôi, một khi khách hàng đã ngủ thì không được gọi khách dậy kể cả khi đã hoàn thành gói dịch vụ của mình.

Cô Sara ăn mặc đẹp, trên người đeo toàn những loại trang sức đắt tiền, lại cho tiền *tip* hậu hĩnh, nên với chúng tôi, cô là một người giàu không sao kể xiết. Mỗi lần cô tới, chú Thanh đều đối xử với cô không khác gì nữ hoàng. Tôi cảm nhận được rằng cô Sara và chúng tôi cũng không mấy xa cách kể từ khi được mát-xa chân cho cô.

Cô Sara đặc biệt không thích chị Luna vì chị hay tỏ thái độ khó chịu bởi cô Sara cũng cùng màu da với chị mà mắt cô thì luôn kì thị và đối xử với chị như người hầu. Tôi thì lại cung kính rửa chân cho cô, cắt tỉa móng chân cho cô, tẩy sạch những đám da chết trên gót chân cô. Khi cô tỉnh dậy, tôi mang đến cho cô ly trà nóng, dùng kem mát-xa chân rồi kết thúc bằng việc dùng khăn nóng ủ chân cho cô. Cô Sara cho tôi tới mười bảng tiền *tip*, còn đa phần khách hàng khác chỉ cho mấy xu lẻ hoặc nhiều lắm cũng chỉ từ năm bảng là cùng.

Khách tới mát-xa chân dần dần đông lên, chị Luna được tôi chỉ cho những phần cơ bản nhất cũng bắt đầu mát-xa chân cho khách và một chị người Việt Nam tên Bình cũng nhanh chóng học lỏm để làm. Cô Sara là một trong số những khách hàng mỗi lần tới mát-xa chân đều chỉ đích danh tôi. Vào một ngày, cô Sara - vốn không bao giờ bắt chuyện với những người như chúng tôi, sau khi thanh toán tiền cho chú Thanh xong liền yêu cầu:

“Tôi muốn nói chuyện với cô bé này có được không? Tôi sẽ trả tiền giờ.”

“Tất nhiên rồi Madam, bà muốn lúc nào cũng được.”

Chú Thanh hướng ánh nhìn về phía tôi cười, hất hàm ra hiệu tôi đi theo cô. Tôi đi theo, cô nhíu mày nhìn quanh rồi bước vào quán cà phê phía bên kia đường, đoạn châm một điếu thuốc và hỏi tôi.

“Cháu từ đâu tới?”

Tôi hơi do dự nhưng rồi cũng trả lời rằng mình đến từ Trung Quốc, người đối diện gật gật đầu.

“Nếu không phải là Thái Lan thì từ nước nào tới cũng không quan trọng.”

Tôi không thể hiểu được lý do tại sao cô Sara lại nói như vậy, chỉ ngồi im lặng.

“Cô định giới thiệu cháu cho một người. Tất nhiên cô sẽ nói với chủ tiệm của cháu nhưng cứ coi như là cô thuê cháu đi. Cháu chỉ cần nói tới nhà cô làm là được. Nếu cháu hứa sẽ không ăn nói linh tinh thì sẽ kiếm được một số tiền lớn.”

“Cháu hiểu rồi, Madam.”

Cô Sara hút thuốc, suy nghĩ giây lát rồi nói tiếp.

“Thứ tư có được không? Người mà cháu phục vụ có thể muốn được mát-xa tới ba lần mỗi tuần đấy. Thật ra thì với cô, ngày nào cô cũng muốn được mát-xa hết.”

“Nếu chú chủ tiệm đồng ý thì cháu cũng đồng ý thôi.”

“Tên cháu là gì?”

Tôi trả lời tên mình là Bari và cô nói tên của cô cho tôi biết. Cô còn hỏi về mối quan hệ trong gia đình của tôi, nơi tôi đang sống và cả tuổi tác của tôi nữa. Nghe tôi trả lời xong cô Sara nói:

“Còn điều này cũng rất quan trọng... cháu đã có bạn trai chưa?”

Bất giác tôi nghĩ tới Ali nhưng điều đó quả thật lạ lùng nên tôi chỉ nói qua loa.

“Ngoài chị Luna ở chung phòng với cháu ra, đến bạn gái cháu cũng không có.”

“Ừ, tốt quá. Mặc dù Luna là một đứa khiếm nhã.”

Việc thương lượng giữa cô Sara và chú Thanh diễn ra tốt đẹp. Cứ mỗi thứ tư tôi lại đi làm bên ngoài. Cô Sara trực tiếp mang xe tới đón tôi. Ngoài khu vực gần Piccadilly Circus rộng lớn của khu phố Tàu, khu Rambus nơi tôi đang sống cho tới khu vực ga Elephant and Castle ra, tôi không đi đâu cả nên không thể đoán được nơi mình đang đến. Đó là khu biệt thự gần công

viên Holland của Kensington, một tòa nhà ba tầng màu trắng vô cùng tráng lệ. Cây cối ngoài vườn rất rậm rạp nên nhìn từ bên ngoài vào chỉ thấy thấp thoáng mấy cánh cửa sổ tầng dưới.

Cô Sara đưa tôi vào nhà qua lối tầng hầm bên cạnh cửa chính. Nơi đó là bếp và phòng giặt, cũng là phòng đợi của những người làm. Cô đưa tôi qua sảnh lớn của tầng hầm rồi lên tầng hai. Tại đây tôi gặp phu nhân Emille. Bà trạc năm mươi, có ánh mắt xa vắng như người vừa thức dậy. Tôi không biết quý tộc hay người giàu ở đất nước này như thế nào, chỉ biết rằng ngoài bà ra thì tất cả những người trong nhà này đều tồn tại để phục vụ bà. Không biết ông chủ thì sao. Phu nhân Emille mặc váy trắng ngồi bên cạnh bàn nước và đang nghe điện thoại. Cô Sara cùng tôi đứng trước hành lang đợi một lúc lâu sau thì bà mới đập máy rồi nhìn chúng tôi. Cô Sara tỏ ra cung kính:

“Thưa bà, tôi đã đưa người mát-xa tới.”

Người phụ nữ sắp xếp các loại hóa đơn, thư tín trên bàn và hờ hững hỏi.

“Người Trung Quốc à?”

“Vâng, thưa bà.”

“Xem nào, để xem tài nghệ cô ta tới mức nào mà chị khen đến thế.”

“Tôi sẽ chuẩn bị trong phòng ngủ.”

Chúng tôi vào phòng ngủ sắp sẵn bồn ngâm chân, khăn bông để cạnh cái ghế dài và chuẩn bị cả tinh dầu thảo dược. Cô Sara thì thăm vào tai tôi.

“Lần sau thì cháu tự làm nhé.”

Phu nhân Emille đi vào nằm trên chiếc ghế dài. Tôi ngâm chân bà trong nước nóng và bắt đầu thao tác bóp chân, lau sạch, bôi tinh dầu thảo dược và làm mềm chân bà. Tôi lướt tay từ gót chân tới các ngón chân, bắt đầu nắm toàn bộ bàn chân. Tôi nhắm mắt lại và bắt đầu mơ tưởng về bà.

Một cái gì đó như đám mây đen bao phủ lấy toàn thân phu nhân Emille. Tôi thấy cảnh tượng bà cùng chồng rời khỏi ngôi nhà nằm giữa rừng cây. Nơi này không phải là nước Anh. Cảnh lại thay đổi và lúc này bên cạnh

chồng bà là một người con gái châu Á nhỏ nhắn. Khuôn mặt của phu nhân Emille giàn giụa nước mắt khi cãi nhau với chồng. Tất cả giống như một bức ảnh mờ ảo chỉ có mặt phu nhân Emille là rõ ràng hơn cả. Đám mây đen là gì nhỉ? Dần dần đám mây ấy hiện rõ thành hình ảnh.

Những đứa trẻ con và người phụ nữ da đen ngã xuống trước ngôi nhà đất.

“Này, cô làm gì thế?”

Tôi mở mắt ra. Phu nhân Emille đang nhìn xuống tôi bằng cặp mắt sắc nhọn. Tôi lắp bắp trả lời.

“Cháu đang nghĩ xem cơ thể bà không khỏe ở chỗ nào ạ.”

“Cô đang làm bùa phép gì đó đúng không? Ta có thể đoán ngay được.”

Tôi không giải thích được tổ chất đó của mình là gì. Nhưng tôi cảm nhận được phu nhân Emille cũng có tổ chất đó giống như tôi. Tôi giả vờ không hiểu.

“Cháu nhắm mắt và nghĩ xem cơ thể bà đau ở chỗ nào.”

“Không chỉ như vậy đâu. Có phải cô là phù thủy không đấy?”

Phu nhân Emille nghiêng đầu hỏi, tôi quyết định sẽ nói thật.

“Cháu cũng không biết rõ. Nhưng từ xưa đến giờ mỗi lần cháu chạm vào chân ai là có thể biết được những chuyện xảy ra đối với người ấy.”

“Cô là người Trung Quốc à? Vậy cô theo đạo gì?”

“Cháu không tin vào đạo nào cả.”

“Vậy cô đã tìm thấy trong người ta không khỏe chỗ nào chưa?”

Tôi vừa day ngón chân vừa quan sát. Nhìn thấy phần đệm thịt giữa ngón thứ hai và ngón giữa có một chấm đỏ, phần mép bàn chân cũng tấy lên.

“Có lẽ tim hơi yếu và khớp gối cũng không được tốt cho lắm.”

Phu nhân Emille chăm chú nhìn tôi ra chiều lấy làm thú vị.

“Cô cũng nghĩ tới những chuyện mà ta đã trải qua đúng không?”

Tôi đành kể lại với bà từng hình ảnh mà mình đã nhìn thấy.

“Cháu thấy cây cối trải dài tới tận chân trời, bà đã rời bỏ ngôi nhà đá lớn có đầy cột.”

“Đúng vậy, đó là Johannesburg đấy! Làm sao cô biết nơi đó?”

“Cháu nhìn thấy bên cạnh ông chủ là một người con gái nhỏ nhắn. Có lẽ vì thế mà ông bà cãi nhau.”

Phu nhân gần như nghẹt thở, bà đặt hai tay lên ngực và hít thở sâu mấy lần, mắt đỏ kè. Một lúc sau phu nhân Emille duỗi thẳng tay ra.

“Thật may cô không phải là người Thái Lan.”

Tôi vẫn chưa nói tới chuyện đám mây đen, những người phụ nữ da đen và đám trẻ nhỏ ngã dòn lên nhau. Phu nhân Emille lại ngả người xuống chiếc ghế dài và ra hiệu.

“Thôi cô mát-xa cho ta đi.”

Tôi nhấn toàn bộ bàn tay, bóp tới ngón tay cái rồi bắt đầu mát-xa, đoạn tôi chuyển tới bàn chân, ngón chân, gót chân và bắp chân, làm đủ một trăm mười hai thao tác. Phu nhân Emille thả lỏng toàn thân và có vẻ như đã chìm vào giấc ngủ. Cuối cùng tôi ủ bằng khăn nóng rồi mát-xa kem cho bà. Cũng như mọi lần, tôi không đánh thức khách dậy mà lặng lẽ ra khỏi phòng. Cô Sara đang đọc tạp chí trong phòng khách liền đứng dậy.

“Xong rồi à?”

“Vâng, giờ bà ấy đang ngủ.”

“Được lắm. Vậy bây giờ làm cho cô đi.”

Chúng tôi xuống phòng đợi của người làm dưới tầng hầm. Cô Sara làm công việc quản gia, có vẻ gần ngang bằng với ông quản lý người Ấn Độ. Cô ngồi duỗi hai chân trên sofa, một người giúp việc khác mang chiếc chậu đầy nước nóng và khăn bông tới. Trong lúc tôi mát-xa thì chuông nội bộ reo lên

cho biết rằng phu nhân Emille đang tìm. Cô Sara vội vàng lau chân, rồi đi lên, lúc xuống về mặt cô hớn hờ bảo với tôi.

“Bà vô cùng hài lòng, nói ngày mai cháu lại đến.” Rồi cô Sara nói rằng sẽ lái xe đưa tôi về.

“Đây là địa chỉ nhà này. Ngày mai cháu tự tìm tới được chứ? Cháu cứ đến cổng, nơi chúng ta đã ra vào, nhấn chuông là được.”

Tôi lên xe cùng cô Sara và trong lúc quay lại Elephant and Castle cô hỏi tôi.

“Nghe bà nói là cháu có một năng lực đặc biệt?”

Tôi bèn kể lại cho cô biết cuộc đối thoại giữa chúng tôi. “Thật là thần kỳ!” Cô Sara lắc đầu.

“Cháu còn nghĩ tới được cả nhà ở Johannesburg cơ đấy. Nhà này đã sống ở Nam Phi rất lâu đời.”

Khi tôi kể chuyện người phụ nữ châu Á thấp bé cùng chuyện phu nhân Emille đã kích động thế nào thì cô Sara đột nhiên tỏ ra tức giận.

“Lẽ ra, nếu cháu không nói chuyện đó thì sẽ tốt hơn. Ông chủ đã ra sống riêng ở Brighton vì đứa con gái ấy. Đó là một nỗi ô nhục.”

Đang lẩm bẫm, cô Sara không biết nghĩ ra chuyện gì đó mà quay phắt sang hỏi tôi:

“Vậy là khi nắn chân cô cháu cũng nhìn thấy điều gì đó rồi phải không?”

Tôi không trả lời nhưng cô lại khúc khích cười.

“Chắc là đủ các thể loại đàn ông của cô cũng xuất hiện ấy nhỉ.”

Tôi định im lặng nhưng rồi quyết định lên tiếng.

“Cháu nhìn thấy cả người bố da trắng của cô, cả người da đen mà mẹ cô gặp khi làm ở bệnh viện.”

“Chúa ơi!”



Cô Sara hốt hoảng suýt nữa buông tay lái. Chiếc xe nghiêng ngả.

“Cháu quả thật lạ lùng.”

Tôi cũng không nói với cô về những hình ảnh như đám mây đen bao bọc lấy phu nhân Emille cùng những người phụ nữ da đen và đám trẻ con gục ngã. Xe đỗ trước cửa Nail salon Tonkin, cô Sara chìa phong bì tiền ra trước mặt tôi. Khi mở ra xem tôi thấy ngoài tiền giờ ra là số tiền nhiều gấp đôi như vậy. Lần đầu tiên tâm trạng tôi trở nên nhẹ nhõm khi nghĩ nếu cứ làm việc chăm chỉ thế này thì chỉ cần nửa năm tôi có thể trả hết số nợ ở phố Tàu. Tất nhiên tôi chỉ đưa cho chú Thanh tiền giờ. Nhưng chú cũng có vẻ hài lòng với việc người khách quen có uy lực này trở thành mối thu nhập lâu dài.

Tôi cầm mảnh giấy ghi địa chỉ và định bụng đi tàu điện ngầm để tìm tới căn biệt thự đó. Trống ngực đập thình thình vì sợ hãi nhưng mặt khác lại thấy vui khi giờ đây tôi đã được thoải mái đi tới bất cứ đâu.

Đổi hai lần tàu điện ngầm và đến con đường chạy xuôi theo công viên Holland quen thuộc và tôi đã chậm mười phút so với giờ hẹn. Tôi đi lại cánh cửa tầng hầm và nhấn chuông, khuôn mặt ngăm ngăm của cô Sara xuất hiện.

“Chào Bari, cô cứ sợ rằng cháu không tìm tới được.”

“Cháu đi sai tuyến phải đổi tàu nên mới muộn ạ.”

“Bà đang đợi. Đã hai lần hỏi sao cháu chưa đến.”

Khi cô Sara đưa tôi lên phòng khách tầng hai đã thấy phu nhân Emille mặc chiếc áo choàng quý phái màu xanh kiểu Trung Quốc đang ngồi lút trong ghế sofa. Tôi bắt chước cô Sara nhún gối chào, phu nhân Emille nói với tôi bằng âm điệu nhẹ nhàng.

“Ừ, cháu đến đấy à.”

Sau khi thấy cô Sara hướng về phía tôi gật đầu và đi khỏi, phu nhân Emille liền nói với tôi.

“Hôm nay không cần phải mát-xa trước đâu. Chúng ta uống trà nhé?”

Bà rót thứ nước trà màu đen đậm từ cái ấm sứ đã được chuẩn bị sẵn trên bàn.

“Đây có phải là hồng trà không ạ?”

“Không, đây là trà nấm. Uống trà này vào sẽ thấy người nhẹ nhõm và tâm trạng trở nên vui vẻ.”

Tôi ngập ngừng uống từng ngụm trà. Chỉ thấy mùi càn cây khô và mùi đất, không có vị gì cả. Tôi theo phu nhân Emille vào phòng ngủ, bà để tôi nằm trên chiếc ghế dài và bản thân mình thì nằm xuống chiếc giường phía đối diện.

“Rồi cháu sẽ biết rõ thôi. Chúng ta cùng nói chuyện nhé.”

Tôi cảm thấy lưng mình đập dềnh như nằm trên mặt nước, khi duỗi thân ra thấy như đang trôi theo dòng sông. Tôi cố gắng nhìn giữa khe mắt mập mờ đang chực sụp xuống thấy có ai đó xuất hiện bên kia giường của phu nhân Emille. Giống như một người phụ nữ da đen khoác tấm vải nâu dày sần sùi.

“Có ai đó tới đằng sau kia, giống như một người phụ nữ da đen.”

Phu nhân Emille không hề ngạc nhiên.

“Ừ, có lẽ đó là nhũ mẫu của ta, Beki. Bà luôn chăm sóc và bảo vệ ta.”

Tôi định ngồi dậy để chào bà Beki nhưng không hiểu sao không thể điều khiển được chân tay mình. Bên tai tôi vọng tiếng thì thầm của phu nhân Emille. “Bari à, ngủ đi thôi, ngủ đi.”

Tôi đứng giữa cánh đồng cỏ khô cao tới thắt lưng. Phía bên kia cánh đồng, mặt trời đang lặn, đỏ ửng như trái hồng chín căng mọng khiến cho cả vùng trời chuyển thành một màu đỏ rực. Bên tai tôi từ từ vang lên những nhịp trống đều đều. Cũng có thể là tiếng trái tim tôi đang đập như vậy.

Giữa cánh đồng là một ngọn núi khổng lồ cao như thế chạm tới trời. Càng đi vào bên trong càng thấy ngọn núi mang dáng dấp của hai lòng bàn tay mở ra. Và giữa bãi đất trống rộng như quảng trường phía bên trong là một cái hồ

rộng nhìn như mồm thú vật. Dưới đáy hồ đầy những lỗ đen sâu hun hút không thấy đáy.

Trên mỗi vách đá là hình ảnh những người da đen trần truồng, túm tụm lại như những đám khói. Tôi tiến lại gần phía họ nhưng hình như họ không nhìn thấy tôi. Tấm thân đen của họ dính đầy bùn đất, các bao tải phủ xuống vai họ được nối dây và buộc vòng quanh trán. Phần dưới cơ thể được che bằng vải, còn thân trên được bao bọc bằng những cái bao kết lại với nhau. Dưới nền đất là những cái hố được đào nham nhở, và những bao tải đựng đầy đá, có lẽ được mang về từ những vách núi đá dựng đứng. Phải tới mấy ngàn người da đen đang vác các bao tải ở trên vai. Họ đang leo lên từ cái thang dây vắt vẻo áp sát bức vách dốc nghiêng trong những cái hố được đào tầng tầng lớp lớp. Ở bãi đất trống trên cái hố cũng là mấy ngàn người da đen lăm lũi bước đi với hành lí trên vai. Những người trong hang thì đang đục đá bằng những xẻng và thuổng.

Ở một góc đất trống khác lụp xụp những căn nhà được dựng bằng gỗ, mái lợp bằng cỏ lau và bạt trắng. Người da trắng ngồi quây quần trong các lều bạt. Có một người đàn ông để râu dài, đầu đội mũ, mặc chiếc áo sơ mi trắng. Tôi còn nhìn thấy cả những người đàn ông khác mặc đồ lính, gắn huân chương màu mè trên ngực và trên cầu vai.

Tôi chuyển dịch qua lại giữa những bức tranh. Ở đâu đó, thang dây bị đứt và hàng chục người bị rơi xuống hố. Tiếng súng dồn dã rồi trở nên rời rạc. Bốn bề lặng ngắt như tờ. Những người lính tiến lại gần những kẻ đã ngã gục xuống và quan sát.

Tôi đi tới cánh đồng. Cánh đồng dày đặc những cột khói đen như tôi đã từng nhìn thấy trên quê hương mình, những tiếng ù ù nhỏ vang lên không ngắt. Bầu trời lờ mờ như buổi sáng sớm hay chiều muộn và cũng như lúc ấy. Ánh lửa lập lòe khắp nơi trên thảo nguyên. Khói bốc lên trên mái của những căn nhà đang bị cháy, nơi đám cỏ và lau lách đã bị thiêu trụi là những mảng khói và tia lửa bay phơ phất. Đại bàng, rồi quạ đang rìa các xác chết nằm

vương khắp nơi. Những ngọn thương vẫn còn cắm trên các xác chết đang dần bị thối rữa. Chiến tranh đã xảy ra sao?

Tôi nhìn thấy một cánh rừng. Những cây Baobap thẳng đứng như chĩa gốc lên trời, cây Mupure, cây sồi Dymio, Acasia, Marula dựng thẳng đứng như bức tường sừng sững và trong đó, tôi nhìn thấy có ánh sáng. Tôi đi len qua các lùm cây hương tới nơi phát ra luồng ánh sáng đó và như bị lôi thẳng vào bên trong. Những tấm vải màu xanh, xám, hoàng thổ, trắng bắt đầu hiện ra trong ánh lửa. Có nhiều người khoác và quấn các tấm vải lên trên thân trần. Nhìn kĩ thì hầu như tất cả là phụ nữ - phụ nữ trung niên, thiếu nữ, những cụ già cùng những em nhỏ và những đứa trẻ sơ sinh. Ánh sáng đó là một đồng lửa lớn được đốt bằng cỏ dại cùng với những khúc gỗ xếp thành hình chóp. Mọi người không ai nói với ai một lời.

Tôi biết những người ở đây đang nhìn mình và tôi ý thức được rằng họ đã không còn tồn tại nữa. Khi tôi bước tới đồng lửa thì những hình người đó liền lấy vải che mặt lại và tản ra xa, trước ánh lửa có một người phụ nữ đang đứng. Rõ ràng, người phụ nữ đó đang đợi tôi. Khi giáp mặt, tôi nhận ra chính là Beki mà tôi nhìn thấy lờ mờ lúc nãy. Trên cái khăn trùm đầu có một sợi dây gắn đầy các hạt ngọc tròn, tấm vải nâu giản dị được phủ trên vai và chiếc váy đen quây chặt quanh bụng. Phía sau đầu là một sợi dây khác cắm đầy lông đà điểu trông không khác nào một đám mây nhỏ bông bênh.

“Cháu đúng là Bari mà Emille của ta đã gửi tới rồi.”

Bà Beki nói rồi lấy một chiếc lông đà điểu quét xuống đất, lập tức mặt đất tách ra làm đôi giống như một trận địa chấn. Khi mặt đất nứt ra thì những thể xác đang vất vưởng xung quanh tôi bị hút vào lòng đất. Những hình hài tùm lại như khói đen lấp đầy không gian mở. Trong đám khói đó một bàn tay thò ra. Rồi lại một bàn tay nữa thò ra và xuất hiện khuôn mặt của một người đàn ông da trắng. Đó là người đàn ông râu dài trong căn nhà ở bức tranh mà tôi đã thấy trước đó. Rồi thêm một người đàn ông khác ngoi lên. Ông già với mái tóc trắng xóa mặc quân phục đang vùng vẫy hai tay. Đám sương đen chẳng phải là khí mà giống như một vũng bùn đặc. Những mảng

màu tối ấy cuộn lại với nhau như muốn nhấn hai người đàn ông da trắng xuống. Họ thét lên.

“A, bỏ ra.”

“Cho ta ra khỏi nơi đây.”

Đột nhiên khe hở biến mất và nền đất liền lại. Không biết từ lúc nào, những cụm khói đen cuộn trở lại thành hình người đứng, người ngồi xung quanh cái cây và đóng lửa lại bắt đầu cháy. Ở cửa rừng nơi tôi đến, phu nhân Emille đang bước tới trong chiếc áo choàng dày màu xanh như thường ngày. Phu nhân Emille nước mắt đầm đìa, nói như van nài với bà Beki.

“Xin vú hãy thả những người kia ra.”

Bà Beki với khuôn mặt không một chút cảm xúc trả lời.

“Không phải lỗi của ta, con ơi, những linh hồn không muốn tha cho họ.”

“Con phải làm sao để họ được thả ra?”

“Hỏi Bari đi, hỏi Bari ấy.”

Trước khi phu nhân Emille kịp cất lời, tôi đã mở bừng mắt ra. Tôi còn nhìn thấy cả những hạt ngọc tròn của chiếc đèn chùm lơ lửng trên không trung. Dù trong đầu tôi vẫn còn rất mông lung nhưng đồ đạc trong phòng hay những chiếc lá cây ngoài cửa sổ trông vẫn rất rõ nét. Tuy nhiên sắc màu của chúng lại là thứ màu vàng nhợt nhạt như tấm ảnh lâu ngày. Tôi im lặng và chờ cho đến khi sắc màu trở lại đúng với màu của nó.

“A, tỉnh rồi!”

Tôi nghe thấy phu nhân Emille thốt lên như vậy. Bà từ tốn đứng dậy tiến về phía tôi và ngồi bên cạnh chiếc ghế dài.

“Ừ, cháu nhìn thấy gì vậy?”

Tôi không thể giải thích được tất cả quang cảnh mà mình vừa nhìn thấy.

“Cháu thấy rất nhiều người da đen đang đào hang. Và rất nhiều người chết.”

“Ừ, đó là mỏ vàng.”

“Hai người đàn ông... một người ở độ tuổi trung niên và một người là lính già...” rồi tôi kể tiếp việc đất bị nứt ra làm đôi, đến đoạn hai người đàn ông bị làn khói đen cuốn vào trong đó thì phu nhân Emille chặn cả hai tay lên ngực và cúi đầu xuống. “Ô, ô, cháu đã nhìn thấy ông và bố của ta.”

Phu nhân Emille lắc lắc tay tôi rồi nói.

“Cháu quả thật là một phù thủy rất tài năng.”

Vì cũng cảm nhận được tố chất của bà nên tôi hỏi:

“Vậy bà nhìn thấy những gì ạ?”

“Ta nhìn thấy một con sông dài. Nhìn thấy cả đám cháy rừng... và con thuyền trong đêm tối.”

“Bà có nhìn thấy bà của cháu không? Cả con

Chinsung, con chó trắng ấy ạ?”

“Ta không nhìn được đến đó.”

Tôi đã nhìn thấy bà Beki, nhớ rõ mồn một khuôn mặt và quần áo của người phụ nữ da đen đó. Vì thế tôi kể cho phu nhân về ngôi làng có đồng lửa cháy. Phu nhân Emille nói:

“Nhũ mẫu Beki đã tới nhà chúng ta lúc ta bốn tuổi. Ngôi làng mà cháu nhìn thấy có lẽ là làng Ulundi quê hương của bà Beki. Bà Beki là phù thủy của dân tộc Zulu. Không ai biết bà ấy là phù thủy, ngoại trừ ta.”

Phu nhân Emille nhìn quanh rồi mở ngăn kéo bàn, lấy ra chiếc hộp bọc nhung màu đỏ. Bà mở nắp cho tôi xem những thứ như răng báo, các loại trang sức, và những mảnh xương dùng để bói toán mà bà giải thích là bà Beki đã để lại. Bà còn cẩn thận lấy ra một con hình nhân nhỏ được làm bằng loại gỗ mun, nghe nói còn cứng hơn cả sắt. Đó là tượng một người đàn ông da đen, đen ngòm và gầy gò, nhỏ bằng ngón tay với cặp mắt dài, miệng mím chặt, hai khóe môi trễ xuống, dưới háng là dương vật dài và nhọn chĩa lên

trên. Giây phút nhìn thấy vật đó hai tay tôi bắt đầu run lên bần bật và cảm thấy hơi nóng rần rật từ sau gáy truyền lên má. Tôi vội vàng giật con búp bê từ tay phu nhân Emille, bỏ lại vào hộp và đập nắp lại. Hơi thở của tôi dần dần trở lại bình thường.

“Đó là Oshe - chồng trên thượng giới của bà Beki. Bà ấy kết hôn với linh hồn theo phong tục của phù thủy.”

“Giờ cháu xin phép về.”

Phu nhân Emille đặt tay lên vai tôi, cử chỉ thân thiện hơn cả cô Sara rồi nói.

“Tuần sau cháu lại đến đây hai ngày được không?”

“Vâng, cháu sẽ tới.”

Ngày hôm đó tôi đã mất nhiều thời gian và sức lực cho phu nhân Emille nên không thể mát-xa cho cô Sara được. Tôi chào cô Sara và ra về. Trên đường quay trở lại tiệm Tonkin, tôi liên tục nghĩ tới hình nhân nhỏ bé đó. Khi tôi nhắm mắt lại, nó đột nhiên biến thành người khổng lồ đứng trước mặt tôi trong tàu điện ngầm. Tôi nhìn thấy nó là Ali. Ali trần truồng đứng trước mặt tôi. Tiếng ầm ầm ngưng bật trong giây lát và rất nhiều người đang lên xuống tàu. Tôi nhắm mắt cúi đầu và nghe thấy giọng nói ồm ồm cất lên phía trên đầu mình. “Bari, đi đâu đấy?”

Tôi giật bản mình và lắc đầu. Đúng là người khổng lồ Ali đang cúi xuống nhìn tôi cười. Ánh mắt của tôi vô thức trượt xuống dưới đùi anh. Nơi đó giống như có dương vật dài và nhọn đang trể xuống. Mặt tôi đỏ rần lên.

“Em làm thêm ở ngoài và bây giờ đang quay về lại tiệm.”

“Anh cũng đang trên đường đi làm đêm.”

Ali đi theo tôi tới tận ga Elephant and Castle và cùng vào nhà hàng Thổ Nhĩ Kỳ dùng bữa, mỗi người chúng tôi ăn một chiếc bánh kebab.

Tôi trở về nhà trong đêm, nằm bên cạnh chị Luna đang say giấc và cứ thao thức không sao ngủ được. Đúng lúc tôi thiu thiu ngủ được một chút thì

tinh ra. Bên tai là tiếng bà thì thầm kể chuyện ngày xưa trong căn lều giữa vùng núi phủ đầy băng tuyết, nằm về phía bên kia sông Duman. Đó là câu chuyện về nàng công chúa Bari. Tôi mở lời trước:

“Bà ơi, kể chuyện ngày xưa đi cho cháu nghe đi. Nàng công chúa Bari giặt giũ, nấu nướng, chặt củi, làm đủ mọi việc trên đời, còn xuống cả địa ngục đúng không bà? Nàng cứu những linh hồn ở địa ngục, rồi tới trời Tây<sup>[14]</sup> nữa bà nhỉ.”

“Đúng vậy, đúng vậy. Cháu còn nhớ rõ lắm. Khi tới được trời Tây thì gặp Changseong. Nàng cá cược với Changseong và bị thua nên phải chăm sóc nhà cửa, sinh con đẻ cái, phải làm việc chín năm thì gã mới tìm nước trường sinh cho. Công chúa Bari lần đầu gặp Changseong thế nào nhỉ? Nàng được chỉ cho rằng đừng đi con đường màu cỏ úa mà phải đi trên con đường màu trắng, nàng đi trên con đường đó thì gặp Changseong đen ngòm cao chín cheok<sup>[15]</sup>. Ôi, ôi, làm sao bây giờ. Nếu bị gã bắt thì gay go lắm đây. Nhưng kiểu gì cũng phải dỗ dành gã thôi.”

“Bà ơi, Bari hỏi Changseong đường tới trời Tây đúng không?”

“Ừ, đúng rồi. Changseong mới trả lời rằng làm gì có trời Tây, nàng phải sống với ta thôi. Ông nội ta phải đến năm tám mươi một tuổi mới lấy được vợ. Ta đã gặp nàng rồi thì nàng phải sống với ta. Nàng bèn nhẹ nhàng dỗ dành gã rồi bỏ đi thì gã bế thốc nàng lên vai.”

Tôi biến thành công chúa Bari và bảo:

“Này ông, sao lại vác tôi như vậy. Người đi trước, người đi sau mới phải chứ.”

“Phải là vợ chồng thì mới là người đi trước, người đi sau. Cửa nhà của ta chỉ có một tấm che nhưng là nhà bốn chóp ngói cao và treo chuông cá gỗ<sup>[16]</sup>, nàng về nhà ta sống đi.”

Khi tới nơi, tôi mới thấy hóa ra nhà chỉ là một căn lều rách, cái gọi là cửa chỉ là một tấm che chằng dây. Trời nắng chói chang, bụng bảo dạ, chẳng nào



cũng bị tên này bắt rồi, tôi bèn đi ra góc vườn trước nhà múc một bát nước ngọc<sup>[17]</sup>, xoa tóc, giã giụa và khóc lóc thảm thiết.

Bà hỏi tôi: “Làm sao nàng khóc?”

Lần này tôi trả lời:

“Hôm nay là ngày giỗ của ông tôi.”

“Ngày hôm sau, lại một đêm trôi qua không ngủ, lại một đêm nữa, ngày lại đi và đêm lại tới, tôi lại xoa tóc, múc nước rồi giã giụa.”

“Hôm nay vì sao lại khóc?”

Tôi trả lời:

“Vì hôm nay là ngày giỗ của bà tôi.” Ba ngày sau tôi lại ngồi và khóc.

“Hôm nay tại sao lại khóc?”

“Vì hôm nay là ngày giỗ của bố tôi.”

Changseong không hiểu sao Bari cứ phải ngồi khóc như vậy liền hỏi “Hôm nay lại có chuyện gì?”

“Hôm nay là ngày giỗ của mẹ tôi.” Bà tôi tỏ vẻ ngao ngán.

“Hơ, nhà ấy mắc bệnh quỷ quái gì mà ngày nào cũng có người chết thế.” Cứ thế, bốn đêm trôi qua, tới đêm thứ năm.

“Bà ơi, vậy là Changseong và công chúa cưới nhau rồi? Công chúa Bari phải làm sao mới thẳng được?”

“Đúng rồi, công chúa phải cầu xin chứ sao.”

Tôi khéo léo nói:

“Này ông, nếu ông muốn sống cùng tôi thì phải cầu xin tổ tiên, nhưng làm sao có thể cầu xin ở nơi bụi bặm như thế này được. Hôm nay ban ngày làm giỗ, phải thành kính làm giỗ trong ba ngày, như vậy tôi mới động phòng với ông. Để tôi quét rồi lau sạch nền nhà<sup>[18]</sup>, lau hết bụi bẩn, còn ông lên núi kiếm củi về đốt lò sưởi đi.”

“Sao lại bảo tôi đi kiếm củi về?”

“Sao ông không đi được?”

“Tôi sợ nàng bỏ đi.”

Sau đó bà giảng giải.

“Sao lại chậm hiểu và ngốc nghếch đến thế. Đã bắt cóc người ta về rồi làm sao người ta trốn đi được. ‘Tôi sẽ không đi đâu, ông đừng lo. Tôi lấy dây dài cột một đầu ở cổ tay, buộc đầu còn lại vào chân gùi rồi, ông cứ yên tâm mà đi đi.’ Khi Changseong đi rồi Bari bèn cầm cùi dọn dẹp nhà cửa, quét dọn trên dưới, trong ngoài. Cái loại chậm hiểu và ngốc nghếch ấy vừa đi một chút đã chạy về ngã dúm ngã dụi xuống đất, xây xước hết mình mẩy.

Tôi hỏi.

“Làm sao mà mình mẩy ông lại trầy xước thế kia, gặp gấu hay gặp hổ à?”

“Không phải vậy mà cái chân gùi cứ muốn long ra.”

“A, để dọn nhà làm sao tôi không chạy đi chạy lại cơ chứ, cứ ngồi yên một chỗ thì sao lau dọn được. Ôi giờ ơi, ngốc nghếch như vậy thì biết phải làm thế nào đây. Vậy thì tháo cái dây ở chân gùi ra. Tôi sẽ vẽ gương mặt tôi vào tờ giấy rồi ông dán lên cây. Làm như vậy thì lúc nào ông cũng sẽ thấy tôi, nếu nó rơi xuống thì có nghĩa là tôi đi rồi. Lấy cơm dán đằng sau cái tranh ấy.”

Thế rồi Changseong mang tranh đi, khi nào nhớ thì lại nhìn vào bức tranh rồi tủm tủm cười. Gã dán bức tranh lên cây thông thì tranh dính rất chặt. Yên tâm rằng nàng không chạy trốn nên Changseong yên tâm đốn củi thật chăm chỉ.

“Hiểu được ý trời, Changseong và công chúa thành vợ thành chồng bà nhi. Bà ơi, vậy thì hai người cũng sinh con nữa đúng không?”

Nhớ lại từng chút một câu chuyện của tôi và bà mà tôi dần dần chìm vào trong giấc ngủ.

## 9.

Đến khi trả gần hết số nợ thì thời gian mà tôi làm việc ở Nail salon Tonkin cũng được gần một năm. Một ngày nọ, chú Thanh gọi tôi ra lối vào *toilet* sau cửa hàng. Nhìn khuôn mặt nghiêm trọng của chú, mặc dù thấy mình chẳng có lỗi gì nhưng tim tôi vẫn đập thành thịch.

“Cháu có nghe gì không? Có lẽ trong tuần này sẽ bắt đầu chiến dịch truy bắt.”

“Truy bắt gì ạ?”

“Cháu không có visa, cũng không có giấy phép hành nghề đúng không?”

Tôi cúi đầu trước lời nói của chú Thanh. Đó cũng là điều mà ngay từ đầu khi còn ở nhà hàng Thượng Hải chú Rhu cũng đã nói qua cho tôi biết.

“Đừng lo, chú không có ý định đuổi việc cháu. Có điều nếu bị bắt thì chú sẽ phải nộp phạt hai nghìn bảng và có thể bị hủy giấy phép kinh doanh nhưng còn cháu, cháu sẽ bị vào tù và bị đuổi về nước.”

Trong khu chung cư cho thuê của quận, nơi chị Bình - người Việt Nam đang sống cũng vậy. Tối hôm qua, cảnh sát và người trong cục quản lí xuất nhập cảnh cùng đi truy bắt. Họ đột nhiên xuất hiện trong mấy cái xe tải hạng nhẹ, chặn cửa chung cư, lục soát từng nhà và bắt đi mười người cư trú bất hợp pháp. Chú Thanh lôi tiền trong túi ra và đưa cho tôi.

“Chú gọi điện thoại hỏi bạn chú rồi, có lẽ tuần này họ sẽ kiểm tra các cửa hàng gần đây. Cháu hãy nghỉ khoảng mười ngày cho đến khi tình hình lắng xuống nhé.”

Tôi cúi gập người tới hai lần tỏ lòng cảm ơn chú.

“Cháu cảm ơn chú, nhưng cháu không nhận tiền đâu. Những ngày đó cháu không đi làm mà.”

“Không sao đâu, cứ cầm rồi sau này đi làm trả lại chú cũng được.”

“Chỉ cần chú cho cháu làm lại là tốt lắm rồi.”

Cuối cùng, tôi cũng từ chối được món tiền mà chú Thanh đưa. Trước khi hết giờ làm việc, tôi định dọn dẹp để về sớm thì chị Luna theo ra.

“Sao thế, có chuyện gì vậy?”

“Không có chuyện gì đâu, em định về nhà nghỉ sớm, đau đầu quá.”

Chị Luna nắm tay tôi khẽ lắc đầu.

“Vậy thì về nghỉ đi, em thật sự không sao chứ?”

Tôi gạt đầu và chậm chậm bước tới khu nhà mình ở Rambus. Về được tới nhà thì trời cũng sập tối, cầu thang xuống cửa bên dưới tối om. Tôi dò dẫm định bước xuống thì đột nhiên cánh cửa đối diện mở ra và tôi thấy một bóng người đen ngòm.

“A, tôi lại tưởng... có ai tới nữa.”

Đó là chị hàng xóm người Nigeria của tôi. Trời tối thế này nhưng chị không bật đèn, bên trong phòng cũng tối om. Chỉ có cửa sổ phía ngoài sân là có vẻ sáng sáng.

“Mất điện hả chị?”

Nghe tôi hỏi, chị dường như nhớ ra và bật đèn. Tôi lấy chìa khóa ra toan tra vào ổ nhưng thấy chị vẫn đứng đó, liền buột miệng hỏi.

“Chồng chị chưa về à?”

“Vâng, tôi đang đợi anh ấy.”

Tôi mở cửa, nhưng trước khi bước vào, tôi quay lại thì thấy chị đứng dựa vào cửa. Tôi nhìn chị trong giây lát rồi bảo:

“Chị dùng một tách trà nhé?”

Tôi để cửa mở và đợi nhưng chị không nói gì, cứ thế đi thẳng vào. Tôi đi vào cùng chị, đóng cửa rồi quay lại thì đột nhiên chị tựa người lên vai tôi òa khóc nức nở. Tôi luống cuống rồi khẽ vỗ vỗ lưng chị.

“Có chuyện gì thế chị?”

Vừa hỏi xong thì chị ngồi phịch xuống như tuột khỏi người tôi.

“Chồng tôi bị bắt đi rồi.”

Tôi xốc nách chị lên, dìu chị tới chiếc ghế sofa êm ái mà tôi và chị Luna thường ngồi. Nước mắt giàn giụa trên khuôn mặt sạm màu của chị, chị nói.

“Người cùng làm với anh ấy ở cây xăng điện thoại báo cho tôi biết. Chồng tôi không có giấy phép lao động.”

Lúc đó tim tôi như thót lại. Ôi trời ơi, đúng là sự thật rồi!

“Chúng tôi đã khổ thế nào mới đến được đây...”

Chúng tôi chẳng có chỗ nào để đi cả.”

Trong lúc tôi vào bếp đặt ấm nước và lấy tách trà ra, chị vẫn tiếp tục kể.

“Do không có giấy phép nên chúng tôi mất một trăm bảng mỗi tuần để mượn giấy phép từng tháng một. Nhưng do tuổi tác quá chênh lệch, chỉ cần trực tiếp nhìn mặt là lộ ra ngay. Đa phần mấy người chủ trừ vào tiền lương. Nếu mượn được giấy phép thì nhận được bảy mươi phần trăm, nếu không có thì chỉ nhận được một nửa, có khi còn chỉ nhận được ba mươi phần trăm lương thôi.”

Tôi pha trà và để trước mặt chị, lúc này chị đã bình tĩnh hơn, nấc nấc thêm mấy tiếng rồi im lặng uống trà.

“Nếu anh ấy bị trục xuất về nước... thì tôi cũng bỏ trốn thôi.”

Chị nhìn chăm chăm xuống nền nhà rồi lẩm bẩm.

“Chúng tôi bỏ lại ba đứa con để tới nơi này. Số tiền nợ cho chuyển di cư này vẫn còn chưa trả được.”

Tôi không thể nói được rằng mình cũng cùng cảnh ngộ như chị vì tôi ở trong tình thế không thể tin bất cứ ai. Trong thời gian qua, nào là phải trả tiền phí vượt biên, nào là phải kiếm tiền trang trải cuộc sống, tôi không thể quan tâm tới điều gì khác, và đây là lúc tôi cảm nhận được rõ nhất tình cảnh của mình. Tôi chợt nghĩ phải an ủi chị mà cũng là để trấn an chính mình.

“Biết đâu anh ấy lại được thả về...”

Nhưng chị lắc đầu mệt mỏi.

“Trước đây cũng có một lần may mắn, họ cũng đi truy bắt như vậy nhưng do thay đổi người phụ trách nên họ không kiểm tra mà chỉ gọi danh sách giấy chứng minh thôi. Nhờ có một cụ già trong số người bị bắt giúp đỡ mà chồng tôi đã thoát được ra ngoài. Tất nhiên sau này người ta cũng biết giấy tờ của chồng tôi là giấy tờ giả. Mọi chuyện đều nằm trong sự sắp đặt của Thánh Allah thôi.”

Bề ngoài tôi hành động rất thận trọng nhưng tôi biết rõ mối nguy hiểm đang rình rập chúng tôi. Chồng chị bị bắt để điều tra thì dĩ nhiên việc mượn giấy tờ của người khác sẽ bị bại lộ. Nơi sinh sống rồi mối quan hệ gia đình cũng sẽ bị phát hiện ra ngay. Cũng có thể ngay sáng ngày mai, những người đi truy bắt sẽ xuất hiện. Biết đâu lúc này việc con cái không ở đây lại là điều may mắn đối với vợ chồng anh chị. Tôi hỏi người phụ nữ da đen đã có phần buông xuôi tất cả và bần thần như kẻ mất hồn.

“Vậy chị có chỗ nào để ở trong mấy ngày này không?”

Nghe tôi hỏi chị mới giật mình.

“Ôi thánh thần ơi, có thể ngay sáng ngày mai họ sẽ tới.”

Chị đặt hai tay lên ngực, lắc lắc đầu, điệu bộ luống cuống rồi như bừng tỉnh chị vội vàng đứng lên và nói.

“Tôi sẽ gọi điện thoại nhờ vả người chủ nhà nơi tôi làm việc. Biết đâu lại tốt vì họ đang giao nhà và gửi con cho tôi trông...”

Sau khi người phụ nữ ấy đi, tôi cũng bắt đầu sốt ruột. Tôi nghĩ mình phải tránh đi đâu đó một thời gian cho đến khi mọi chuyện trở lại bình thường. Nghe tiếng gõ cửa, tôi nhìn qua lỗ nhòm rồi mới mở. Người phụ nữ nói như hụt hơi.

“Họ nói là tôi có thể ở lại trong nhà họ mấy hôm cũng được. Thật may là chồng bà chủ đang đi công tác. Bà ấy bảo gặp nhau để nói chuyện. Tôi cũng gọi điện thoại cho bạn của chồng tôi thì họ nói mai họ sẽ tới công sở để thăm anh ấy.”

“VẬY là tốt rồi. Anh ấy sẽ quay trở về thôi.”

Đột nhiên chị ôm lấy tôi và thì thầm.

“Cảm ơn chị. Cứ sống với nhau tốt như thế này chẳng lẽ lại không được sao?”

Đóng cửa xong, tôi định thần lại rồi đi đến quyết định. Tôi ra ngoài hành lang, lên cửa trên, leo cầu thang đi đến tầng hai. Hít một hơi thật sâu trước cửa nhà ông Abdull, tôi nắm lấy quai gõ cửa bằng sắt rồi gõ. Có tiếng ho nhẹ bên trong và ông già xuất hiện. Ông ngược nhìn tôi qua cặp kính lão.

“Ông cứ tưởng là ai, Bari đây à, vào đây cháu.”

Tôi đi vào, ngồi xuống trước mặt ông nhưng cúi đầu im lặng một lúc lâu. Ông không giục tôi, chỉ khẽ mỉm cười và chờ đợi. Tôi giải thích vắn tắt cho ông biết lí do tôi phải về nhà sớm, nói cả chuyện xảy ra đối với vợ chồng người Nigeria sống bên nhà đối diện. Ông thôi cười, trán nhăn lại và gật gật đầu.

“Đất nước này đang lo về trị an đây.”

Tôi không thể hiểu được ông Abdull muốn nói về chuyện gì.

“Logic của cuộc đời ở đâu cũng giống nhau. Người có tiền bạc, sức khỏe, thoải mái mà thụ hưởng được điều đó cũng không dễ dàng gì. Chẳng hạn là việc họ đang tiến hành kiểm tra truy bắt đây. Bari cũng không có hộ chiếu đúng không?”

“Cháu cũng có nhưng...”

“Có nhưng chắc cũng chỉ là giả thôi.”

Trong khoảng thời gian trôi giạt khắp nơi, tôi đã học được rằng, để có thể nhận được sự giúp đỡ từ người khác thì nhất định phải tạo được lòng tin bằng chính sự thành thật. Tôi nói về đất nước và quê hương của mình, nói sơ qua về qua hành trình sang Trung Quốc và tới được đất nước này. Ông Abdull thỉnh thoảng lại gật đầu, mỉm cười, chờ đợi mỗi khi tôi thở sâu để cân bằng cảm xúc của mình. Khi kể xong đoạn tôi tới London ông Abdull thở dài và nói:

“Ừ, vậy ta thử từ từ quan sát xem điều gì sẽ làm chia rẽ thế giới. Tình cảnh của ông trước kia cũng không khác gì cháu khi tới đây. Vợ chồng người da đen kia cũng vậy. Nhưng chắc cũng phải chuẩn bị điều gì đó cho ngày mai. Người khác thì không có vấn đề gì nhưng đáng lo là cháu và người thanh niên Philippines ở tầng một. À, bữa tối của cháu thế nào, chắc là chưa ăn đúng không nào?”

“À, chị Luna về thế nào cũng đói bụng.”

“Xem nào, xem nào, có món gà rán *tanturi* đây. Ăn với bánh *chapati*. Ông cũng chán cảnh ăn tối một mình rồi. Cháu cùng ăn thì tốt quá.”

Ông cho gà tẩm gia vị vào lò nướng, làm nóng bánh *chapati* trên chảo không dầu. Vừa ăn ông vừa nói:

“Cháu cứ ra ngoài làm bình thường, tối thì về đây ngủ trong mấy ngày. Ông sẽ nói với thằng Ali.”

“Ali đi làm đêm và ngày phải ngủ mà ông.”

“Không sao đâu, dạo này nó cũng chẳng kiếm được mấy nên ông bảo nó nghỉ mấy ngày.”

Khi tôi xuống đến phòng thấy chị Luna đã về và đang làm bữa tối. Chị đang xào rau và thịt, chị quay ra xia cái thìa gỗ vào tôi rồi hét lên.

“Em đi đâu mà bây giờ mới về, làm chị lo muốn chết.”



Tôi nói mình lên nhà ông Abdull, kể chuyện chú Thanh khuyên tôi nghỉ mấy ngày, và cả chuyện xảy ra với vợ chồng người da đen hàng xóm. Chị Luna không xào nữa mà cho cháo xuống.

“Sao mọi người cứ phải cuống cuống lên thế nhỉ. Toàn những chuyện mẹ chị đã gặp phải trước khi sinh ra chị. Chắc gì đội kiểm tra đã đi tới từng nhà lục soát và kiểm tra chứng minh thư. Trước đây chị cũng đã từng bị một lần lúc còn ở nơi khác.”

“Chị, em phải dọn đồ thôi. Quần áo của em chị cứ nói của chị là được. Còn đồ vệ sinh cá nhân và quần áo đang mặc em mang lên để ở nhà ông Abdull.”

Sáng sớm, trong lúc chị Luna còn đang ngủ, tôi gói ghém đồ, cho vào một cái túi nhỏ và lên nhà ông Abdull. Ông nói rằng Ali sẽ đến đón tôi. Vẫn chưa cảm thấy yên tâm, ông liền gọi điện thoại cho Ali, có vẻ như anh vẫn còn đang ngủ. Ông hét lên.

“Đã nhờ như vậy rồi mà giờ vẫn còn ngủ sao? Đến đây ngay.”

Ông cúp điện thoại rồi ra đứng trước cửa sổ nhìn xuống đường, bắt hai tay sau lưng chờ trong sốt ruột.

“Nó phải đến trước giờ người ta làm việc...”

Phải gần một tiếng sau mới nghe thấy tiếng Ali vội vã leo lên cầu thang, rồi gõ cửa.

“Sao muộn thế này? Bari bị bắt thì mày có vui không?”

Ông Abdull đã nói như vậy nhưng dường như Ali vẫn chưa hiểu ông nói gì. Anh nói dẫn đổi. “Cháu phải mượn xe của bạn nên mới mất nhiều thời gian thế. Để Bari chuyển nhà thì phải có xe chứ.”

“Ông nói là chuyển nhà lúc nào? Đã bảo là đưa Bari về nhà mày tránh mấy hôm cơ mà.”

Ali nhìn tôi cười nhe hàm răng trắng. Chúng tôi ra khỏi nhà, và chỉ khi leo lên xe tôi mới thấy yên tâm. Chị người Nigeria chắc đã đến nhà người chủ từ

sớm. Ông Abdull cũng đã nhắc người Philippines làm vệ sinh ở bệnh viện phải cẩn thận. Có vẻ như ông không muốn ai sống trong nhà này bị bắt và bị trả về nước. Ông cũng không muốn bị Mister Achad - người chủ nhà cự nự. Chiếc xe mà Ali mượn được là một chiếc xe rất cũ, cửa thì rúm ró và nắp xe thì lốm xuống.

“Mình đi đâu vậy anh?”

Nghe tôi hỏi, Ali vừa từ từ dong xe ra khỏi khu nhà chúng tôi ở vừa nói.

“Trước tiên cứ về nhà anh đã.”

Anh không biết tường tận mọi chuyện mà chỉ được nghe ông Abdull kể việc tôi không có giấy phép lao động, thuộc đối tượng bị kiểm tra.

“Đừng lo lắng quá. Những người lao động bất hợp pháp trong công ty lái taxi nơi anh đang làm cũng chẳng hết cả lên, có đứa còn chẳng có bằng lái xe nữa.”

Tôi im lặng ngồi bên cạnh anh trên ghế trước rồi lẩm bẫm một mình.

“Sao người ta lại làm ra cái gọi là biên giới nhỉ?”

Nhà Ali cũng nằm ở phía tây Shepherd’s Bush, chốn cư trú của đủ loại người với mọi màu da, nằm không xa khu công viên Holland, nơi có biệt thự của phu nhân Emille. Chỉ cách nhau một con đường và một khu phố mà không khí khác hẳn nhau như thế này. Shepherd’s Bush giống như một con chó cắn thiu lâu ngày không tắm, có đường rẽ ra năm hướng, trung tâm là khu công viên chứa đầy nước thải và bùn đất. Giữa những khu phố bán hàng hình tròn là các ngõ hẻm nhỏ, chúng tôi vào một trong những ngõ hẻm đó, phòng của Ali nằm trong một căn nhà ba tầng có cổng tối om.

Gọi là phòng nhưng nó cũng chỉ giống như một cái studio nhỏ, mặc dù vậy cũng có hai vách ngăn. Một tủ bát hai hộc, bốn chiếc ghế để xung quanh chiếc bàn ăn lung lay chân. Bên ngăn kia kê một cái giường sát tường. Tủ quần áo đặt cuối chân giường, trông giống chiếc kệ sắt văn phòng không biết vác từ đâu về. Tôi định hỏi Ali sao lại không về ở nhà ông Abdull

nhưng rồi lại thôi. Chắc là sống với ông cũng có chút bất tiện, mà có thể những người trẻ tuổi trên đời này đang nghĩ như vậy.

Ngày hôm đó tôi và Ali trở nên gần gũi nhau hơn. Tôi kể cho Ali biết tôi đã tới London như thế nào, kể cả chuyện cả gia đình tôi tan đàn xẻ nghé, chuyện tôi vượt sông Duman và tôi đã sống ở Trung Quốc như thế nào. Ali nói rằng anh đã nghe ông anh kể những chuyện gần giống như vậy, anh sinh ra ở đây nên chưa một lần nào trở lại quê hương. Anh ngập ngừng nói ra một cái địa danh lạ.

“Em đã nghe tới Srinagar chưa?”

“Chưa, lần đầu tiên em mới nghe thấy. Anh đã nghe nói tới Jeong Jin bao giờ chưa?”

“Chyong... cái gì?”

Chúng tôi ở trong phòng đó cả ngày và buổi tối khi Ali trên đường đi làm đã chở tôi về đến tận nhà. Lúc vào phòng ông Abdull, ông nói có hai người, một nam, một nữ ở cục quản lí xuất nhập cảnh đã tìm đến. Họ không kiểm tra tất cả các phòng nhưng hỏi ông về tất cả những người sống trong đó. Ông đưa danh sách tên những người sống trong căn nhà và nghề nghiệp của họ. Về căn phòng mà người Philippines trẻ tuổi ở, ông chỉ nói là căn phòng đó trước đây có người ở nhưng giờ họ chuyển đi đâu ông không biết. Phòng tôi thì chỉ có một mình chị Luna đang sống. Thật ra ngay từ đầu chị Luna đã thuê phòng, còn tôi sau này mới về ở và chia tiền phòng nên cũng không cần phải đưa tên tôi vào danh sách. Họ nói sẽ kiểm tra phòng của chị người Nigeria nhưng ông đã tỏ thái độ cứng rắn.

“Ông đã nói rằng không thể mở cửa khi không có sự đồng ý của chủ phòng. Nếu chủ phòng bị truy tố thì họ phải mang giấy triệu tập của tòa án tới đây. Thế nào vì trường hợp của chị ấy họ cũng sẽ quay lại lần nữa. Qua mấy ngày thì mọi chuyện sẽ yên ổn trở lại thôi.”

Ông Abdull mời tôi ăn bánh *chapati* và thịt cừu, tôi từ chối nhưng rồi cũng ngồi xuống, nói ngày mai mình sẽ về sớm và làm món ăn gì đó ngon

ngon cho ông. Ông ngồi đối diện với tôi và hỏi.

“Thế nào, Ali chăm sóc cháu tốt chứ?”

“Dạ có nhưng cháu không biết tại sao anh ấy lại sống một mình.”

Ông già bật cười trước câu nói của tôi.

“Thế mới nói. Nhà ông vốn sống theo kiểu đại gia đình từ rất lâu đời. Sang đất nước này, ông phải mất rất nhiều năm mới thích ứng được với việc phải sống một mình. Như việc bố của Ali gặp người phụ nữ đạo Hồi, kết hôn với cô ấy rồi đi làm và chuyển xuống Leeds, điều đó cũng đã khiến ông rất vất vả. Chỗ làm của ông ở London nên không thể chuyển đi được.”

Ông Abdull trước làm việc trong khách sạn, giờ đã nghỉ hưu. Ông quản lí nhà cho ông Achad người Ấn Độ đang làm ở ngân hàng và được miễn phí tiền thuê nhà. Ông Achad có năm tòa nhà giống như vậy. Ông Abdull bảo:

“Thằng Ali từ hồi nhỏ đã sống chung phòng với nhiều người khác, giờ đây chắc nó muốn sống một mình một thời gian.”

Vì đã có lần nghe Ali ngượng ngập nói về việc mình có tới sáu anh chị em nên tôi hiểu ra ngay lời ông nói. Tôi ở nhà Ali khoảng bốn ngày vào ban ngày, có lẽ cũng cần phải cẩn thận cho tới cuối tuần như lời ông Abdull dặn.

Chị Luna chuyển lời của chú Thanh tới cho tôi. Ở cửa hàng không có chuyện gì, tôi được nghỉ hết tuần này, thứ ba tuần sau có thể đi làm lại. Chú còn nói thêm rằng, cô Sara đã điện thoại tới mấy lần nhắn phu nhân Emille đang cần gặp tôi.

Mỗi lần cảm thấy cô đơn hoặc khổ sở tôi lại nghĩ tới bà mình. Chính vì thế thỉnh thoảng tôi lại lăm băm trò chuyện với bà bằng cách đổi giọng của bà, của tôi để nói về những chuyện mà ngày xưa mà tôi và bà thường thủ thỉ với nhau. Nghe thấy cả tiếng ngáy dài của chị Luna, tôi xoay người qua lại rồi im lặng đưa hồn mình vào không trung. Dần dần tôi nhìn thấy rõ được phía bên kia mà trước đây tôi đã không nhìn thấy.

Tôi lơ lửng trong không trung, nhìn xuống thân hình của mình đang nằm co chân trong giây lát. Thấy chị Luna và khắp phòng mình. Tôi thấy bóng tối trở lên dày đặc và xuất hiện một con đường trắng. Lúc nào cũng như vậy. Tôi đi theo con đường đó được mấy bước thì trông thấy con Chinsung với bộ lông màu trắng. Con Chinsung vẫn vẫy cái đuôi như thuở nào.

“Chinsung à, tớ nhớ bà lắm.”

“Ừ, bà đang đợi cậu đấy.”

Con Chinsung quay lại nhìn tôi rồi bước lên trước. Tôi đi theo nó và như bị cuốn đi trên con đường trắng với ánh sáng chói lòa. Và kia, một đình ngoạn cảnh nằm trên đỉnh đồi với những thứ giống như khói, không biết là mây hay sương, đang tỏa ra xung quanh. Cái đình có tám góc, bên dưới là một cầu thang bằng đá. Những cây cột đồ sộ chia thẳng lên trời đỡ lấy mái ngói uốn cong. Và trong cái đình tám góc đó bà tôi mặc áo màu trắng đang chờ đợi. Tôi chạy ùa vào lòng bà. Bà đỡ lấy tôi và vuốt ve.

“Bari đây à, cháu tôi vất vả biết bao nhiêu.”

“Không đâu bà ơi, cháu sống thoải mái lắm.”

“Cháu tìm đến đây giỏi quá. Đường đi phía trước còn rất dài. Cháu nhìn xuống dưới kia đi.”

Bà tiến tới lan can đình giơ tay chỉ. Những thứ giống như mây trắng dần dần tan đi và ở bên dưới, núi, cánh đồng, dòng sông rộng khắp và cả thành phố bắt đầu xuất hiện.

“Đây là đâu hả bà?”

“Là nơi cháu sống đấy. Vậy là cháu được gặp nhiều người trên đời này rồi.”

“Cháu gặp đủ loại người rồi, bà ạ.”

“Bari cháu không biết sao? Khi bà kể chuyện ngày xưa là đang dạy cháu đấy. Trên đường cháu đi cháu sẽ gặp rất nhiều người cần cháu giúp đỡ. Họ sẽ hỏi cháu lí do vì sao mà họ lại khổ đau như vậy.”

“Vâng, và công chúa Bari nói sẽ về thế giới bên kia tìm hiểu rồi trả lời.”

“Đúng vậy, Bari phải đi tìm câu trả lời thôi.”

“Phải về thế giới bên kia mới biết được chứ.”

“Chỉ cần cứ sống rồi sẽ tìm được câu trả lời.”

“Kể cả là ngôn ngữ khác nhau, khuôn mặt khác nhau, và chỗ ở cũng khác nhau?”

Bà tôi lặng lẽ cười, khuôn mặt hằn đầy những nếp nhăn.

“Đúng rồi, cháu yêu quý. Một người hay cả thế giới cũng đều giống nhau cả thôi. Yếu ớt, ngu dốt, bệnh tật, tham lam.”

Tôi nói thêm:

“Thật là tội nghiệp.”

“Bari của bà thông minh lắm! Nếu cháu thấy xót thương thì thế nào cháu cũng sẽ tìm ra được câu trả lời thôi.”

Bà khoát tay và những thứ như mây lại phủ trắng đình.

“Giờ đây cháu sẽ kết nhân duyên với Changseong.

Sau này khi sống với người đó cháu sẽ phải tìm cho được nước trường sinh.”

“Bà ơi, vậy những người ở làng khác liệu cũng có hồn tổ tiên như cháu không?”

“Ở đâu cũng có cả cháu à. Tất cả linh hồn đều rời bỏ chốn dơ bẩn để tìm tới những nơi sạch sẽ, trong lành. Thôi, bây giờ cháu về đi, bà cũng phải đi đây.”

Tôi bay lên và bị đẩy ra khỏi đình tám góc như một đám khói. Bị vây quanh bởi thứ không biết là mây hay sương, rồi con Chinsung lại vẫy đuôi xuất hiện trước con đường lúc này tôi đã tới. Tôi lơ lửng trên trần nhà, nhìn thấy cơ thể mình, rồi chỉ trong chớp mắt, hồn tôi quay trở lại cơ thể, tôi mở

mắt ra như vừa tỉnh giấc mộng. Ngoài cửa sổ thấp thoáng bóng dáng một thân cây.

Buổi chiều ngày thứ tư tôi ở nhà Ali. Đang ngồi bên bàn, anh chợt cúi xuống hôn lên môi tôi. Tôi vội vã lấy mu bàn tay quệt miệng và anh cũng bắt chước tôi lau miệng mình. Rồi không biết có gì vui không mà anh khúc khích cười một lúc.

“Sao anh cười?”

“Tại vì em giống một đứa trẻ con. Ha ha.”

“Sao lại còn bắt chước người khác nữa chứ.”

Rồi nhanh như cắt Ali ôm chặt lấy tôi và đặt lên giường. “Chắc anh ta nghĩ mình sẽ gãy giụa” tôi nghĩ vậy và duỗi thẳng người trên giường như một con búp bê. Ali nằm xuống cạnh tôi và chiếc giường lún xuống. Anh sờ ngực tôi, tôi đẩy tay anh. Chợt nhớ tới lần đầu tiên, lúc bị đưa tới nhà chứa gần khu phố Tàu, bị bà béo kiểm tra thân thể rồi cười trước bộ ngực phẳng lì của tôi, điều đó khiến tôi lấy làm xấu hổ. Nhưng tôi đoán được giờ đây anh đang muốn gì. Anh lột áo sơ mi ném đi và định cởi dây lưng quần tôi. Tôi đẩy ngực Ali ra và tự mình cởi dây lưng, cởi quần. Anh cũng cởi quần mình. Ngay cả lúc anh cởi áo lót của tôi, tôi cũng không nhúc nhích. Tôi trở nên trần truồng, nhìn thấy ngực, tay và chân, hầu như toàn thân Ali đều phủ một lớp lông đen khiến tôi nghĩ ngợi “không biết có phải do ăn nhiều thịt cừu mà nhiều lông như vậy hay không?” Khi cơ thể anh vào thật sâu trong tôi, sự đau đớn khiến cho tóc tôi muốn dựng ngược và hồn như thoát khỏi thể xác. Thoáng chốc, tôi nhìn thấy phía bên kia giường là những người phụ nữ đội khăn Hijab trắng, những bé gái và những người đàn ông để râu trong bộ áo thụng dài.

Vào cuối tuần tôi cùng Ali tìm đến nhà ông

Abdull. Đó là ý của tôi, lúc đầu Ali tỏ ra rất lúng túng khi tôi đề nghị cả hai cùng đến gặp ông. Nhưng khi nghe tôi giải thích anh bèn trề miệng ra, cúi đầu rất lâu ra chiều dẫn đo suy nghĩ rồi gật đầu đồng ý. Tôi nói rằng tôi

và Ali không giống như những người phương Tây khác. Không biết phong tục của nước anh ra sao nhưng chúng tôi không ngủ với người đàn ông nào khác ngoài người đàn ông sẽ kết hôn với mình. Giờ đây tôi quyết định sẽ trở thành vợ Ali.

Sau này tôi được nghe câu chuyện khủng khiếp rằng, ở quê hương của Ali, những người em gái hay con gái khi không được bố mẹ đồng ý mà quan hệ với đàn ông giống như tôi, dù anh và bố có hành hạ đánh đập đến chết cũng không bị ai phê phán gì.

Chúng tôi với vẻ phấp phỏng lo âu cùng đi vào phòng ông Abdull, thay vì hỏi chuyện gì đã xảy ra thì ông vẫn chỉ ngồi đó, ngây người ra nhìn chúng tôi. Mãi sau tôi mới biết là ông đang đợi chúng tôi liền đưa tay ra đằng sau bấu vào hông Ali.

“A, a.” Ali rên lên liếc tôi rồi vội vàng nói:

“Cháu, cháu định kết hôn với Bari.”

Tôi toan hét lên “Ngốc ạ, tự nhiên nói thẳng thừng ra như vậy thì biết phải làm sao?” nhưng khi bắt gặp ánh nhìn của anh tôi chỉ biết mở to mắt.

“Bari cũng nghĩ như vậy sao?”

Tôi không thể cất lời, chỉ biết cúi gằm đầu gật gật. Ông Abdull nhìn chúng tôi qua cặp kính lão và nói:

“Cháu lại đây ngồi đi, còn Ali đi ra ngoài.”

“Đi đâu ạ?”

“Ồ, cái thằng này, làm sao tao biết được. Xuống dưới quán uống bia hoặc làm gì đó. Khoảng một tiếng sau hãy quay lại.”

Ali tần ngần đi ra, trong phòng chỉ còn lại tôi và ông. Tôi đi tới chiếc ghế dài đối diện với chiếc sofa ông đang ngồi, khẽ khàng ngồi xuống mép ghế.

“Năm nay cháu bao nhiêu tuổi?”

“Cháu mười tám tuổi ạ.”



“Mặc dù còn sớm nhưng hồi còn trẻ, ông bà lập gia đình còn sớm hơn như thế. Ông bà là những người đạo Hồi tin vào Thánh Allah. Đáng lẽ Ali chỉ được phép kết hôn với những cô gái cũng theo đạo Hồi thôi nhưng giờ đây không nhất thiết phải như thế. Cháu thật sự thích thằng Ali sao?”

Tôi bật cười hồn nhiên trước câu hỏi ấy.

“Ali ngố lắm, chỉ được cái to đầu thôi.”

“VẬY là cháu thích nó rồi. Ông cũng không có ý định phản đối nếu các cháu đã quyết định. Nếu thằng đó đủ chín chắn, chăm chỉ làm ăn, kiếm tiền, sinh hoạt đúng mực như người đạo Hồi thì ở nơi đất khách quê người này còn mong gì hơn nữa?”

Ông Abdull hỏi xem phòng chúng tôi ở sẽ như thế nào, tôi đáp ngay không một chút do dự, rằng sẽ trả lại căn phòng studio ở Shepherd's Bush mà Ali đang ở để về đây sống cùng ông. Nhà ông có hai phòng, có cả phòng khách, và không cần phải mua đồ đạc gì thêm. Thế nào khi sống cùng với ông, ông sẽ yên tâm hơn.

“Nhưng liệu thằng Ali có nghĩ sẽ bất tiện hay không? Xem nào, phòng trước nhà cháu còn trống đấy, hay là các cháu sang đấy sống?”

Ông kể, chị người Nigeria đã điện thoại tới, nói chồng chị bị trục xuất về nước nên chị sẽ chuyển nhà đi chỗ khác.

“Ông nghĩ có lẽ cũng không cần phải làm đúng theo nghi thức lễ cưới của dân tộc. Mayoon hay Mehndi<sup>[19]</sup> thì cùng hợp lại làm đơn giản ở đây, mời bạn của Ali và bạn của cháu tới, thông báo hai đứa sẽ kết hôn. Lễ cưới tổ chức tại nhà bố mẹ của Ali ở Leeds, mời họ hàng, người thân tới dự là được rồi.”

Ông lại kể về dòng họ.

“Ông nội ông làm nghề chăn cừu, sở hữu cả đất đai nữa. Gia đình ông đã cùng sống với nhau trong làng Gargill của vùng Jammu & Kashmir. Bố ông đi theo Shaikh Abdullah, sau khi bị trừng phạt ông cụ đã đưa cả gia đình ta tới Srinagar.”

Ngay cả khi đã trở thành người trong gia đình Ali mấy năm, tôi vẫn không thể nào hiểu hết được những tín điều của đạo Hồi và càng không thể hiểu được những câu chuyện về quê hương của dòng họ nhà Ali. Tôi cũng kể chuyện về quê hương mình, những điều mà tôi đã từng được nghe về Namsun và Buksun<sup>[20]</sup> - với sinh hoạt đời sống khác nhau, suy nghĩ khác nhau, lúc nào cũng cãi nhau như chó với mèo, người lớn thì nói rằng tất cả là tại thằng Mỹ mũi lõ. Những người lớn trong gia đình nhà Ali có người theo đạo Hồi, cũng có người theo đạo Hindu.

Sau khi Pakistan tách khỏi Ấn Độ, người dân hai nước cũng không ngừng việc to tiếng và đánh nhau, bây giờ ở Jammu & Kashmir, nơi Ấn Độ kiểm soát vẫn xảy ra chuyện bắt giết người vô tội, người ta luôn oán hận người Anh vì đã gây ra nông nỗi này.

Ông Abdull còn nói rằng dạo gần đây, những người chặn cừu vô tội vẫn chết vì những trận chiến giả. Bản thân ông hồi trẻ, ngay giữa ban ngày ban mặt, bọn họ vẫn ngang nhiên phá cửa xông vào bắn người.

“Trận chiến giả là gì ạ?”

“Ừ, đó là việc lính tráng cướp phá đồ đạc, tùy ý giết người đạo Hồi, rồi báo cáo lên cấp trên rằng đã giết những kẻ chống đối sau chiến tranh. Vì thế mà bọn họ vừa được thưởng vừa được thăng chức. Cách đây không lâu trên báo cũng đăng đấy.”

Một ngày sau khi ông làm ruộng về, tới nhà đã thấy vợ và hai con gái mình bị bắn chết, chỉ còn bố Ali, khi đó mới năm tuổi, đội ngược thùng nước trốn trong đó.

“Trong gia đình ông chỉ còn sót lại có hai người thôi.”

Ông Abdull tới nước Anh vào giữa những năm sáu mươi khi chiến tranh Kashmir đang trong giai đoạn khốc liệt.

“Khi đó ông mới ba mươi tuổi nhưng đã trải qua không biết bao nhiêu khổ ải. Rồi ông cũng lấy vợ khác. Đàn ông phải lấy vợ mới có thể tích góp được tiền. Sống một mình thì kiểu nào cũng được. Mấy năm trước đây

người vợ thứ hai của ông cũng qua đời. Ước mơ cuối cùng của ông là được hành hương về Mecca.”

Lúc này tôi mới nhớ ra liền đem chuyện đã loáng thoáng nhìn thấy một số người ở nhà Ali mấy ngày trước ra kể.

“Cháu đã nhìn thấy vài người trong giấc mơ, đó là người phụ nữ trùm khăn Hijab và mấy đứa trẻ, nhìn thấy cả người đàn ông để râu dài, mặc áo thụng.”

Ông Abdull chậm rãi gật đầu.

“Có lẽ đó là bà của Ali và hai đứa con gái của bà ấy. Người để râu dài và mặc áo thụng chắc chắn là cha của ông.”

Nước mắt ông Abdull đã rơm rớm từ lúc nào, ông đưa tay áo lên lau mắt.

“Cảm ơn cháu, họ tìm đến cháu như vậy có nghĩa là đã chấp nhận cháu là con cái nhà này đây.”

Trước đám cưới, Ali nói rằng phải đi gặp bố mẹ và ông Abdull đồng ý. Chúng tôi không để mất thời gian mà quyết định đi Leeds ngay vào thứ hai tuần sau, ngày mà cả tôi và Ali đều không phải đi làm. Leeds là thành phố địa phương thuộc Yorkshire, từ London đi tàu hỏa lên phía Bắc mất khoảng hai tiếng rưỡi. Đi về trong ngày sợ cật rập nên chúng tôi tính ngủ lại ở nhà bố mẹ Ali và hôm sau mới trở về. Ông Abdull gọi điện thoại cho bố Ali nói vắn tắt cho ông biết trước, Ali cũng đã điện thoại cho mẹ mình từ trước rồi. Nếu như chỉ có mình Ali thông báo trước thì có khi bố mẹ anh sẽ chẳng tin và cho rằng anh nói tếu táo.

Nhà Ali ở vùng ngoại ô có nhiều người Hồi giáo sinh sống. Gần đó, nhiều nhà sơn màu trắng và tầng thượng mái bằng nên nhìn rất giống nhau. Họ không thích sinh hoạt ở sân dưới mà lên tầng thượng để nướng thịt, ăn uống và nói chuyện. Hàng xóm đa phần là người Pakistan. Bố mẹ Ali sống cùng ba người em của anh. Ali là con thứ hai, anh cả của Ali đã kết hôn và ra ở riêng, người em gái dưới Ali cũng đã lấy chồng ở thành phố Bradford bên

cạnh. Theo như lời mẹ Ali thì anh trai và em gái của Ali sẽ đến vào lễ Baraat<sup>[21]</sup> trong ngày cưới.

Tôi và Ali ăn cơm trưa ở London rồi mới xuất phát vào buổi chiều vì anh nói rằng cả nhà chỉ tụ họp được với nhau vào buổi tối. Mẹ Ali đang đợi chúng tôi. Trông bà rất hiền từ, bà mặc áo thụng phủ trên thân hình đầy đà và trùm khăn Hijab. Khi vào đến cửa, bà dang hai tay ôm lấy tôi. Khi tôi nói “Atsalam alai khum” - câu mà Ali đã dạy cho tôi thì bà chú mục vào tôi và cũng nói câu tương tự. Tôi định vào bếp để phụ nấu nướng thì bà không cho, bà bảo tôi ra phòng khách nghỉ ngơi cùng Ali nên tôi đành phải quay ra. Trong nhà tỏa đầy mùi gia vị thức ăn, mùi thảo dược dania đặc biệt.

Các em gái của Ali đi học về, dù đã được anh giới thiệu và bắt tay tôi nhưng chúng vẫn khúc khích cười. Em trai Usman cũng đi làm như bố, đến khi trời mờ mờ tối mới trở về nhà. Cậu bắt tay anh trai và tay tôi, bóp mạnh đến nỗi tay tôi đau điếng. Bố anh trở về nhà sau cùng. Mái tóc ông cắt ngắn và lổm đổm bạc, râu ria cũng rất gọn gàng. Chỉ cần nhìn qua thôi cũng dễ dàng đoán được Ali sau này cũng sẽ giống như thế. Ông đi vào trong nhà và trở ra với bộ đồ truyền thống thoải mái. Tôi không nói gì, chỉ lẳng lặng ngồi bên cạnh Ali, cả gia đình ngồi vây xung quanh chúng tôi và nhìn chăm chăm vào tôi. Các em gái khi chạm ánh mắt với tôi lại cười rúc rích. Vẻ mặt của bố Ali rất ôn hòa nhưng ông lại rất kiệm lời. Ngay khi cả nhà ngồi bên bàn ăn để chuẩn bị ăn tối thì ông mới cất lời cầu nguyện bằng ngôn ngữ của nước mình. Mẹ Ali mang những đĩa đồ ăn ra, tôi vội vàng đứng dậy đỡ và bày biện trên bàn. Tất cả các thành viên trong gia đình đều toát lên nét hiền hòa và ấm áp. Bố anh hỏi: “Bố mẹ cháu có còn ở quê không?”

Trong lúc tôi còn lúng túng thì Ali đã trả lời thay.

“Bố mẹ của Bari đã mất hết cả rồi ạ.”

“Ôi, thật xót xa!”

Mẹ anh nói vậy và bố anh vội đổi lời ngay.

“Thánh thường đưa những người mình yêu quý đi trước.”

Ali lại kể lại chuyện trong mơ tôi đã gặp cụ cố của anh cùng bà nội và các cô đã mất ở Srinagar. Bố anh chỉ im lặng ăn còn mẹ anh thì khẽ nhắc:

“Chuyện đó để sau hẵng nói.”

Ăn xong, các em gái của Ali mỗi người cầm một cái bánh đến ngồi trước tivi, mẹ anh lại vào bếp, giờ chỉ còn lại chúng tôi và bố anh còn ngồi ở bàn ăn. Bố anh vừa uống trà vừa nói.

“Bố đã nghe ông nói trước rồi. Nếu cưới muộn hơn thì sẽ trùng với dịp lễ Ramadan<sup>[22]</sup> nên đăng nào cũng vậy, cứ tiến hành sớm cũng chẳng sao.”

“Vâng, con nghĩ tháng sau tổ chức là tốt nhất.”

“Trời ơi, ngay tháng sau à? Vậy thì sớm quá. Cũng phải để nửa năm để hai bên còn tìm hiểu nhau chứ.”

Mẹ anh ở trong bếp nghe thấy vậy liền phản ứng nhưng bố anh lại cười:

“Bố đã bàn xong với ông rồi. Ông và bố định mua xe cho con để con làm mini cab<sup>[23]</sup>, sẽ kiếm được nhiều tiền hơn.”

“Thật vậy sao? Vậy là con không cần phải mượn xe của người khác và lái theo giờ như bây giờ nữa.”

“Với bố thì không cần nhưng các con phải trả tiền cho ông. Các con rồi cũng sẽ có con có cái, chăm chỉ đi mosque<sup>[24]</sup> dự lễ và bắt đầu một cuộc sống mới.”

Hai ngày sau khi chúng tôi trở về từ Leeds, đúng lúc tôi và chị Luna tan làm ở Tonkin về thì tôi nhìn thấy có ánh sáng lọt qua cửa sổ nhà hàng xóm. Tôi nghi hoặc bèn chạy tới gõ cửa. Người phụ nữ da đen với khăn buộc đầu và tạp dề ra mở cửa, dường như chị ta đang dọn dẹp. Chị ra hiệu cho tôi vào trong. Khắp nhà la liệt những thùng đồ đã được gói ghém sẵn.

“Ngày mai tôi sẽ đi. Toàn bộ nội thất ở đây đều là đồ đã có sẵn từ trước, chỉ riêng cái giường thì mới mua đấy. Cũng may là ông già quản lí trả cho một nửa tiền. Chị chuyển vào đây ở đúng không?”

Tôi trả lời đúng như vậy thì chị nắm lấy tay tôi, nói.

“Chúc mừng chị! Ông già Abdull đã nói rằng chị sẽ kết hôn với cháu nội của ông.”

Tôi không định hỏi về việc của chồng chị nhưng chị đã kể.

“Họ quyết định trục xuất chồng tôi về nước rồi. Nhưng tôi không thể về như thế này được. Chúng tôi đều là những đứa trẻ sinh ra trong thời kì nội chiến Biafra<sup>[25]</sup>.”

Tôi không thể hiểu ý nghĩa của câu nói đó.

“Khi đó bọn trẻ con chết rất nhiều. Chúng tôi là những đứa trẻ may mắn sống sót. Chồng tôi bằng cách nào đó cũng sẽ quay lại đây thôi.”

Sau này Ali mới kể cho tôi biết những người đến từ châu Phi đã vượt qua eo biển Gibraltar, băng qua đại lục, lại vượt qua eo biển Dover để tới được đây như thế nào. Việc vượt eo biển bằng thuyền nhỏ và đi đường bộ dài tới tận Morocco, nếu đem việc tôi vượt sông Duman qua biên giới ra so thì chẳng thấm tháy vào đâu với những khổ ải mà họ đã trải qua. Họ sẽ phải đi tàu hoặc đi bộ vượt qua các rặng núi hiểm nguy, qua mấy lần biên giới và lại phải vượt qua cả Dover. Những người đến được nước Anh đều phải có người quen sống ở đây, dù quan hệ chỉ mong manh như sợi chỉ, bởi có như thế thì khi đến nơi mới nhận được giúp đỡ.

Một đồng nghiệp của Ali là người Ghana, để vượt qua được eo biển Gibraltar, anh ta đã phải mất ba năm, sau đó lại từ Cale vượt qua eo biển Dover với hai lần bị phát hiện, bám được vào nóc tàu Eurostar<sup>[26]</sup> rồi mới đặt chân được đến nước Anh. Khoảng bốn mươi hay năm mươi kilomet trước đường hầm thông biển, để bảo vệ rau và cây trồng người ta đắp dọc hai bên bờ những mô đất rất cao và tàu sẽ đi qua giữa những mô đất đó. Càng đến gần hầm thì tàu sẽ giảm tốc độ lại, lúc này người nhập cư trái phép sẽ chờ ở hai bên mô đất và khi tàu đi qua sẽ nhảy xuống nóc tàu. Phải bám chặt nóc vì tốc độ của tàu và lực cản của gió trong vòng hơn hai mươi phút. Và khi gần đến địa phận nước Anh, họ phải nhảy xuống đất trước khi tàu tăng tốc

trở lại. Những người quản lí đường sắt ở nước Anh và nước Pháp thỉnh thoảng lại đi thu gom xác của những người nhập cảnh trái phép bị ngã chết trong đường hầm. Niềm hy vọng duy nhất trên đất Anh của anh bạn đồng nghiệp lái taxi chính là người cậu của một người bạn ở quê, nhưng khi anh này tới được Anh và đi hỏi khắp chỗ nọ chỗ kia mới biết được rằng người cậu ấy đã qua đời từ mấy năm trước. Rốt cuộc chỉ còn cái tên của người cậu ấy là niềm hy vọng giúp anh này tới được nơi đây. Chúng tôi không nói thêm về chuyện này nữa nhưng thỉnh thoảng nếu có chia sẻ với nhau về quê hương mà mình đã rời bỏ thì nguyên nhân bao giờ cũng là đánh nhau, đói khát, tật bệnh, nỗi sợ hãi và kẻ cầm quyền tàn bạo. Trên đời này vẫn còn quá nhiều người đang chết đi, và nhiều vô cùng những con người đang vượt biên giới để mong một ngày nào đó có được một cuộc sống thanh thoi hơn.

Người phụ nữ Nigeria đã chuyển đi, tôi và Ali dành thời gian mỗi tối để sơn lại tường, sửa lại bồn rửa bát và dọn dẹp vệ sinh. Cấu trúc của phòng này cũng giống như phòng của chị Luna nên tôi không hề thấy lạ lẫm.

Lễ cưới được tổ chức chớp nhoáng nhưng theo trí nhớ của tôi thì trước ngày cưới, cô dâu và chú rể mời các bạn của mình tới để cùng ăn uống, trao quà, Mayoon và Mehndi đại thể cũng giống như vậy. Chúng tôi chuẩn bị các nghi thức hôn lễ tại ngôi nhà mình sẽ sống, còn lễ Baraat và Walima sẽ được làm tại nhà bố mẹ Ali ở Leeds.

Ở nơi đất khách quê người chẳng hề có ai là ruột thịt, ngay cả bạn bè thân cũng không, nhưng có lẽ tôi vẫn cần có sự chứng giám của một số người mình quen biết cũng như đã giúp đỡ mình. Chú Rhu ở nhà hàng Thượng Hải và chú Thanh ở Salon Tonkin không khác gì người bảo lãnh của tôi. Khi tôi mở lời nhờ vả, chú Thanh lập tức nhận lời ngay. Chị Luna mặc dù được sinh ra ở Anh nhưng cha mẹ chị là người Bangladesh nên chị cũng phần nào hiểu được phong tục đất nước mình, vì thế chị đã nhận làm người làm đại diện phía nhà gái cho tôi.

Tôi và chị Luna đã ra chợ mua thịt gà, thịt cừu ở cửa hàng thịt Hồi giáo, chúng đã được cho siêu sinh theo đúng nghi thức, gọi là Halal<sup>[27]</sup> và chúng tôi

mua cả cá nữa. Mặc dù Ali đã đặt nhà hàng Pakistan nào là chapati, champ, halim, bánh màn thầu nướng, bánh burpee, nhưng có vài món tôi muốn tự tay mình làm đãi khách. Món mà chị Luna và tôi làm là thịt cừu và rau xiên nướng, bánh Tika kebab và món cà ri gà cho đầy ớt xanh.

Ali đã mời mấy đồng nghiệp cùng làm trong công ty mini cab nhưng đa phần là người Pakistan, ngoài ra còn có các bạn trẻ Hồi giáo quen biết gần Shepherd's Bush. Ông Abdull cũng mời mấy người bạn già quen biết ở Mosque. Hai em gái của Ali ở Leeds đã xin nghỉ học đến đây giúp tôi. Chúng tôi đặt hai bàn ở ngoài vườn, sắp xếp đồ ăn thức uống trên đó. Bày đĩa và ly để mọi người ăn theo ý thích của mình. Trời xâm xẩm tối thì khách mời kéo đến đông đủ, những bài hát Pakistan với tiết tấu nhanh và giọng điệu trữ tình liên tục được phát ra trên chiếc radio để gần đó.

Chị Luna nói vẫn chưa phải là lúc tôi xuất hiện, nên chúng tôi ngồi trong căn phòng đối diện và đợi. Tôi mặc chiếc áo màu vàng mà ông Abdull đã sắm cho, trên đầu cũng quấn khăn màu vàng. Chị Luna bảo khi xuất hiện trước người khác tôi phải lấy khăn che mặt lại. Rồi chị lấy màu Henna<sup>[28]</sup> vẽ hình Mehndi lên ngón tay và mu bàn tay tôi. Đáng lẽ phải vẽ lên cả chân nhưng tôi đã từ chối. Hình vẽ là hình dây leo, hoa lá uốn lượn, đó cũng là những hình quen thuộc mà chị Luna vẫn thường làm cho khách trong nail salon. Em gái Ali mở cửa nhìn vào và ra hiệu cho chúng tôi.

“Bây giờ ra được rồi.”

“Khoan, phải trang điểm mắt cho xong đã chứ.”

Chị Luna vội lôi cây mascara ra và hét lên. Chị viền màu đen lên mi mắt tôi và chải mascara lên lông mi. Thoáng nhìn mình qua gương, tôi chợt nhớ tới hình ảnh người con gái Pakistan với cặp mắt sâu dưới chiếc khăn màu vàng. Các cô em gái chăm chú nhìn tôi và reo lên rằng rất đẹp. Tôi ra sân trước ngồi xuống ghế và dùng khăn phủ kín mặt nhưng nhờ ánh sáng nên vẫn nhìn thấy lờ mờ những gì đang diễn ra. Các em gái của Ali dò bài hát trên sóng, chỉnh âm thanh thật lớn và hát theo. Khi Ali xuất hiện ở sân với chiếc áo trùm dài thì chị Luna và các cô em gái chạy tới tung những cánh



hoa hồng lên anh, vào bên trong sân, anh nhắc tấm khăn đội đầu lên và bước lên chiếc bục đặt giữa sân, ngồi xuống. Khách mời lần lượt tiến đến bên cạnh, lấy tiền huơ một vòng trên đầu anh rồi đưa ra, các cô em gái đứng bên cạnh liền nhận lấy. Ông Abdull và những người già ở mosque giơ hai tay ra bắt đầu nhảy theo điệu nhạc. Những bạn trẻ người Pakistan, các cô em gái và cả chị Luna cùng tiến ra giữa kết thành vòng tròn và bắt đầu nhảy múa.

“Chú rể tuyệt vời như công, cô dâu đẹp hơn hoa.”

“Xin Thánh Allah chúc phúc cho hai người.”

Mọi người vừa hát vừa nhảy múa rồi tới nhét kẹo vào miệng tôi dù tôi có cố tránh né đi chẳng nữa. Tất cả đều là nghi lễ nên cứ sau mỗi lần nhảy chúc mừng, mọi người lại ngồi xung quanh bàn ăn đã đặt sẵn ở sân dùng những món đã được chuẩn bị sẵn. Ai nấy đều giục cô dâu cùng chung vui, Ali bèn vén tấm khăn che mặt tôi ra, một cách rất tự nhiên tôi quấn nó lên đầu như khăn Hijab.

Với những người không theo đạo Hồi nếu thiếu rượu sẽ kém vui nên chúng tôi đã chuẩn bị bia. Chú Thanh đứng lên phát biểu ngắn, chú Rhu cũng đứng lên nói lời chúc mừng nhưng đột nhiên xúc động, nghẹn ngào không sao cất lời được đành trở về chỗ ngồi, nước mắt rưng rưng. Mặc dù chú không nói ra nhưng tôi cũng biết chú đang nghĩ về cô con gái bị bỏ lại ở quê hương.

Ngày hôm sau là lễ cưới chính thức Baraat ở Leeds nên tôi, Ali cùng chị Luna, hai cô em gái và ông Abdull khởi hành sớm trên chiếc xe mượn từ công ty Ali.

Khi chúng tôi tiến vào khu Hồi giáo thì nhận ra mọi người đang đợi. Anh chị em của Ali đều đã tụ họp đông đủ, bố mẹ, họ hàng, bạn bè cùng những người trong khu, những tín đồ đạo Hồi cũng đã lên tới gần trăm người. Bố mẹ Ali đã nhờ hàng xóm dựng rạp cho khách mời, còn trên sân thượng là chỗ dành cho họ hàng, người thân.

Tôi lên trước ngồi vào chỗ đợi chú rể tới. Ali quay trở vào chào khách trong sân. Các em gái và bạn của anh đeo vòng hoa vào cổ bố mẹ và ông Abdull, đeo cả vòng hoa cho chú rể Ali đang đi lên cầu thang. Khi anh tới cạnh tôi thì chúng tôi cùng chào khách và khách đưa tiền mừng cho tôi. Người giữ chức vụ Imam<sup>[29]</sup> làm chủ hôn tuyên bố chúng tôi là vợ chồng. Người chứng giám cho tôi là chị Luna và một người bạn của em gái Ali đang sống ở Bradford, người chứng giám cho Ali là hai người bạn cũ học cùng trường với anh ở Leeds. Chúng tôi được chụp rất nhiều hình kỷ niệm rồi trở xuống sân dưới chào khách mời với tư cách là cặp vợ chồng mới cưới và nhận tiền chúc mừng từ họ.

Sau lễ cưới, chúng tôi được tận hưởng khoảng thời gian vui vẻ cùng người thân trong gia đình mới. Và hôm sau đó, tôi cùng Ali, ông Abdull và chị Luna quay trở lại London. Tôi trải qua mấy ngày trong trạng thái lâng lâng, ngất ngây như người trên mây.

Ali dùng tiền của bố và ông hỗ trợ để mua một chiếc xe Volkswagen đã qua sử dụng chưa được bao lâu. Anh kí hợp đồng với công ty mini cab làm lái xe kiêm chủ xe, chỉ trả phí cuộc gọi cho công ty nên không khác nào tự làm chủ.

Trong đám cưới này chú Rhu và chú Thanh cũng đã tốn khá nhiều tiền cho tôi. Chú Thanh không chỉ cho tôi tiền mừng ba trăm bảng mà còn cho tôi nhận trước tiền lương tới cả ngàn bảng. Chú Rhu cũng mừng tôi tới hai trăm bảng và đã tặng cho tôi một món quà rất giá trị.

Mấy ngày sau lễ cưới, chú tìm đến cửa hàng thông báo với tôi rằng tôi đã trả gần hết nợ, lúc này đây tôi đã kết hôn với người có quốc tịch Anh nên phải tìm một hộ chiếu tử tế để xin visa cư trú. Vì đã vượt biển tới đây nên hộ chiếu của tôi được chuyển cho người tổ chức vượt biên, nếu đưa hộ chiếu này cho người quản lí thì chắc chắn sẽ bị lộ tẩy. Chú Rhu bảo có thể tìm mua được hộ chiếu của một phụ nữ Trung Quốc đã nhận visa cư trú mới chết cách đây không lâu. Đã có lần chú nói đùa rằng toàn bộ khu phố Tàu ở châu Âu, cho dù người có mắc bệnh rồi chết, hay già mà chết đi thì dân số

cũng chẳng khi nào giảm cả. Tôi tự nhủ, nếu có hộ chiếu thì mới được đăng kí kết hôn và nhận được giấy phép lao động, vì vậy, phí tổn dù có tốn đến đâu cũng chẳng thành vấn đề. Cần phải có ít nhất năm ngàn bảng để mua hộ chiếu, tôi và Ali kiểu gì cũng sẽ kiếm được tiền để trả.

Bất giác tôi nhớ tới sự giao hẹn giữa công chúa Bari và Changseong trong câu chuyện bà kể. Đó là khoảng thời gian chín năm sinh con trai, chăm sóc gia đình để trả tiền đường đi, tiền cây, tiền nước.

Tôi nhận ra rằng đời sống con người chính là một chuỗi dài của sự chịu đựng và chờ đợi thời gian trôi. Mặc dù sẽ không thể nào được toại nguyện như mong ước nhưng dẫu sao khi đã sống trên cõi đời này, sớm muộn gì thì mọi chuyện cũng sẽ xuôi theo dòng chảy của nó.

## 10.

Mặc dù tôi và Ali sống trong căn phòng trước đây thuộc về vợ chồng người Nigeria nhưng việc nấu nướng lúc nào cũng được thực hiện trên bếp nhà ông Abdull ở tầng hai. Vì vậy, mỗi ngày gia đình chúng tôi đều có thể quây quần ăn uống cùng nhau. Buổi tối vừa từ chỗ làm về, tôi tập trung nấu nướng bằng những nguyên liệu ông đã mua hồi chiều theo danh sách chúng tôi ghi trên giấy, nhưng đa phần chỉ có tôi và ông là ăn cơm chung. Trừ những ngày cuối tuần bận rộn ra, Ali có hai ngày trong tuần cùng ăn tối với tôi và ông rồi đi làm đêm.

Tôi vẫn thường dành phần lớn thời gian của mình ở bên ông Abdull vì vậy mà những chia sẻ giữa chúng tôi cũng trở nên nhiều hơn. Những câu chuyện ông kể với tôi chỉ là những chuyện về gia đình họ hàng, về Thánh Allah duy nhất, và những câu chuyện về nhà tiên tri Muhammad. Tôi không đọc được kinh Koran nhưng dần dần cũng thuộc được câu cầu nguyện đầu tiên trong bài nguyện tự thú “La ilaha illallah Muhammadur Rasulullah.” Có nghĩa là không có thần thánh nào ngoài Thánh Allah và Muhammad là nhà tiên tri của Thánh. Tôi vẫn nhớ thuở nhỏ được bà kể rằng trời là đấng siêu nhiên thống lĩnh toàn bộ vạn vật nên khi tiếp cận với một đạo giáo mới tôi không hề ngạc nhiên. Nếu bố tôi mà nghe được thế nào cũng cho là mê tín, nhưng tôi thì lại nghĩ vị thần bà tôi kể và vị thánh mà ông Abdull nói tới cũng chẳng có gì khác nhau. Chỉ khác là họ ăn bánh *naan* và *chapati* còn chúng tôi thì ăn cơm.

Thỉnh thoảng tôi lại kể cho ông nghe về bà tôi. Theo lời của ông Abdull, bà tôi sống hiền hậu nên chết đi trở thành thiên sứ trên thiên đường nở đầy hoa và nước chảy. Thỉnh thoảng tôi cũng nghĩ rằng những con người ấy tự

hợp với nhau ở đâu đó trên cánh đồng bên kia con sông có chiếc cầu vòng bắc ngang.

Chú Thanh ở tiệm Tonkin theo đạo Phật, chú Rhu mỗi lần nấu nướng xong lại đọc một tràng dài những câu cầu nguyện như đọc thần chú; rất nhiều người trong khu phố Tàu đều đi chùa, thắp hương và cầu nguyện. Chị Luna và cô Sara là người Bangladesh và Sri Lanka nhưng lại sinh ra ở Anh nên đi nhà thờ đạo Tin lành và tin vào chúa Giêsu. Mặc dù vậy, họ đều tham gia một cách tự nhiên lễ pháp và nghi thức theo đúng phong tục. Ông Abdull nở nụ cười mãn nguyện đối với câu giải thích của tôi và nói:

“Cháu à, cách sống của mỗi người khác nhau, cũng giống như cơm ăn áo mặc khác nhau vậy. Thượng đế của vũ trụ cũng gom lại làm một thôi.”

Tôi hầu như không biết về đạo Hồi nhưng cũng không thấy khó khăn mấy về phong tục của Ali và gia đình anh. Chỉ có đôi chút bất tiện trong thời kì lễ Ramadan. Nhưng khi kì lễ nhịn ăn này kết thúc tôi lại nhận ra rằng mối quan hệ gia đình và thức ăn hằng ngày có giá trị biết bao nhiêu.

Tôi kể chuyện về công chúa Bari mà bà vẫn hay kể cho tôi và nguồn gốc cái tên Bari của tôi cho ông nghe; ông mỉm cười và gật đầu.

“Nếu cháu có số phận giống như công chúa trong truyền thuyết thì từ bây giờ cháu phải đi tìm nước trường sinh rồi.”

“Cháu không biết gì cả, ông ạ. Nhưng bà cháu thì nói rằng cứ sống rồi sẽ biết.”

Những ngày bình yên cứ thế trôi qua, Ali chăm chỉ lái taxi, tôi vẫn đi làm mát-xa chân hằng ngày. Còn ông Abdull thì một ngày năm lần trải thảm hướng tới Mecca làm lễ, Ali mỗi thứ sáu lại tới mosque. Tôi học cách làm lễ từ Ali. Vào một ngày trong lúc tôi đang làm việc ở Tonkin thì một người khách đang mát-xa ở đó nói:

“Ở Mỹ đã xảy ra chiến tranh! Tôi vừa xem tivi xong, thế giới bây giờ nào loạn hết cả rồi.”

Khách hàng xôn xao và chú Thanh đã bê chiếc tivi trong phòng nghỉ ra ngoài sảnh và bật lên. Quả nhiên, trên các đài truyền hình đều phát tin tức về các sự kiện xảy ra ở New York. Trên đó chiếu đi chiếu lại cảnh chiếc máy bay lao thẳng vào một tòa nhà, lại một chiếc máy bay khác thực hiện một cú đâm tiếp theo. Chúng tôi nín thở dán mắt lên màn hình như xem phim hành động, khi đến cảnh tòa nhà sụp xuống thì mọi người hét lên. Người ta chạy nhào nhào ra con đường đang bị khói bụi và những mảnh thủy tinh vỡ bao trùm, những người bị thương tả tơi quần áo đang cố tìm cách thoát ra ngoài, ai nấy đều hoảng loạn, rác rưởi trên đường bay mù mịt theo gió.

Tôi về đến nhà, cảm giác như toàn bộ thế giới đều đảo lộn theo chuỗi sự kiện ở New York. Khi vào phòng ông Abdull thì thấy ông trải thảm quỳ gối và cầu nguyện. Tôi đứng trước cửa chờ đợi. Ông ngồi lên, vái tiếp rồi quay ra tôi. “Cháu xem tin tức chưa?” Tôi gật đầu. Ông nói tiếp: “Ông đã gọi điện cho Ali bảo nó hôm nay về sớm rồi.”

Tôi hiểu rõ ý ông. Khác với thường ngày, ông liên tục nhìn ra ngoài cửa sổ cho đến khi Ali trở về nhà vào lúc chiều tối. Khi anh vào, ông nói với vẻ cáu giận.

“Ông đã bảo về sớm rồi mà sao giờ này mới về?”

“Do có khách hẹn đi ra sân bay nên cháu phải chờ khách đi rồi mới về được.”

“Từ bây giờ cháu chỉ nên làm đêm vào cuối tuần thôi, còn ngày thường làm tới tối rồi về nhé.”

Ali liếc nhìn tôi rồi dang hai tay ra.

“Sao ông lại lo lắng quá như vậy?”

“Cứ nhìn mà xem, thế giới từ nay sẽ biến đổi. Dù không như vậy thì người ta cũng đâu có cái nhìn thiện cảm với đạo Hồi.”

“Ông ơi, đó là nước Mỹ, chúng ta là dân Anh cơ mà.”

“Theo luật là như vậy. Giờ đây người ta sẽ bắt đầu phê phán cách thức sinh hoạt và tôn giáo của chúng ta một cách công khai.”

Ali lớn tiếng với ông về bức bối.

“Những kẻ khủng bố toàn là những kẻ mang trong mình tư tưởng bạo lực chứ có liên quan gì tới đạo Hồi chúng ta đâu?”

Ông Abdull thở dài.

“Mấy kẻ đó cũng là người Hồi giáo. Giờ đây sẽ bắt đầu xảy ra những chuyện vô cùng kinh khủng. Mấy điều đó đã tạo ra kẽ hở.”

Tôi không xen vào chuyện của hai ông cháu mà lẳng lặng chuẩn bị bữa tối. Chúng tôi lẳng lẽ ăn. Dự đoán của ông cũng chẳng sai mấy khi bắt đầu xuất hiện những màn ném đá vào cửa kính nhà thờ Hồi giáo, chửi rủa những người phụ nữ trùm khăn Hijab, hoặc khắc nhố lên tường nhà của những người theo đạo Hồi.

Vào thời điểm diễn ra lễ Ramadan trong khoảng một tuần, nếu Ali tỉnh dậy lúc sáng sớm sẽ ăn nhẹ một cái gì đó như cháo hoặc súp, ngoài ra sẽ không ăn bất cứ thứ gì cho tới khi mặt trời lặn, thỉnh thoảng chỉ được uống nước. Ở tiệm, tôi cũng không thể ăn vui vẻ như những người bạn đồng nghiệp khác mà chỉ được uống mỗi món sinh tố hoặc nước ngọt. Khi về đến nhà thì trời cũng chập tối, cũng chỉ có khi đó tôi mới ăn uống được. Tuy nhiên, cũng chỉ được ăn nhẹ những món không chứa dầu mỡ như những ngày bình thường. Thực đơn sẽ là cháo ngũ cốc, rau củ hoặc trái cây. Lúc này đây, tôi cũng sống và sinh hoạt theo nghi lễ giống với người đạo Hồi.

Vào một buổi tối, Ali nhận được một cú điện thoại, nghe giọng của anh thì có thể đoán biết đó là cuộc điện thoại của bố anh gọi từ Leeds. Cúp điện thoại xong, vẻ mặt của Ali chùng hẫ xuống.

“Có chuyện gì vậy anh?”

“Usman biến mất rồi.”

“Anh nói là cậu ấy đi làm ở nhà máy cơ mà.”

“Nhưng bố bảo rằng nó xin nghỉ phép và đi du lịch với bạn bè.”

“Như vậy thì có gì đáng để lo lắng.” Ali lắc đầu.

“Bố nói rằng hôm nay phát hiện trong phòng Usman hóa đơn mua vé máy bay. Nó đã đi Pakistan rồi.”

Có tiếng gõ cửa và ông Abdull vào phòng tôi.

“Bố các cháu đã điện thoại tới. Cháu cũng nghe rồi đúng không? Thăng Usman đã đi Pakistan rồi.”

Hai người chỉ nói tới đó và không gian trở nên tĩnh lặng. Ông im lặng trong giây lát rồi nói với Ali.

“Cháu nên đi Leeds tìm hiểu xem sao. Bọn trẻ chẳng bao giờ nói hết tất cả những điều chúng biết cho người lớn vì chúng luôn cho rằng đó là cách bảo vệ tình bạn. Nó sẽ không bao giờ nói với bố hoặc mẹ cháu đâu.”

Ali gật đầu.

“Cháu biết bạn của Usman. Có lẽ chúng sẽ biết điều gì đó.”

Tôi cũng xen vào.

“Usman về quê hương thì có gì phải lo lắng nhiều như thế ạ? Khi hết kì nghỉ thì cậu ấy sẽ vui vẻ quay trở về nhà thôi.”

“Không phải như vậy đâu. Kể từ khi quân Mỹ và quân Anh tuyên bố tấn công Afghanistan thì những thanh niên đạo Hồi cũng dấy lên phong trào kêu gọi ủng hộ, hỗ trợ.”

Ali đi Leeds ngay ngày hôm sau. Tôi và ông không ăn tối mà đợi cho tới đêm chờ đến lúc anh trở về. Mệt mỏi, lo lắng khiến hai cánh tay dài của anh thông xuống đến tận đầu gối. Khi anh gieo mình xuống chiếc sofa trong phòng ông, ông cất tiếng hỏi.

“Đã tìm hiểu được gì chưa?”

“Nó đi Pakistan rồi. Đã quá hai mươi ngày nay. Nó cùng đi với bốn đứa bạn nữa.”



“Có biết được chính xác là nó đi đâu không?”

“Chắc chắn là nó đã đi Peshawar. Đó cũng là quê hương của Saitu - một đứa bạn trong nhóm của nó cũng cùng đi.”

“Có lấy được địa chỉ của Saitu về không?”

“Có, mẹ của cậu ấy đưa cho. Bà ấy cũng nhờ cháu đi bắt chúng nó về.”

Nơi đến của họ là Afghanistan hầu như đã được xác định rõ ràng. Bởi Peshawar là thành phố biên giới gần nhất với Kabul, thủ đô của Afghanistan.

Tôi lo lắng nhưng cũng không can ngăn Ali. Mà dù có muốn như vậy cũng không thể làm được khi mà anh đã biết rõ nơi đến của em trai mình, lúc này tôi có mang đã gần ba tháng nhưng chưa thể nói được với Ali. Bởi điều duy nhất mà ông Abdull và tất cả các thành viên trong gia đình đang quan tâm chính là làm sao tìm được Usman. Chưa đầy bốn ngày sau, Ali đã lên đường đi Pakistan. Và không ai có thể ngờ rằng đó là sự chia ly dài đằng đẵng.

Tôi mất tin tức về Ali kể từ đó cho tới mùa hè năm ấy. Tôi đã sinh con một mình. Đó là một bé gái da ngăm ngăm với đôi mắt to giống Ali y hệt. Lúc đó tôi mới chỉ vừa tròn mười chín tuổi.

Chiến tranh ở Afghanistan đã kết thúc, mặc dù đã được tuyên bố hồi đầu năm nhưng những trận đánh ở vùng núi vẫn còn tiếp diễn và liên tục được phát trên tivi. Hình ảnh những người dân nông thôn đi tị nạn, đường phố đổ sập, hoang tàn và ngổn ngang, những đứa trẻ đói khát vẫn ngày ngày xuất hiện trên màn hình.

Sau khi nằm viện hai ngày, tôi trở về nhà. Ông Abdull thay chồng tôi cần mua về các loại đồ dùng cho em bé như quần áo, bình sữa, tã giấy. Ông đặt tên cho con tôi là “Hollya”. Tôi hỏi ông:

“Hollya có nghĩa là gì vậy ông?”

“À, nó có nghĩa là tự do.”

Tôi thì thâm bằng ngôn ngữ của đất nước mình chữ ‘tự do...’ và nghĩ rằng từ ngữ phải gắn với sự vật thì mới dễ nhớ. Tôi nhớ tới tên các loài hoa nở thấp thoáng trên sườn núi Bekdu và hai bên bờ sông Duman đầy gió lạnh. Các loài hoa lan với đủ sắc màu vàng, trắng, tím. Hoa đồng tử, hoa ong chúa, hoa violet, hoa huệ tây, hoa tử vân anh, hoa mã đề, cẩm chướng, cây lá gan, rêu mao lương vàng, hoa hạt cơm trắng. Những tên hoa không ngừng hiện lên trong đầu tôi. Tôi còn nhớ đến cả việc mình chạy ra cánh đồng cùng các chị, tôi quay sang bên cạnh nhìn đứa con bé bỏng đang lim dim ngủ. Tôi cũng đặt thêm chữ Sul<sup>[30]</sup> bên cạnh chữ Hollya, rồi lẩm bẫm một mình. Hollya Sul.

Chị Luna mỗi khi về đến nhà là lại tới phòng tôi, chăm cho tôi đồ ăn, trông con cho tôi. Bố mẹ Ali ở

Leeds cũng thường đưa các con gái tới thăm tôi. Tất cả đều nói rằng con gái tôi rất giống bố của nó, họ vui mừng mà nước mắt lại lưng tròng. Bố Ali trước khi ra về ôm lấy tôi và nói.

“Anh chồng con đã quyết định đi Pakistan vào kì nghỉ hè này. Chắc chắn sẽ có tin tốt lành thôi.”

Tôi không nói gì, chỉ cố gắng nở một nụ cười, bởi tôi linh cảm rằng Ali sẽ không chết.

Tôi nghỉ làm ở tiệm nail cho tới khi con tôi được ba tháng mười ngày nhưng vẫn tới làm ở nhà phụ nhân Emille hằng tuần. Phụ nhân thỉnh thoảng lại kể về những giấc mơ của mình, rồi việc nhập hồn với nhũ mẫu Beki. Bà có mấy người bạn cũng là phù thủy thường tới nhà nhau và cùng lập thành nhóm họp. Phụ nhân có ý định giới thiệu tôi với các hội viên trong nhóm nhưng tôi thường tìm cách né tránh.

Vào một ngày khi tôi đang trên đường tới nhà phụ nhân Emille, đến đoạn công viên Holland thì gặp cô Sara, vẻ mặt lầm lì buồn thảm.

“Bà chủ không có nhà, đi Brighton rồi.”

“Có chuyện gì xảy ra sao cô?”

Nghe tôi hỏi cô Sara liền hạ giọng.

“Ông chủ chết rồi. Bị bắn.”

“Trời ơi! Sao đột ngột như vậy...”

“Đưa con gái khốn nạn ấy đã bắn tới ba phát súng.”

Cô Sara chỉ nói đến đó rồi ngừng lại. Tôi sửng sốt đến mức quên băng đi nỗi lo của mình, chỉ thấy xót xa cho phu nhân Emille. Có lẽ lí do khiến bà mê đắm hội phù thủy cũng là do đức ông chồng đang sống riêng của mình.

Tôi, chị Luna đang ăn tối trong phòng thì ông Abdull đi xuống. Ông nắm tay, nắm chân, rồi cọ cả khuôn mặt có bộ râu mềm như nước lên má con tôi.

“Ông có một tin muốn nói với cháu...”

“Hai ông cháu cứ nói chuyện đi ạ.”

Chị Luna tinh ý toan đi về phòng mình thì ông xoa tay, ý bảo chị cứ ở luôn đó.

“Không sao đâu. Toàn chuyện chúng ta đã biết cả. Anh trai của Ali đã trở về từ Pakistan rồi.”

Tôi và chị Luna cùng nhìn nhau rồi quay sang nhìn ông.

“Nó đã xác nhận được tin Ali đi tìm tung tích thằng em nó từ Peshawar tới Kabul. Bác của Saitu kể rằng Usman và các bạn của nó đã tìm tới nhà trước khi chiến tranh nổ ra. Chúng ở đó khoảng năm ngày rồi đi Kabul. Khi thằng Ali ở Kabul, nó cũng có gọi điện thoại nữa cơ mà. Rồi sau đó thì bật vô âm tín giống như thằng em nó. Theo như mọi người nói, rất nhiều người đã bị phục kích ở phía Bắc Kunduz và Jalalabad - gần Kabul, nhiều người bị chết và bị bắt bởi quân đồng minh phía Bắc. Cầu mong chúng nó được an toàn.”

Tôi lẩm bẩm như nói một mình.

“Ali bây giờ vẫn còn sống, cháu có thể cảm nhận được điều đó.”

Chồng tôi đã tới chiến trường được hơn nửa năm, không ai biết bất cứ tung tích gì, hầu hết mọi người đều nghĩ rằng cả hai anh em Ali đã chết, âu đó cũng là chuyện thường tình. Chị Luna và ông Abdull cúi đầu tránh ánh nhìn của tôi và im lặng. Kể từ đó, mọi người xung quanh cứ hể nói đến chuyện chồng tôi đều có thái độ như thế. Có thể họ nghĩ giờ đây việc an ủi tôi rằng hãy yên tâm, Ali rồi sẽ trở về chẳng còn có ý nghĩa gì nữa. Tôi đã gặp Ali mấy lần trong mơ, đôi khi còn mơ thấy cả Usman nữa. Không biết có phải vì Ali là chồng tôi hay không mà trong mơ tôi có thể cười nói với anh, kể cả nổi giận đùng đùng lên với anh nữa, nhưng với Usman thì không, tôi chỉ đứng nhìn từ xa, khi cất tiếng gọi thì cậu ấy bỏ đi mất.

Trong khi tôi đang làm việc ở Tonkin thì cô Sara điện thoại tới. Mặc dù không phải là ngày hẹn nhưng cô gọi với vẻ gấp gáp. Tôi bắt taxi đi đến đó. Cô Sara vừa nhác thấy tôi vào đến cửa dưới tầng hầm đã ra hiệu ngay cho tôi.

“Có chuyện gì vậy cô?”

Cô Sara lắc đầu rồi thở dài.

“Bà đã ba lần hỏi xem cháu tới chưa. Tình hình gay go lắm. Cháu thử làm cách nào đó đi.”

Tôi vào phòng của phu nhân Emille trên tầng hai thì thấy cửa sổ phòng đều che kín rèm, đèn không bật và phòng tối om. Cô Sara khẽ khàng cất tiếng với giọng run run.

“Thưa bà, Bari tới rồi.”

“Ừ, được.”

Giọng nói của phu nhân như từ xa xăm vọng lại. Cô Sara đẩy vào lưng tôi rồi đi mất. Tôi tiến tới gần giường bà. Do không nhìn thấy gì nên tôi đành phải dò dẫm bật công tắc đèn ngủ ở đầu giường. Trên bàn bên cạnh là một chai Cognac và cái ly tròn trịa.

Phu nhân Emille có vẻ đã say. Tôi nhẹ nhàng ngồi xuống bên mép đầu giường và mở lời.

“Cháu mát-xa cho bà nhé?”

“Cái ông đần độn ấy bị hai phát vào ngực, một phát vào lưng và gục xuống. Họ bảo ta kiểm tra, khi lật khăn lên thì thấy trong có mấy năm mà ông ta đã già đi không thể nào nhận ra được. Tóc cũng rụng đi nhiều. Ôi, ôi, cái bụng phệ ra mới gớm ghiếc làm sao!”

Tôi im lặng nghe bà nói. Bên ngoài kia là một bầu trời chói chang với những đám mây no tròn trôi bồng bềnh, những rặng cây ven đường lá mới thật xanh mướt. Cơ thể phu nhân Emille trần truồng được đắp hồ tẩm khăn tẩm, bà đang nằm dang rộng hai chân hai tay. Bộ ngực xệ xuống trông giống như một chai nước bằng da đã vơi một nửa.

“Con cáo ấy có người tình ở ngay tại nước nó. Vì thế mỗi năm nó bay về đó tới ba bốn lần. Chắc cũng hốt được nhiều tiền lắm. Có lẽ đã chán ngấy cái lão già nua nên nó mới dám giết bằng súng như vậy. Cảnh sát hỏi ta có muốn gặp nó không. Tại sao ta phải gặp kẻ giết người ấy?”

Phu nhân Emille rên rỉ bưng lấy mặt và bắt đầu thốn thức. Bà quay người sang một bên, gom người lại, co gối lên tới tận bụng. Tôi an ủi bà, đặt bà nằm thẳng lại, đắp khăn tẩm lên người và bắt đầu bóp vai cho bà.

“Nào, từ bây giờ bà hãy quên đi những khủng khiếp ấy. Không sao đâu. Thời gian sẽ làm ta quên đi, và cũng đừng nuôi mối căm thù nữa.”

Trong lúc tôi xoa bóp, các cơ bắp của phu nhân Emille dần dần thả lỏng ra. Tôi bóp từ đùi, bắp chân rồi bàn chân cho bà. Khi nắm bàn chân bà xoa bóp, tôi lại nhắm mắt một cách vô thức. Rồi tôi rùng mình, vai run lên, người tôi đột nhiên lạnh ngắt và trở nên nhẹ bẫng.

Tôi nhìn thấy hai người đang cãi vã trong phòng ngủ. Người đàn ông hét lên và người phụ nữ ngồi phịch xuống sàn trải thảm. Người đàn ông chạy tới xé áo người phụ nữ ra. Ông ta tháo dây lưng, quấn vào tay và bắt đầu đánh đập người phụ nữ.

Một hình ảnh khác hiện lên, người đàn ông và người phụ nữ ấy ngồi ăn cơm bên bàn ăn. Người đàn ông đột nhiên hét lên câu gì đó và ném đĩa vào người phụ nữ. Trên mặt và ngực người phụ nữ có thứ gì chảy xuống như cháo. Bà ấy khóc. Người đàn ông ném nĩa, chộp dao nhào tới định đâm thì bà vùng bỏ chạy.

Trên hành lang đang đặt một chiếc ghế bố dài, người đàn ông ngồi duỗi dài chân trên đó. Người phụ nữ nhỏ nhắn cầm súng tiến đến phía sau ông ta. Không nghe thấy tiếng súng nhưng người đàn ông đổ gục xuống, người phụ nữ tiến đến gần hơn và nổ thêm hai phát súng nữa.

Phu nhân Emille có vẻ như đã hồi phục sau khi được mát-xa, bà thở nhẹ và chìm vào giấc ngủ. Tôi lấy khăn tắm ra và nhẹ nhàng đắp lên người bà tấm khăn trải giường, sau đó tắt đèn ngủ. Mặc dù phòng tối om om nhưng mắt đã quen nên tôi vẫn có thể nhìn thấy những đồ đạc lạng phắc trong phòng. Hoàn thành công việc, tôi trở ra và thả người xuống chiếc ghế dài.

Có ai đó đứng trong bóng tối. Người ấy khoác trên người tấm áo rộng bằng vải thô màu nâu. Tôi nhận ra đó là linh hồn nữ mẫu Beki của phu nhân Emille.

“Bà hãy giúp phu nhân Emille đi.”

Tôi lẩm bẩm như vậy và bà Beki đáp lại bằng một giọng nói khản đặc.

“Hoàn cảnh của cháu thì đâu còn đủ tâm trí để mà lo lắng cho người khác.”

Về hình thức thì có vẻ như tôi và bà Beki đang nói chuyện nhưng thực chất chỉ là trao đổi ý nghĩ cho nhau. Khi bà và tôi chuyển hướng nghĩ tới một nơi nào đó thì bóng tối cùng đồ đạc trong phòng chợt biến mất. Chúng tôi cùng đứng trên một cánh đồng rộng lớn, đất cằn cỗi lổn nhổn đầy đá và cỏ khô. Khuôn mặt đen đúa, khóe mắt hằn sâu những nếp nhăn của bà Beki đang nhìn bao quát cánh đồng đầy gió thổi.

“Cháu không đi tìm chồng cháu sao?”

“Đây là đâu vậy bà?”

“Đây là vùng trung gian giữa thế giới thực tại và thế giới bên kia, nơi những phù thủy như cháu có thể bước vào. Những người như chúng ta, mặc dù đã chết nhưng vẫn có thể tiếp cận nó.”

“Vậy giờ cháu chết rồi sao?”

“Sống rồi chết, chết rồi lại sống. Cháu hãy tìm và ghi nhận tất cả những thứ mà mình muốn ở đây.”

Bầu trời đột nhiên chuyển thành đêm tối, tứ phía đầy ánh sáng và âm thanh chói tai như sấm nổ. Tiếng súng liên thanh liên tục dội lên, pháo nổ rền đến muốn rách cả màng nhĩ. Tôi bay mà như đang trượt đi trên nền đất ngổn ngang. Một ngôi làng nhỏ hiện ra, tôi nhìn thấy những căn nhà đang cháy cùng những cụm khói đen. Mọi người đang dồn lại trong một ngõ hẻm. Trên đường đầy các xác người, những người đàn ông mất chân, mất tay liên tục gào thét. Tôi nghe thấy tiếng máy bay và tiếng trực thăng trên đầu, xe tăng đang lăn bánh thép tiến vào trong làng.

Một cách hồi hải, tôi chạy tới và phát hiện ra một nhà thờ Hồi giáo nằm trơ trọi trên một bãi trống. Hàng trăm người đàn ông và phụ nữ đang quỳ gối dưới sàn vái lạy. Họ ngồi lặng phắc một lúc rồi đứng lên vái, cứ liên tục như vậy. Tôi hỏi một người phụ nữ khoác áo Burka<sup>[31]</sup> giữa những người phụ nữ trùm khăn Hijab.

“Bà có nhìn thấy Ali không?”

“Ali, là ai nhỉ?”

“Có ai nhìn thấy Ali không vậy?”

Tiếng hỏi nhau í ới vang vọng khắp nhà thờ rồi trở nên âm ỉ. Tôi chợt nghe thấy tiếng ai đó hét lên trong đám đông.

“Tôi đã nhìn thấy Usman. Cậu ấy đi Kunduz rồi.”

Và tiếng Usman, Usman, cùng tiếng Kunduz, Kunduz vang ra bốn phía. Tôi rẽ đường đi trong đám người và len lỏi tìm chủ nhân của giọng nói đó.

Nhưng khi tôi tiến đến thì tất cả mọi người liền quay lưng lại. Tôi cố gắng lách mình vào bên trong. Ai đó đã túm lấy lưng tôi, lôi tôi đi qua các cây cột của nhà thờ, qua hành lang và ra ngoài. Bà Beki bảo.

“Bọn họ đã là những linh hồn đã chết. Điều họ nói chính là những gì còn sót lại trong kí ức lúc còn sống.”

“Đây là địa ngục sao bà?”

“Không, ở đây được xem như một bến đỗ thôi. Không có cái gọi là địa ngục hay thiên đường. Họ cũng cố gắng tiến tới một lớp tầng cao hơn như trẻ con sinh ra và lớn lên vậy. Những linh hồn mang nhiều tội lỗi sẽ phải dừng lại rất lâu ở lớp tầng thấp nhất.”

Tôi nghĩ tới Kunduz, thì liền lập tức xuất hiện những ngôi nhà lúp xúp, tháp chuông và con đường bụi mịt mù. Tôi nhìn thấy quảng trường, có chợ, có những cột chống, mái che và chỗ ngồi được làm bằng gỗ. Con đường vắng ngắt và cửa gỗ cũng đóng im lìm. Tôi nghe thấy tiếng huýt sáo rít lên, rồi tiếng nổ âm âm tạo thành những đám mây bụi khổng lồ phủ đầy trời và cảnh vật xung quanh. Một trái pháo rơi thẳng xuống quảng trường tạo thành một cái hố rất to. Một trái pháo khác lại rơi thẳng xuống mái một căn nhà khác, tiếng âm âm vang lên, những mảng xi-măng và vụn đá rơi xuống như mưa.

Vừa nghĩ tới cảnh ngoài rìa làng, tôi lại nhìn thấy những người đàn ông đứng đờn lại với hai tay giơ lên quá đầu. Dọc theo con đường thưa thớt cỏ khô, tôi nhìn thấy mấy chiếc xe tải, thấy những người lính chân đất, khoác trên người chiếc áo lính thụng dài đang chĩa thẳng súng vào họ. Tiếng ra lệnh của người chỉ huy vang lên và đám lính bóp cò. Những người đàn ông lần lượt gục xuống, một số khác bỏ chạy tán loạn nhưng rồi cũng đổ ập người xuống. Trời đất trở nên tối sầm, mấy người đàn ông chạy thoát ần thoát hiện trên đường. Tôi tiến thẳng về phía họ.

“Usman, ở đây có Usman không?”

Và tôi nghe thấy giọng nói quen thuộc đằng sau.



“Bari, chị tới đây làm gì?”

Tôi quay lại nhìn thấy Usman, dáng dấp cao to và đôi tay giống hệt anh mình đang đứng đó. Cậu để râu dài nhìn già đi tới mười tuổi.

“Ali đi tìm cậu đấy. Cậu không gặp anh ấy hay sao?”

“Tụi em vừa gặp nhau và vội chia tay ngay.”

Trong làn khói lờ mờ, tôi nhìn thấy hình ảnh những người lính đi tới và chất xác Usman lên xe tải.

Như bị gió thổi, tôi rơi vào một chiều không gian khác. Ở nơi tận cùng của đất liền, tôi nhìn thấy biển rộng và cát trắng, những dãy núi trùng điệp phủ đầy tuyết. Đột nhiên bà Beki tới đứng cạnh tôi và cũng nhìn ra biển.

“Chắc chắn là chồng cháu đã ra biển.”

“Kia là đâu vậy bà?”

“Ta cũng không biết. Không biết có phải là hướng mặt trời lặn hay không?”

“Xin hãy giúp cháu, đưa cháu đi đi.”

Nghe tôi van nài, vẻ mặt bà Beki trở nên lạnh băng, vô cảm như lần đầu tiên tôi nhìn thấy bà tại làng Ulundi trong giấc mơ.

“Con người ai cũng có nỗi thống khổ, nhưng người ta đều phải tự giải quyết. Emille cũng thế mà cháu cũng vậy. Nghe ta hỏi một câu đây. Cháu có biết tại sao ta không thể gặp được Osei không?”

“Người đó là ai ạ?”

“Chồng côi trên của ta.”

“Bà hãy đi tìm xem ông ấy ở đâu.”

“Ta không thể tìm được. Từ lâu lắm rồi ông ấy đã lên tàu nô lệ và biến mất. Ta đã trải qua đêm động phòng với con hình nhân bằng gỗ. Những

người già trong làng ai cũng nhớ tên của ông ấy. Ông ấy là một thiện xạ dũng cảm sẵn được cả sư tử.”

Chúng tôi cùng đứng nhìn biển rộng mênh mông, một thứ màu đen vô tận chứ không phải là màu xanh vốn dĩ của biển cả.

Tôi cố gắng nâng cặp mi nặng trĩu như lột đôi giấy ướt dán trên mắt. Đột nhiên mọi thứ thay đổi, tôi trở về lại thể xác của mình. Phu nhân Emille vẫn ngủ, tôi ngồi dậy vén rèm, trời đã về đêm, tối om om. Tôi cố trấn tĩnh và nhớ lại quang cảnh cuộc chiến tranh cùng cái chết của Usman mà mình đã chứng kiến từ đầu đến cuối. Tôi nhớ như in việc mình không hề thấy bóng dáng Ali và nhớ tới bờ biển mà bà Beki đã đưa tới. Tôi cảm nhận chắc chắn một điều rằng chồng tôi vẫn còn sống và đang ở đâu đó trên cõi đời này. Ngay từ nhỏ tôi đã được người lớn dạy rằng, nếu có điều gì mình muốn hoặc mong được sở hữu, một khi đã nói buột ra thì sẽ không bao giờ thành hiện thực nữa, mọi thứ sẽ tuột khỏi tầm tay. Cảm giác rõ ràng về việc Usman đã chết và Ali vẫn còn sống, tôi dạn lòng không được nói với bất kì ai, ngay cả với ông Abdull.

## 11.

Sau Tết âm lịch mấy ngày, chị Syang đến tìm tôi ở Nail salon Tonkin. Tôi đang làm việc thì chị Bình đang ngồi nghỉ ở phòng đợi, chờ đến lượt làm, hé cửa chờ tôi nhìn ra. Tôi đưa mắt dò hỏi xem có chuyện gì thì chị ngoắc ngón tay, xia ra ngoài mấy lần. Vậy là có ai đó đang đợi tôi bên ngoài.

Tôi đắp khăn nóng lên chân khách rồi ra ngoài phòng đợi. Lúc đầu tôi không thể nhận ra được chị. Chị mặc váy ngắn, đi đôi bốt cao đến tận đầu gối, mặc chiếc áo khoác mỏng để hở đôi vai trần. Tóc để dài rẽ ngôi giữa theo đúng kiểu của phụ nữ Á Đông.

Chị ngồi bắt chéo chân, hất hông bằng một động tác kì cục rồi hỏi tôi. “Em khỏe chứ?”

Tôi không thể nhớ ra nổi nụ cười của chị. “Chị là ai... Xin lỗi vì em không nhận ra được.” Tôi lắc đầu lẩm bẫm thì chị nhỏ giọng trả lời:

“Chị là Syang đây.”

Tôi đang nghĩ xem Syang là ai thì chặn tay lên miệng. Chị thay đổi đến mức tôi không thể nhận ra được. Khuôn mặt trắng trẻo của chị giờ đã trở nên đen đúa, đôi mắt trong veo trước đây đã mờ đục và gương mặt trang điểm quá đậm. Tôi sững sờ cầm tay chị. Đúng lúc đó một cảm giác có lỗi ùa về.

“Em đã định liên lạc với chị mà lại quên mất. Em xin lỗi...”

“Chị chỉ định gặp em một chút thôi. Em có bận không?”

“Em không sao đâu.”

Chị kéo tôi tới quán trà bên kia đường. Tôi nhìn vào bàn tay đang đặt trên bàn của chị, lớp sơn móng đã bị tróc nham nhở, chiếc áo khoác cũng đã sờn

chị. Chị nhìn ra phía quầy tính tiền rồi lại chăm chăm nhìn ra cửa có vẻ rất bất an.

“Chú Rhu đã chỉ chỗ của em cho chị.”

“Giờ chị có ở nhà đó không?”

“Đã chuyển đi chỗ khác... Nhưng tình cảnh cũng vẫn vậy thôi.”

Tình cảnh vẫn vậy có nghĩa là chị vẫn làm tại nơi đón tiếp đàn ông. Tôi đã cùng với chị trải qua nhiều cảnh, với mối quan hệ của mình tôi cũng không cần phải rào trước đón sau nữa.

“Chị đừng làm nghề đó nữa mà hãy tìm việc khác đi.”

“Không thể thay đổi được gì nữa rồi em à. Dẫu sao thì chị vẫn sống được đấy thôi.”

Chị nói vậy rồi đột nhiên để cả hai tay lên bàn ngả người về phía trước, quyết định nói những gì còn kìm nén.

“Cho chị mượn ít tiền đi, chị cần lắm. Chị không còn ai khác ngoài em... nên mới tìm đến em.”

Tôi không muốn nói đến chuyện đã trả hết phí vượt biên hay vẫn còn nợ bao nhiêu. Cả chuyện tôi phải được chủ nhà hàng Thượng Hải và chú Rhu viết giấy bảo lãnh mới được thoát ra nhưng biết đâu chị vẫn ở trong tay bọn răn.

“Chị cần bao nhiêu?”

“Hai trăm bảng, không thì một trăm cũng được.”

“Bây giờ em không có nhưng em sẽ mượn cho chị.”

Chị Syang vẫn đợi ở quán trà cho đến lúc tôi vào cửa hàng mượn trước chú Thanh một trăm bảng và mang ra. Chị rót nước và uống liền hết hai ly. Khi tôi đưa ra năm tờ hai mươi bảng thì chị liền cầm vo lại rồi đứng lên.

“Giờ em cũng bận đúng không? Tuần sau chị sẽ trả cho em.”

Chị ra ngoài đường, vẫy tay chào rồi chạy nhanh về hướng tàu điện ngầm. Tôi đứng trên đường nhìn một lúc lâu nhưng chị vẫn không ngoái đầu lại.

Không yên lòng nên tôi đã gọi điện thoại cho chú Rhu trước khi hết giờ làm việc. Đang trong giờ nhà hàng chuẩn bị bữa tối nên không thể nào nói chuyện lâu với chú được. Tôi nói việc chị Syang tìm đến và hỏi xem dạo này chị thế nào thì chú nói lời xin lỗi tôi.

“Nó cứ nỉ non rằng nhớ cháu nên chú đành phải cho nó biết chỗ cháu làm. Con bé có vẻ hồng rồi. Hình như còn nghiện nữa. Giờ cũng không thể về nước được. Thật tội nghiệp. Chú sẽ trả tiền đó cho cháu.”

Tôi trả lời không sao và hỏi chú xem có cách nào giúp chị được hay không nhưng chú chỉ thờ dài.

“Nó phải có ý chí tự lập thì người khác mới tin và giúp đỡ nó chứ.”

Tất nhiên tuần sau chị Syang sẽ không đến. Mặc dù tôi không có ý nghĩ rằng sẽ nhận lại được số tiền đã cho mượn nhưng lại nghĩ đến chuyện sẽ đi tìm chị vào ngày nghỉ. Chỉ có vậy mới kể hết được nỗi lòng và giúp chị được điều gì đó. Mặc dù tôi đã tính như vậy nhưng thật khó lòng thực hiện.

Có lần tôi bị lỡ chuyến về tàu điện ngầm khi cùng chị Luna đi dự sinh nhật bạn. Chúng tôi lên xe bus đêm ở vùng gần Piccadilly Circus. Ghế đằng sau có nhiều cô gái trẻ. Cách họ mặc váy ngắn, trang điểm, và đeo đồ trang sức trông không được bình thường. Họ nói năng ồn ào, giữa những cô dựa lưng vào ghế ngủ, tôi nhìn thấy một cô gái người Á Đông. Cô ngồi một góc và thoạt trông như đang ngắm những cột đèn đường ngoài cửa sổ. Không biết cô có cảm giác được rằng có người đang nhìn mình không mà quay ra nhìn tôi. Chúng tôi chạm mắt nhau, vẻ mặt của cô ảm đạm đến mức tôi không thể chuyển hướng nhìn ra chỗ khác được. Khi cô xuống ở một đoạn đường vắng vẻ, tôi tiếp tục nhìn theo cô qua cửa sổ xe. Cô xuống xe và ngược lên nhìn tôi một lần nữa. Giây phút đó khiến tôi nhớ tới chị Syang. Có lẽ mỗi nhân duyên của con người là do trời định và con người ta kết nối ràng buộc lẫn nhau. Biết đâu nó lại được định hình như một mối tơ nhện chẳng chị.

Ali vẫn biệt tăm biệt tích. Hollya Sul đã lớn, có thể bò đi khắp mọi nơi, bám vào vật gì đó để đứng lên, rồi ngã xuống và khóc. Khi đi làm, tôi gửi con cho ông Abdull trên tầng hai, việc coi sóc Hollya đối với ông cũng khá vất vả. Có những lúc hai cụ cháu say sưa ngủ bên nhau trên giường. Ông đã nhờ các cụ già trong nhà thờ tìm giúp một người trông trẻ theo giờ, đó là con gái của người bán hàng tạp hóa. Ông chủ cửa hàng là người Pakistan kinh doanh cả thuốc lá và vé xe *bus*. Con trai ông còn đi học và con gái thì cùng bán hàng với bố mẹ. Cô con gái Ysya hứa sẽ trông Hollya vào giờ chiều khi mẹ cô thay cô trông hàng. Ông Abdull bảo rằng sẽ trả tiền trông trẻ nhưng tôi đã nghiêm túc từ chối. Dù sao con bé cũng là con gái của tôi, vả lại ông chẳng phải là đã tối mắt tối mũi vì con bé cả ngày rồi đấy thôi.

Khi tôi tới làm thêm tại nhà phu nhân Emille, cô Sara đang chờ tôi với vẻ mặt vui vẻ. Gần một tháng trời tôi không lui tới vì phu nhân Emille đã đi du lịch. Mỗi lần tới chỉ cần nhìn mặt cô Sara ở cổng thôi là có thể đoán được ngay không khí ở nhà đó đang như thế nào.

“Có chuyện gì vui vậy cô?”

Tôi hỏi thay cho câu chào của mình, và cô Sara trả lời ngay bằng giọng mỉm.

“Nhà này đã xuất hiện một thiên thần.”

Trong lúc tôi còn ngơ ngác chưa hiểu ra ý tứ của cô Sara thì cô đã vội quay đi, nói.

“Cháu lên nhanh lên, chắc bà đang rất muốn khoe với cháu đấy.”

Chúng tôi vừa lên cầu thang đã nghe thấy từ phía phòng khách tiếng trẻ con cười nắc nẻ. Phu nhân Emille vừa vỗ tay vừa gọi gì đó. Chúng tôi đứng theo dõi cảnh đứa trẻ lon ton chạy trong phòng còn phu nhân thì đuổi bắt.

“À, Bari vào đây cháu, cháu lại làm quen với Toni, con ta đi.”

Trước khi đứa trẻ chạy tới, tôi đã ôm chầm lấy nó. Toni nhăn mặt lại, nghiêng người về phía cô Sara đứng cạnh đó và nhào vào lòng cô. Cậu bé

rất kháu khỉnh với mái tóc đen, mặt mũi sáng sủa và sống mũi cao, rất thẳng.

“Đưa Toni ra ngoài và cho thẳng bé ăn gì đi.”

Nghe phu nhân Emille nói như vậy cô Sara liền ôm đứa bé đi xuống lầu. Phu nhân Emille và tôi cùng uống trà. Bà kể đã mang con của chồng mình và người đàn bà Thái Lan về nuôi. Trong thời gian người phụ nữ đó bị giam chờ ngày xét xử, đứa trẻ đã được gửi ở nhà người em chồng. Cách đây không lâu người ta gọi điện tới, bà do dự nhưng rồi cũng đích thân đến, gặp đứa trẻ xong thì quyết định đón nó về ngay.

“Lần đầu tiên nhìn thấy nó trái tim ta như muốn vỡ toang.”

Bà khoe mặc dù đã có một người con gái lấy chồng ở Úc, nhưng khi vừa mang đứa trẻ về thì nhà cửa trở nên sống động, bản thân dường như trẻ ra. Tôi nhìn quanh phòng khách, các bức rèm đã được kéo lên và gập đầu.

“Vâng, sẽ có nhiều điều tốt đến với bà. Ngay bây giờ không khí trong nhà đã rất khác rồi bà ạ.”

“Nhưng... có chuyện lạ lắm.” Phu nhân Emille nói.

“Sự căm ghét của ta đối với mẹ thẳng Toni đã dần dần biến mất, bởi cô ta là người đã sinh ra thẳng bé. Trước đây chỉ cần nghĩ tới thôi là ta đã cảm thấy sự sỉ nhục và cứ hễ nhìn thấy con gái châu Á nào là muốn rẻ rúng.”

Tôi mát-xa chân cho phu nhân Emille và cảm nhận được toàn bộ cơ thể bà đã bình ổn. Không biết có phải tôi cũng được truyền cảm giác đó từ phu nhân Emille hay không mà cái cảm giác bức bối, bất an, mất bình tĩnh của mình trước đây đã lắng xuống.

Đầu mùa hè, cách ngày đầy năm Hollya Sul một tháng, hôm đó trời mưa, mặc dù trời chưa tối nhưng bên trong cửa hàng đã bật điện sáng trưng. Bên ngoài trời mưa như trút nên bầu trời càng tối hơn, không khí lạnh lẽo và ẩm đạm. Vì thế chú Thanh quyết định đóng cửa sớm và dường như mọi người ai cũng đoán ra được điều tất yếu này.

Tôi và chị Luna vừa bước ra khỏi cửa hàng thì thấy một người phụ nữ đang đứng trú mưa ở tòa nhà bên cạnh bước ra chặn lối. Lần này tôi nhận ra ngay.

“Chị Syang!”

Chị mặc một chiếc áo khoác giống áo của lính dã chiến cùng với váy, tóc chị bết lại như bị ướt mưa nhiều lắm.

“Chị đây.”

Một cách vô thức, tôi nắm lấy bàn tay chị.

“Chị về nhà em đi, thế này thì chị ốm mất.”

Tôi kéo chị vào dưới ô. Chị Luna vừa đi vừa liếc nhìn chúng tôi. Chị Syang bảo chúng tôi chờ trước một cửa hàng rồi đi vào bên trong. Chỉ đợi có vậy, chị Luna bèn hỏi tôi.

“Chị ta là ai thế?”

“Dạ bạn cùng quê với em.”

“Trông như người lang thang vậy, có sao không?”

“Chị ấy khó khăn nên mới vậy thôi. Em phải giúp đỡ chị ấy.”

Có vẻ như chị Syang vừa mua một bao thuốc lá. Ra khỏi cửa hàng, chị bóc gói thuốc, đưa một điếu lên miệng rồi vội vàng rít một hơi và nhả khói. Về tới nhà trọ, chị Luna về phòng mình ngay mà không nói tiếng nào. Tôi cũng cùng chị Syang về phòng của mình, nắm tay nắm cửa và gõ. Cửa phòng mở toang và Ysya vui vẻ đón chúng tôi.

“Hollya hình như biết giờ mẹ về ấy, nó không chịu ngủ mà quấy ghê lắm.”

Hollya Sul đang ngồi ở sàn bày la liệt các mảnh gỗ đồ chơi, thấy tôi vào liền bò ngay lại, vẻ mặt mếu máo không biết từ lúc nào. Tôi ôm con lên và tiễn Ysya ra về.

“Mắt con em đẹp quá.”



Chị Syang nhìn Hollya Sul trầm trồ.

“Chị chưa ăn tối đúng không? Mình cùng nấu ăn đi.”

“Chị ăn mì gói thôi cũng được em à.”

“Vậy sao? Thế à, em cũng hơi lo vì hôm nay trời mưa không đi chợ được.”

Tôi vừa luộc bình sữa cho Hollya vừa nhìn chị Syang, thấy chị định đưa thuốc lá lên miệng hút tôi liền nhắc nhở.

“Chị, nếu chị không chịu được thì ra sân hút đi.”

Chị có vẻ hoảng hốt, cho ngay thuốc lá vào túi và ra ngồi ở ghế phòng khách. Tôi cho Hollya uống sữa và ăn dặm, vừa thay tã mới cho con và vừa nựng nịu hát những bài hát ru con ngày xưa, một lúc sau thì con bé chìm vào giấc ngủ. Tôi quay ra thấy chị Syang đang nước nở.

“Chị, sao thế?”

“Nghe em hát ru mà chị nhớ tới hồi còn bé.”

Chị Syang lấy khăn giấy hi mũi, lau nước mắt rồi nói:

“Xin lỗi em vì chị không trả được tiền lần trước đã mượn.”

“Vâng, để từ từ rồi trả...”

Vừa ăn tối tôi vừa hỏi chị Syang chuyện này chuyện nọ.

“Bọn Bemdan vẫn còn làm khó dễ chị sao?”

“Không, khoảng được hơn một năm thì bọn chúng cho chị ở nhà khác và không động tới nữa.”

“Nếu không chịu được thì chị hãy khai báo với cảnh sát. Nếu bị trục xuất vì cư trú bất hợp pháp thì chị còn về được quê cơ mà.”

“Giờ chị không muốn về nữa, chị thích ở đây hơn.”

“Vậy thì chị đổi chỗ làm đi. Chị cũng tìm nơi mát-xa chân như em là được mà. Để em hỏi chú Thanh xem sao.”

Chị không trả lời mà phì cười:

“Muộn rồi.”

Chị tránh ánh mắt tôi và khẽ khàng nói:

“Sống ở đâu rồi cũng vậy thôi.”

Phải lâu lắm rồi chúng tôi mới nắm bên nhau.

Từ lúc tắt điện cho tới khi chìm vào giấc ngủ, chúng tôi đã nói với nhau không biết bao nhiêu chuyện từ khi tới thành phố này. Chuyện những thiếu nữ làm trong các cửa hàng ở gần đây đến từ châu Á, Nga, Đông Âu, những người con gái được gia đình dùng hết cách tìm về, thế mà không đầy nửa năm lại quay trở lại. Chuyện những người không có người yêu ngủ với bất cứ ai rồi nhận tiền, tin tưởng, dựa dẫm, vậy mà người yêu lại là kẻ thuộc tổ chức môi giới. Những câu chuyện có thể xảy ra ở bất cứ đô thị nào.

Trước khi ngủ chị Syang lẩm bẫm trong bóng tối.

“Dạo này có cố vắt óc ra cũng không thể nhớ nổi mặt anh Châu.”

“Châu, là ai ấy nhỉ?”

“Chồng chị... chia tay ở Talen ấy.”

Tôi cũng nói với chị bằng giọng buồn ngủ.

“À, anh ấy đã không lên được tàu.”

Chúng tôi không thể trò chuyện nổi nữa. Tôi chìm sâu vào giấc ngủ.

Tôi nhìn thấy một bãi đất hoang vu không một bóng cây. Chỉ cần nhìn thôi cũng đã thấy ngạt thở, cổ khô cháy vì ánh mặt trời chói chang đổ nắng xuống bãi. Có ai đó ngồi bó gối trong một cái chuồng giống như chuồng gà được rào thép gai lờm chờm. Hai tay bị trói ra đằng sau. Không nhìn thấy mặt vì người ấy cúi gằm chỉ giơ lưng và hai đầu gối ra. Nhưng tôi nhận ra đôi vai quen thuộc. Chắc chắn đó là Ali. Tôi và hét lên.

“Ali, anh làm sao thế?”

Tiếng tôi không thể phát ra, tôi cũng không thể tiến tới chỗ anh được. Anh có vẻ không được ổn nên thân hình thỉnh thoảng nghiêng sang hai bên rồi lại ngồi ngay lại. Tôi liên tục gọi tên anh.

Tôi đứng trong một hành lang tối. Dọc hai bên là những vách ngăn có khoét những lỗ nhỏ. Mỗi ngăn một người đàn ông, họ trần truồng ngồi quỳ gối trong đó. Mỗi lần tôi gọi tên chồng mình thì họ lại ngoảnh mặt ra nhìn. Tuy nhiên tất cả đều không có mặt. Bóng đen đã che mất mặt họ. Đột nhiên tai tôi bắt đầu ghi nhận được âm thanh.

“Không được động đây, không được nói, không được đứng lên, nhìn cái gì thế? Quỳ xuống, đồ chó, thằng bẩn thỉu.”

Tôi nghe thấy tiếng rên rỉ và sự chống cự của nhiều người.

“Khát lắm, đau lắm, đói lắm, đừng đánh, đồ khốn nạn, mẹ ơi, em ơi, cứu tôi với.”

Tôi nhìn thấy Ali nằm co quắp dưới nền đất. Tôi lại hét lên.

“Mình ơi, em đây, Bari đây, anh dậy đi!”

Lúc này tôi biết rằng giọng nói của tôi văng vẳng bên tai anh. Ali cựa quậy rồi ngẩng đầu lên. Tôi lại gào lên thảm thiết.

“Đây, em đến đây rồi.”

Anh ngọ nguậy rồi đứng lên.

“Bari, Bari!”

Tôi nhìn rõ mặt Ali. Đầu anh bị cạo trọc, râu mọc rất dài nhưng cặp mắt to và vẻ nhút nhát vẫn còn đó. Nước mắt anh từ từ lăn xuống má. Cơ thể tôi như bị thổi bởi một luồng gió mạnh về phía bên kia hành lang tối, bóng tối nhanh chóng bao phủ.

“Ali...”

Tôi hét lên và ngồi bật dậy. Ngoài sân, mấy con chim câu hoang hót náo nùng. Tôi quay sang nhìn, thấy chị Syang nằm quay lưng lại và đang ngủ. Tôi đã nhìn rõ khuôn mặt của Ali và không sao ngủ lại được nữa, cứ thế nằm ngây ra.

Cho đến sáng tôi không thể làm được gì. Hollya Sul đã tỉnh dậy và bắt đầu ọ ẹ vì đói, tôi đành phải dậy pha sữa và chuẩn bị đồ ăn dặm cho con, không thể xóa nổi hình ảnh gương mặt Ali đột nhiên hiện ra sống động trong bóng tối. Tôi để cho con chơi một mình dưới sàn và chuẩn bị đồ ăn sáng.

“Chị cùng ăn sáng đi.”

Tôi đánh thức chị Syang dậy, chị nhú mắt và cố gắng lắm mới nâng nôi đầu.

“Chị thường không ăn sáng.”

Nói rồi chị lại nằm quay mặt sang phía khác. Tôi ăn cơm một mình rồi sang phòng chị Luna, nhờ chị chuyển lời với chú Thanh rằng hôm nay tôi không thể đi làm được, người tôi không được khỏe.

Mãi không thấy tôi lên nên ông Abdull bèn đi xuống. Tôi nói với ông:

“Hôm nay cháu không đi làm.”

Tôi định kể cho ông chuyện đã nhìn thấy Ali trong mơ nhưng kìm lại được.

“Ừ, có ai đến hỏi cháu?”

“Vâng, chị bạn cùng quê cháu tới chơi.”

“Ừ, vậy thì ông phải đi ra ngoài thôi, cũng lâu quá rồi.”

Chắc là ông sẽ đi nhà thờ hoặc ra công viên trò chuyện với bạn bè, cũng có khi đi gặp các cụ già sống gần đó. Tôi chơi với Hollya Sul và chuẩn bị đồ ăn cho chị Syang, mãi đến trưa chị mới dậy. Buổi chiều Ysya tới thấy tôi có ở nhà nên cô lại quay về. Ngày hôm đó tôi mới phát hiện ra chăn gối, thảm sàn bẩn đến mức nào vì đồ ăn uống của con rơi vãi. Tôi lột tấm trải giường,

vỏ chăn, thu dọn quần áo của tôi và con bé, cũng được một bao to như bao quà của ông già Noel. Tôi nhìn Hollya Sul đang chơi mê mải trên sàn, đuổi theo con thỏ vừa được bấm nút chạy, thỉnh thoảng lại hét lên, bò qua bò lại giữa đồng hồ chơi hay đồng búp bê.

“Chị, em qua tiệm giặt bên kia đường giặt đồ chút nhé?”

Chị Syang đang ngồi uống trà cười rất tươi.

“Ừ, đừng lo, em đi đi.”

“Con bé khóc thì chị sờ thử tã, nếu thấy ướt thì thay tã cho nó. Rồi chị ôm và nựng nó một lúc nó sẽ nín ngay.”

Chị Syang đập đập vào bao quần áo và nói.

“Nhìn mà xem, con bé sẽ chơi một mình cả ngày đấy.”

Buổi chiều ngày thường nên tiệm giặt không có người mấy. Chỉ có một bà già cũng đến giặt chăn gối, thậm chí tôi đang ngồi xõm trước máy giặt đang quay. Tôi cho đồ giặt vào máy, nhét tiền xu vào, bật nút xong thì đi ra ngoài đến cửa hàng Sailzburi cách đó mấy dãy nhà để mua đồ ăn. Mua đồ cho bữa tối xong về tới tiệm giặt thì cũng đã gần xong. Đợi khoảng một tiếng nữa cho đến khi máy sấy khô đồ tôi mới ra khỏi tiệm giặt. Khi vừa ngoặt vào ngõ hẻm trong khu không hiểu sao tim tôi thắt lại. Đường sá vắng vẻ và nhà hai bên đường trông như nhà hoang. Một tay vác đồ giặt, một tay xách túi đồ ăn tôi bước đi thật nhanh. Cho túi đồ giặt xuống, một tay rút chìa khóa định cắm vào ổ khóa không hiểu sao tay tôi run lên bần bật. Vừa mở cửa ra tôi hét lên a, a và bịt miệng lại. Hollya Sul nằm sõng sượt trước cầu thang như con búp bê bằng vải nhả nhúm. Tôi vội vàng ôm con lên.

“Sul à, Sul à!”

Đầu đứa trẻ ngật ra đằng sau. Tôi thét lên mấy tiếng nữa nhưng tòa nhà hình như không có người nên không ai ngó ra cả.

Đưa tới bệnh viện, người ta nói rằng con tôi đã chết, tôi bản thân không thể nào tin nổi. Ông Abdull tới trễ, cầm cánh tay tôi kéo đi nhưng tôi ngồi

im bất động không nhúc nhích, cũng không rên rĩ khóc lóc. Ông ôm vai tôi lắc và nói.

“Con à, con biết rõ mà, hồn của Hollya không ở đây. Nó đã về nhà và đang đợi chúng ta đấy.”

Lúc này tôi mới vùi mặt vào ngực ông và khóc.

Tôi về phòng và nhìn quanh, căn phòng đã bị lục tung. Chị Syang đã lục tung căn phòng khi tôi vừa đi khỏi. Nhìn thấy ngăn kéo tủ đựng quần áo bị trật ra ngoài, tôi hiểu chị đã phát hiện ra nơi cất tiền dự phòng của nhà tôi. Khi chị Syang vội vàng đi ra thì Sul cũng khóc, bò lên cầu thang tầng hai để lên nhà ông, nơi con bé vẫn thường lên đấy chơi.

Mới đầu tôi nghĩ cuối cùng mình cũng nhìn thấy khuôn mặt Ali trong mơ nhưng sau này tôi mới biết đó là điều ngược lại. Ali đã tìm đến để cảnh báo tôi bằng khuôn mặt đau khổ, hoảng hốt, nhăn nhó.

Chôn Hollya xong, suốt hai tuần tôi không bước chân ra khỏi cửa.

Mới đầu tôi định hỏa táng con nhưng ông Abdull e dè phản đối rằng do Hollya là con gái đạo Hồi nên không thể để mất hết cả thể xác được. Con bé được chôn trong khu mộ Hồi giáo do nhà thờ quản lí.

Tôi không đến chỗ làm mà chỉ ở trong phòng. Trên tủ quần áo và ngăn để đồ lặt vặt tôi nhìn thấy những bộ quần áo dễ thương của Sul. Tôi nhặt con búp bê bằng cao su và ấn vào bụng. Nó liên tục phát ra tiếng ‘I love you mummy, I love you mummy...’ Tôi ôm chặt con búp bê vào ngực, ngồi phịch xuống khóc, rồi gom hết quần áo lại đổ vào cái túi vải đựng đồ giặt. Tôi ra ngoài sân châm lửa vào tờ báo rồi đốt hết tất cả. Khi bén lửa thì quần áo biến màu và cháy thành tro, tôi lại khom người ngồi phịch xuống đất. Dù tôi đã bịt miệng lại nhưng âm thanh như rít lên trong lồng ngực tự động bật ra ngoài.

“Syang, tôi hận chị.”

Mãi sau này tôi nhận ra, Syang chỉ là người đã mở bung những thứ tôi đã cất giấu sâu trong ngực mình, đó là sự uất hận về tất cả mọi điều đã làm tôi đau khổ trong suốt quãng thời gian qua.

Mấy ngày đầu, chị Luna ghé vào và cố gắng giúp tôi khuây khỏa nhưng tôi không nói gì, chị cũng không đáp lại. Tôi chỉ uống nước, cả ngày nằm trên giường, có khi đặt ghế bên cửa sổ ngồi trầm ngâm. Ông Abdull thỉnh thoảng mang đồ ăn xuống cho tôi nhưng tôi không nhúc nhích, chỉ nằm quay mặt vào tường. Có lần không biết có phải ông bực bội hay không khi nhìn thấy đĩa thức ăn hôm trước ông mang xuống đã khô lại từ lúc nào. Ông nói:

“Con người ai rồi cũng phải chết. Bị tai nạn chết, ốm chết, hay tự tử chết, tất cả cũng đều là sự khởi đầu. Hollya sẽ bắt đầu lại. Cháu cũng phải đợi đến lúc đó thôi.”

Lần đầu tiên tôi mới mở miệng.

“Cháu chưa từng làm bất cứ điều ác nào, tại sao thần thánh lại luôn bắt cháu đau khổ? Cháu tin và dựa dẫm vào điều đó thì khác cái gì?”

“Thần thánh chỉ lặng lẽ quan sát chúng ta. Không có màu sắc, hình dạng, nụ cười, nước mắt, không ngủ, không lãng quên, không bắt đầu, không kết thúc nhưng lại có mặt ở bất cứ nơi đâu. Bất hạnh và khổ đau chính là những tội lỗi mà ta đã gây ra trước đó. Nó xuất hiện bằng sự thẳng thắn để dạy cho ta sống một cuộc đời tuyệt diệu. Cho nên ta phải thẳng, phải sống và hưởng thụ vẻ đẹp của cuộc đời. Đó chính là điều thần thánh mong ở chúng ta. Cháu hãy ăn uống và tìm lại sức sống đi.”

“Ông cứ để cháu một mình đi.”

Tôi hét lên và ông Abdull bèn mang đĩa đi ra cửa.

Trước khi đóng cửa ông còn nói:

“Khi vợ và hai con gái ta bị giết, vừa rời Jammu & Kashmir ta cũng oán thần thánh y như cháu bây giờ vậy. Tại sao thần thánh lại mang tới đau khổ cho người lương thiện. Con người tuy sống trên đời nhưng đã bước vào địa

ngục trần gian mất rồi. Sự căm ghét đó chính là địa ngục mà mình tự xây nên. Thần thánh im lặng đợi chúng ta giải quyết vấn đề của mình và bước đến gần Người hơn.”

Cửa phòng đóng lại, sau khi ông Abdull đi ra tôi nằm vật trên giường.



## 12.

Trần nhà mở ra và tôi lơ lửng trong không trung một cách nhẹ nhàng. Cũng như mọi lần, tôi lại nhìn thấy con đường trắng. Khi tôi đi như lướt trên đường thì con Chinsung lại vẩy đuôi và đứng chờ tôi. Tôi lao vào Chinsung định ôm lấy nó thì Chinsung khẽ khàng lùi lại.

“Tớ buồn quá, tớ không thể sống nổi. Hãy an ủi tớ đi.”

“Bari à, không sao đâu. Cậu sẽ vượt qua được hết.”

Con Chinsung truyền ý nghĩ cho tôi như vậy và chạy lên đằng trước. Tôi theo nó và lại như lướt đi trên con đường trắng. Chúng tôi tới một bờ biển phủ đầy cát trắng và thấp thoáng những tảng đá to. Bà mặc áo trắng đứng quay lưng về phía biển. Gió thổi tà áo bà bay phất phơ. Tôi chạy tới và đổ vào lòng bà, bà nhẹ nhàng ôm lấy tôi.

“Bà ơi, cháu mất cả gia đình, giờ lại mất cả chồng lẫn con nữa.”

Tôi òa lên khóc, bà vỗ vỗ lưng tôi.

“Cháu hãy nhìn thế giới kia. Những người đi qua đi lại trên đường, giây phút đó qua đi thì họ cũng chẳng còn ở đó nữa. Cháu hãy nghĩ tới những người gặp hôm qua, hoặc chỉ vừa lúc nãy thôi. Họ cũng không còn ở đó nữa. Không còn nghe thấy tiếng và nhìn thấy bóng dáng của họ. Sul con gái cháu giờ cũng đã đến đây rồi.”

Bà nói như vậy và xoay vai tôi lại. Sul đã đến đứng sau lưng tôi. Cũng như bà, Sul mặc áo Jogori<sup>[32]</sup> nhỏ như một con búp bê đang đứng bên cạnh con Chinsung. Tôi dang hai tay ra tiến tới định ôm lấy Sul nhưng con tôi cũng giống như Chinsung, lùi lại đằng sau. Tôi vội vàng tiến tới thì Sul cũng lùi lại bằng khoảng cách như vậy. Bà tôi nói.

“Cháu đừng cố làm gì. Thế xác mà cháu gìn giữ trên trần gian đó không phải là của cháu. Nó là nhà của linh hồn cháu. Khi rời bỏ thế xác mà đi thì cháu cũng giống như chúng ta thôi. Buồn vui hay đau khổ, tất cả đều thuộc về trần gian.”

“Nếu vậy thì cháu cũng muốn rời khỏi nơi đó.”

“Không được, cháu vẫn còn nhiều việc phải làm. Trên đường đi cháu sẽ gặp rất nhiều người và họ đặt ra những câu hỏi cho cháu.”

“À, ngày xưa công chúa Bari cũng nói rằng sẽ về thế giới bên kia tìm hiểu đúng không ạ?”

“Ừ, ừ đúng vậy. Và còn phải tìm nước trường sinh nữa.”

Bà nhìn ra biển và trên biển xuất hiện một chiếc thuyền Chosun làm bằng gỗ. Chiếc thuyền to gấp năm lần, mười lần tôi, cột thuyền gắn hai chiếc buồm và trên đó hạ xuống chiếc thang bằng mây để tôi có thể leo lên đó. Bà đẩy lưng tôi.

“Cháu lên đi.”

Con Chinsung nhảy lên thang trước. Tôi cũng theo sau nó. Khi tôi quay lại nhìn, bờ biển biến mất, chỉ còn con thuyền nổi lên trong bóng đêm. Con thuyền không trôi trên nước mà như bập bênh giữa khoảng không. Chúng tôi đứng trước mũi thuyền. Con Chinsung cho tôi biết:

“Đầu tiên là biển lửa, sau đó là biển máu, đi qua biển cát sẽ tới một thành lũy bằng thép.”

“Đó là đâu?”

“Cuối trời Tây.”

Khi đi qua bóng tối, là bắt đầu biển lửa với những lưỡi lửa cháy rừng rực. Lửa ở hai bên nơi con thuyền đi qua cháy rực lên, từng cuộn khói đen cay xè mắt bao vây hết trước sau. Trong biển lửa, tôi không nhìn thấy bóng dáng nào mà chỉ ghi nhận được những thang âm. Âm thanh âm âm của lựu đạn, tiếng súng liên thanh, tiếng máy bay, tiếng trực thăng, xe tăng, xe bọc thép

nghiến xuống đường ken két và súng nổ âm âm. Tiếng thét rú của phụ nữ và trẻ em. Những tiếng thét rời rạc.

“Tấn công phía trước!”

“Giơ tay lên không được động đậy.”

“Vì đức thánh thần vinh quang!”

“Bắn, giết, đập phá, tiêu diệt hết đi.”

“Chúng ta thắng rồi, vạn tuế, vạn tuế!”

Biển lửa và khói đen biển mất, thuyền lại đi trong bóng tối một lúc lâu. Tiếng ồn ào thưa dần.

Những âm thanh chói đến mức tôi bịt tai lại rồi vẫn còn cảm giác như tai muốn nổ tung.

“Ôi, kinh khủng quá.”

Con Chinsung truyền suy nghĩ sang tôi.

“Đó chính là địa ngục trần gian mà các cậu dựng lên đấy. Vì thế mà ở đây cũng giống y như vậy.”

Bầu trời dần dần rực lên ráng đỏ như sắp tối, bên dưới là những ngọn sóng máu đen đặc. Thuyền đang đi trên biển máu. Chúng tôi bắt đầu nhìn thấy những tòa nhà mờ tối như bầu trời đô thị phía đằng xa. Tôi hỏi con Chinsung.

“Kia là thành phố nào thế?”

“Đó là những con thuyền của cõi trên. Chúng đang đậu trên biển máu.”

Khi tới gần, trước mắt chúng tôi là những con thuyền màu xám với hình dạng khác nhau đang di chuyển qua lại. Qua ánh đèn mờ mờ thấp trên boong, tôi nhìn thấy những người đàn ông, đàn bà và những đứa trẻ trần truồng, cũng có người khoác những bộ quần áo rách bươm. Trong đó có những người chết đói mà tôi đã gặp trên đường và trong xóm núi giữa

Musan và Buryong; tôi nghĩ thế nào cũng sẽ nhìn thấy chị Hiền và những người khác trong gia đình nên cố gắng ngoái đầu nhìn cho thật kĩ.

Tôi thấy gia đình mình. Chị Trinh, chị Thục cùng mẹ bị đày lên Buryong cũng có ở đó, thêm cả chị Hiền bị chết công trên núi. Vậy là tất cả đều đã chết. Cũng giống như tôi vừa mơ vừa biết mình đang mơ, tôi ý thức được rằng nơi này chỉ là ảo ảnh của thế giới khác. Tôi cất giọng.

“Mẹ ơi, các chị ơi, Hiền ơi!”

Nhưng mọi người chỉ chú mục về phía trước, dường như không nhìn thấy tôi.

Các cảnh tượng liên tục thay đổi và mọi thứ trên những con thuyền ấy dần dần được phơi bày rất rõ. Người da trắng, da đen, da vàng, đủ loại màu da, nhân chủng đang ở trên thuyền. Con thuyền với tất cả các linh hồn trên đời này, người chết đói, chết bệnh, chết vì đau khổ, chết khi đang làm việc, chết vì bị đánh, chết nổ, chết cháy, chết đuối, chết vì mòn mỏi. Đằng trước thuyền có ai đó đang vươn người ra ngoài và hét lên.

“Hãy trả lời ngay đi, vì sao mà chúng tôi phải chịu đau khổ như vậy? Tại sao chúng tôi lại ở đây?”

Tôi nhận ra người vừa hét lên là bà Beki liền hỏi lại.

“Quang cảnh này là gì thế? Tại sao mọi người lại ở cùng một chỗ vậy?”

“Đây là cảnh tượng trong đầu cháu đấy. Đừng quên câu hỏi của ta.”

Tôi hướng về phía con thuyền đang xa dần về hướng ngược lại, hét lên.

“Khi quay trở về tôi sẽ cho biết.”

Lại một con thuyền khác trôi qua. Con thuyền đỏ thẫm đang từ từ trôi tới, trên boong, đuôi thuyền và mũi thuyền thấp đuốc lập lòe.

Trong thuyền là những người vắc thương, vắc cung tên, cầm dao, cầm súng, đang đứng xếp thành hàng. Những con người ngoi ngóp thở, tóc tai rũ

rượu, cánh tay, chân bị cắt rời, cổ cũng lìa ra, mặc quân phục nhuộm máu, đeo băng, chống nạng, bịt mắt.

Trong thuyền, tôi nhìn thấy cả ông nội và bố của phu nhân Emille, thấy quân Mỹ và cả quân Anh, gặp lại cả Usman em chồng tôi. Usman râu dài đội mũ tròn màu trắng, cất cao giọng hỏi tôi.

“Bari, hãy cho tôi biết tại sao kẻ ác trên đời này lại thắng? Tại sao chúng tôi lại ở chung với kẻ thù tại đây?”

Tôi hét lên trả lời với Usman.

“Khi nào quay trở về tôi sẽ cho biết.”

Con thuyền của tôi đang lướt chậm chậm qua biển máu. Một con thuyền khác phía đằng xa từ từ tiến lại. Con thuyền đen kịt từ buồm cho tới hai mạn thuyền.

Đứng trong thuyền là đôi nam nữ đeo thuốc nổ lưng lảng phía trước, miệng mím chặt. Người đàn ông toàn thân trần truồng vì bị cháy, cái cơ thể ấy không còn được nguyên vẹn mà trông như đàn ruồi nhặng bay trên không trung chấp lại thành hình người.

Những người đàn ông già, trẻ để râu dài với vẻ mặt ngoan cường, những người phụ nữ với gương mặt đầy lo toan đang đội khăn Hijab, những người phụ nữ có khuôn mặt rúm ró như thể bị cháy, toàn thân bị đốt đầy vết thương đỏ và sưng phù. Những người phụ nữ quần áo lưng bùng quanh người, khăn Burka<sup>[33]</sup> che mặt. Người đàn ông lạ mặt đeo thuốc nổ trước ngực huơ huơ nắm đấm, hỏi.

“Hãy nói về ý nghĩa cái chết của chúng tôi!”

Người phụ nữ trùm khăn Burka đứng bên cạnh thì thầm.

“Hãy cho tôi biết ý nghĩa cái chết của tôi.”

Tôi không thể hiểu ý nghĩa của câu hỏi đó nhưng vẫn trả lời

“Khi quay trở về tôi sẽ nói cho.”

Lại một chiếc thuyền khác trôi đến. Trên thuyền đó không có ánh lửa, không có ánh sáng, chỉ lặng phắc như không hề có người. Trong bóng tối tôi ghi nhận lờ mờ một hình thể.

Rồi tôi nghe thấy tiếng cười lạnh lẽo trong sự im lặng đó. Hiiii, hô hô hô. Những người quản lí đã đưa bố tôi đi, những người đàn ông đuổi chúng tôi ra khỏi nhà, có cả những người đàn ông đã hành hạ và mang bán chị Mĩ đi khi chị một mình vượt sông Duman. Những người đàn ông mà tôi nhìn thấy trên tàu vượt biên cũng đang ở trên con thuyền này. Bọn đàn ông Bemdan, những kẻ đã nhét chúng tôi vào *container*, những kẻ cưỡng hiếp phụ nữ trên con tàu trong bóng tối, cả bà béo đã khinh khích cười khi nhìn thấy bộ ngực phẳng lì của tôi.

À, à, đáng sợ và đáng căm ghét hơn ai hết là khuôn mặt của Syang, méo mó, đang trừng mắt nhìn tôi. Chị ta hướng về phía tôi trên con thuyền đang lướt qua và hét lên.

“Đây là con thuyền chứa toàn những kẻ mà em khinh ghét. Khi nào thì bọn tôi được giải thoát?”

Tôi như đang bóp chặt lồng ngực mình rồi hét lên.

“Sẽ không bao giờ có chuyện tôi giải thoát cho các người đâu.”

“Khi nào thì bọn tôi được giải thoát khỏi em?” Tôi giật run mình và đáp không suy nghĩ.

“Khi nào quay trở lại tôi sẽ cho biết.”

Thuyền trôi qua khỏi biển máu và lại bị bao bọc bởi bóng tối. Trời sáng dần, bụi cát mù mịt trên không trung như sương giăng. Nhìn xuống dưới thuyền, chỉ toàn cát là cát. Cát trải dài cho đến tận đường chân trời. Chinsung nói với tôi.

“Bây giờ là biển cát chìm lông ngỗng trời.”

“Đây là đâu thế?”

“Có là gì thì ta cũng phải đi qua.”

Tôi quan sát bãi cát có vẻ sạch sẽ như được gột rửa một cách thanh bình. Chợt phía bên kia có gì đó đang chuyển động. Một đám người với những trang phục khác nhau đang giơ cuốn kinh lên. Mục sư đạo Tin lành thắt cà vạt trên bộ Âu phục đen, linh mục Công giáo trùm chiếc áo khoác đen dài, tăng lữ Bà la môn quấn tấm vải trắng để vai trần, Imam của đạo Hồi mặc áo thụng dài và đầu đội khăn trắng, một nhà sư cạo trọc đầu mặc áo cà sa, Rabi đạo Do thái đội mũ Capi tròn đen với bộ râu dài. Họ đứng cạnh nhau trên bãi cát và lẩm nhẩm những tiếng gì đó khó hiểu. Không chỉ có vậy, dường như tất cả các vị quan tòa trên đời này, những người đại diện của pháp luật đều tập hợp ở đây với tóc giả, mũ, áo đồng phục đen đen trắng trắng và hình thức giống hệt nhau. Tất cả đều đang nói thứ ngôn ngữ của riêng mình nên tôi có cảm giác như mình đang nghe mấy câu thần chú kì quặc.

Mọi người đều lớn tiếng, tranh nhau nói, không ai nhường ai, nên rất cuộc, những thứ họ muốn truyền đạt chẳng đâu vào đâu. Khuôn mặt họ đỏ gay như bốc hỏa, mắt trợn ngược, một tay nâng cuốn kinh, tay kia chỉ loạn xạ. Đột nhiên, bãi cát bắt đầu chuyển dịch. Họ hỗn hển thở và chân bắt đầu lún xuống. Đến thắt lưng, ngực, cổ và cuối cùng là đầu, tất cả dần dần biến mất, chỉ còn nhìn thấy hai cánh tay chới với rồi thì chẳng còn dấu vết gì nữa.

Một lúc sau, những cơ thể ấy trôi lên và lại cãi cọ ồn ào không dứt. Sau đó họ lại tiếp tục bị kéo tụt xuống dưới. Thuyền lại lặng lẽ trôi trên biển cát đơn điệu, ồn ã, kì quặc.

Chúng tôi cập đất liền trông giống với nơi đã xuất phát. Những tảng đá chìa thẳng lên trời và phía bên kia là những ngọn núi đen cao sừng sững. Trên đỉnh núi là một tòa thành bằng sắt, kiên cố có màu đen đỏ. Mỗi vuông cửa sổ trên tòa thành phát ra thứ ánh sáng chói lóa.

“Cậu phải vào trong kia lấy hoa linh hồn và nước trường sinh.”

Con Chinsung nói cho tôi biết nhưng tôi lưỡng lự không xuống thuyền.

“Sợ lắm, tớ không đi một mình được.”

“Chuyện ngày xưa cũng nói rằng chỉ có Bari mới lấy được thôi.”

Tôi không biết đã đặt chân trên lên chiếc cầu mây hay chưa mà đã thoáng thấy mình đang đứng trên mặt đất. Con Chinsung đứng trên thuyền ném cho tôi cái tay nải mà này giờ nó ngậm trên miệng.

Tôi đón lấy, mở ra thì thấy trong đó là chuông đồng, gương đồng và *susu gopchangtok*<sup>[34]</sup>.

“Bà gửi cho cậu đấy. Cậu mang đi sẽ có lúc cần đến. Sau đó cậu ra đây gọi tớ thì thuyền sẽ tới ngay.”

Tôi đeo tay nải lên vai và leo lên núi. Xung quanh tôi, đá ào ào lăn xuống, mỗi lần tôi bám được vào mỏm đá, đá lại nứt vỡ. Cứ thế tôi lóp ngóp trong thung lũng rồi lại tìm cách leo lên. Bàn tay, cổ tay, đầu gối xây sát và rướm máu. Vất vả mãi mới leo lên tới chỗ nhìn thấy được cổng thành thì con đường vụt biến mất, ở bên dưới là một màu thăm thẳm, tối tăm. Chợt tôi nghe thấy tiếng ai đó cười trên đỉnh núi bên cạnh.

“Ha, ha, ha, định đi đâu hả đồ điên kia. Kẹc kẹc kẹc.”

Thì ra là một con ác là. Tôi không giận mà vui mừng nói với nó.

“Ta phải vào trong kia lấy hoa linh hồn và nước trường sinh. Hãy giúp ta.”

Con ác là đập cánh mấy lần rồi bay đến đậu lên vai tôi.

“Chuông để dùng vào việc gì, để dùng vào việc gì?”

Tôi bỏ tay nải đang đeo trên vai xuống, lấy chuông ra. Sau đó giơ lên lắc lắc, chuông kêu leng keng. Chiếc cầu đá xuất hiện trong bóng tối. Tôi cùng con ác là bước qua cầu đá. Khi tôi vừa bước qua thì chiếc cầu đổ sập xuống ào ào, biến mất.

Cửa thành đóng im ỉm, chỉ có hai con quỷ một sừng mình đầy lông lá, mặc áo giáp hình rồng, cầm chày lửa đứng gác hai bên. Con ác là léo nhéo trên vai tôi.



“Ôi, sợ lắm. Ném cho mỗi đứa một miếng bánh *tok* đi, ném đi.”

Hai con quỳ trợn mắt đỏ lòm, hét lên.

“Đến đây làm gì?”

Chúng há miệng ra định cắn, tôi bèn nhét vào miệng mỗi con một miếng *tok*. Chúng nuốt xong, tự nhiên vái tôi rồi mở cửa thành. Tôi vội vã bước vào trong.

Đi qua con đường đá dài thì gặp một cánh cửa nhỏ. Hai bên cánh cửa có hai con chó ngậm lửa đứng gác trên hai phiến đá, chúng gầm gừ và nhe răng ra.

“Mỗi đứa một miếng *tok*, mỗi đứa một miếng *tok*.”

Trước khi con ác là réo lên thì tôi đã kịp ném *tok* cho chúng. Hai con chó ăn *tok* xong liền ngoan ngoãn leo lên phiến đá.

Bên trong là một quảng trường rộng và hàng ngàn chiến binh quý đang diễu hành. Phía đối diện quảng trường, tôi nhìn thấy một con đường có nhiều nhánh. Con ác là lắc nhai:

“Đi theo đường trắng, đường trắng.”

Tôi thủ sẵn trong tay một nắm *tok* để nếu có chuyện gì sẽ ném ra rồi bắt đầu chạy. Đoàn quân quý bắt đầu tản ra và bọn quý liền xông tới. Tôi vừa chạy vừa ném *tok*. Bọn quý náo loạn, ngã dúi dụi đè lên nhau, tranh nhau ăn *tok*.

Ra khỏi quảng trường, tôi tiến tới một khu vườn rộng. Hai bên đường là hàng cây, ở giữa là hoa nở rộ rực rỡ với các sắc đỏ, xanh, vàng, trắng. Con ác là lại lắc nhai:

“Hoa linh hồn, hoa linh hồn.”

Trong hàng trăm bông hoa ấy tôi không biết phải hái hoa nào, cứ đứng bối rối giữa vườn hoa.

“Đồ ngốc, chỉ hái hoa linh hồn, chỉ hái hoa linh hồn thôi.”

Con ác là chỉ mách cho tôi như thế. Tôi nghĩ đây là con đường trắng bèn hái hoa trắng, không hái nhiều mà chỉ hái đúng ba bông.

“Ha, ha, ha, đúng rồi. Kẹc, kẹc, kẹc.”

Tôi giữ chặt lấy ba bông hoa trắng. Con ác là reo lên khen ngợi khiến tôi cũng hứng khởi nhảy cẫng lên và chỉ một bước đã tới cuối vườn.

Ở tường thành thứ hai có một cái ao lửa chặn đường. Lần này tôi không hỏi con ác là mà lấy chuông rung lên leng keng. Trên ao lại xuất hiện chiếc cầu đá. Tôi đi qua cầu đá và cứ sau mỗi bước tiến của tôi, chiếc cầu lại âm ỉ sụp xuống từng phần. Ở bên trong, giữa bốn bề tối đen như mực, một thứ âm thanh rùng rợn chọt vang lên. Con ác là có vẻ sợ hãi, hét toáng.

“Đây là cuối trời Tây. Tám mươi tư ngàn địa ngục, tám mươi tư ngàn địa ngục đấy.”

Trên trần có gì đó tụ lại như sương giăng. Tôi nhìn kỹ lại thì thấy từ dưới đất lên đến trên nóc cao chót vót là những ngăn phòng được thiết kế như tổ ong. Âm thanh giáo huấn, quát tháo, tiếng trả lời, tiếng đánh đập, tiếng la hét, tiếng nước nở vang lên hết như bước chân vào rừng sâu nghe tiếng dã thú gầm rú. Trống ngực tôi nện thình thịch, mặt mày xây xẩm chực ngã. Lần này không cần con ác là nói giúp, tôi lấy hoa linh hồn ra, hướng lên không trung và ném thật mạnh. Bông hoa bay lên, theo luồng gió quay vòng vòng và nở tung, hàng vạn cánh hoa bung ra, bay như hoa tuyết và biến thành ánh sáng trắng. Tôi buột miệng hát.

*Hồn hời, hồn ơi, hời những linh hồn,*

*Cuối đất, cuối trời Tây.*

*Địa ngục vô gian tám mươi tư ngàn.*

*Những linh hồn bị đày ải, bị đày ải,*

*Trói buộc vào nhau*

*Một linh hồn, hai linh hồn, ba linh hồn,*

*Sống lại đi, sống lại đi.*

*Bay lên như chim trắng,*

*Lên chín tầng trời.*

*Thả ra, thả ra.*

*Bay lên phấp phới.*

*Bay lên phấp phới.*

Ánh sáng tỏa ra tứ phương và bức tường thành bắt đầu đổ xuống. Sắt, đá mỗi khi có ánh sáng lướt qua thì tan ra như băng chảy dưới ánh mặt trời và biến thành một vùng đồng bằng trống trải. Kẻ tội đồ mất mắt, kẻ tội đồ không tay, kẻ tội đồ không chân, kẻ tội đồ không đầu, kẻ đội đồ không phần thân dưới, tất cả dồn lại, bọn quý dữ cũng buông bỏ vũ khí, hoa chân múa tay. Trên cánh đồng đầy ắp những linh hồn đang nhảy nhót.

Khi quay lại tôi nhìn thấy bức tường thành thứ ba, là bức tường thành cuối cùng. Tối om. Cánh cửa cốt kết từ từ tự mở ra. Một luồng gió lạnh ùa vào. Con ác là đậu trên vai tôi vỗ cánh bay lên.

“Ôi, sợ quá. Ta không đi được đâu, người tự đi đi.”

Tôi bước vào trong thì lại thấy một quảng trường rộng. Giữa quảng trường là một cái ao đen to bốc mùi hôi thối. Giữa ao bắc một chiếc cầu hình bán nguyệt. Tôi bắt đầu bước qua cầu. Đột nhiên ở phía đối diện xuất hiện một con rồng sắt khổng lồ. Tiếng sắt khua lên lèng xèng, con rồng sà đến, há họng phóng ra những chùm lửa. Lửa vừa chạm vào mặt ao, ao phùng cháy. Tứ bề chìm trong biển lửa ngùn ngụt.

Tôi lấy chiếc gương đồng cuối cùng trong tay nài ra, khi đưa gương ra phía trước, ngọn lửa đóng băng ngay lập tức. Sương phủ ra trên mặt gương, đọng lại như hoa tuyết bám trên cành cây. Con rồng sắt bắt đầu nứt ra và vỡ toang từng mảnh, rơi xuống đất, tan thành bột và bị gió cuốn bay. Tôi băng qua quảng trường, leo lên cầu thang, tiến vào căn phòng ở tít trên cao. Tên

ma vương mặc áo giáp vàng sáng lóa, đội mũ sắt và đeo mặt nạ. Hắn vung gươm lửa lên, chờ đợi.

“Vốn lẽ ta không có hình dạng nhưng vì người mà ta đã tạo nên thế này!”

“Đừng cố chấp nữa. Tôi sẽ giải thoát cho ông.”

Ma vương lia lưỡi gươm, ánh lửa bùng lên phừng phực vây lấy tôi như một cú quất rất mạnh của một cái roi da. Tôi bị hất vào tường, ngã dúi, cố gắng mãi mới đứng được dậy. Hắn tiến lên một bước rồi lại tung lửa vây lấy tôi. Tôi vừa đứng lên vừa giơ gương đồng ra, hướng về phía hắn. Ánh sáng nhấp nháy, chiếc áo giáp vàng bắt đầu chảy ra, quần áo ma vương rách bươm và xuất hiện một thân thể già nua lưng còng nhỏ bé. Ông ta thần người ngồi phịch xuống sàn.

“Ôi, mệt quá!”

Ông già lẩm bẩm bằng giọng nhỏ như tiếng muỗi vo ve. Tôi vặn hỏi ông ta.

“Câu trả lời mà tôi cần phải mang về đang nằm ở đâu?”

“Giờ thì mọi câu đố sẽ được giải đáp.”

“Nước trường sinh ở đâu?”

Ông già hơi ngoảnh người ra sau dường như không còn đủ sức để nâng tay lên, đáp.

“Làm gì có cái đó. Bên kia có một dòng suối nhưng đó cũng chỉ là nước bình thường dùng để nấu nướng thôi.”

Tôi quay lại, ra lối cửa sau căn phòng. Bên dưới có vẻ như là một khoảnh vườn, có một cái giếng nhỏ. Tôi chạy tới, lấy hai tay vốc nước uống thử tới hai lần. Nước ngọt và mát hết như nước suối quê tôi. Và cũng chỉ có vậy. Một cách thất vọng, tôi đứng dậy, chợt nhớ ra, tôi cho tay vào trong ngực áo, lấy ra một bông hoa và ném lên không trung. Hoa vỡ tung, cánh hoa tan ra và phát ra ánh sáng. Bức tường thành bị bụi mù bao phủ, bắt đầu đổ sụp.

Mọi thứ xung quanh tôi biến mất chỉ còn lại cánh đồng bình yên, bầu không khí lạnh phắc và mấy ngọn núi lúc ban đầu. Con ác là bỗng bay tới, đậu lên một tảng đá, cong đuôi và rìa cánh. Tôi buồn bã nói:

“Chẳng có cái gọi là nước trường sinh.”

Con ác là cười ngặt nghẽo.

“Ha, ha, ha, đồ ngu ngốc, cái mày uống đấy, cái đấy đấy.”

Tôi vội quay lại nhìn cánh đồng trống. Con ác là lại léo nhéo.

“Nước trường sinh, không ai có thể lấy được đâu.”

Nó cười như nắc nẻ và bay đi mất. Tôi hướng ra bờ biển, thất thế bước đi. Khi tới mép sóng vỗ, tôi gọi thầm trong lòng.

“Chinsung ơi, Chinsung.”

Con thuyền xuất hiện và cầu mây hạ xuống. Tôi đặt chân lên thang, con Chinsung chạy lên mũi thuyền vẫy đuôi đón tôi.

Chúng tôi leo lên phía trước mũi thuyền, thuyền bắt đầu rời bến. Tôi mệt mỏi nói:

“Tớ không mang được nước trường sinh về.”

Chinsung lúc này không nói gì, chỉ vẫy vẫy đuôi. Con thuyền như trôi đi trên biển cát. Vẫn còn đó những người đàn ông với đủ loại trang phục, khua khoảng tay, miệng lầm rầm, biến mất rồi xuất hiện trong cát. Tôi nhìn xuống dưới lấm bẫm.

“Cùng nhường nhịn nhau, lần lượt nói hoặc cùng đồng thanh, còn không thì thà cứ im lặng có phải tốt hơn không.”

Đột nhiên biển cát biến mất. Bầu trời trở nên trong xanh như lẽ hiển nhiên, biển cũng xanh, những đám mây no tròn, bông bành trôi cũng màu xanh.

Chúng tôi lại đi qua biển máu. Tôi nhìn thấy mấy chiếc thuyền trôi bập bênh dưới nền trời màu đỏ thẫm.

Con thuyền màu xám tiến lại gần. Trên đó là những người với đủ loại màu da, những người tản cư quần áo rách bươm, có mẹ và các chị tôi. Những người chết đói, chết vì bệnh, chết vì đau khổ, chết khi đang làm việc, chết vì bị đánh, chết nổ, chết cháy, chết đuối, chết vì mòn mỏi, tất cả những linh hồn trên đời này đều tập hợp trên đó. Ở đằng trước mũi thuyền, vẫn là bà Beki cất tiếng hỏi tôi.

“Nói đi, nguyên nhân của nỗi đau khổ mà chúng ta đang phải chịu đựng là gì? Tại sao chúng ta lại ở đây?”

Không biết là mượn lời của ai mà giọng của tôi bỗng biến thành giọng của một đứa trẻ con và tôi nói như một phản ứng tự nhiên.

“Vì lòng tham của con người. Chúng ta đau khổ bởi vì mong muốn được ăn ngon, mặc đẹp, sử dụng đồ dùng tốt hơn người khác. Ai ở trên con thuyền cũng rất khổ đau. Giờ đây hãy tha thứ cho họ đó là giúp họ đấy.”

Vừa dứt lời, con thuyền màu xám biến mất không còn để lại bất kì một dấu vết nào.

Con thuyền đỏ thắp đuốc tiến lại. Trên đó là những con người đang thoi thóp thở, với vũ khí trên tay, tóc tai rũ rượi, người không tay, người không chân, người không đầu trong những bộ quân phục nhuốm máu, người băng tay, người chống nạng, người chột mắt. Ông nội và bố của phu nhân Emille, cả Usman - em chồng tôi cũng ở trên đó. Con thuyền tiến lại và Usman hét lên.

“Chị đã tìm hiểu tại sao trên đời này kẻ ác lại thắng, tại sao chúng tôi cùng với kẻ thù lại ở đây chưa?”

Tôi lẩm nhẩm giọng của một đứa con gái nhỏ.

“Trong chiến tranh không có ai thắng cả. Chân lí của cuộc đời này lúc nào cũng chỉ đúng được một nửa thôi.”

Lại một con thuyền nữa biến mất. Mọi hình ảnh liên quan đến nó đều không còn một chút dấu vết.

Phía trước chúng tôi, một con thuyền khác dần dần tiến lại. Cả con thuyền từ buồm tới thân đều mang một màu đen u ám. Có những người đàn ông toàn thân đeo thuốc nổ, cơ thể đã bị nổ tan, chỉ còn lại những mảnh thịt, mảnh xương dính lại. Những người bố, người anh trai, người chồng, gia đình với những hình phạt dã man dành cho con gái, em gái, con dâu cũng đang đi trên con thuyền đó. Một người đàn ông đeo lưng lủng lẳng gói thuốc nổ trước ngực vung nắm đấm và hỏi.

“Hãy nói cho chúng tôi biết ý nghĩa về cái chết của chúng tôi đi!”

Từ tôi lại phát ra giọng nói của một đứa con gái nhỏ.

“Đó là nỗi buồn của thần thánh, là sự tuyệt vọng của các người. Thần thánh không thể cùng tuyệt vọng với các người được.”

Người phụ nữ đeo mạng che mặt đáp lại bằng một giọng nói xa xăm sau tấm vải.

“Hãy nói cho tôi biết ý nghĩa về cái chết của tôi.”

Tôi nhìn những linh hồn này và lần đầu tiên bật khóc với con tim đau nhói.

“Chính đàn ông phương Tây, đàn ông của các người đã cùng trùm tấm vải ấy lên. Chồng của các người phải bỏ tấm vải ấy ra mới thay đổi được suy nghĩ. Khuôn mặt khiến thần thánh đau khổ chính là khuôn mặt của các người đó.”

Bất chợt chuỗi hình ảnh từng hiện lên trong đầu tôi trong phút chốc bị xóa sạch. Con thuyền màu đen ấy tan biến như bọt xà phòng.

Lần này là con thuyền không ánh lửa, không ánh sáng, không bóng người, lặng lẽ tiến tới. Giữa bốn bề im ắng chợt vang lên tiếng cười rùng rợn. Trên đó là những người quản lý đã làm gia đình tôi tan đàn xẻ nghé, những kẻ đã mang bán chị Mỹ, những kẻ cho vay nặng lãi ở Talen, những tên đàn ông Bemdan trên tàu vượt biên, người đàn bà béo tròn. Syang gầy đét, giơ xương cũng đang ở trên thuyền, chị ta nhòai người ra, hét lên.

“Những con người mà em căm ghét nhất trên đời đang ở trên con thuyền này. Khi nào em mới giải thoát cho chúng tôi?”

Lúc này giọng nói của đứa con gái nhỏ trong tôi lại tự động phát ra.

“Mẹ tôi đang trói các người. Nếu mẹ tôi thoát khỏi sự căm ghét thì các người cũng được giải thoát.”

Con thuyền đi ngược lại và xa dần. Tôi chợt biến thành một đứa bé gái nhỏ và nức nở.

“Mẹ tội nghiệp của con, mẹ tội nghiệp của con...”

Chỉ đến khi đó tôi mới nhận ra rằng Hollya Sul bé nhỏ của tôi đã nhập vào người tôi và đi cùng tôi. Con thuyền không hình dạng vất vưởng trong lòng tôi, trở nên mờ ảo và biến mất trong đêm tối.

Con thuyền buồm vàng mà tôi đang đi trôi qua biển máu. Tôi lấy hoa linh hồn cuối cùng trong ngực áo ra, uất ức, đau đớn và ném nó vào không trung. Có tiếng lách tách như tiếng ngòi pháo bén lửa, rồi một tiếng nổ vang lên, những cánh hoa tỏa ra thứ ánh sáng trắng, chói lóa cả biển trời. Vô vàn linh hồn đã biến thành ánh sáng, từ biển hướng lên trời và tập hợp lại. Biển máu trở nên trong xanh, biển lửa trải dài phía trước cũng biến thành màu xanh trong chớp mắt.

Trong khoảng thời gian mười lăm ngày tôi nằm bẹp trong nhà, thời gian như ngừng lại. Tôi mơ một giấc mơ dài liên tục, rồi lại mơ những giấc mơ bị đứt quãng. Kí ức trong tôi đã được sắp xếp lại. Tôi có thể kể không sót một chi tiết nào những gì mình đã nhìn thấy.

Những thứ mà tôi hấp thu vào người chỉ là nước và súp mà chị Luna nấu cho, chúng còn chay tịnh hơn cả những món tôi đã đưa vào cơ thể trong kì lễ Ramadan. Ngay cả ông Abdull, sau mấy lần xuất hiện để kiểm tra tình hình của tôi cũng nghĩ rằng, tôi cần có thêm thời gian để cân bằng và vì vậy ông cũng hạn chế xuống phòng tôi. Thỉnh thoảng, tôi nghe thấy tiếng bước chân của ông ở cầu thang, im lặng trước cửa phòng của tôi rồi lặng lẽ xa dần.



Vào một ngày, sau khi tôi ngâm mình trong nước nóng và chuẩn bị bữa sáng xong, tôi lên tầng hai nói với ông rằng tôi muốn cùng ông ăn sáng. Vừa ăn ông vừa mỉm cười nhìn tôi, quan sát các cử động của tôi và mãi đến lúc uống trà ông mới cất lời:

“Tuy đã mất một thời gian khá dài nhưng thật may là rốt cuộc cháu đã gửi Hollya tới Thánh Allah. Cảm ơn cháu đã vượt qua được điều này.”

“Con bé vẫn còn ở với cháu đấy ông.”

Nghe tôi nói vậy ông im lặng một lúc rồi gật gật đầu.

“Ừ, vậy cũng được. Nhưng một lúc nào đó cháu cũng phải để nó đi thôi. Tất cả mọi linh hồn khi chết đi đều sẽ tái sinh.”

Tôi buột miệng hỏi ông:

“Ông ơi, nếu có nước trường sinh cứu được thế giới này thì tốt biết bao nhiêu, phải không ông? Nếu có thể lấy được nó...”

Ông nắm lấy tay tôi vỗ về rồi nói:

“Sống không có hy vọng chẳng khác nào là chết. Ông không biết nước trường sinh mà cháu mong muốn là thứ gì. Nhưng con người ta, để tự cứu rỗi bản thân mình, để tồn tại thì sẽ phải khóc. Cho dù có gặp phải bất cứ sự nghiệt ngã nào, tuyệt đối không được mất đi hy vọng vào người khác và vào cuộc đời này.”

Tôi trở lại làm ở Tonkin, tất cả mọi người đều vui vẻ đón chào tôi. Vào thời điểm đó chú Rhu điện thoại tới. Chú nói rằng chú thật đau lòng khi phải chuyển tin này tới tôi.

“Con Syang không biết có phải chích thuốc hay không mà đã nhảy từ cửa sổ xuống đường.”

Tôi nghe điện thoại của chú Rhu xong thì vào trong phòng nghỉ, ngồi một mình ở đó rất lâu. Hình ảnh mờ ảo nào đó còn sót lại trong giấc mơ của tôi chợt trở dậy. Tôi nghĩ tới hình ảnh Syang hét lên hỏi tôi rằng khi nào sẽ được giải thoát rồi rút nước mắt lúc nào không hay. Chắc chắn phản ứng đó

không phải do nỗi buồn mà là sự xấu hổ. Tôi cảm nhận được sự hối hận, bất lực dấy lên trong tim mình. Vì mưu sinh tôi đã không một lần tìm đến Syang, không một lần nghĩ cách giúp chị ấy. Và vì cái chết của Sul tôi đã căm ghét chị tới mức nào.

Một mùa xuân mới lại đến, chiến tranh lại nổ ra tại Iraq, tin tức ngày nào cũng dự đoán rằng chiến tranh Triều Tiên rồi sẽ xảy ra. Tôi còn nhìn thấy cả cảnh quay người Bắc Hàn bị nạn đói từ trước đó. Cảnh chiến tranh, những thảm cảnh được phát lên nhưng không ai nói một lời gì về vô số những linh hồn bất hạnh mà tôi đã gặp. Người ta xem cảnh chiến sự như xem bắn pháo hoa. Rồi ăn uống và ôn ã.

Một khoảng thời gian dài tôi không tới chỗ phu nhân Emille, bà cũng không yêu cầu tôi mát-xa, và điều khiến tôi tìm tới gặp bà chính là tin tức đến từ Leeds. Ông Abdull đã nhận được điện thoại từ bố Ali. Người quản lí của chính phủ đã tới điều tra về hai người con trai của ông là Ali và Usman về việc hai anh em họ đi du lịch Pakistan từ khi nào và mục đích của chuyến đi là gì. Tiếp theo là gia đình có nhận được liên lạc từ Usman không, và có phải thật là Ali đã đi tìm em mình hay không? Trước khi rời khỏi, người quản lí đã nói rất rõ với bố của Ali rằng Ali vẫn còn sống nhưng không được trả tự do. Tôi hét lên với ông Abdull.

“Cháu biết. Cháu biết là Ali còn sống mà!”

Lần đầu tiên tôi cảm nhận rất rõ ràng rằng anh đang sống ở đâu đó và quặn lòng với nỗi đau.

Phu nhân Emille đang sống một cuộc đời hoàn toàn khác với trước đó. Không khí trong nhà cũng đã thay đổi. Tất cả các rèm cửa sổ đều được kéo lên, các chậu hoa nở rực rỡ. Ngay cả cầu thang tối tăm trước đây cũng đã sáng rõ hơn nhờ ánh sáng rọi xuống từ cửa sổ. Tiếng đứa trẻ nhõng nhẽo, chạy qua chạy lại. Bà Emille mặc váy màu sáng, khuôn mặt được trang điểm sang trọng.

“Bari, cháu khỏe chứ? Suýt chút nữa thì ta không gặp được cháu đấy. Ta đang chuẩn bị chuyển về sống ở quê. Nhà này sẽ để trống một thời gian.”

Phu nhân Emille luôn miệt mài kể tất cả những chuyện đã xảy ra trong thời gian qua.

“Ta đã tới thăm mẹ của Toni và còn giới thiệu cả luật sư cho cô ta nữa.”

Tôi cũng kể cho bà nghe những chuyện đã làm biến đổi cuộc đời tôi. Mắt của phu nhân Emille trở nên đỏ hoe, bà nắm lấy tay tôi, thì thầm “tội nghiệp cháu quá” và vỗ về tôi. Tôi cũng nói cả tin đã nghe được gần đây về Ali và phu nhân nói ngay trước khi ý định nhờ vả của tôi được chuyển thành lời.

“Ta có thể tìm hiểu xem chồng cháu đang ở đâu.”

Tôi đứng dậy, cúi mình xuống cảm ơn bà và nói.

“Chính vì điều này mà cháu tới đây. Cháu rất muốn biết anh ấy đang ở đâu.”

Sau một khoảng thời gian không có tin tức gì, cô Sara bất chợt xuất hiện ở Tonkin và gọi tôi ra gặp ở quán trà.

“Phu nhân về nông thôn rồi và nói cô chuyển lời tới cháu.”

Cô cứ ngập ngừng không nói. Tôi im lặng đợi cô một lúc.

“Chồng cháu bị giam ở Guantanamo<sup>[35]</sup>, không biết khi nào sẽ được thả. Bởi giờ đang trong thời kì chiến tranh mới... Cháu không sao chứ?”

Tôi cố cười và gật đầu. Giờ đã biết được Ali đang ở đâu thì không còn mong chờ gì nữa.

Năm tôi hai mươi một tuổi, Ali đột ngột trở về như trận mưa rào trong đợt hạn hán kéo dài. Anh được đưa về nhà bố mẹ ở Leeds vào một ngày tháng ba và khoác ba lô nhỏ trở lại London như không hề có chuyện gì, hết như người đi du lịch mấy ngày mới về. Tôi đợi ở ga và ngay cả khi nhìn thấy hình ảnh cao lớn của anh xuất hiện trong đám người tỏa ra từ ga, tôi không chạy lại mà chỉ đơn giản là đứng đợi, trống ngực đập thành thịch, tim như muốn vỡ ra. Ali đi lại cùng bố mình. Anh không nhìn thấy tôi và khi anh lướt qua, tôi bèn tiến tới bên cạnh anh, thúc một cái rồi cất tiếng.

“Anh về rồi à?”

Anh ngập ngừng trong giây lát rồi ôm chặt tôi vào lòng, chúng tôi cứ đứng như vậy một lúc lâu mặc cho dòng người liên tục di chuyển qua lại. Ngày hôm đó, cả gia đình mới được tin về cái chết của Usman từ Ali. Bố anh ngẩng mặt lên trần than thở “thật khờ dại”. Ông Abdull bảo:

“Tất cả chúng ta ai cũng một lần khờ dại như vậy.”

Rồi ông cúi đầu xuống, cầu nguyện và lại nói:

“Chiến tranh đang nổ ra, đó chính là địa ngục tuyệt vọng của những kẻ yếu hèn và là sự tự mãn của kẻ giàu có. Chúng ta dù yếu ớt và chẳng có gì nhưng phải có lòng tin rằng sẽ giúp đỡ được họ. Thế giới rồi sẽ tốt đẹp hơn. Thánh Allah đã dạy rằng người bất hạnh nhất là người sống trong cảm phần.”

Ali không còn nói nhiều như trước đó nữa, anh trở thành một người đàn ông âm áp và nhẹ nhàng. Chúng tôi hứa không nói với nhau về những dẫn vật, đau đớn đã trải qua. Anh kể rất ít về trại giam, nơi không khác nào một nôi hấp tẩm tối và vết khóa còng hằn sâu chỗ cổ tay anh. Tôi cũng nói vắn tắt về chuyện tôi mang thai, sinh con và để Hollya Sul ra đi như thế nào. Tôi và anh mỗi lần ánh mắt chạm nhau đều mỉm cười, anh lại áp hai bàn tay hộ pháp của mình lên má tôi và nhìn tôi trìu mến.

Chồng tôi trở về không được bao lâu thì tôi lại có thai. Ali bỏ nghề lái xe taxi, cái nghề vừa phải đi làm đêm mà thu nhập không ổn định. Chúng tôi mở một cửa hàng nhỏ xinh xắn bán sandwich và kebab gần chợ Camden. Buổi sáng tôi giúp Ali trực ở quầy tính tiền tới trưa, buổi chiều thì ra Tonkin làm việc như thường lệ. Buổi tối, chúng tôi và ông Abdull quây quần ăn tối bên nhau. Chúng tôi sống những chuỗi ngày bình yên và tin chắc rằng thế giới này đã đổi khác.

Rồi một ngày nọ, tôi và Ali ra khỏi nhà vào buổi sáng để đón xe bus tới Camden. Khi xe đi qua cầu Waterloo và trong lúc đang lên đường Southampton thì chúng tôi nghe thấy một tiếng nổ rất lớn. Những chiếc xe

đang chạy lập tức dừng lại, người ta hồi hả tóa ra khỏi xe. Chúng tôi cũng xuống xe *bus*. Lửa và khói bốc lên từ phía Russell Square. Một chiếc xe *bus* bị nổ giữa đường. Người ta nói rằng ở ga King's Cross cũng đã xảy ra một vụ đánh bom. Phần trên của chiếc xe *bus* hai tầng đã bay đi mất, phần còn lại thì rúm ró, méo mó tới một nửa. Các mảnh sắt, ghế xe, mảnh thủy tinh vỡ nằm ngổn ngang trên đường, cửa kính của các cửa hàng gần đó cũng vỡ hết cả. Những thi thể nhuộm máu nằm ngổn ngang giữa đường. Những người bị thương lão đảo đứng dậy và những người hoảng loạn bê bết máu đang bước tới. Tôi dựa người vào Ali như muốn ngã và quay mặt đi, anh ôm lấy tôi và chúng tôi cùng rời khỏi nơi đó. Xe cảnh sát và xe cấp cứu hú còi vang khắp phố.

“Xin lỗi con nhé.”

Ôm lấy bụng, tôi lão đảo bước đi và thì thầm như vậy. Tôi cùng Ali len lỏi giữa đám người chật ních trên đường. Tôi quệt nước mắt bằng cả hai tay, vừa bước đi vừa quay lại, tôi thấy Ali cũng đang khóc.

**HẾT**

## • CHÚ THÍCH •

<sup>[1]</sup> Bari có nghĩa là “Bị bỏ rơi”. (Toàn bộ chú thích trong sách là của người dịch.)

<sup>[2]</sup> Trước đây người Hàn thường đặt tên con theo vần như Mai Lan Trúc Cúc, Chân Thiện Mỹ Trinh Thực Hiền, ý ở đây đặt tên con tới chữ Hiền thì không còn tên vần để đặt nữa.

<sup>[3]</sup> Mikuri nghĩa là “con trạch”.

<sup>[4]</sup> Namsun nghĩa là Hàn Quốc.

<sup>[5]</sup> Một kiểu làm nông của Bắc Hàn - là cách làm nông với mục tiêu tự cấp tự túc lương thực. Chẳng hạn với lí thuyết đơn giản nếu thiếu lương thực thực phẩm thì tăng diện tích, khai hoang núi làm ruộng bậc thang, nhưng với cách làm như vậy sẽ biến núi thành đồi trọc và là nguyên nhân gây lũ lụt.

<sup>[6]</sup> Một loại áo hai vạt rộng cài thắt từ trên xuống.

<sup>[7]</sup> 1 ri tương đương 0,4km.

<sup>[8]</sup> Thần làng, biểu tượng là một khúc gỗ dẻo hình người dựng trước cổng làng.

<sup>[9]</sup> Kiểu cửa đặc trưng của Hàn Quốc thời xưa.

<sup>[10]</sup> Mũ truyền thống của người Hàn.

<sup>[11]</sup> Áo truyền thống của người Hàn.

<sup>[12]</sup> Tên gọi Bắc kỳ hay miền Bắc dưới thời Pháp thuộc.

<sup>[13]</sup> Một loại quần ống túm.

<sup>[14]</sup> Nơi Đức Phật đản sinh.

<sup>[15]</sup> 1 cheok = 30 centimét.

<sup>[16]</sup> Nhà ngói cổ của Hàn Quốc thường có bốn chóp vênh lên cao và treo chuông cá gỗ trên chóp.

<sup>[17]</sup> Người Hàn Quốc xưa thường múc một bát nước trong để cầu cúng.

<sup>[18]</sup> Người Hàn Quốc xưa lát nền nhà bằng các phiến đá, bên dưới đốt lửa cho nền nhà ấm lên và trải đệm ngủ trên nền nhà.

<sup>[19]</sup> Những nghi thức trong lễ cưới của người Pakistan.

<sup>[20]</sup> Nam Hàn, Bắc Hàn.

<sup>[21]</sup> Lễ chính thức trong nghi lễ cưới của người Hồi giáo.

<sup>[22]</sup> Tháng nóng - thời kì ăn chay trong đạo Hồi.

<sup>[23]</sup> Lái taxi cá nhân.

<sup>[24]</sup> Nhà thờ Hồi giáo.

<sup>[25]</sup> Nước cộng hòa tách ra từ Nigeria năm 1967.

<sup>[26]</sup> Tàu cao tốc quốc tế nối Anh, Pháp, Bỉ.

<sup>[27]</sup> Được cho phép - tiếng Ả rập. Các loại thịt, trừ thịt lợn không được phép ăn, được coi là halal nếu được giết mổ theo những nghi thức và cách thức phù hợp.

<sup>[28]</sup> Một loại thuốc nhuộm.

<sup>[29]</sup> Chỉ người đứng đầu trong giáo đoàn đạo Hồi.

<sup>[30]</sup> Tên thường được đặt cho con gái trong xã hội Triều Tiên xưa.

<sup>[31]</sup> Áo trùm của phụ nữ đạo Hồi.

<sup>[32]</sup> Áo truyền thống của phụ nữ Hàn.

<sup>[33]</sup> Khăn mũ che mặt của phụ nữ Hồi giáo.

<sup>[34]</sup> Bánh làm bằng kê.

<sup>[35]</sup> Căn cứ hải quân Mỹ đặt trên lãnh thổ Cuba, sau sự kiện 11/9 được sử dụng làm nơi giam giữ tra tấn và làm nhục phạm nhân, nghi can khủng bố, tai tiếng sau xì-căng-đan.